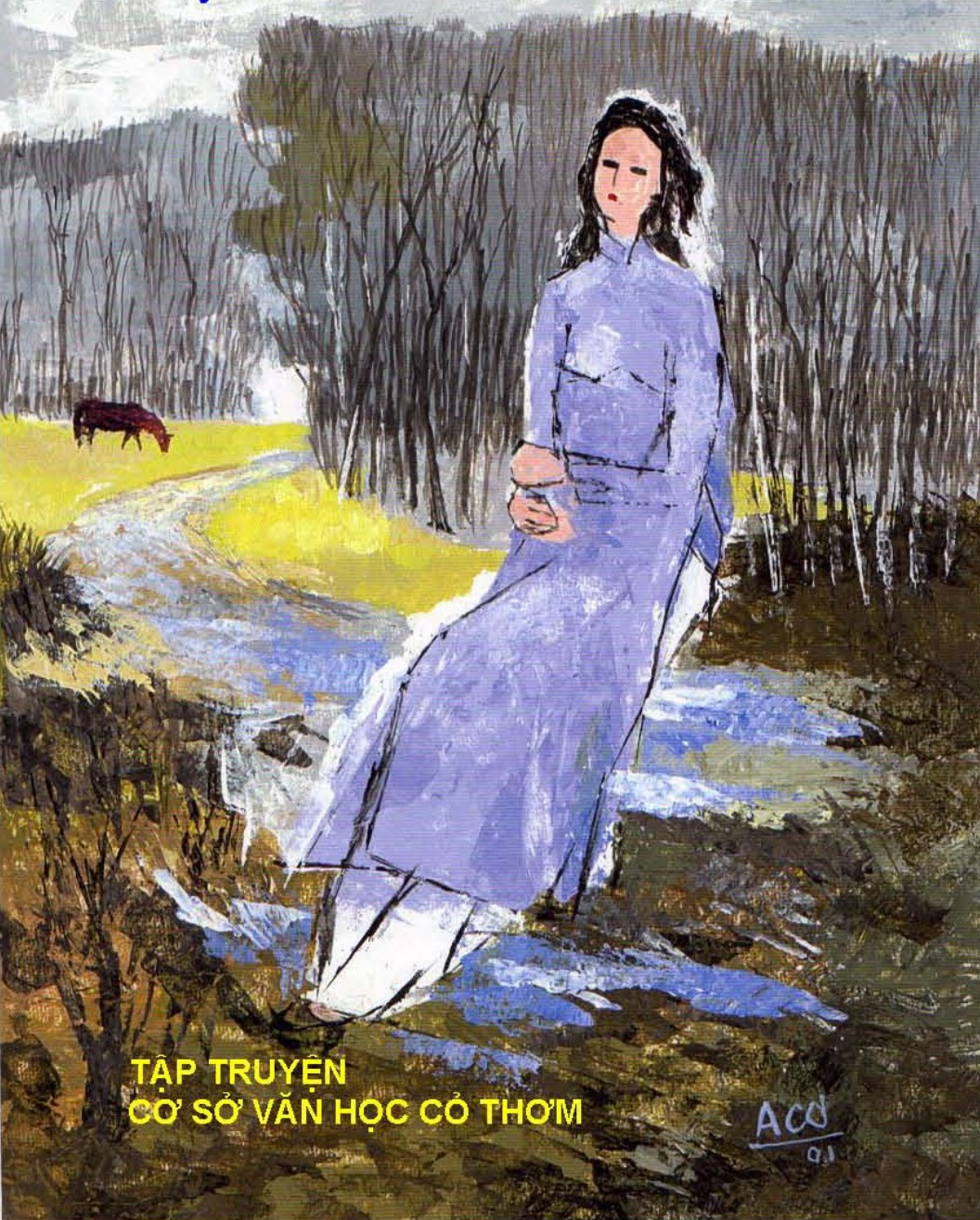


Nguyễn Thị Ngọc Dung

MỘT THOÁNG MÂY BAY



TẬP TRUYỆN
CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

ACC
01

MỘT THOÁNG MÂY BAY

Nguyễn Thị Ngọc Dung

MỘT THOÁNG MÂY BAY

Tập Truyện

CƠ SỞ CỎ THƠM XUẤT BẢN



MỘT THOÁNG MÂY BAY

Tưởng niệm

Họa Sĩ Vũ Thái Hòa, Họa sĩ Đinh Cường

Cảm tạ

Biên Khảo gia Trần Bích San đã ưu ái viết lời Tựa

Quý Họa sĩ đã cho phép dùng tranh:

Phạm Cơ, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng

Lê Văn Lai, Nguyễn Sơn

Quý Nhiếp Ảnh gia đã cho phép dùng hình:

Nguyễn Sơn, Nguyễn Huy Linh, Nguyễn Quốc Khải

Trương Anh Thụy, Minh Châu

Quý độc giả đã chia sẻ tâm tình để tác giả dựng thành những
đoản văn trong tập truyện *Một Thoáng Mây Bay*.



MỘT THOÁNG MÂY BAY

Tập truyện: Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung
Tranh bìa trước: Họa sĩ Phạm Cơ
Hình bìa sau: Hope Reynolds
Tựa: Tiến sĩ Trần Bích San
Bạt: Tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung
Sửa bản thảo: Tiến sĩ Trần Bích San
Trình bày: Dzung Senser

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM XUẤT BẢN

11623 Chapel Cross Way
Reston, Virginia 20194, USA

In lần đầu ngày 01 tháng 05 năm 2001
Tại Nhà In PAPYRUS
1002 South Second Street
San Jose, California 95112, USA

Cothom Website: cothommagazine.com
01/2020

Copyright © 2001 by Dzung Senser

MỘT THOÁNG MÂY BAY

(Gone With The Cloud)

Short stories in Vietnamese: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Foreword, Introduction, epilogue, paintings, photos.

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in or introduced into a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the author.

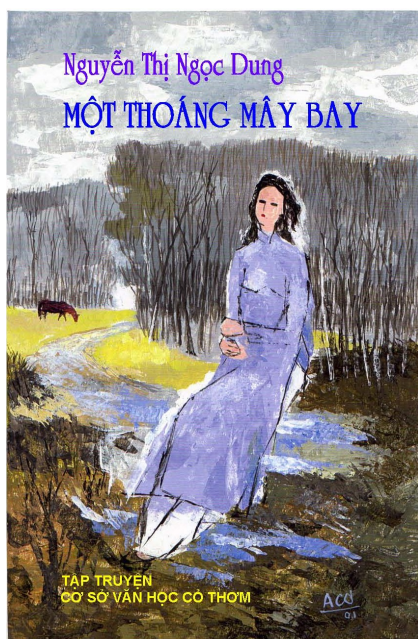
First Edition (2001)

By COTHOM FOUNDATION

MỤC LỤC

- 001- Tranh bìa trước của Họa Sĩ Phạm Cơ
- 007- Tựa: TRẦN BÁCH SAN
- 018- ÁNH TRẮNG MUỖI SÁU
- 031- Thiếu Nữ Trắng Xanh - Tranh của HS Đinh Cường
- 032- HƯƠNG VỊ TẾT
- 044- Ngày Đầu Năm - Tranh của HS Nguyễn Thi Hợp
- 045- NỤ HOA VÀNG MỚI NỞ
- 057- Daffodil - Hình của Nhiếp ảnh gia Minh Châu
- 058- MỘT NGÀY MỘT ĐỜI
- 072- Cầu Ao - Tranh của Họa sĩ Nguyễn Đồng
- 073- QUA CẦU
- 084- Chiều Xuống Biển Đông: NAG Nguyễn Huy Linh
- 085- MƠ VỀ SÔNG HƯƠNG
- 096- Chùa Thiên Mụ - Tranh của Họa sĩ Lê Văn Lai
- 097- EM CÒN NHỚ
- 108- Thu Sang Đông - Tranh của Họa sĩ Nguyễn Sơn
- 109- MỘT THOÁNG MÂY BAY
- 118- Em Và Mùa Thu - Tranh của Họa sĩ Nguyễn Sơn
- 119- TRÊN ĐỒI HOA DẠI
- 133- Cánh Đồng Hoa Poppies - Hình NAG Nguyễn Sơn
- 134- DUYÊN TRƯNG VƯƠNG

- 145- Gái Xuân - Tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa
- 146- MƠ MÀNG GIỌNG HUẾ
- 157- Thiếu Nữ Huế - Hình của NAG Nguyễn Quốc Khải
- 158- CHỮ TRINH
- 172- Hoa Sen - Hình của Nhiếp ảnh gia Trương Anh Thụy
- 173- NHỮNG CÁNH HOA ANH ĐÀO
- 185- Hoa Anh Đào Bên Bờ Sông Potomac -
Hình của Nhiếp ảnh gia Sonny Senser
- 286- TÌNH YÊU VÀ TÁC PHẨM
- 202- BẠT
- 209- Tiểu sử tác giả
- 212- Hình bìa sau của Hope Reynolds



TỰA

Nếu xét lịch trình tiến hóa nền văn học phái nữ về phần chữ Hán thì Ý Lan ⁽¹⁾ đời Vua Lý Thánh Tông (1054-1072) là nữ sĩ đầu tiên, kế tiếp là Ngọc Kiều ⁽²⁾ đời Vua Lý Nhân Tông (1072-1127), Kim Hoa Học Sĩ ⁽³⁾ đời Vua Lê Thánh Tông (1460-1497), Mai Am ⁽⁴⁾ đời Vua Minh Mệnh (1820-1840) nhà Nguyễn. Nhưng nếu xét về phương diện văn chương Việt thuần túy, ngoài một số tục ngữ ca dao có thể do đàn bà trong dân gian sáng tác, Điềm Bích ⁽⁵⁾ đời Vua Trần Anh Tông (1293-1314) là tác giả mở đường nền văn học chữ nôm phái nữ. Bốn câu thơ Điềm Bích làm với mục đích vu oan sư Huyền Quang vô tình trở thành viên đá đầu tiên của Nữ Lưu Văn Học Sử Việt Nam:

*Văng vặc giăng mai ánh nước
Hiu hiu gió trúc ngâm senh
Người hòa tươi tốt, cảnh hòa lạ
Mầu Thích Ca nào thử hữu tình*

Văn chương chữ Nôm phái nữ, sau Điềm Bích, là các tác giả đã đi vào văn học sử như Đoàn Thị Điểm (*Chinh Phụ Ngâm*), Lê Ngọc Hân (*Văn Tế Vua Quang Trung*), Hồ Xuân Hương (*Xuân Hương Thi Tập*), Bà Huyện Thanh Quan...

Cho tới đầu thế kỷ 20 lịch sử văn học phái nữ chỉ gồm các sáng tác về thi ca. Phải chờ tới khi *Đông Dương* và *Nam Phong Tạp Chí* ra đời, tiếp theo sự phát triển về nghề báo ở nước ta, lúc đó mới bắt đầu có những bài viết về văn xuôi của nữ giới. Từ 1930 đến 1945 con số phụ nữ theo đuổi nghiệp văn chương tuy gia tăng nhưng những người làm thơ vẫn chiếm đa số. Thời kỳ này phụ nữ viết báo còn quá ít ỏi.

Thụy An chủ trương báo *Đàn Bà Mới* ở Sài Gòn, và sau này, tờ *Đàn Bà* xuất bản tại Hà Nội, Mộng Sơn chủ biên tờ *Việt Nữ* (Hà Nội), Đàm Phương viết cho báo *Tiếng Dân* ở Huế, trong Nam có Huỳnh Thị Bảo Hòa và Vân Anh cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn*. Trong không khí văn học nhộn nhịp tràn ngập tác phẩm các tác giả phái nam ẩn hành bởi nhiều nhà xuất bản từ Bắc vào Nam như Tân Dân, Nam Ký, Thụy Ký, Đắc Lập, Mai Lĩnh, Cộng Lực, Đời Mới, Đời Nay, Minh Phương, Hương Sơn, Hàn Thuyên, Tân Việt..., nữ giới góp mặt thật khiêm nhường với ba tác phẩm như những bông hoa sừng lẻ loi giữa cánh đồng chiêm mênh mông ngày nước lũ: *Một Linh Hồn* của Thụy An, *Bóng Mơ* của Tú Hoa (Đời Nay, Hà Nội, 1942), *Tổ Mai* của Đoàn Tâm Đan (Hương Tuyết, Hà Nội, 1935). Dù *Một Linh Hồn* được Vũ Ngọc Phan nhắc tới trong Nhà Văn Hiện Đại nhưng tiếng vang thoảng qua như cơn mưa bóng mây ⁽⁶⁾.

Đền đầu thập niên 50 có thêm một số người cầm bút phái nữ sáng tác văn xuôi như Hợp Phố, Xuân Nhã, Đặng Thị Thanh Phương, Thiếu Mai Vũ Bá Hùng. Vài tác phẩm xuất bản trong thời gian này có thể kể *Chị Dung* của Hợp Phố, *Trời Đã Xế Chiều* và *Nắng Đẹp Hoàng Hôn* của Thiếu Mai Vũ Bá Hùng, *Bốn Mớ Tóc* của Thụy An... Trong không khí chiến tranh Việt Pháp ngày trở nên khốc liệt, *Làm Nũng* (Thế Giới, 1952) và *Vượt Cạn* (Vỡ Đất, 1952) của Mộng Sơn ⁽⁷⁾, và sau đó, Linh Bảo ⁽⁸⁾ với *Gió Bắc* (1952) Nguyễn Thị Vinh ⁽⁹⁾ với *Hai Chị Em* (1953) và *Thương Yêu* (1954) tạo được sự chú ý tương đối của độc giả trong một thời gian ngắn. Thực ra, không riêng gì phái nữ, sinh hoạt văn học nghệ thuật cả nước như chìm khuất bởi tình hình chính trị nóng bỏng với các trận đánh lớn đang diễn ra khắp nơi nhất là mặt trận Điện Biên Phủ.

Một cái nhìn tổng quát, cho tới năm 1963 thi ca vẫn là địa hạt chính của nữ giới. Về văn xuôi, thể truyện ngắn được sử dụng nhiều hơn truyện dài, chưa tác giả nào cho ra đời được tác phẩm nổi bật đáng kể.

Năm 1966 là mốc lớn đánh dấu thành công văn học phái nữ. Tác phẩm có công phá vỡ cái không khí sinh hoạt trầm lặng cổ hữu của phụ nữ, tạo được dư luận sôi nổi hào hứng là *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn Thị Hoàng ⁽¹⁰⁾ . *Mèo Đêm* của Nguyễn Thị Thụy Vũ ⁽¹¹⁾ . Nhã Ca với *Đêm Nghe Tiếng Đại Bác* ⁽¹²⁾ . Kể từ năm này nữ giới thực sự chiếm được địa vị trong sinh hoạt văn học Việt Nam, dành ưu thế qua sự đón nhận nồng nhiệt từ phía độc giả.

Giai đoạn 1966-1975 vai trò của họ củng cố thêm với Lê Hằng, Trần Thị Ngh., Trùng Dương, Túy Hồng, Phạm Thị Hoài. Một sự kiện đáng ghi nhận là tuy thành phần các cây viết nữ có cả luật sư, bác sĩ, giáo sư, chủ nhiệm, chủ bút..., mảnh đất biên khảo trong khu vườn văn học vẫn thiếu vắng bàn tay các bạn gái.

Hơn một phần tư thế kỷ vừa qua tại hải ngoại nữ giới thêm nhiều cây bút mới. Các nhà văn nữ với tác phẩm văn xuôi xuất bản và có độc giả phải kể tới Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Bùi Bích Hà, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Vi Khuê, Trần Thị Kim Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Trần Thị Diệu Tâm, Hoàng Dược Thảo, Trương Anh Thụy, Phan Thị Trọng Tuyền, Trần Mộng Tú, Lê Thị Thắm Vân, Ngô Tịnh Yên... Trong đám đông này Nguyễn Thị Ngọc Dung nổi bật với hai tập hồi ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ tái bản, 1998) và *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* (Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, 1996), tác giả duy nhất tạo dư luận khiến làng báo hải ngoại tốn khá nhiều giấy mực. Gạt qua một bên khía cạnh luân lý và chính trị là hai nguyên nhân đưa đến những lời phẩm bình, về phương diện văn chương hai quyển hồi ký này có chứa đựng giá trị nào không? Nhà văn Đặng Trần Huân nhận xét như sau: "... tác phẩm đầu tay nhưng bà viết đã khá vững chãi, trí nhớ của bà thật minh mẫn, những chuyện xa xưa được bà kể lại thật là sống động. Tuy giận chồng, nhưng vẫn đắm đuối, vẫn yêu chồng, ly

thân rồi nhưng tơ tâm chưa dứt, tâm lý diễn tả như vậy phải kể là hay. Đây là tâm trạng rồi bởi vừa thương vừa ghét của một người đàn bà đa cảm..." (13)

Ngoài hồi ký, Nguyễn Thị Ngọc Dung còn làm thơ (*Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, Cỏ Thơm 1999) và viết truyện ngắn.

*

Trong số những truyện ngắn của nhà văn Ý Pirandello, *Ánh Đèn Nhà Trước Cửa* là đoản thiên góp phần làm thay đổi quan niệm về bộ môn này. Tác giả, với một ánh đèn tâm thường, diễn tả thật sâu sắc những mâu thuẫn nội tâm con người:

Một thanh niên độc thân mướn căn gác xép từ lâu không người thuê, ban đêm thường đi chơi tới khuya mới về. Một tối chàng ở nhà nhưng không thắp đèn. Bà chủ phố muốn lấy lòng người thuê sai con gái bung đèn cho mướn nhưng chàng trai từ chối. Cô gái, vốn có cảm tình với người thanh niên trầm lặng, mấy lần đem đèn đến đều bị khước từ. Tưởng tâm hồn mình có thể bình yên thanh thản trong bóng đêm, nhưng ác thay ánh đèn nhà trước cửa lại chiếu sang làm sáng căn phòng chàng. Chính cái ánh sáng mờ mờ huyền ảo đó đã làm sống lại trong lòng người thanh niên cô độc những kỷ niệm đau đớn về thời niên thiếu bị đè nén, về gia đình tan nát, về người mẹ... gọi nhớ những ngày thật xa xôi trong ký ức... Chàng đứng dậy đến bên cửa sổ nhìn sang căn nhà đối diện nơi có ánh sáng chiếu sang. Một cảnh gia đình đầm ấm hiện ra. Vợ chồng con cái quây quần vui vẻ bên bữa cơm chiều. Cảnh thật êm đềm dưới ánh đèn vàng ấm cúng. Và từ đó mỗi đêm chàng đứng bên cửa sổ nhìn trộm như gã ăn mày khổ sở với nỗi sợ hãi ghê gớm chỉ để được uống từng giây phút cái không khí êm dịu, vui tươi, ấm cúng mà thời thơ ấu, dù rất hiếm hoi, chàng từng được hưởng khi mẹ chàng... giống như người đàn bà bên kia... và chàng ôm mặt khóc nức nở như một đứa trẻ.

Hằng đêm chàng trẻ tuổi đứng trong bóng tối say sưa với cái thú nhìn trộm hạnh phúc người khác. Cho đến ngày kia mẹ con bà chủ nhà khám phá ra hành vi lén lút đó. Câu chuyện đến tai người đàn bà đang làm mẹ, làm vợ. Chàng lo lắng từ nay mỗi tối cánh cửa sẽ khép lại, ánh sáng sẽ không còn chiếu sang phòng mình nữa... Đêm hôm sau chờ cho ánh đèn tắt đi, chàng đứng im trong bóng tối thật lâu. Tin chắc gia đình nhỏ đó đã thực sự yên giấc chàng rón rén mở cửa sổ để thở chút khí trời mát dịu ban đêm. Và, thật bất ngờ, cửa sổ nhà bên kia cũng mở. Rồi, người thiếu phụ hiện ra trước khung cửa tối. Chàng sợ đến chết lặng người. Có lẽ nàng tò mò muốn biết sự thực khi nghe được lời tố giác hành vi lén lút của chàng chăng? hay là...? Chàng lo sợ cái hạnh-phúc-ăn-trộm-êm-đềm-thâm-kín mỗi đêm sẽ tan thành mây khói nếu... nếu... người thiếu phụ lén ra cửa sổ chỉ vì một thanh niên không quen biết, chỉ vì chàng. Đêm ấy chàng đứng đó thật khuya mới khép cửa lại. Trăn trở trong mâu thuẫn, vừa mong cánh cửa sổ sẽ vĩnh viễn khép kín, vừa mong thiếu phụ sẽ lại ra đứng cho chàng nhìn. Đêm sau, điều lo sợ và cũng là điều chàng thầm mong đã xảy ra. Từ đó mỗi đêm chàng trai không còn muốn nhìn thấy ánh đèn nhà đối diện. Chàng nôn nóng từng giây, từng phút chờ ánh sáng vàng vọt đó phụt tắt đi. Trước kia thèm muốn cái ánh đèn ấm cúng ấy biết là đường nào, bây giờ sao nó đáng ghét vô cùng!... Trước, chàng thèm muốn ánh sáng. Bây giờ, chàng khao khát bóng tối. Cuối cùng chuyện phải đến đã đến, người thiếu phụ bỏ chồng, bỏ con trốn theo chàng trai xa lạ.

Chỉ một thời gian ngắn sau cả hai đều cảm thấy thèm khát có lại ánh đèn xưa nhưng mỗi người thèm nó một cách khác. Một đêm họ âm thầm trở về chốn cũ để được nhìn trộm ánh đèn mà họ tưởng nhớ, khát khao có lại. Nhưng, *không ai có thể tắm hai lần một dòng sông*, nước miên man chảy từ vạn thuở như cuộc đời đổi thay không ngừng. Ánh đèn không còn là ánh đèn ngày cũ, tâm hồn con người đã thay đổi. Với chàng, ánh đèn bây giờ vô hồn, lạnh lẽo. Với

nàng, ánh đèn là một cái gì quý giá vô vàn. Nàng chạy vội lại bên cửa sổ như muốn ôm ghì lấy cái ánh sáng vàng vọt đó như sợ nó chột tan biến vào đêm tối. Những tiếng nấc nghẹn không thoát ra khỏi lồng ngực thổn thức, nàng rên rỉ thật khẽ qua màn nước mắt... tội nghiệp con tôi !... trời ơi !... kia kia.. chúng ngồi ở bàn... mà chúng có biết gì đâu !...".

Bị kịch xã hội với tình yêu, lòng ghen ghét, tình mẫu tử, mặc cảm tội lỗi, sự hối hận, nỗi đau đớn, giằng co giữa cái tốt và xấu, những diễn biến nội tâm nhân vật, tất cả được Pirandello soi sáng chỉ bằng một ánh đèn. Tôi đã bắt gặp thứ ánh sáng Pirandello trong tập truyện ngắn sắp xuất bản của Nguyễn Thị Ngọc Dung: *"Một Thoáng Mây Bay."*

Trăng mười sáu, ánh trăng thật sáng nhưng vô duyên, nảo nề như tâm hồn Hoàng buồn và cô đơn trong vườn sau nhà. Quyên, vợ chàng, vì ham vui xin phép đến ngủ nhà Thúy để tụ họp với bạn bè nhân dịp lâu ngày gặp lại Diễm, người bạn cũ. Bị dẫn vật bởi hối hận bỏ bê chồng con, khi chồng của Hồng đến đón vợ bị ho cảm, Quyên bỏ đám bạn gái, bỏ cuộc vui, quá giang xe về nhà. Ánh trăng buồn thảm bỗng trở nên thơ mộng và hấp dẫn biết bao khi Quyên đột ngột xuất hiện như mơ trước mặt Hoàng trong áo ngủ màu trắng mong manh. Toàn thể tập truyện bằng bạc thứ ánh sáng yêu đời, hướng thượng như thế. Bị kịch cuộc sống lưu vong người Việt hải ngoại được Nguyễn Thị Ngọc Dung mô tả với ngòi bút thật linh động. Kết chứa tính lý tưởng hoặc mở ra những hy vọng, lạc quan. Nhưng không vì thế mà *Một Thoáng Mây Bay* thiếu "... nắng vàng sao mà nhớ nhung, có ai đàn lẻ để tơ chùng" (14). Quá khứ vọng về giữa trưa hè im vắng hay trong những đêm mưa làm nhớ không gian (15). Với Nguyễn Thị Ngọc Dung, hoài niệm nào cũng mang thứ ánh sáng êm dịu của nét đẹp xưa *"trơ vợ buồn lợt quán chiều, mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người"...* (16)

Thanh Lãng phát biểu quan niệm về tác phẩm văn học: *"Một tác phẩm văn học không phải là những đồ vật câm,*

những xác chết... Tư tưởng nhà văn một khi phóng ngoại nó thành ra đối tượng của địa điểm phóng ngoại." (17) · Đối tượng tác phẩm văn chương là người đọc, xin trân trọng mời độc giả đi vào thế giới truyện ngắn Nguyễn Thị Ngọc Dung.

TRẦN BÍCH SAN

New Orleans 19/4/2001

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Hà Nội, 1944, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Đặng Trần Huân, *Chữ Nghĩa Bề Bề*, Văn Mới, California, Hoa Kỳ, 2000.
- Hoa Bằng, *Lịch Trình Tiến Hóa Của Văn Học Phụ Nữ Ta*, Tri Tân tạp Chí, Số 112 tháng 9, 1943.
- *Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995*, Đại Nam, California, Hoa Kỳ, 1995.
- Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên, Hà Nội, 1943, Đông Nam Á tái bản, Paris, Pháp, 1985.
- Nguyễn Văn Trung, *Lược Khảo Văn Học*, Nam Sơn, Sài Gòn, 1963, Xuân Thu in lại, California, Hoa Kỳ, 1990.
- Sở Cường (Lê Dư), *Nữ Lưu Văn Học Sử*, Đông Tây Ấn Quán, Hà Nội, 1929.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Vĩnh và Thành, Hà Nội, 1928, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1971.
- Uyên Thao, *Các Nhà Văn Nữ Việt Nam 1900-1970*, Cơ Sở Xuất Bản Nhân Chủ, Sài Gòn, 1973. Xuân Thu in lại California, Hoa Kỳ, 1991.
- Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ, 1986.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Tân Dân, Hà Nội, 1942, Thăng Long tái bản, Sài Gòn, 1960.

CHÚ THÍCH:

1. Ý Lan, phong hiệu Linh Nhân, hiệu Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, vợ vua Lý Thánh Tông, mẹ vua Lý Nhân Tông.
2. Ngọc Kiều, trưởng nữ Phụng Quỷ Vương, được vua Lý Nhân Tông nuôi ở trong cung từ nhỏ.
3. Kim Hoa Học Sĩ, tên thật Nguyễn Hạ Huệ, tự Quỳnh Hương, người làng Lưu Khê, huyện Yên Lạc, Tỉnh Sơn Tây.
4. Mai Am, một trong ba người con gái vua Minh Mệnh.
5. Điềm Bích, hiệu Tam Nương, quê làng Đường An, con nhà nghèo, không biết cha là ai, mẹ đi ăn xin khổ quá phải bán nàng lấy một quan tiền cho phú ông làm con nuôi. Thuở nhỏ chơi với trẻ con bị chúng gọi là "*Con Bé Chùa Quỳnh*" vì mẹ nàng có sống nhờ một thời gian nơi chùa Quỳnh Lâm, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương và mang thai với người lạ mặt. Lớn lên nhan sắc Điềm Bích tuyệt đẹp, được cha nuôi cho theo đòi bút nghiên. Nàng rất chăm học, tam giáo (Nho Giáo, Phật Giáo và Lão Giáo), cửu lưu (Nho gia, Lão gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung Hoành gia, Tạp gia và Nông gia) đều thông hiểu cả. Dưới triều vua Trần Anh Tông (1293-1314) Điềm Bích được tuyển làm cung nữ. Nhờ sở trường về thơ nôm và có tài xuất khẩu thành thi, năm 1313 niên hiệu Hưng Long thứ 21, vua Trần Anh Tông sai nàng lên núi Yên Tử dùng nữ sắc thử sư Huyền Quang. Thấy không thể lấy sóng khuynh thành lung lạc được vị thiền sư, nàng ngụy tạo ra bốn câu thơ trên nhằm đổ tiếng oan cho nhà tu hành chân chính. Sau chuyện vỡ lở nàng bị đày làm thị tì quét tước cho chùa Cảnh Linh trong nội điện.
6. Thụy An hay Thụy An Hoàng Dân, tên thật Lưu Thị Yến đã cộng tác với *Phụ Nữ Tân Văn*, *Đàn Bà Mới*, *Đàn Bà*. Trước hiệp định Genève 1954 dư luận cho rằng Thụy An là gián điệp Việt Minh liên quan đến cái chết của người tình Đỗ Đình Đạo (thân phụ nhạc sĩ tây ban cầm Đỗ Đình

Phuong), một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau 1954 Thụy An ở lại Hà Nội, tham gia nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm* năm 1956 chống lại chế độ chỉ huy văn nghệ. Chính quyền Cộng Sản bắt và buộc tội Thụy An là gián điệp Miền Nam.

7. Mộng Sơn, tên thật Vũ Thị Mai (theo Nguyễn Vũ), Vũ Thị Mai Hương (theo Uyên Thao), viết nghị luận, truyện ngắn, phóng sự, và làm thơ từ thời tiền chiến, đã cộng tác với *Phụ Nữ Thời Đàm*, *Đông Phương*, *Bắc Hà*, *Tiến Bộ*, *Văn Học Tap Chí*, *Đông Tây*, *Tân Việt Nam*, *Tri Tân*. Chủ bút tuần báo *Việt Nữ*. Tác phẩm đầu tiên: *Văn Học và Triết Luận* (1944). Sau hiệp định Genève 1954 ở lại Hà Nội.
8. Linh Bảo, tên thật Võ Thị Diệu Viên, chị ruột Minh Đức Hoài Trinh, sinh ngày 14/4/1926 tại Huế. Tác phẩm: *Những Đêm Mưa* (1951), *Gió Bắc* (1952), *Tàu Ngựa Cũ* (1961), *Chiếc Áo Nhung Lam* (1961), *Con Chồn Tinh Quái* (1967), *Những Cánh Diều* (1972).
9. Nguyễn Thị Vinh sinh ngày 15/7/1924 tại Hà Đông, Bắc Việt. Tác phẩm trước 1975: *Hai Chị Em* (1953), *Thương Yêu* (1954), *Xóm Nghèo* (1958), *Men Chiều* (1960), *Cỏ Mai* (1972), *Nỗi Sóng* (1973), *Vết Chàm* (1973).
10. Nguyễn Thị Hoàng sinh ngày 11/12/1939 tại Huế. Tác phẩm: *Vòng Tay Học Trò* (1966), *Tuổi Sài Gòn* (1967), *Vào Nơi Gió Cát* (1967), *Trên Thiên Đường Ký Ức* (1968), *Cho Những Mùa Xuân Phai* (1968), *Mảnh Trời Cuối Cùng* (1968), *Ngày Qua Bóng Tối* (1968), *Về Trong Suong Mù* (1968), *Đất Hứa* (1969), *Một Ngày Rời Thôi* (1969), *Vực Nước Mắt* (1969), *Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về* (1969), *Cho Đến Khi Chiều Xuống* (1969), *Vết Thương Trên Ghế Đá Hồng* (1970), *Tiếng Hát Lên Trời* (1970), *Trời Xanh Trên Mái Cao* (1973), *Tuần Trăng Mặt Màu Xanh* (1973).
11. Nguyễn Thị Thụy Vũ, tên thật Nguyễn Băng Linh, sinh năm 1937 tại Vĩnh Long, vợ nhà thơ Tô Thùy Yên. Tác phẩm: *Mèo Đêm* (1966), *Lao Vào Lửa* (1967), *Chiều*

Mênh Mông (1968), *Thú Hoang* (1968), *Ngọn Pháo Bông* (1968), *Khung Rêu* (1969), *Như Thiên Đường Lạnh*, *Những Tàn Thấp Khua*, *Chiều Xuống Êm Dềm*, *Cho Trận Gió Kinh Thiên*.

12. Nhã Ca, tên thật Trần Thị Thu Vân, sinh năm 1939 tại Huế, vợ nhà văn Trần Dạ Từ, năm 1966 được giải thưởng thi ca toàn quốc. Từ 1963 Nhã Ca đã có truyện dài đăng báo nhưng chưa được chú ý. Tác phẩm: *Bóng Tối Thời Con Gái*, *Tuổi Dậy Thì*, *Sống Một Ngày*, *Người Tình Ngoài Mặt Trận*, *Khi Bước Xuống*, *Xuân Thì*, *Như Giọt Nắng Vàng*, *Một Mai Khi Hòa Bình*, *Phượng Hoàng*, *Đoàn Nữ Binh Mùa Thu*, *Tình Ca Cho Huế Đỏ Nát*, *Tình Ca Trong Lửa Đỏ*, *Giải Khăn Sô Cho Huế...*
13. *Chữ Nghĩa Bề Bề* trang 176, 177.
14. 15. 16. Thơ Huy Cận.
17. Tạp Chí Văn Học (Sài Gòn) số 3 tháng 1, 1963

TIỂU SỬ BIÊN KHẢO GIA TRẦN BÍCH SAN:

Chủ Bút, Ban Biên Tập và Cố Vấn Danh Dự của Cơ Sở Cỏ Thơm.

Đại Diện Cỏ Thơm vùng New Orleans, LA.

Chủ Bút Little Saigon News ở New Orleans, LA

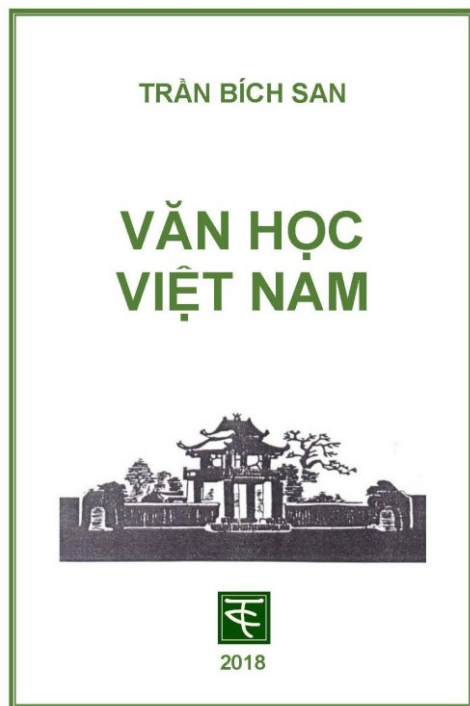
- Tên thật Trần Gia Thái, sinh ngày 31 tháng 8, 1940.
- Sinh quán: Mỹ Lộc, Nam Định, Việt Nam.
- Thân phụ là Thi Sĩ Vị Giang Trần Gia Phúc, Quận Trưởng Bình Lý, Hà Nam, 1949. Thân mẫu là Lê Thị Soan người làng Yên Đỗ, Bình Lục, Hà Nam. Con gái út: Nghị Viên Lê Kính.
- Tiểu Học: Bến Ngự Nam Định, Nguyễn Du Hà Nội. Trung Học: Trần Lục, Chu Văn An.
- Tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí Việt Tấn Xã, 1965. Nhập Ngũ khóa 3, 1969 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Tốt nghiệp Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà

Lạt. Trưởng Ban Chiến Tranh Chính Trị Tiểu Đoàn. Cấp bậc cuối cùng: Trung Úy Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

- Tháng 4 năm 1975 định cư tại Hoa Thịnh Đốn.
- 1979: Tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học Biomedical Engineering Đại Học George Washington Univeristy, làm việc tại Bệnh Viện Infirmary, New Orleans, Louisiana.
- 1990: Giám Đốc Biomedical Engineering Department.
- 1995: Tốt nghiệp Master of Health Administration, Tulane University.
- 2006: Tốt nghiệp Ph.D. Weybridge University.

Tác phẩm:

- *Văn Khảo* - Cơ Sở Cỏ Thom xuất bản, 2000.
- *Văn Học Việt Nam* (1200 trang lịch sử văn học Việt Nam) Cỏ Thom xuất bản, 2018.



ÁNH TRĂNG MƯỜI SÁU

Hoàng đang chìm đắm trong giấc ngủ say sưa thì có tiếng điện thoại reo vang. Giật mình, chàng cố nheo mắt nhìn đồng hồ. Mới tám giờ sáng Thứ Bảy. Lại mấy bà làm văn nghệ, văn gừng réo chứ không ai vào đây. Bạn bè Hoàng không mấy người dậy sớm gọi nhau vào giờ này. Quyên nằm bên điện thoại vẫn ậm ừ vùi đầu trong chăn, chuông reo ba lần không chịu trả lời. Hoàng tung chăn, với tay qua đầu Quyên, nhắc máy với giọng còn ngái ngủ:

- A-lô?

Tiếng đầu dây bên kia:

- Chào anh Hoàng, Thúy đây! Xin lỗi anh, tôi đánh thức anh dậy phải không? Nhưng có chuyện rất cần nên phải gọi trước khi chàng và nàng ra khỏi nhà.

Hoàng mĩa mai:

- Còn sớm mà, đi đâu vào giờ này, định ngủ cho đã giấc sáng ngày nghỉ đây thôi. Chị muốn nói chuyện với Quyên hả?

- Bộ nói với anh để anh máng xéo ư? Quyên dậy chưa?

- Chưa và đang lác đầu không muốn nói chuyện!

- Anh bảo Quyên rằng có chuyện thập tử nhất sinh tôi mới réo sớm như thế này!

Tiếng Thúy léo nhéo quá lớn qua điện thoại, Quyên đang nửa tỉnh, nửa mơ cũng nghe được. Nàng uể oải thò tay ra ngoài tấm chăn màu hồng ấm áp, với máy nghe và áp vào tai:

- Khi ạ, gọi gì mà sớm thế?

- Có chuyện phải bàn. Báo vừa đăng, ngày chủ nhật 13 có hai vụ ra mắt thơ và CD khác cùng ngày giờ tại mình định giới thiệu sách Diễm. Nghe nói họ sẽ gửi giấy mời tại mình nữa. Nếu muốn họ tới dự buổi của mình, mình phải

đến buổi của họ. Phải đổi ngày của Diễm, chứ không vỡ nợ hết. Khách mời sẽ bị chia sẻ, không nhiều thì ít. Ngày Thứ Bảy 12 không được rồi vì có hai đám cưới. Hay mình rời đến tuần sau.

Quyên đã tỉnh ngủ và cũng nhận thấy sự khủng hoảng đó. Nàng ngồi thẳng dậy, kéo cái gối cho giáp thành gỗ đầu giường để dựa lưng. Quyên vuốt tóc ngược qua trán và bắt đầu nhập vào ngày sinh hoạt:

- Không thể được. Diễm đã mua vé máy bay tới đây vào Thứ Tư. Tuần sau nó có buổi ra mắt sách khác ở Philadelphia và đám cưới con Minh ở New Jersey nữa chi? Chỉ còn chiều Thứ Sáu là được thôi. Bỏ gọi cho Diễm biết vậy. Tôi liên lạc với Hội Quán Văn Nghệ để đổi ngày giờ ngay. Mong rằng chưa ai đặt ngày đó. Cũng may chưa in thiệp và đăng báo. Mấy bỏ phải làm ngay những việc ấy vào *Weekend* này, không thể đợi đến thứ tư, thứ năm khi tôi được nghỉ rồi mới làm.

- Tôi sẽ gọi ngay cho Diễm. Nếu ngày giờ được đồng ý, tôi đưa thiệp đi in chiều nay, chiều Thứ Ba sẽ có. Tối thứ ba sẽ gọi Song, Minh, Liên, Hằng đến nhà tôi viết và gửi thiệp mời. Thứ tư đi đăng quảng cáo. *Weekend* tới, mọi người sẽ nhận được thiệp và hay tin qua báo. OK?

Vừa nghe Thúy hạ máy, Quyên quay số khác liền. Cứ thế cả buổi sáng Thứ Bảy, nàng ngồi luôn trên giường lật giở cuốn sổ nhỏ, điện thoại đi khắp nơi. Vào phòng tắm Quyên cũng có cái máy không dây bên miệng, bên tai. Người ở đầu máy kia có lẽ nghe cả tiếng “suối” cô nàng róc rách chảy. Nhưng mặc kệ, Quyên phải giải quyết xong mọi chuyện mới yên tâm được. Định làm việc gì nàng cho rằng chính đáng, có ý nghĩa, Quyên tận tình hoàn thành thật tốt đẹp với hết sức mình. Khi chấm dứt điện đàm với Diễm từ San Diego đồng ý sự thay đổi trên và bàn thêm vài chi tiết cần thiết, vừa đến giờ Quyên phải sửa soạn đi làm. Nàng chỉ kịp gói nắm xôi đậu xanh, mấy miếng chả và vội vàng ôm hôn Thùy, Tuấn, Hoàng rồi vừa tắt tả chạy ra xe vừa dặn dò:

- Anh lo đưa chúng đi McDonald giùm em. Cảm ơn anh. Yêu anh lắm lắm!

Gần muộn giờ làm, Quyên phóng xe xuống đường dốc. Nàng hít hơi dài lấy thêm sức và cảm thấy tội lỗi với Hoàng. Thùy, Tuấn là con riêng Quyên với người chồng quá cố chứ đâu phải con Hoàng. Nhưng hình như từ ngày dọn vào chung sống với nàng gần hai năm nay, Hoàng sẵn sọc trông nom Tuấn, Thùy nhiều hơn bốn phận Quyên phải làm. Chàng coi chúng như chính con mình. Nhất là khi nàng để nhiều thời giờ tham gia hoạt động cộng đồng, trường cũ, bạn xưa, tổ chức buổi giới thiệu sách cho Diễm sắp tới.

Cuộc đời tình cảm Quyên nhiều đau khổ, gian truân, Quyên muốn viết lại thành sách như Diễm nhưng không có thời giờ, tâm trí. Và, chắc đâu nàng có khả năng ấy. Quyên rất cảm phục bạn hoàn thành được tác phẩm. Kể ra Quyên không phải là trường hợp đặc biệt. Từ ngày, miền Nam bị Cộng Sản thôn tính, cả nước Việt Nam bị nhuộm màu cờ đỏ, cảnh tù đầy, uất hận, chia ly, tử biệt trù môn lên cuộc đời hàng mấy chục triệu đồng bào xấu số. Những kẻ thoát được đến những bến bờ tự do, có dịp cời mở, bộc lộ tâm tình mình trên trang giấy. Mỗi người Việt di cư hình như đều mang tâm hồn văn thơ tiềm ẩn từ kiếp nào. Người Việt lưu vong, dù may mắn thành công trên đường xây dựng cơ ngơi sự nghiệp, vẫn mang mối sầu xa xứ, thương xót quê hương đang trong cảnh đói khổ, lầm than, cùm kẹp. Bao nhiêu bản nhạc ra đời, tác phẩm văn thơ xuất hiện và họa sĩ tên tuổi mới ở hải ngoại.

Điều không thể chối cãi, Quyên có tài hội họa. Bắt đầu năm đệ tam, Quyên học vẽ với người bạn của thân phụ. Nàng có nhiều tranh triển lãm, được giải thưởng Hội Họa Học Sinh Toàn Quốc, Hội Việt Mỹ, Hội Họa Sĩ Trẻ... Tuổi hai mươi mốt mộng, nàng yêu Khanh, một sinh viên nàng gặp tại những lớp Đại Học Văn Khoa. Quyên đưa rất nhiều hình ảnh chàng vào tranh. Khanh làm thơ phổ nhạc tặng và đáp lại tình yêu của Quyên. Nhưng, những ngày thơ mộng

ấy thui chột nhanh chóng. Vì lý do chính trị, Khanh và cả gia đình phải rời Sài Gòn đi Paris. Chàng hứa hẹn sẽ trở về khi tình hình cho phép hoặc sẽ đón nàng sang Pháp.

Thế rồi biến cố tháng tư 1975 xảy tới, hai người mất liên lạc. Vài năm sau, Quyên được tin Khanh cưới vợ. Nàng bỏ vẽ, cho hết tranh và thẻ không bao giờ cầm đến cây cọ. Quyên không hề oán trách Khanh. Hoàn cảnh ngăn cách hai người, ngàn trùng, biên biệt. Không ai đợi ai mãi trong vô vọng. Nhưng tình đầu mạnh mẽ, cao cả, ma quái, vượt không gian, thời gian, đi theo hoài trong đời nhân vật vương mắc. Nàng cố tìm quên, không muốn nhìn thấy những bức tranh kỷ niệm và không còn cảm hứng theo đuổi hội họa.

Trong giai đoạn khôn khổ của con người chế độ cũ kéo dài như vô tận trong chế độ mới, nàng kết hôn với Cương, cựu quân nhân vừa ra khỏi tù và cùng chàng đi theo diện nhân đạo sang Hoa Kỳ. Bốn năm sau, Cương qua đời vì bệnh ung thư gan để lại cho nàng hai đứa bé mồ côi, Thùy ba tuổi, Tuấn mới một tuổi. Quyên gồng mình đi làm hết việc này qua việc khác để nuôi con, trả nợ cái nhà nát như tương, cái xe cũ rích mà Cương cứ tưởng sẽ sống lâu dài để sửa chữa, xây tổ ấm. Việc nào của Quyên cũng là nghề lao động như khâu may, uốn tóc, làm móng tay. Vì sang sau muộn màng, tâm hồn tiếp nối những lo âu, buồn khổ, nàng không thể để tâm nào vào việc học, hoặc thi lấy cái bằng nào, nghề nào chuyên môn bằng trí óc cho nhàn thân. Việc hiện tại của Quyên cũng chỉ là nấu ăn cho một khách sạn lớn. Vất vả, nhưng lương khá, có bảo hiểm sức khỏe, một điều kiện rất cần thiết cho mẹ con nàng.

Hoàng thương sự vất vả, quả cảm ấy của Quyên và yêu nàng. Hai người gặp nhau trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương do Hội Cao Niên tổ chức. Thân phụ và thân mẫu Quyên qua đời sớm. Quyên có bà bác còn năng nổ tham gia sinh hoạt trong Hội Già. Ở ngoại quốc, cụ là bậc trưởng thượng độc nhất trong gia tộc Quyên thương kính như cha mẹ. Bà bác nhờ Quyên tiếp tay cho ngày lễ dân tộc đó.

Hôm ấy, Quyên khệ nệ bụng mâm xôi gấc với hai đứa con nhỏ đi bên cạnh. Nàng trang điểm rất nhẹ, áo dài màu rêu sậm, quần đen thật nhã nhặn. Sự mộc mạc, giản dị ở nàng khiến Hoàng muốn làm thân với hai đứa bé có đôi mắt to đen láy trên khuôn mặt bầu bĩnh, hình ảnh các con chàng thuở xa xưa. Hoàng mỉm cười với chúng. Hai đứa bé bẽn lẽn núp mặt trong vạt áo dài của mẹ. Quyên nghiêng chao người xuýt ngã. Chàng vội đỡ mâm xôi trên tay nàng và đặt giùm lên bàn thờ. Hoàng cũng vẽ hai tấm biểu ngữ và đem đến treo giúp ban tổ chức. Chàng có nghề quét vôi, sơn cửa, làm vườn, sửa nhà, một nghề tự do, không bận đầu óc, tâm trí vốn đã nặng đầy những cảm phần trong ngục tù Cộng Sản.

Hoàng cũng theo diện nhân đạo một mình tới định cư tại Arlington. Vợ con chàng rời Việt Nam từ tháng tư 1975 khi Hoàng cùng đồng đội còn đang chiến đấu những giờ phút cuối cùng dưới vùng lục tỉnh. Chàng bị chế độ mới bỏ tù 8 năm. Vợ chàng, Liên lập gia đình khác ngay sau khi tới đất Mỹ. Hoàng vẫn liên lạc với các con và vợ cũ trong sự hiểu biết. Thời gian trong tù, chàng nhận được thư Liên thẳng thắn trình bày tất cả sự thật và hoàn cảnh mới. Nàng vẫn gửi quà, nhắc nhở các con viết thư thăm chàng. Giờ đây, tuy cùng ở trên đất Mỹ, miền Đông, miền Tây cách nhau cả một chiều ngang lục địa, chẳng ai phiền lụy, giận hờn ai.

Trước mắt Hoàng hiện tại chỉ còn hình ảnh Quyên và các con nàng. Thực vậy, sau vài lần gặp gỡ trong những sinh hoạt cộng đồng khác, Quyên nhờ chàng đến sửa cho nàng cái cửa nhà xe bị xệ, không đóng, cũng không mở được. Tiện thể, chàng vặn lại đỉnh ốc cho mấy cái chân bàn, chân ghế lung lay, sau đó là những vôi nước rỉ, bồn rửa bát, bồn tắm tắc nghẹt. Nhà góa phụ trẻ phải đi làm khó nhọc từ 2 giờ chiều tới 10 giờ khuya như thế đó. Trước khi đến chỗ làm, Quyên phải đón và đưa hai đứa con đến nhà người quen nhờ giữ hộ, tới khuya mới đón chúng về.

Từ khi có cảm tình quyến luyến mẹ con Quyên, Hoàng bỏ những việc làm chiều Thứ Bảy, Chủ Nhật để trông Tuấn, Thùy, đưa chúng đi ăn *hamburgers*, *pizza*, đi xem *movies*, đi

chơi công viên, sở thú... hay chăm sóc cho nàng cái vườn bỏ hoang, hoa khô, cỏ cháy. Người đàn bà, người đàn ông cảm thông sự cô đơn, sự cần thiết có nhau, tìm tới nhau. Một đêm Hoàng ở lại và ở lại nhiều lần sau đó cho đến khi công nhiên chung sống hẳn với Quyên.

Hai đứa bé coi Hoàng như bố. Hình ảnh người cha lên thiên đường từ bốn năm nay dần dần mờ nhạt. Với tâm trí non nớt, Tuấn, Thùy quần quít yêu thương Hoàng vì sự săn sóc thật tình chàng dành cho chúng. Chúng sung sướng được người cha như những đứa trẻ khác có. Với đôi bàn tay và trái tim bao dung, Hoàng xây dựng lại mái nhà ấm cúng, khang trang cho mẹ con Quyên. Hoàng đang đào đào, xới xới vườn sau xây cái hồ gạch lớn.

Vậy mà từ mấy tháng nay, ý lại có Hoàng, Quyên tham gia nhiều hội hè, đình đám, để chàng luôn luôn lui thủ với Thùy, Tuấn ở nhà. Nàng đâu nhìn thấy hoa lá được vun trồng, gạch ngói được xây cất vườn trước, sân sau. Hết giỗ Hùng Vương, Trung Vương, Hội Già, Hội Trẻ lại đến họp mặt kỷ niệm 20 năm ra trường mời tất cả bạn học toàn quốc, năm châu, bốn bể về dự và ra đặc san dày cộm hình ảnh chữ nghĩa, tổn bao công của.

Tuy nhiên, Hoàng cũng thấy vui lây khi cùng Quyên tham dự tiệc họp mặt, ca nhạc, ngâm thơ, kịch nghệ, hội thảo, chụp hình, quay phim tung bùng, ăn uống tràn trề luôn hai ngày cuối tuần. Trước và sau đó các vị phu quân, kể cả Hoàng phải làm tài xế chở đầy xe khách xa, khách gần đi xem danh lam thắng cảnh vùng Washington, D.C., Maryland, Virginia. Chưa nghỉ ngơi lấy sức, lại đến buổi ra mắt sách này của một nàng văn sĩ mới ra lò. Vừa nhận được cuốn sách, Quyên giúi ngay vào tay Hoàng với cây viết đỏ:

- Anh đọc giùm em, xem chỗ nào đặc biệt đáng chú ý và anh thích, anh gạch xuống, ghi chú bên cạnh rồi cho em biết. Gấp quá rồi, em không có thì giờ đọc.

Quyên đặt lên tóc, lên tai Hoàng những nụ hôn vuốt ve, khuyến khích. Làm sao chàng từ chối nàng được! Vài hôm

sau, khi thấy Hoàng đọc xong và nói, “truyện cũng được, lời cuốn, cảm động, Quyên lại dụ dỗ, năn nỉ:

- Em cũng nghe nói thế! Được lắm! Tiện thể anh đọc và gạch ghi tất cả những dẫn chứng, rồi chỉ cố một buổi tối là anh viết xong bài giới thiệu! Chịu khó làm giúp em thêm tí nữa đi!

- Đã lâu lắm không làm việc này, anh không đủ kiên nhẫn ngồi viết tí mĩ đâu.

- Không cần tí mĩ, chỉ hai trang với những yếu tố chính cũng tốt rồi. Diễm là bạn thân của em. Đàn bà mấy ai dám viết cả cái dở, thói hư, tật xấu của chính mình như nó. Diễm muốn hy sinh “cái nó” để tìm, để đổi lấy những tốt đẹp và hy vọng cho cuộc đời, xã hội.

- Thực vậy, nếu Diễm hồn nhiên thuật lại tuổi thơ ngây mơ mộng cô ấy cũng phải sống lại một thời đau khổ, gian truân với nhiều nước mắt khi viết cuốn sách này. Đôi lúc anh muốn viết lại thời kỳ ở tù, nhưng anh sợ sống lại những cảnh đầy máu hận ấy. Anh sợ tim anh sẽ cạn khô không còn nhịp đập để yêu em, để lập lại cuộc đời với em.

Quyên biết truyện của Diễm đã thu hút Hoàng, chỉ cần thúc đẩy thêm một chút:

- Nếu anh yêu em thì cố làm cho Diễm và cũng là làm cho em đấy. Ai ra những tác phẩm đầu tay không mong có người chú ý và nói tới. Hồi xưa ba em là nhà báo đã từng viết bài giới thiệu sách cho các nhà văn mới. Anh nhé, cố gắng một chút, em sẽ “thưởng” cho. Anh muốn được “paid in advance” không?

Hoàng cắn nhẹ vào tai Quyên còn hôi mùi bếp:

- Thôi, nịnh anh chừng đó đủ rồi, đi tắm gội cho thơm tho đi, anh cưng!

Sáng hôm sau, Quyên giựt bài viết trong tay Hoàng, chạy ra xe, phóng tới tòa báo. Nàng nhờ bà chủ cho lên khuôn vào cuối tuần với khung quảng cáo miễn phí cái thư ngõ mời độc giả đi dự buổi ra mắt sách Diễm. Mới sang Hoa Kỳ bấy năm, nhưng vì Quyên sinh trưởng trong gia đình thân cận làng văn, làng báo nên được giới này quý mến. Tuy

nhiên, nhiều lần Quyên vẫn phải ôm điện thoại hằng giờ, uốn bầy tắc lười nhờ quý vị ấy đọc sách và làm diễn giả trong buổi giới thiệu sách sắp tới. Nghe nàng nói, Hoàng cũng phát mệt, nhưng không khỏi phục tài ăn nói khéo léo, ngọt như mía lùi của nàng, người nghe không thể từ chối được. Và, chẳng lạ gì, một nhà văn, cựu giáo sư trường trung học Huế và một nhà văn khác, cựu nữ sinh trường cũ của Quyên nhận lời. Rồi đến việc thuê phòng sinh hoạt, đổi địa điểm vài ba lần, và mượn âm thanh, nhờ nghệ sĩ ngâm thơ ca hát, đặt người làm món ăn v.v.

Nàng có thời giờ cho tất cả các bạn, nhưng không có thời giờ cho Hoàng và hai đứa con. Bàn tiệc cưới nhỏ của hai người, Quyên thường nói nhà cửa chưa sẵn sàng, chưa thể mời bạn bè. Nàng muốn có tiệc tại nhà, chứ không đi tiệm, rườm rà, tốn kém. Nếu Quyên không mất nhiều thời giờ vào những việc “ăn cơm nhà vác ngà voi”, nếu Hoàng không phải thay thế nàng trông hai đứa bé, làm tất cả việc gia đình cho nàng, cái nhà này đã đẹp đẽ, thơm tất cả trong lẫn ngoài từ lâu.

Ròng rã mấy tuần bàn bạc, xếp đặt, sau cùng rồi cũng tới buổi ra mắt sách Diễm với quan khách các hội đoàn, văn thi nghệ sĩ báo chí, các phe đối lập. Thân hào, nhân sĩ, và rất đông cựu nữ sinh trường cũ của Quyên và Thúy ngồi chật hội quán, một sự rất hiếm có tại vùng Arlington cho buổi ra mắt sách của cây viết mới, đến từ tiểu bang California. Hoàng biết ngay rằng nhờ ảnh hưởng quen biết của Quyên và những người bạn với tình đồng môn, đồng trường ủng hộ Diễm, sốt sắng mời được mọi người chứ không phải vì tên tuổi Diễm.

Quyên là người mở đầu và điều khiển chương trình. “Bà bếp của Hoàng” khi lên diễn đàn, nghiêm trang, khả ái lắm trong bộ áo dài màu lam xậm làm nổi bật nước da mịn màng, căng bóng dầu mỡ nhà bếp. Thính giả im lặng lắng nghe từng lời nói đậm âm, trau trốt của Quyên. Hoàng ngồi xa cùng Thùy và Tuấn. Hai đứa bé chẳng hiểu Quyên nói gì,

nhưng cũng như Hoàng, chúng bị thôi miên, nhìn bà mẹ trẻ như thần tượng. Chàng hãnh diện với tấm biểu ngữ màu tím kẻ tên sách và tên tác giả màu hồng nhạt. Chàng đến sớm, căng “tác phẩm” của chàng trên sân khấu trước khi đi đón Thùy, Tuấn và đem chúng trở lại.

Buổi ra mắt sách coi như thành công. Mọi người vui vẻ ra về. Hoàng lại là người tháo cuộn tấm biểu ngữ đưa tặng tác giả.

Tưởng đến đó là hết, Quyên sẽ về cùng Hoàng và hai con. Nhưng ra đến xe, nàng lại năn nỉ:

- Anh ơi, anh đưa Thùy, Tuấn về cho chúng đi ngủ sớm giùm em. Em lại nhà Thúy cùng bọn chúng nó ăn mừng với Diễm. Toàn đàn bà cả. Tối nay chúng nó *slumber party* ở đó. Sáng sớm mai anh đến đón em về như các quý vị phu quân khác đón các nàng kia nhé.

Hoàng không che giấu sự giận dữ:

- Anh không thể tưởng tượng được các ông chồng Việt Nam ở bên đây cho các bà vợ đi ngủ lang như thế.

Quyên đứng sát cạnh Hoàng thì thầm:

- Ngủ lang gì đâu? Các bà, các cô hợp bạn phải có mục như thế mới hàn huyên cho đã được chứ. Lâu lâu Diễm mới sang gặp tui em. Nếu chồng nó nghĩ rằng đi ngủ nhà bạn là xấu thì đã không cho nó đi xa một mình.

Nói rồi Quyên cao giọng cầu cứu các bạn:

- Các bồ ơi, lại đây xin phép giùm tui. Cam đoan hộ với chàng rằng tui mình là những bà vợ trung thành, ngoan ngoãn nhất thế giới, không làm gì xằng bậy cả. Nếu các nàng xin được chàng thì tui đi, không tui phải bỏ các nàng về nhà nằm khoèo với chàng đấy.

Cả nhóm đàn bà trẻ im lặng nhìn nhau một giây rồi ào ào chạy tới xe Quyên, Hoàng và cùng nhao nhao:

- Bảo đảm với anh Hoàng, chúng tôi chỉ đi đến nhà Thúy ăn cháo thập cẩm bà cụ của Thúy nấu và hàn huyên, tâm sự thôi.

- Anh ạ, cụ đã nấu mà bỏ không đến ăn là bị la đấy. Lần sau đừng hòng thấy mặt cụ.

- Chúng tôi cam đoan không đi Georgetown uống rượu.
- Không đi xem “striptease show,” không lộn xộn gì cả.
- Khi à, đừng nói giỡn, anh Hoàng lại nghi ngờ thật đấy.

Không tin, anh cứ gọi sang nhà Thúy mỗi giờ để kiểm soát chúng tôi!

Hoàng ngưng nghịu:

- Tôi tin các cô, các bà chứ. Tôi chỉ ngại mấy hôm nay Quyên mệt lắm rồi, lãng xãng nữa, đau cho coi.

Quyên nhanh nhẩu:

- Em còn xin nghỉ ngày mai nữa... Nhé anh?

Nhìn điệu bộ nũng nịu, nhõng nhẽo của Quyên, tim Hoàng mềm chảy. Họ tụm năm túm ba với nhau lành mạnh thế thôi. Chàng nhượng bộ, ôm eo Quyên trước khi bước lên xe:

- Thôi các bà cũng liệu nói thấp giọng, chứ không qua đêm nay về nhà, các ông chồng lại ngỡ vệt cò ở đâu lạc tới.

Cả mười cái miệng cự nữ sinh cùng dạ vâng vang ran bãi đậu xe vắng. Quyên hôn nhanh lên mái tóc hai con:

- Tuấn và Thùy về trước với ba Hoàng nhé, mẹ sẽ về sau, chóng ngoan, mẹ thương.

Nàng định theo lên xe với các bạn, nhưng áy náy không yên tâm về sự bỏ bê Hoàng và hai con mình. Quyên đặt mấy cái bịch đang cầm tay xuống đất, chạy trở lại choàng vòng tay qua người Hoàng. Quyên kéo chàng sát nàng và đặt nụ hôn thật dài trên môi Hoàng:

- Cảm ơn anh.

Tiếng cười ròn rã hồn nhiên của những người bạn gái lại được dịp vang lên lần nữa dưới ánh trăng thanh.

Giờ đây, Hoàng ngồi im lìm trên ghế đá, hút thuốc dưới tàn cây dương liễu rủ lá xuống gần mặt đất góc vườn nhà Quyên mà chàng ước mong sẽ là tổ uyên ương của hai người. Làn khói xanh tỏa dưới ánh trăng bàng bạc. Côn trùng rên rỉ tình tự trong bụi cây, thảm cỏ. Tất cả hình như vô tình trước sự hiện hữu của Hoàng.

Cái hồ bán nguyệt đã xong mấy tuần nay. Quyên bận với bạn bè, đâu có thời giờ ngó ra vườn xem công trình xây cất của Hoàng! Nhiều lúc Hoàng có cảm tưởng Quyên chỉ cần chàng như nam nữ cần tình dục, như một người đàn bà yếu đuối cần một người đàn ông lo những việc nặng nhọc, sửa sang nhà cửa, trông con không tốn tiền. Quyên không yêu Hoàng. Bằng chứng, nàng có tất cả thời giờ tổ chức hội đoàn, nhưng không có thời giờ nghĩ tới tiệc cưới nhỏ giới thiệu chàng như người chồng. Hay là Quyên còn lưỡng lự, kén chọn người không làm nghề lao động như chàng. Chung quanh nàng thiếu gì các chàng độc thân gan cóc tía, chưa bao giờ có vợ hoặc góa vợ, bỏ vợ hay bị vợ bỏ, đang để ý tới nàng. Những lời khen ngợi nàng, những ánh mắt nhìn nàng dẫn chứng điều đó. Nhưng phải công nhận Quyên rất nghiêm trang, nói năng điềm đạm trước mọi người trừ những lúc đứng riêng với bạn học cũ, ríu ra ríu rít như con nít làm chàng cũng cảm thấy vui vẻ, trẻ trung, yêu đời trở lại. Hoàng đoán rằng cái thuở cấp sách đến trường, Quyên cũng là loại nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò chứ chẳng kém ai. Hoàng thương Quyên, yêu Quyên ở bề ngoài đầy nghị lực mạnh mẽ nhưng thực ra che giấu nội tâm mong manh dễ vỡ.

Lần thứ nhất gặp Quyên, chưa biết gia thế nàng, Hoàng linh cảm ngay thấy sự cô đơn của ba mẹ con. Họ cần được săn sóc, che chở và hai cánh tay chàng muốn làm điều đó như thần linh xui khiến. Lần thứ nhất Hoàng ở lại nhà nàng, Quyên ngã đầu trên vai chàng, trút đổ bao cơn thổn thức. Hình như đêm ấy, những đau khổ, bất hạnh chồng chất trong đời Quyên từ bao năm không thổ lộ với ai, đã theo nước mắt trào ướt ngực áo chàng. Có cả trăm bạn gái để tâm sự, người đàn bà vẫn cần một bờ vai yêu thương của phái mạnh để tìm yên bình, che chở. Hạnh phúc của Hoàng là làm được những điều ấy cho người yêu. Có thể nào chàng sẽ mất niềm hạnh phúc đó không?

Hoàng rút một hơi thuốc sau tiếng thở dài và thả những vòng khói tản mạn dưới ánh trăng lạnh lẽo như tâm hồn

trống vắng của chàng. Từ ngày đến ở đây với mẹ con Quyên, Hoàng đã bỏ thuốc lá cho tới đêm nay, trong phút giây cô đơn chàng đã tìm lại hơi thuốc như tìm người bạn trút niềm tâm sự.

Bỗng trong khói sương huyền ảo ấy xuất hiện bóng Quyên trong áo ngủ màu trắng mỏng manh, hờ dôi cánh tay trần. Hoàng giật mình tưởng như đang trong giấc mơ liêu trai nào. Nhưng không, đúng là Quyên bằng xương, bằng thịt. Nàng tươi cười, thông thả tới gần chàng:

- Anh lại hút thuốc rồi. Em ngủi thấy mùi thuốc lá lọt qua cửa sổ, nhìn ra vườn không thấy ai chỉ thấy những cụm khói, em hết hồn tưởng trộm cắp, ma quái gì chứ. Mãi mới nhìn thấy anh ngồi trong bóng tối.

Hoàng giục điều thuốc và nắm tay Quyên kéo nàng ngồi xuống bên cạnh:

- Kể trộm nào vào nhà khổ chủ mà đại dột hút thuốc lá, lay ông tôi ở bụi này. Anh thương em vẫn ngây thơ như thế. Sao em không ở lại nhà Thúy? Ai đưa em về vậy?

- Hồng bị cảm và ho quá, nó gọi chồng tới đón về. Em cũng không yên tâm khi rời anh với cái mặt xụ một đống. Nên em quá giang vợ chồng Hồng về. Em xin lỗi đã mãi mê lo bạn bè, quên cả anh và Thùy, Tuấn. Nếu không có anh, em đâu có thể bỏ chúng mà lo việc người được. Các bạn và em cảm ơn anh nhiều lắm. Trưa mai là ngày chót tiễn Diễm về Cali, em mời họ tới ăn bánh sèo, tuyên bố ngày cưới chúng mình định nhé? Anh bằng lòng không?

Cánh tay mát rượi của Quyên choàng qua cổ Hoàng. Chàng không trả lời, ôm nàng trong vòng tay khép dần và đặt lên môi người yêu nụ hôn nhẹ:

- Nếu có em, cái gì anh cũng bằng lòng hết. Anh và hai con sẽ phụ em làm tiệc tiễn bạn. À, em đã thấy công trình xây cất của anh chưa?

- Cái hồ cá ấy hả anh?

- Ừ, hồ sẽ thả cá cho Thùy, Tuấn và hoa sen, hoa súng cho em.

Hoàng diu Quyên đứng lên. Nàng hân hoan đi lại phía hồ. Chàng kéo cái bạt ny-lông ở giữa vườn để lộ cái hồ bán nguyệt xây gạch đỏ, đường kính chừng mười bước nhỏ. Quyên reo lên:

- Ô, hồ lớn quá. Trời ơi, anh phải bỏ nhiều công lắm hả? Anh giỏi quá đi thôi. Giữa hồ mà có tượng Venus đứng trong vò sò lớn như tranh Botticelli thì đẹp lắm.

- Em không nói, anh cũng đã có ý định đó rồi.

Quyên ngược nhìn bầu trời xanh thẳm. Trăng mười sáu toả vòng hào quang thật rộng, chiếu sáng những bề mây trắng bông bênh trôi. Niềm vui òa vỡ, Quyên xoay một vòng lả loi, xiêm áo ngủ xòe rộng để lộ đôi chân thon dài. Hoàng đỡ tay và ôm eo nàng, nhẹ nhàng đưa vài bước luân vũ. Quyên nhìn chàng đắm đuối và cất tiếng ngâm câu ca dao tình tứ:

- *Trên trời có đám mây xanh, ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng.*

Hoàng tiếp lời:

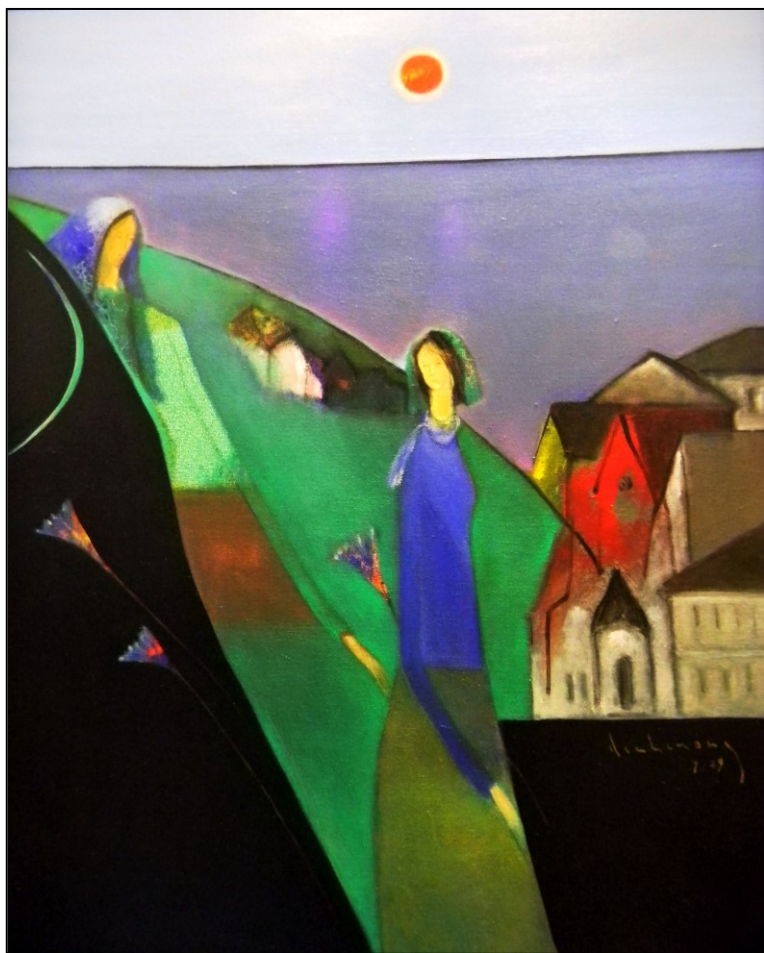
- *Ước gì anh lấy được nàng, để anh mua gạch Bát Tràng về xây. Xây dọc rồi lại xây ngang, xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.*

Quyên âu yếm ngả người trong vòng tay Hoàng:

- Ngày mai chúng mình có thể khoe với các bạn em cái hồ này và hoa anh hồng chung quanh vườn. Chắc chúng nó phải ghen với em. Những buổi họp mặt sau của tụi em có thể tại nhà chúng mình được rồi, anh nhỉ?

Niềm vui nhỏ bé của Quyên chỉ có vậy, không khó khăn với Hoàng để chiều. Yêu thương dạt dào sưởi ấm thân thể, chàng diu nàng ngồi xuống bờ hồ bán nguyệt. Quyên vén xiêm áo ngủ, từ từ thả đôi chân trắng ngần xuống làn nước loang vỡ ánh trắng xanh, đầu ngả trên bờ vai chàng. Hoàng vuốt nhẹ làn da cánh tay Quyên mát rượi và dịu dàng đặt lên mái tóc nàng nụ hôn say đắm.





THiếu NỮ TRẮNG XANH
Tranh sơn dầu trên bố 24x30' của
Họa sĩ ĐÌNH CƯỜNG

HƯƠNG VỊ TẾT

Lễ Giáng Sinh vừa qua, Tết ta vừa tới. Bầu trời Virginia hôm nay xám đục màu tro như sắp có tuyết hay mưa. Cây cối hai bên đường gầy khô, trơ cành trụi lá, co ro, dựa dẫm vào nhau trong giấc đông miên, cho quên đi lạnh giá, tuyết băng. Chỉ loài vạn niên thanh, những cây thông của Nguyễn Công Trứ vẫn xanh lá, hiên ngang vượt thời gian, thời tiết, *đứng giữa trời mà reo!*

Nguyễn, Thúy, Quỳnh mặc cho trời gió rét căm căm, phơi phới rủ nhau đi chợ Tết Cộng Đồng để tìm lại hương vị quê xưa. Ba bà đi rất sớm vẫn phải đậu xe thật xa. Đã trang bị áo choàng dày, khăn quàng len, bao tay da, giày cao cổ, các bà vẫn run lập cập, miệng thở ra hơi nóng.

Làn sóng người đông đảo đổ dồn vào cửa chính trường Trung học rộng lớn T.C. Williams trên đường Leesburg Pike, Alexandria, Virginia. Không khí hội chợ nhộn nhịp, hào hứng trong hành lang. Những lời chào mừng của ban tổ chức, những bài hát xuân Tết quê hương oang oang qua loa phóng thanh.

Đồng bào đủ lứa tuổi có mặt. Con cái khoảng tuổi Nguyễn đưa các bậc cha mẹ già tới. Cha mẹ trẻ cỡ con cái Nguyễn ôm dắt những đứa bé nhỏ như búp-bê. Nhiều cô cậu tí hon lần đầu được mặc quần áo gấm dài Việt Nam, trông đẹp như tiên đồng, ngọc nữ. Nhiều bà, nhiều cô mặc áo dài nhung mượt mà hay gấm lụa óng ả, sắc sỡ. Máy hình, máy quay phim làm việc lia lịa. Người quen chào hỏi nhau tíu tít. Ba người bạn gái cảm thấy hồi xuân, hân hoan yêu đời lạ thường.

Phòng ăn nhà trường trở thành chợ Đồng Xuân, chợ Bến Thành, đầy ngập hàng quà, bánh mứt, thức ăn thật hấp dẫn. Nguyễn luôn luôn giữ gìn thân hình thon thả, nàng không ăn nhiều đồ ngọt. Nhưng con cháu về nhà cha mẹ ăn như hăm chẳng khác gì chị em Nguyễn khi còn niên thiếu. Nàng lựa mua mứt sen, mứt dừa, mứt gừng, mứt quất, hồng khô, hạt dưa mỗi thứ một hộp. Nguyễn vẫn không bỏ được tật cắn hạt dưa đến đỏ môi như các cô thôn nữ ngày xưa ăn trầu cắn chỉ.

Quỳnh nhìn cái bánh chưng cất làm đôi bày hàng, trăm trổ:

- A, bánh chưng gian hàng này xem ra nhiều nhân, nhiều thịt, rền nếp đấy.

Nguyễn cũng nghĩ thế, nhưng thấy bánh tét hấp dẫn hơn:

- Ô kia, đòn bánh tét ba màu kia trông ngon nhỉ?

Nguyễn kể cho hai bạn nghe, hồi còn đi học, một lần vào dịp giáp Tết đi chơi Cần Thơ với gia đình được thưởng thức bánh tét nóng hồi vừa vớt ra khỏi nồi luộc. Những khoanh bánh tét ba màu đậu xanh, đậu đỏ, chuối tím thơm ngậy.

Để tìm lại hương vị đó, nên dù ở nhà đã có hai cặp bánh chưng đặt mua từ người bạn, Nguyễn vẫn mua thêm cặp bánh tét to như cái bắp đùi thẳng chầu ngoại bụ bẫm. Thời buổi *Computer* Nguyễn vẫn kiên không mua một chiếc bánh tét lẻ loi, e vợ chồng nàng chia lìa, sợ cuộc đời cô đơn.

Hình như bánh mứt hí hửng, vui mừng được nàng mua bỏ vào giỏ, không phải chịu cảnh ế ẩm như số phận nhiều món hàng khác còn nằm lại xạp hàng lúc tan chợ chiều. Người đi đông, người mua ít, hàng bán chồng chất, ngất ngư, không thiếu thứ gì và có phần tinh khiết hơn sản phẩm nhập cảng từ bên nhà.

Những gian hàng bún ốc, bún riêu, bánh tôm, bánh cuốn, cháo lòng... tấp nập kẻ ăn, người uống xì xà xì xụp. Kẻ đứng lên, người ngồi xuống thế chân liền. “Ba bà đi bán lợn xè” thềm lăm, nhưng ngại ngùng chẳng muốn ăn uống trong không khí nóng hầm, người người chen chúc, áo len, áo dạ ngọt ngát. Có lẽ vài ngàn người vào chợ Tết lúc đó. Ba bà bàn nhau lát nữa ra tiệm ngoài phố ăn thoải mái hơn. Nghe

nói các tiểu bang ấm áp khác như California, Florida... có chợ Tết ngoài trời, nhộn nhịp, tung bừng! Nghĩ mà thêm!

Phòng thể thao trường trung học đó dành cho hàng hoa, sách báo, tranh ảnh, quần áo. Hoa thiết, hoa giả rực rỡ đủ màu, cành đào, cành mai, chậu cúc, thủy tiên, núi non bộ nước chảy róc rách. Cây trái có cam, quýt, quất vàng ối, trĩu trĩu. Tuy ở đây không thể so sánh với chợ hoa Tết Hàng Lược, Hàng Khoai Hà Nội hay Đường Nguyễn Huệ Sài Gòn cũ, người ta cũng tìm thấy khung cảnh náo nức, thân thuộc quê xưa. Quỳnh chỉ chọn chục bông Huệ. Thúy mua bó lay-ơn đỏ bày bàn thờ. Vừa đi dự buổi chỉ dẫn cắt tỉa thủy tiên, Thúy và Quỳnh mua sách và củ hoa về thực hành nên đã sẵn có mấy chậu thủy tiên ở nhà. Hai bà đang hỏi hớp và cầu mong hoa nở đẹp trong ngày Tết để lấy hên.

Nguyễn không định mua hoa, vì đã có chậu quất từ mấy năm trước, vẫn ra hoa, đậu trái đều đều. Vài cành đào, cành mai vàng cắt từ ngoài vườn, vài củ thủy tiên Hòa Lan trồng trong chậu đã hé nụ. Năm ngoái, Nguyễn cắt ngâm hoa mai, hoa đào quá chậm, thời tiết quá lạnh, nàng phải chong đèn nhiều đêm cho hoa nở vào đúng đêm ba mươi. Còn thủy tiên ươm quá sớm, đâm trồi vón vọt không kịp hãm. Nguyễn phải mua cành tre nhỏ, buộc nơ đỏ cho mấy cô tiên nước lênh khênh là loi khỏi nghiêng ngả.

Chẳng như ngày xưa, ông thân sinh ra Nguyễn gọt ngâm thủy tiên vừa nở đúng hương khói giao thừa tỏa thơm nghi ngút, chuông trống nhà thờ, nhà chùa, đình, đền rộn ràng đồ hồi báo hiệu năm cũ hết, năm mới sang. Nguyễn vẫn giữ truyền thống, hoa tươi nở suốt tháng Giêng như thuở còn sống bên cha mẹ. Ngày xuân thiếu hoa như cuộc đời thiếu hạnh phúc. Ngày Tết thiếu đĩa trái cây như gia đình thiếu đàn con cháu chất.

Gian hàng bán lịch, sách, báo Xuân với hình bìa mỹ nhân, tổ nữ, danh lam thắng cảnh lộng lẫy đến hoa mắt người nhìn. Chẳng cần biết nội dung ra sao, Nguyễn chọn tờ báo có hình cành đào đỏ như xác pháo nghiêng nghiêng qua Tháp Rùa. Nàng ngạc nhiên hỏi hai bạn:

- Ô hay, người ta trồng đào bên Hồ Hoàn Kiếm hồi nào vậy?

Quỳnh ngấm bìa báo:

- Chắc rằng nhiếp ảnh gia ghép in thêm hay chụp cảnh Tháp Rùa với cảnh đào mang theo để ngang ống kính. Thời buổi này, *Computer* có thể thêm bớt biến đổi, chế tạo đủ hình ảnh như ý muốn.

Nguyễn mơ mộng:

- Tại sao người ta không trồng một vườn đào bên Hồ Gươm như rừng hoa anh đào Nhật Bản bên bờ Tidal Basin, Washington, D.C. nhỉ?

Thúy vẫn chăm chú gật gù nhìn cái bìa báo:

- Bây giờ người ta có thể trồng hoa đào xung quanh Hồ Hoàn Kiếm lắm chứ?

Thực vậy, mười mấy năm sống nơi chôn nhau cắt rốn đó, Nguyễn không thấy hoa đào nở quanh Hồ Gươm. Có chăng là những cảnh đào được đem đến quán bán hoa hay *Kermesse* tập nập, đông đảo thường được tổ chức vào dịp Tết và dựng lên bên hồ từ Nhà Thủy Tạ đến Hàng Khay, Hàng Trống. Đã lâu lắm rồi, nhưng Nguyễn vẫn còn nhớ người ta có thói quen gọi chợ phiên bằng tiếng Pháp *Kermesse* như vậy.

Chị em nàng ham nhất môn chơi ném vòng vào cổ những con vịt sông chạy lông nhông trong sân cỏ. Các cô cũng rất thích trò chơi len lỏi và lác lác trong các ngõ ngách “Làng Da Đò”, tưởng chừng không tìm thấy lối ra.

Trong hội chợ tung bùng ấy, mấy cô bé còn thích thú nhìn trộm những cặp trai thanh, gái lịch kẻ vai sát cánh, xem họ có tình ý với nhau như thế nào, để rồi nháy mắt nhau cười khúc khích...

Như người đi trong mộng ngày, Nguyễn mỉm cười nhìn thanh niên nam nữ trong chợ Tết hải ngoại đang ở tuổi đẹp nhất cuộc đời, đầu mày cuối mắt đuổi bắt, đưa duyên thật ngộ nghĩnh, dễ thương.

Quỳnh, Nguyễn, Thúy tay xách nách mang định ra về, nhưng khi đi ngang qua rạp hát nhà trường thì ngừng lại vì tiếng trai trẻ hát ví von:

Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ rơi vào tay anh ...

Cả ba cùng xôn xao:

- Cái gì mà hay vậy kia?

- Tụi mình vào xem đi!

- Ừ, ghé một chút nhỉ.

Ba người bạn tò mò đi theo tiếng hát quyến rũ ấy và tới sân khấu được trang hoàng với mái đình làng, cây nêu, cảnh pháo. Trẻ con, người lớn ăn uống, mua sắm xong, đổ sang phòng này để xem các hội đoàn quanh vùng tỉnh nguyện trình diễn văn nghệ dân tộc miễn phí cho đồng bào xem. Một nhóm sinh viên nam nữ đang diễn cảnh hội hè đình đám thôn quê.

Lâng lâng vui, Nguyễn liên tưởng tới ngày Tết ấu thơ, khi gia đình ở ngoại ô Hà Nội. Chị em Nguyễn ra đường làng khoe quần áo mới đẹp. Hai cô chị cùng mặc áo dài nhưng hoa gạo màu hồng, quần sa-tanh trắng, hài cườm tím. Nguyễn lần đầu trong đời mặc áo dài lụa màu vàng, quần trắng lướt thướt. Đôi giày da đen bóng lộn. Tóc được mẹ cài nơ màu vàng. Chẳng gì thần tiên hơn những ngày Tết thơ ấu ấy.

Làng chỉ cách Hà Nội vài cây số, nhưng dân sinh trưởng ở đây ăn mặc khác hẳn người trong gia đình Nguyễn. Đàn ông con trai đội khăn xếp, mặc áo the thâm, quần vải trắng hồ bột cứng queo, nghe sột soạt mỗi bước đi. Đàn bà con gái mặc quần rộng, hay váy lĩnh đen, áo tứ thân, khăn mỏ quạ. Trẻ con để tóc trái đào, đi theo trâm trỏ, nhìn ngắm mấy cô bé Hà Nội cũng đang ngẩn ngơ nhìn chúng. Thôn nữ ríu rít đi trẩy hội chùa làng bên với thúng xôi nếp trắng, xôi gấc đỏ, xôi hoa cau lấm tấm đậu vàng còn nóng hổi. Các cô gái quê nhí nhảnh, duyên dáng, môi trầu cắn chỉ, đỏ như son. Họ đi thi nấu xôi khéo đây... Các cô mặc yếm đào, yếm thắm, khăn lung phất phới, hoa lý, hoa sen, thiên thanh, hồ

thủy rực rỡ đủ màu. Hình ảnh quê hương thanh bình, muôn đời vẫn đẹp trong lòng người.

Rời chợ Tết, ba người bạn ghé tiệm ăn vắng hoe, mỗi người làm một tô bún ốc nóng hổi thơm mùi hành, gừng. Họ chuyện trò cả giờ chẳng chán. Đã có mặt trên trái đất gần nửa thế kỷ như hai bạn, Quỳnh là góa phụ một con đã trưởng thành. Thúy chưa có chồng từ ngày nàng bị người yêu đầu tiên và cũng là cuối cùng lừa dối. Quỳnh, Thúy đều có việc làm tốt và tự lập. Mỗi người một căn nhà hai phòng trong cùng chung cư khang trang. Nguyên lý dị một lần và đang sống hạnh phúc với người chồng thứ hai.

Rời tiệm ăn, ba người bạn đi vài bước tới tiệm thực phẩm Việt Nam. Gần như cả ba mua thịt bò bắp để kho bó với gừng, cá thu kho riêng, cải xanh muối dưa, su hào, củ cải, cà-rốt làm đồ chua. Nguyên ngạc nhiên nhìn thấy những cây mía cao, lá còn xanh tươi trong góc tiệm. Ngày xưa, để đem sêu Tết thông gia, mẹ Nguyên thường chọn hai cặp mía mập, đốt dài thẳng nhất vườn, một cặp gà trống thiến to đẹp nhất chuồng, một đôi cá chép tươi và lớn nhất ao vừa lưới lên. Con bé Nguyên reo vui, sung sướng khi được mẹ cho theo ngồi xe tay nhà với lễ vật đi sêu Tết...

Nguyên hỏi hai bạn:

- Đồng bào hải ngoại vẫn còn giữ phong tục cúng giỗ tổ tiên bằng mía và cá tươi ngày ông Công, ông Táo lên châu trời hay sao?

Thúy khôi hài:

- Chắc rằng chỉ có các cụ đã được tiên già mới giữ phong tục ấy. Chứ tụi mình rời cha mẹ ra bỏ hết những lễ bộ này.

Quỳnh xuýt xoa thêm:

- Mía đó mà ép lấy nước uống thì tuyệt vời! Hai bà còn nhớ nước mía Viễn Đông Sài Gòn không?

Nguyên nuốt nước miếng:

- Hay là mía cắt khoanh hấp nóng nhí!

Chỉ nói chuyện thôi người ta cũng cảm thấy những món thềm rỉ ứa trong vị giác và nhớ da diết miền đất hình chữ “S” gầy còm, xa xôi ấy. Trước khi chia tay, Quỳnh hỏi bạn:

- Hai bồ định mặc áo gì đến buổi tiệc tân niên tuần sau của Cộng Đồng?

Thúy chặc lưỡi:

- Chắc tôi sẽ mặc khoe cái *long dress* nhưng màu huyết dụ vừa mới cắt may xong. Kiểu áo rộng thùng thình, giấu được cái mập, chứ mặc áo dài Việt Nam sẽ thành cây giò thù biết đi!

Quỳnh nhìn xuống thân hình quá ký lô của mình:

- Tôi phải bớt ăn và chạy *Treadmill* nhiều hơn mới có thể ních người vào cái áo dài lụa màu rêu xạm thêu con rồng vàng vừa được bà chị từ Sài Gòn gửi sang tặng. Còn bồ Nguyễn cứ mong mãi tới Tết để mặc cái áo dài nhưng tím đính hoa kim tuyến trắng phải không? Thân hình bồ thật lý tưởng để mặc bất cứ loại y phục nào.

Nguyễn cười hờn hờ:

- Ừ, cái áo nhưng tôi mới mặc đi ăn cưới cô cháu và cũng là cái áo nhưng đầu tiên trong đời đấy! Tôi sẽ mặc lại hoài hoài để trả thù từ bé chưa được mặc áo nhung bao giờ. Các bạn nhớ chứ, hồi ở Hà Nội tụi mình còn nhỏ quá đâu được mẹ may cho áo nhung. Vào Sài Gòn, quanh năm nóng chảy mỡ ra, chẳng bao giờ tơ tưởng tới áo nhung làm gì. Hôm nay, các bà, các cô Huế, Đà Lạt sẽ diện áo nhung nhiều lắm đấy!

Thúy đồng ý:

- Hồi xuân mà, ăn diện cho đời lên hương và lễ Tết phải khác ngày thường chứ!

Sau khi đưa Thúy, Quỳnh về nhà và hẹn tới Thứ Bảy tới, vợ chồng Nguyễn sẽ đến đón hai bạn đi dự tiệc tân niên Cộng Đồng tại nhà hàng lớn gần đó, Nguyễn lái xe trong trời mưa phùn, gió bắc như thừa nào mùa đông Hà Nội. Với thói quen từ ngày rời quê hương, mỗi độ Tết về, nàng thường vặn băng nhạc Xuân cũ có từ trước năm 1975 để ngâm ngùi tưởng nhớ về Miền Nam xa xưa trong chiến

tranh tan nát, khổ đau. Nguyên lái xe qua trạm thu lộ phí lúc nào không hay, về gần đến nhà mới thấy đồng 25 xu vẫn nằm trong tay. Ở tuổi nào người ta cũng có thể sống trong mơ mộng, vượt không gian, thời gian.

Tết nhất, nhà cửa phải cho vui mắt, nên Nguyên vẫn giữ cái khăn giải bàn hoa đỏ và những tấm các chúc tụng từ Lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch. Nếu có cái chiếu cạp điều như ngày xưa mẹ mua trải sập gụ của bà nội, Nguyên sẽ treo như tranh Tết trên mảng tường lớn trống trơn trên cửa ra vào đằng trước nhà. Nàng nhủ thầm, ngày nào về Hà Nội nhất định phải ghé phố Ô Quan Chưởng mua cái chiếu đẹp như ý muốn.

Bàn thờ cúng tổ tiên mọi năm có ảnh hai cụ bà, và ông ngoại của các con Nguyên. Năm nay thêm ảnh bà ngoại chúng nữa. Bà vừa về sum họp cùng ông sau 25 năm xa cách. Bộ bát nhang, cây nến, đỉnh đồng xinh nhỏ Nguyên đem theo từ ngày rời quê cũ được đánh bóng lại. Hương trầm, nến đỏ cắm sẵn. Bình hoa đào đỏ, mai vàng tươi đẹp. Chậu thủy tiên thơm ngát. Đĩa ngũ quả có bưởi, cam, táo, chuối cau và không thiếu quả đu đủ nhỏ, vàng ửng niềm tin tưởng đầy đủ những điều tốt lành, thịnh vượng. Đĩa mứt thập cẩm bọc giấy bóng kính màu cánh sen. Nguyên không tin linh hồn người ta thích ăn uống như mẹ nàng cúng Tết xa xưa, nhưng vẫn giữ vài tục lệ để tưởng nhớ hiền mẫu vừa khuất bóng.

Thuở ấy, bà thường sửa soạn làm các món mứt từ một hai tháng trước. Những miếng mứt quất, mứt dứa, mứt mận không nhào trộn quá nhiều đường, trong, dẻo, còn chua ròn rột, làm chảy nước miếng chị em Nguyên và được chiếu cố nhiều nhất. Các cô thích phụ với mẹ để ăn vụng. Nhất là làm món bánh quế nước dừa, va-ni thơm lừng nhà. Thịnh thoảng các cô đồ một cái thật dày, thật vàng, tự trả công cho mình. Theo tục lệ, mẹ Nguyên nấu cỗ cúng tổ tiên vào chiều ba mươi. Hằng ngày các cô con gái “lười huyền” không thích vào bếp, mẹ lo mọi việc với chị người làm.

Nhưng ngày Tết vui hơn, những món ăn đặc biệt hơn, anh chị em và các cháu về ăn cỗ đông hơn, các cô phải giúp mẹ làm cho nhanh mới được ăn chóng. Món xôi vò rời toi, thêm mỡ gà cho khỏi khô. Món gỏi sứa ráo nước và thật giòn. Món bóng mực của mẹ Nguyễn chẳng đâu ngon bằng. Mực thái thật mỏng, sào, nấu thật mềm. Trên bát mực bày hai góc giò, một góc trứng tráng mỏng, thái nhỏ, một góc thịt gà trắng xé chỉ và ở giữa điểm lát trứng muối như nhụy hoa. Bóng ngâm rửa thật thơm, nấu vừa sôi tới, còn giòn tan. Trên bát bóng bày hai miếng giò, hai miếng trứng tráng, hai miếng cà-rốt và hai miếng đậu Hòa Lan xanh ngắt. Đây là hai món đặc biệt khéo léo nhất của mẹ Nguyễn.

Giờ đây, Nguyễn nhìn ảnh cha mẹ trên bàn thờ và thầm cầu khẩn trong lòng. Chắc các cụ chẳng giận con gái không còn giữ tục lệ cúng lễ thức ăn dềnh dang nữa. Hai nén hương trầm, chậu thủy tiên, lọ mai vàng, vài cành đào đủ để thương nhớ cha mẹ vô vãn. Ông bà đã sum họp bên nhau và như đang phảng phất đâu đây trong nhà. Bà chị cả Nguyễn, người sau chót trong gia đình rời Sài Gòn đã đem tro hài cốt bà nội cùng thân phụ sang đất Mỹ, và đặt gần mộ thân mẫu họ để con cháu có thể thăm viếng một lúc, một nơi thường xuyên.

Sáng mùng một Tết, cũng như mọi năm, Viễn, chồng Nguyễn mở cửa ra lấy báo và trở vào thành người xông đất. Nguyễn còn ngủ kỹ trong chăn ấm quên thời gian, hiện tại. Viễn lùa bàn tay lạnh vào lưng vợ:

- Chúc mừng Năm Mới cùng của anh!

Nguyễn rú lên:

- Anh chúc mừng kiểu gì lạ vậy! Làm em mất cả ngủ. Em không thèm chúc lại anh đâu!

Nói rồi Nguyễn cuộn tròn người như con mèo lười biếng, ngái ngủ. Viễn đưa ra “chiến thuật” khác:

- Này em ơi! Tuyệt xuống đây ngoài kia, đẹp lắm cơ!

Như bị điện giật, Nguyễn lật chăn qua khỏi mặt, tỉnh như sáo:

- Thật hả anh! Tuyệt nhiều không? Anh kéo màn cửa cho em nhìn tuyết đi!

Viễn phá lên cười, vén rèm:

- Có thể anh mới đánh thức em dậy được chứ!

Bị mừng hụt, Nguyễn cầu nhàu, kéo chăn trùm qua đầu, định nằm mơ mộng trở lại. Nhà thanh thang chỉ còn hai vợ chồng, tha hồ tự do âu yếm, chiều chuộng, săn sóc nhau. Sống trên đất Mỹ hơn hai chục năm từ nhỏ, các con nàng biến thành Mỹ 50 phần trăm rồi. Vừa ra trường có việc làm, các cô, các cậu đòi ra ở riêng liền. Cậu con trai lớn, cô con gái út đã có gia đình, cho vợ chồng Viễn, Nguyễn cháu nội, cháu ngoại. Hai đứa đều khôn lanh, khéo khỉnh, nói như vẹt, ăn như vũ bão và lớn như thổi. Tháng hai ba lần, vợ chồng con cái chúng đưa nhau về chơi vui cửa vui nhà. Sau đó, Viễn và Nguyễn lại cu ki sống trong nhàn hạ, hạnh phúc. Nguyễn không cảm thấy già khi trở thành bà nội, bà ngoại. Viễn vẫn làm việc cho một cơ quan Tiểu Bang. Nguyễn mới đi làm cho hãng chế tạo Computer từ khi các con nàng vào đại học. Nếu một người phải nghỉ việc, họ vẫn đủ ăn đủ tiêu. Vả lại, Viễn và Nguyễn có thể *babysit* cháu nội, cháu ngoại tại nhà và ăn lương rộng rãi các con trả, chẳng lo thất nghiệp.

Năm nay, mừng một rơi vào ngày Thứ Tư, hai vợ chồng đều xin nghỉ ăn Tết. Viễn ngồi xuống mép giường, cạnh vợ làm lạnh:

- Anh nghĩ rằng em đang chờ được xoa bóp phải không?

Nguyễn làm bộ giận dỗi:

- Hôm nay mừng một Tết, chỉ nói chuyện vui, không đánh lừa nhau, không giận nhau, không quét nhà. Thế mà anh cứ quên hoài!

Viễn hoảng hốt:

- May quá xe rác chưa tới. Để anh chạy ra đường lấy thùng rác đem vô nhà.

Đến lượt Nguyễn cười rộ và nắm tay chồng giữ lại:

- Em kiêng một chút cho có vẻ Tết thôi, không kiêng đến độ giữ rác lại đâu. Hơn nữa rác dơ của năm cũ càng nên đổ

đi. Tổng cừu nghinh tân mà! Bây giờ anh làm *massage* mừng tuổi em rồi em sắp bánh chưng dưa hành, giò thủ anh ăn sáng.

Viễn xoa hai bàn tay vào người chàng cho nóng mới lùa chúng vào lưng vợ. Nguyễn nằm sắp khoan khoái duỗi thẳng tứ chi cho chồng biểu diễn màn tắm quất đáng đồng tiền bát gạo. Nguyễn nghiện món đó từ hồi còn ở Sài Gòn. Một ngày Tết, nàng ăn phải miếng bánh chưng thiêu và bị “Tào Tháo đuổi” ba ngày rã rời thân thể. Bà bếp xử dụng ngón xoa bóp, cạo gió cho cô chủ khiến nàng ghiền luôn. Viễn thay thế bà bếp làm việc đó từ lâu và trở thành quà mừng tuổi quý giá nàng mong muốn được hưởng suốt cuộc đời còn lại.

Trong khi hai vợ chồng Viễn đang ăn sáng, anh chị em, họ hàng, bà con từ các tiểu bang bắt đầu gọi về chúc Tết. Cả ngày, Nguyễn vừa sửa soạn bữa cơm tối mừng một Tết đón các con về, vừa cầm cái điện thoại không dây, luôn miệng chuyện trò, chúc tụng: vạn sự như ý, sức khỏe dồi dào, tràn đầy hạnh phúc, buôn bán phát tài, thăng quan tiến chức, không bị *layoff* mất việc...

Vì phải đi làm, buổi tối con cháu mới đến chúc Tết bố mẹ, ông bà và nhận tiền mừng tuổi còn thơm mùi giấy mới trong phong bao đỏ, đủ để đi coi phim Walt Disney và ăn tiệm McDonald. Cái siêu thị ở gần nhà Nguyễn, biết tục lệ lì xì của người Việt mình, nên họ có cả dịch vụ đổi tiền mới toanh nữa. Có lẽ bà con ta làm việc đông tại đó, đã mách nước cho họ chẳng? Cách đây hai tuần, Nguyễn đổi cả trăm Mỹ kim. Trong mấy ngày Tết, đi đâu nàng cũng đem theo nắm phong bao đỏ với tiền một Mỹ kim để mừng tuổi các cháu nhỏ của bạn bè dù chúng chỉ có nửa giòng máu Việt.

Tuy không làm cỗ linh đình như ngày xưa ở nhà với ông bà ngoại của các con, Nguyễn có đủ hương vị Tết: cơm gạo thơm, nước mắm Phú Quốc, chả giò, chả quế, giò lụa, thịt gà, miến gà, tôm sào đậu Hòa Lan, thịt kho, dưa hành, những món ăn lành và dễ làm mà chồng con và các cháu Nguyễn ưa thích. Quả dưa hấu vỏ xanh già, tròn xoay bỏ ra

ruột đỏ thắm, ngọt lịm. Nguyễn không tin dị đoan lắm, nhưng hân hoan hơn với điềm tốt đẹp ấy.

Sau khi con cháu ăn uống no nê, Nguyễn đem bộ bầu cua cá cộ ra xúc xắc, gà găng mời rủ bọn trẻ vui chơi vang rộn nhà. Ngay từ khi các tiệm Việt Nam có bán, Nguyễn đã mua bộ bầu cua và chỉ cho các con trò hào hứng ấy để chúng có thể thủ tiếp bố mẹ sống lại kỷ niệm thuở thiếu thời.

Nguyễn nhớ những ngày Tết năm nào, anh chị em họp nhau chơi tam cúc say sưa. Tượng sĩ tượng thâm bị tượng sĩ tượng hồng đề, tức tối thét lên như bị quýt nợ. Xe pháo mã điều đề xe pháo mã đen khoái trí cười văng lên như còi xe lửa. Tốt đỏ đề tốt đen reo hò như quân Vua Quang Trung đại phá giặc Thanh trong trận Đống Đa ngày mùng năm Xuân Kỷ Dậu 1789. Chơi tam cúc còn có vụ tứ tử trình làng, ngũ tử cướp cái làm bàn dân thiên hạ ngẩn tò te, sướng ời là sướng!

Chơi bắt mới hồi hộp làm sao! Ngấp nghé nặn từng quân đề rồi nhị tổng cửu, tiu ngheu! Tam tổng bát té re! Nhất ông cụ bốc cửu sừng mê toi!

Chơi cá ngựa đá nhau phăng phắc, đá tàn bạo ngay trước cửa chuồng, đá dã man văng ra khỏi bàn, đá tiêu luôn xuống đất. Kẻ hả hê, người ầm ức tức điên người!

Trò bầu cua cá cộ cũng sôi nổi lắm. Cả làng đặt cá, cộ. Nhà cái lật ra tôm, gà, vợ vét hết. “Khách chơi bạc” đặt cua, bầu. “Chủ sòng” xúc xắc chán chê mê mải, cũng ra bầu, cua bị thua sạch túi! “Năm mới, năm me” làm sao quên những cảnh hồn nhiên, tung bừng “trong ba ngày Tết, chúng tôi ngủ một đánh... phì phẹt” dí dỏm ấy!

Trước khi vợ chồng con cháu Nguyễn xúm quanh bàn bầu cua cá cộ để la hò như định ăn thua nhau thiệt sự từng đồng 25 xu, tất cả náo nức ra ngoài hiên đốt tràng pháo dài lạch tạch, di đùng. Xác pháo đỏ toí tả đầy thềm, khói pháo mịt mờ nhân ảnh, hương pháo xông xao cõi lòng, Nguyễn có cảm tưởng như đang ăn Tết quê nhà. **Dz.**



MẸ CON NGÀY ĐẦU NĂM
Tranh lụa của Họa sĩ Nguyễn Thị Hợp

NỤ HOA VÀNG MỚI NỞ

Trước khi lên xe ra khỏi nhà, Thanh Hằng làm dáng quần thêm cái khăn quàng lụa mỏng nhẹ quanh cổ. Khăn cùng màu với hoa *daffodil* vàng đang nở rộ trong vườn. Trời xanh trong, cao vút những bè mây trắng thông dong. Nắng ấm làm vàng thêm những bụi hoa *forsythia* nở ngoài hàng rào. Người Việt hải ngoại tạm dùng thứ hoa này thay mai vàng miền Nam quê hương. Thanh Hằng nhấn một băng nhạc vào máy và mỉm cười khi nghe tiếng ca sĩ hát bài rất hợp tình, hợp cảnh: *Anh cho em mùa xuân, nụ hoa vàng mới nở...* (Lời và nhạc "Anh Cho Em Mùa Xuân" của Nhạc sĩ Nguyễn Hiền).

Chiếc xe chạy bon bon trên đường thanh vắng, êm đẹp như cuộc đời Thanh Hằng. Vợ chồng nàng đã hơn 25 năm hôn phối, vẫn thương yêu nhau mặn nồng, đầm thắm. Các con ở trong đại học xa. Phúc, chồng Thanh Hằng bữa nay đi chơi quần vợt với bạn. Nàng không thuộc loại phụ nữ mạnh mẽ sức khỏe nên không chơi môn thể thao này. Thanh Hằng không phải thấp tùng chồng buổi nay và có thể rảnh rang đi việc riêng.

Bài hát vẫn vang lên trong xe: *Anh cho em mùa xuân, Mùa xuân này có cỏ, lộc non vừa nảy lá...*

Nhưng màu hoa rực rỡ và tiếng hát yêu đời ấy không thể xua đuổi suy tư của Thanh Hằng về Khánh Uyên, người bạn học cũ lát nữa đây nàng sẽ gặp.

Thuở đôi tám xuân đi trên mái tóc ấy, trong khi Thanh Hằng chỉ là cô học trò nhan sắc trung bình, chẳng có chàng trai nào đi theo, Khánh Uyên đã là thiếu nữ đẹp duyên dáng với khuôn mặt trái soan, thân hình nảy nở, cao thon, tóc dài

thả ngang eo nhỏ. Nàng khéo léo may khâu nên may lấy nhiều quần áo diện hơn các bạn khác.

Năm Khánh Uyên học đệ tứ, một nhạc sĩ nổi tiếng nhiều lần cho cái xe thể thao bỏ mui đi bộ theo cô bé có suối tóc đen huyền, lưng ong thắt đáy trên đường tan trường về từ Phan Thanh Giản qua Đoàn Thị Điểm, vòng theo vườn Tao Đàn tới nhà nàng đường Lê Thánh Tôn. Bước chân son ngượng ngập, cuống quýt khi nàng biết có đôi mắt ai để ý.

Nhạc sĩ có vợ nên chỉ theo nàng tìm rung cảm thầm kín thể thôi. Rồi, không biết vô tình hay hữu ý, sau khi ly dị vợ, chàng dọn về ở cách nhà Khánh Uyên vài căn. Nàng và chàng nhạc sĩ lại có nhiều dịp giao ánh mắt, chớp đôi mi trong im lặng.

Khi trường rời về đường Nguyễn Bình Khiêm, Khánh Uyên đi bộ theo đường Lê Thánh Tôn đến trường và về nhà. Chàng nhạc sĩ cao gầy, có bộ ria mép thường ngồi quán La Pagode chờ nàng nhẹ gót hài đi qua và nhìn theo nàng tha thướt trên hè về hướng chợ Bến Thành rợp bóng cây. Tuyệt Anh, cô bạn học khác của Khánh Uyên và cũng là em họ người nhạc sĩ, đã được nghe chàng tả màu áo của Khánh Uyên những ngày nàng không phải mặc đồng phục và Chủ Nhật, ngày lễ nàng đi nhà thờ.

Khánh Uyên cũng kiêu hãnh ngầm, nhận thấy một “cây si” khác trồng trước hăng Air Laos, gần quán La Pagode. Chàng là người Pháp làm cho hăng máy bay đó và “bô” trai như tài tử chính trong phim *"Les Vendanges"* và *"Thé et Sympathie."* Suốt hai năm đệ tam, đệ nhị của Khánh Uyên, gần như mỗi ngày anh chàng đều đặn đứng ngoài cửa văn phòng nhìn nàng đi học qua. Nhiều lần theo nàng vào rạp Eden hay Rex dù nàng đi với chị em, bạn học, chàng chỉ yên lặng ngồi cách xa vài hàng ghế. Biết có người để ý, Khánh Uyên càng làm duyên, ngả nghiêng làn tóc óng ả đong đưa qua thân hình mềm lơi, eo lả.

Cũng chưa hết, khi Khánh Uyên thôi học, ra ở chơi với gia đình người chị có chồng sỹ quan cao cấp làm việc tại Vũng Tàu, nàng lột mắt xanh, hàng mi cong vút của chàng

hạ sĩ quan người Mỹ ra vào cùng khu cư xá. Năm đó Khánh Uyên vừa 21, thân hình vệ nữ thật tuyệt vời trong áo tắm hai mảnh, tóc dài cuốn gió trên bãi biển.

Không như “chiêm ngưỡng gia” La Pagode hay “cây si” Air Laos chỉ nhìn nàng từ xa, chàng lính Mỹ khôi ngô, tuấn tú tên John lần la tới hỏi chuyện nàng. Vốn có mấy năm sinh ngữ học ở trường, nàng thích thú thực hành với chàng trẻ tuổi ngoại quốc. Lúc đầu, John chỉ theo gặp khi nàng đi chơi bờ biển với gia đình. Dần dần, chàng tìm đến nhà nàng dù chỉ được ngồi nói chuyện ngoài bậc thềm trước cửa. Về đẹp và sự khác lạ Đông, Tây thu hút đôi bên muốn tìm hiểu nhau. Tình yêu nảy nở giữa tuổi trẻ bông bột và tình đầu với Khánh Uyên.

Thương yêu người ngoại quốc là trường hợp hãn hữu với con nhà gia giáo, nhưng vẫn có thể giải thích được. Nàng học ban văn chương, thích đọc sách báo, mê phim ảnh và tài tử Anh, Pháp, Mỹ. Đến tuổi coi như trưởng thành, con tim đỏ chín khát khao, Khánh Uyên tuy có nhiều chàng trai đồng hương để ý, cái kích thước Tây phương với dáng nét vừa kiêu sa, vừa nhút nhát đã cản trở những sự tiến tới. John không hề có mặc cảm ấy và đến với Khánh Uyên như trong những phim tình thơ mộng, lãng mạn Âu Mỹ nàng thường xem. John cho nàng cảm xúc, rung động đầu đời. Tình yêu không biên giới, không ngôn ngữ cách ngăn. Nhưng thượng cấp biết và e ngại điều gì đó, đôi chàng lính Mỹ đi Cần Thơ sau một năm quen biết cô gái Việt.

Khánh Uyên buồn bã trở về Sài Gòn giữ việc trông nom cửa tiệm thuốc tây cho người chị họ. Tuy nhiên, 160 cây số chẳng bao xa, John về thăm nàng thường xuyên. Họ qua thời gian bên nhau tại nhà hàng Mỹ Cảnh, Majestic, Caravelle, Continental và trong những rạp chiếu bóng lịch sự trên đường Tự Do. Khi yêu thực sự rồi, Khánh Uyên đã bước lên trên dư luận “con gái có bồ Mỹ” trong thập niên 60 ấy. Nàng ngang nhiên sánh vai John trên đường phố và ngụp lặn trong những hẹn hò nóng bỏng.

Thế rồi John xin phép gia đình cưới nàng, nhưng bị cả hai bên cha mẹ phản đối. Sau cùng, hết hạn hai năm ở Việt Nam, chàng lính Mỹ phải đổi đi Đại Hàn. Khánh Uyên và John tiếp tục viết thư thăm thiết. Song, những khó khăn, vô vọng làm nản chí, phai dần tình cảm. Sự liên lạc giữa hai quốc tịch, hai phương trời cách biệt rồi cũng thưa dần và chấm dứt...

Vài năm sau, Khánh Uyên nhận lời thành hôn với Tân vì tới tuổi lấy chồng, vì chàng là người kiên nhẫn theo đuổi nàng lâu nhất. Nàng không yêu Tân nhưng nghĩ rằng tình yêu sẽ đến sau khi thành vợ chồng và có con cái. Chàng là một sĩ quan Hải Quân, đã vài lần gặp John ở nhà Khánh Uyên trước kia. Tân tài hoa, son trẻ, cởi mở. Chàng có thừa và bất chấp tất cả văn minh, lịch thiệp ở người yêu cũ của nàng. Chàng kiêu hãnh chinh phục được Khánh Uyên. Nàng đã thuộc về chàng. Tân đoạt được điều mơ ước của nhiều chàng trai khác. Từ ngày cưới, vợ chồng nàng ở chung nhà với bố mẹ, anh chị em chồng như những gia đình khác.

Vì đời sống hồ hải, Tân thường xuyên xa nhà nhiều ngày tháng. Cuộc sống của Khánh Uyên như cái bánh xe trong guồng máy đại gia đình nhà chồng khác biệt. Những thơ mộng, du dương riêng tư chẳng bao giờ có để tạo tình yêu, để phát triển sự gắn bó của Khánh Uyên với Tân.

Sau đưa con đầu lòng, Khánh Uyên nghỉ đi làm vì bố mẹ chồng muốn vậy. Nàng chìm vào cuộc đời làm vợ, làm mẹ, làm dâu như cái kim xoay quanh đồng hồ. Khi đưa con thứ hai ra đời, nàng vẫn không cảm thấy có tình yêu cho Tân. Tư tưởng phụ nữ bình quyền trong Khánh Uyên làm cho nàng khó chịu triền miên với cảm tưởng Tân kiêu hãnh với sự chiến thắng. Nàng đã sa vào cái nhà tù vô hình của chàng và chịu khuất phục như người vợ tầm thường dưới địa vị người chồng và quyền hành gia đình chồng. Cuộc sống lứa đôi đối với nàng thật gượng ép, giả dối, vô vị. Nàng bỏ về nhà bố mẹ ở và cầu mong cho Tân có bạn gái, có bồ để bỏ nàng. Nhưng Tân nhất quyết không chịu mất vợ và nhờ cả

hai họ khuyên can Khánh Uyên. Không có lý do chính đáng để bỏ chồng và tâm hồn yếu đuối, nàng không làm theo ý muốn của mình được nên đành trở lại với Tân.

Thế rồi, khi nàng vừa sinh đứa con trai thứ ba, Sài Gòn rơi vào tay Cộng Sản. Tân bị đi tù như hàng trăm ngàn chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa khác. Khánh Uyên quên tình cảm khúc mắc riêng tư, chỉ nghĩ tới tình nghĩa vợ chồng. Tân cho nàng những đứa con xinh đẹp, khôi ngô và là nguồn sống, niềm an ủi độc nhất đời nàng. Khánh Uyên cũng phải xông xáo, lao lực như những người đàn bà khác, bán dần nữ trang, quần áo, đồ đạc trong nhà để nuôi con và đi thăm chồng vài tháng một lần.

Thời gian này, bỗng nhiên Khánh Uyên nhận được thư John hỏi thăm về số phận gia đình nàng. Không hài lòng với cuộc hôn nhân và cô đơn, tâm tư nàng vẫn mang hình ảnh mỗi tình đầu thơ mộng, nàng hồi âm chàng lính Mỹ ngày xưa. Bây giờ John là giám đốc ngân hàng lớn ở San Francisco, có một con gái và ly dị vợ.

Khi những người của chế độ cũ bị đem ra Bắc, Tân lâm bệnh nặng nên được ở lại miền Nam và thả về như một phế nhân. Không muốn che giấu việc làm mà không người chồng nào chấp nhận, Khánh Uyên ngưng liên lạc thư từ với John. Tân về Sài Gòn nằm bệnh viện chưa khỏi đã vượt biên với mấy người bạn. Sang tới Hoa Kỳ, Tân chịu khó làm hai, ba việc một lúc để gửi tiền về nuôi và làm giấy bảo lãnh vợ con. Khánh Uyên từ chối sự đoàn tụ, viện đủ mọi điều không thích hợp cuộc sống trên đất Mỹ.

Thực ra, nàng không muốn chung sống lại với chồng. Nàng đã lầm, lấy người nàng không tìm thấy cảm xúc và tình yêu dù sau khi đã có con. Sống với nhau như vậy không đúng cái ý nghĩa vợ chồng như nàng mong muốn. Cái chất lãng mạn, sau bao nhiêu tang thương, biến đổi, vẫn không chết trong tâm hồn nàng. Vì thế, dù không có ý định trung thành với Tân, nàng chẳng hề đan dúi với ai. Nàng không rung động trước người đàn ông nào để buông thả thể xác.

Khánh Uyên vẫn mang trong trái tim sâu mộng hình ảnh người yêu thuở ban đầu, khôi vĩ, lịch thiệp và đẹp như tằm từ trên màn ảnh Hoa Kỳ. Đôi lần nàng định viết thư cho John và mơ ước được trả lời với những lá thư đầm thắm. Nhưng rồi nàng lại sợ chàng đã có người đàn bà khác, sẽ thờ ơ để nàng bẽ bàng, buồn khổ hơn. Khánh Uyên bỏ ý định viết thư cho người yêu cũ. Nàng sống lênh đênh trong ảo tưởng, buông xuôi theo dòng đời. Nàng chỉ mong Tân tiếp tục gửi tiền về Sài Gòn cấp dưỡng đều cho các con, để nàng có thể sống qua ngày với những mơ mộng hoang đường như bao giờ.

Khi ba đưa con Khánh Uyên qua hết trung học, chúng lần lượt bị từ chối vào đại học vì là con thành phần “nguy, vượt biên.” Khánh Uyên đồng ý để Tân lo cho các con sang Hoa Kỳ, nàng ở lại. Nhưng đã sống với mẹ từ thuở lọt lòng, chúng khóc lóc không chịu đi nếu không có mẹ. Vì tương lai chúng, Khánh Uyên nhận lời Tân bảo lãnh cả bốn mẹ con nàng. Và, 10 năm sau khi rời Sài Gòn, Tân đoàn tụ với vợ con.

Cuộc sống Khánh Uyên trở lại như thuở trước 1975. Người vợ vẫn cơm bưng nước rót tới chồng và làm đủ mọi việc trong nhà. Tuy nhiên, nàng ở chung phòng với con gái và cho Tân hiểu rằng không có chuyện vợ chồng chung chăn gối. Nhưng Tân còn trẻ, khỏe mạnh, Khánh Uyên vẫn còn thân hình thon thả, vẻ đẹp kiều sa. Chàng bị chạm tự ái, ầm ức vợ nên càng ngồi chễm chệ để nàng hầu hạ cho bõ ghét. Thái độ trịch thượng, khiêu khích đó khiến Khánh Uyên nghĩ tới việc để con ở lại Mỹ với Tân. Nàng sẽ trở về Sài Gòn. Nhưng chúng níu khóc đứt lòng mẹ, nàng quyết định di chuyển đi một tiểu bang khác. Sự chung sống cùng một nhà với Tân chỉ đem lại những bức bối, khó chịu. Hơn bao giờ hết, Khánh Uyên mong khi nàng bỏ đi, Tân sẽ có người đàn bà khác đem lại hạnh phúc cho chàng. Nàng nhờ người quen giúp đỡ và đem con tới Maryland trú ngụ.

Sau một năm ở chung với gia đình bà cô họ, ba người con ngoan ngoãn, xuất sắc của nàng đã vào đại học Cộng Đồng. Người được học bổng đi học, đi làm *part-time* bán thời gian tại trường. Người đi làm cho văn phòng bác sĩ, hay thương xá lớn và đi học *full-time*. Khánh Uyên tận tiện chi tiêu, thuê được căn nhà chung cư hai phòng ngủ ngăn nắp để bốn mẹ con dọn ra ở riêng. Khi nghe chuyện về Khánh Uyên, Ngọc Hoàn, người bạn khác của Thanh Hằng trách móc:

- Bà ấy không phải là người tốt. Trong 10 năm ông Tân đi làm hai, ba *jobs* một lúc, chắt bóp tiền nong gửi về nuôi vợ con, rồi bảo lãnh thoát khỏi chế độ Cộng Sản. Sang đến đây, đủ lông, đủ cánh họ bỏ ông ấy vất vưởng, đau khổ. Nào ông ấy có ai khác hay xấu xí gì!

Thanh Hằng bật cười:

- Bạn nói như vậy có nghĩa là đàn ông xấu trai thì vợ được phép bỏ? Đẹp trai phải giữ lại, dù hoàn cảnh nào đi nữa? Khánh Uyên không lang bang với ai, không đòi ly dị chồng. Bà ấy không muốn chung sống với chồng vì không hợp, thể thôi. Sau 14 năm không gặp và trước đó lòng nàng đã nguội lạnh, vợ chồng trở thành xa lạ. Nơi đây là xứ Hoa Kỳ và sắp sang thế kỷ thứ 21 rồi. Không ai có quyền bắt Khánh Uyên xáp vô ông chồng bà ấy không chịu. Người đàn bà không thể là tôi tớ, hay vật sở hữu của người đàn ông họ không yêu thương.

Ngọc Hoàn ngắt lời:

- Thế còn việc ông Tân hy sinh bao nhiêu tiền của để nuôi vợ con, họ không biết trả ơn sao?

- Việc ông Tân gửi tiền về Sài Gòn là bổn phận người cha, sinh ra con phải lo cho chúng đến hơi thở cuối cùng. Vì, chúng không đòi sinh ra đời. Từ thế hệ mình trở về trước, đa số cha mẹ sinh ra con vì sự ham muốn xác thịt, là sự tự nhiên, không phải sự mong ước, dự định có chúng. Bố mẹ phải chuộc tội lỗi đó. Ông Tân phải cảm ơn Khánh Uyên đã chăm lo săn sóc con cái nên người dù qua bao biến đổi khó khăn. Bà ấy theo con sang đất Mỹ cũng chỉ vì tương lai chúng. Có thể nào vì 10 năm chịu cấp dưỡng, Khánh Uyên

phải trả nợ bằng cách chung sống suốt đời với người đàn ông nàng không ưng? Những gia đình Mỹ giúp người di cư có đòi trả ơn không? Trong thời gian ông Tân đau ốm vừa qua, Khánh Uyên đi Houston thăm nom cả mấy tháng. Bà ấy đã trả ơn rồi đó.

Ngọc Hoàn nói xuôi:

- Thì ai biết đâu chuyện người.

- Vì thế mới có câu, “không ở trong chăn không biết chăn có rận.” Nhưng đã đề cập tới trường hợp Khánh Uyên, tôi muốn nói cho hết ý. Không thích sống với Cộng Sản, người ta đi chui, vượt biên, xa chạy, cao bay. Ở xứ tự do, dân chủ này người ta nói chuyện nhân quyền, nhân bản, nhân đạo. Sao còn chuyện ép duyên, lên án người không muốn chung sống với người khác? Hơn nữa trong khi bao nhiêu bà tung bừa, phơi phới, Khánh Uyên sống gần như ẩn dật, âm thầm. Bà ấy đã chịu rất nhiều thiệt thòi, hẩm hiu.

Thực vậy, bạn bè cũ mời rủ đi ăn, họp mặt, dự văn nghệ năm lần, bảy lượt Khánh Uyên chỉ nhận lời một. Nàng có đầy những mặc cảm, di cư sau, lập nghiệp muộn, lại nhút nhát không lái xe, không muốn phiền con, phiền bạn đưa đón. Mỗi khi ra ngoài, nàng trang điểm rất sơ sài, mặc quần áo sậm màu, không thêu hoa, in lá. Khi Tân ngã bệnh phải vào nhà thương, Khánh Uyên đi Houston thăm nuôi mấy tháng cho tới ngày Tân khỏi. Chàng vẫn muốn về chung sống với vợ con nhưng nàng không chịu. Khánh Uyên đã quen sống thanh thản, không vương vís bồn phận làm vợ người chồng nàng hoàn toàn không có tình yêu bao giờ.

Thỉnh thoảng, Thanh Hằng, Tuyết Anh đến đón Khánh Uyên đi ăn ở khu chợ Việt Nam. Ba nàng thường gọi ba món ăn chung như bánh bèo, bún thịt nướng, bún bung, hay bánh cuốn, bánh sèo, bún ốc để được ném nhiều hơn cho đỡ thèm, khỏi ăn món này, nhìn món nọ. Từ khi mùa đông bắt đầu rét mướt, giá lạnh, tuyết ngập đầu gối, hàn độ có ngày xuống thấp nhất thế kỷ, họ không gặp nhau. Nhưng gần như tuần nào ba người bạn học cũ cũng điện thoại thăm nhau. Cách đây hai ngày, trong lúc Thanh Hằng đang nghĩ tới bạn thì

Khánh Uyên gọi. Sau vài câu chuyện về sinh hoạt trong vùng của bạn bè, cộng đồng gần xa, giọng Khánh Uyên qua tiếng thở dài chán chán:

- Đôi khi ta muốn chết.

Thanh Hằng giật mình:

- Khỉ, sao lại có chuyện lạ vậy?

- Chán đời lắm, bạn ơi!

- Ai cũng vậy, thỉnh thoảng nghe chuyện người, chuyện đời tôi cũng buồn nản lắm!

- Nhưng ta chán chính chuyện của ta đây!

- Có gì thì cứ khai ra đi cho nó hả. Đừng để tâm mà làm điều xằng bậy, không được đâu ạ!

Giọng Khánh Uyên nghẹn ngào:

- Cái số ta xấu quá nên con cái cũng bị ảnh hưởng. Hai đứa ra trường mấy tháng nay vẫn chưa kiếm được việc nào tốt cả. Chúng vẫn phải làm những việc nhỏ nhặt và chờ thời. Bản thân ta lại chỉ ăn bám vào con thôi, chẳng giúp chúng được gì.

- Nói là ăn bám vào con thì không đúng. Bạn chăm lo từ bữa cơm, cái áo, chỗ ở để chúng rảnh rang đi học, đi làm. Sự có mặt của bạn khuyến khích chúng cố gắng tối đa như thế! Và lại, cái thân bạn ăn tiêu bao nhiêu mà nói chỉ ăn bám vào con cái? Và, chỉ vì thế mà muốn chết hay sao? Nói cho bạn biết, một dạo, tôi có ý khi về hưu sẽ dọn đi Cali để gần cha mẹ anh chị em hơn. Các con tôi nói, “mẹ đi thì cứ việc đi, nhưng mẹ phải cho tiền chúng con mới đi thăm mẹ, và, chưa chắc đâu ạ.” Mình mới có ý định dọn đi xa thôi, con cái đã hờn vậy. Huống chi mình đi luôn, chúng sẽ giận đến thế nào!

Khánh Uyên thở dài:

- Con cái có thể bỏ mình, chứ mình không thể bỏ chúng được.

- Đúng vậy, đối với chúng, cha mẹ là cội rễ duy nhất, là nguồn vui trở về dù chúng trưởng thành hay ra ở riêng. Mình bị bệnh tật chết, không nói làm chi, tự hủy hoại, con cái nghĩ rằng mình ích kỷ, chỉ muốn rảnh thân, không màng

tới chúng, bỏ rơi chúng. Mình sẽ không nhắm mắt nổi với sự bất mãn của chúng đâu! Đừng có đại dột! Các con bạn chưa gặp thời đấy thôi. Đó cũng là tình trạng kinh tế chung cả nước. Chúng đã đổ đạt nhưng chưa kiếm được việc làm, chứ chúng không có học hành gì, mình cũng phải chịu thôi! Làm cha mẹ phải ở bên con cái những lúc khó khăn nhất của chúng. Không bỏ chúng được!

- Nhưng bạn còn đi làm, ta cả đời chẳng làm nên công chuyện gì. Đến bây giờ thì tất cả quạ muợn rồi?

- Đúng, tôi may mắn sang đây từ năm 1975, nên có công ăn việc làm vững chắc. Nhưng bạn thấy không, Tuyết Anh có bao giờ đi làm đâu? Lúc nào nó cũng chỉ ở nhà lo cơm nước, nhà cửa, đọc sách báo. Chồng con cũng không có việc khá. Bà ấy vẫn sống lạc quan, thơ mộng, chẳng cần đi làm kiếm thêm tí tiền cho mệt xác. Bà ấy cũng không thèm ganh đua với ai, miễn hạnh phúc, chồng con yêu chiều là đủ rồi. Mỗi đứa một tính tình, một số phận. Không phải ai cũng làm việc và sống như ai được.

- Thực vậy, cái số ta không ra gì, có chồng cũng như không, còn khổ sở, vất vả nữa!

- Hấn ở xa, hấn làm gì, có mục nào, kệ hấn, vương vịu gì mà lo!

- Thanh Hằng ơi! Ta nợ bạn một điều vẫn giấu. Hấn đang ở nhà ta đây này!

- Hấn về chơi thăm con, rồi hấn đi, ăn nhằm gì vài hôm!

- Không, hấn về và ở luôn, từ hai năm nay rồi!

Đến đây, Thanh Hằng khựng lại trước một bí mật vừa được bật mí. Hiểu vậy, Khánh Uyên giải thích:

- Bạn còn nhớ không, lần ta đi Houston mấy tháng, thăm hấn nằm ở nhà thương. Ta nói rằng hấn đã khỏi nhưng chẳng bao giờ khỏi, mỗi ngày một nặng hơn. Các con ta muốn đem bố về chăm lo và ta cũng không đành nên để hấn về đây. Mắt hấn đã mờ. Chân tay hấn đã yếu lắm. Không thể sống một mình được. Sau lần bạn và Tuyết Anh đến chơi, ta chỉ hẹn gặp các bạn ở tiệm hay xuống chờ dưới đường, không cho các bạn lên nhà để thấy cái bất hạnh của đời ta.

Gia đình có người đau ốm, buồn thảm lắm, không tiếp nổi bạn bè.

Thanh Hằng thực sự xúc động vì câu chuyện của Khánh Uyên:

- Bạn không có tình yêu cho ông Tân, nhưng bạn có tình người. Trời sẽ không phụ! Nếu có tình yêu với chồng từ ngày xưa ngày xưa, thì ở tuổi này cũng chẳng ai còn say đắm nữa, có chăng chỉ còn cái nghĩa thôi. Cứ coi chàng như người bạn, người quen bệnh tật, cô độc. Bạn có phương tiện thì giúp đỡ.

- Đúng thế, mình không sẵn sóc Tân vì bốn phận như tục xưa, lệ cũ để được tiếng khen hảo huyền là người vợ hiền, vợ tốt. Người đàn bà đời nay dù lấy chồng vì ơn huệ nào đó cũng không phải bán đứng cuộc đời mình, hướng chỉ mình chẳng mắc nợ gì Tân.

Người phụ nữ thông minh của thời đại biết hành động theo lương tri, bản năng tự quyết, tự cường, không lệ thuộc một khuôn phép, tập tục nào nếu không phải là luật pháp. Thanh Hằng thông cảm với tư tưởng cấp tiến ấy của bạn:

- Đồng ý với Khánh Uyên một trăm phần trăm. Bây giờ, các con bạn muốn lo cho bố có lẽ cũng chẳng vì bốn phận đâu mà chính vì tình phụ tử tự nhiên đó thôi. Bạn thương con thì phụ giúp chúng một tay thực hiện cái tình người và lòng nhân đạo bẩm sinh ấy. Dù không còn làm gì được nữa, cũng có một thời chàng hết lòng với mẹ con bạn, còn hơn chán vạn kẻ khác khỏe mạnh, lừa dối vợ con, làm xấu hổ họ bất cứ chỗ nào. Ông Tân vẫn quý nể bạn và bây giờ biết điều hơn trước, phải không?

- Ừ, điều đó thì đúng! Tại mình cả đời cứ buồn chán viễn vông thôi!

- Để tôi nói bạn nghe chuyện này. Có bà lấy ông có vợ vừa chết để lại bốn đứa con khi mới di cư đến đất Mỹ. Bà bỏ tiền mua nhà cho cha con ông đến ở và dựng vợ, gả chồng cho chúng. Thế rồi gần đây ông về Việt Nam chơi một tháng. Khi trở lại, ông đột ngột đem theo ba đứa con khác bằng tuổi những đứa con của bà cả lúc ông mới lấy bà ba.

Ông khơi khơi nói, đây là con vợ lẽ trong thời vợ cả còn sống và nhờ bà ba nuôi hộ.

Khánh Uyên bất bình:

- Thế thì láo quá! Hắn về một tháng mà làm sao đem được cả ba đứa con sang đây ngay? Hắn phải ngậm lo giấy tờ cả mấy năm trước ấy chứ.

- Đúng vậy. Hắn lén lút gửi tiền về nuôi bốn mẹ con bà hai từ bao nhiêu năm nay. Bà ba chẳng biết một ly, một tí gì. Trên đời dễ có mấy tay như hắn? Nghe nói, bà hai có đứa con thứ nhất với ông khi bà mới 16 tuổi. Bà cả lúc sinh thời đã ghen tuông khổ sở mà phát bệnh chết. Nếu có hôn thú với bà hai có lẽ hắn cũng rước sang Mỹ, nhờ bà ba nuôi hộ luôn.

- Thế bà ba tính sao?

- Bà ta căm lắm, xỉ vả ông toi bời. Nhưng hai ông bà từ khi di cư sang bên này chẳng có nghề gì ra hồn. Nay bà đang thất nghiệp nên đành chịu. Dù sao, ba đứa con gái của bà hai cũng sẽ đi làm, trả tiền cơm, tiền nhà như bốn đứa con bà cả trước kia. Như vậy, Khánh Uyên ơi, bạn có muốn một tấm chồng thô thiếp đùm đê như thế không? Bạn có muốn cảnh vợ chồng chung sống vá vúi, lừa dối nhau như thế không?

Khánh Uyên buông một câu gọn:

- Thà ở không còn hơn!

- Trông lên bạn chẳng bằng ai. Ngó xuống bạn còn có phước hơn nhiều người lắm! Dù sao ông Tân cũng là người đang hoàng, đứng đắn. Con cái bạn học hành giỏi dang, thương yêu quây quần bên cha mẹ. Đó là phần thưởng đáng kể nhất!

- Cám ơn Thanh Hằng! Nói được với bạn những ấn ức trong lòng, tâm thần ta nhẹ nhàng đi nhiều lắm. Đúng vậy, ta vẫn còn các con để sống và hy vọng.

- Được lắm! Trời dạo này ấm rồi. Tuyệt Anh đang rủ đến nhà nàng ăn bún bò Huế đấy, rồi đưa nàng đi mua quà sinh nhật cho ông xã. Tôi sẽ đến đón bạn 12 giờ trưa thứ bảy này. Bạn sẵn sóc cho ông ấy trước khi đi nhé. Phải có lúc bạn gái ra ngoài tào lao, xả hơi một tí, mới lấy được nghị lực sẵn sóc bệnh nhân tại gia chứ. Giăm thân ở nhà mãi thánh cũng điên!

Bây giờ, Thanh Hằng đang trên đường tới đón Khánh Uyên. Băng nhạc chạy sang bài *Bến Xuân* của Văn Cao và Phạm Duy. Nàng tắt máy, để dành bài đó lát nữa Khánh Uyên lên xe, cả hai sẽ cùng véo von hát theo đón xuân. Khoẻ mạnh, yêu đời là hạnh phúc vô giá. Đến ngã ba đèn đỏ phải ngừng lâu, Thanh Hằng lấy *cell phone* trong ví tay, bấm số của bạn:

- Thanh Hằng đây, tôi đang ở cách nhà bạn độ năm phút xe. Bạn đã lo cho ông ấy xong chưa?... Cứ từ từ. Tôi sẽ đợi bạn ở dưới cửa để tránh gặp bí mật đời nàng.

- Với Thanh Hằng thì hết bí mật rồi. Ta đã sẵn sàng và xuống ngay!

Thanh Hằng mỉm cười yên tâm nghe tiếng trả lời nhí nhảnh, vui vẻ của Khánh Uyên. Giọng chán chường đầy nước mắt của người bạn mấy hôm trước không còn nữa. Hai bên đường hoa *daffodil*, hoa *forsythia* tung bùng nở trong nắng xuân rực rỡ trải tơ vàng ... **Dz.**



Daffodil: MINH CHÂU

MỘT NGÀY MỘT ĐỜI

Năm nay cụ Vĩnh bà đã 82 tuổi. Cách đây hai năm, cụ được con cháu đưa đi Virginia dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương do Hội Người Việt Cao Niên tổ chức. Cũng như các cụ ở vào tuổi trên 70 khác, cụ Vĩnh trong buổi đó được long trọng mời lên ngồi trên sân khấu chúc tụng thượng thọ. Cụ thật đẹp lão, khỏe mạnh, nhanh nhẹn nhiều hơn các cụ cùng tuổi trong vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Nhưng tại miền quê đồng cỏ, trang trại vắng vẻ tiểu bang Pennsylvania này, cụ Vĩnh chẳng quen người Việt nào ở tuổi tám chục cả. Cụ thường lấy cái thú đọc sách, viết thư, điện thoại ngoài việc phụ nấu bếp, quét dọn nhà cửa, vườn tược giúp con cháu cho khỏe người. Nói thì có vẻ nhiều, chứ thực ra người con rể cụ Vĩnh là Nhân làm đất, dựng giàn trồng bầu, trồng mướp và mấy khóm húng, thơm, răm, ngò, hẹ... Cụ chỉ việc hái rau, nhổ cỏ, ngắt hoa, đầu nặng nhọc gì. Nhân còn chiều cụ, đưa vợ là Hồng Hạnh, con gái út cụ, xuống tận Maryland mua cặp đào Việt Nam trồng hai bên cửa nhà. Mỗi mùa xuân hoa nở đỏ thắm làm cụ Vĩnh lại nhớ tới Tết Hà Nội. Những chậu hoa quỳnh, hoa nhài, hoa ngâu, dâm bụt, dạ lý hương, mùa hè được Nhân đem ra sân sau, mùa đông đem vào nhà cho bà ngoại các con chàng vui thú cây cảnh. Con, cháu, dâu, rể đều một mực kính trọng, hiếu lễ với cụ Vĩnh.

Thuở biến loạn 1975, gia đình bà Vĩnh thật may mắn. Thục Hiền, cô con gái thứ hai có chồng người Mỹ, Jeff đã cứu được cả nhà. Trước đó ba năm, tám anh em xúm nhau lại, năn nỉ hết lời, xin mẹ cho Thục Hiền sang Mỹ làm việc.

Vì thế gia đình bà Vĩnh sớm biết tình hình sắp mất miền Nam và được sở cũ của Thục Hiền và Jeff ở Sài Gòn lo máy bay cho đi trước ngày 30 tháng tư năm ấy.

Khi sang tới Hoa Kỳ, con cái mới cho bà hay Thục Hiền thành hôn với Jeff từ Sài Gòn và theo chồng hồi hương chứ không phải nài đi làm việc như đã nói. Thuở đó, con gái lấy chồng ngoại quốc là điều bất hạnh với nhiều bậc cha mẹ. Nhưng trước sự đã rồi, bà Vĩnh chỉ còn biết vui mừng thoát khỏi nạn Cộng Sản, gặp lại Thục Hiền. Chính Jeff xin cho hơn nửa gia đình vợ ra khỏi Việt Nam. Chỉ trừ người con trai thứ năm là Quốc Bảo và người chồng của Vân Hảo, cô con gái thứ ba của bà Vĩnh, quyết định ở lại rồi bị đi tù. Hai người này sang Hoa Kỳ tu nghiệp trước kia, đã trông thấy cảnh dân phản chiến la ó quân nhân Việt Nam trên đường phố, nên nghĩ rằng họ sẽ không được hoan nghênh ở đây. Sau này, một triệu người bỏ xứ di cư đến khắp các nước và mấy trăm ngàn người miền Nam bị tù đầy, đã cảnh tỉnh nhiều tên tuổi phản chiến Mỹ.

Jeff và nhà thờ bảo lãnh bà Vĩnh cùng năm gia đình con cháu tới vùng đồng quê này. Họ nhà Jeff có xưởng làm đồ gỗ nên tất cả đàn ông khởi đầu bằng nghề thợ mộc. Đàn bà vào làm xưởng may lớn. Trẻ con đi học ban ngày. Người lớn đi học ban đêm. Bà Vĩnh ở nhà lo cơm nước như từ bao giờ bà vẫn làm. Bốn, năm năm sau, gia đình bà thêm dâu, rể, có kỹ sư, kế toán viên, y tá, thư ký làm việc trong thành phố. Tất cả đều mua nhà ở gần nhau và thường xuyên gom góp tiền gửi về Việt Nam giúp đỡ hai gia đình còn kẹt lại.

Khi con rể và con trai bà Vĩnh ra khỏi tù đứng vào dịp Cộng Sản Việt Nam đuổi những người gốc Hoa ra khỏi nước, anh chị em ở bên này chung một chục ngàn Mỹ kim gửi về Sài Gòn cho gia đình Vân Hảo và Quốc Bảo lo vượt biển đến Hồng Kông. Chỉ vài tháng sau họ đoàn tụ với mẹ và các anh chị em khác đã tới Pennsylvania từ trước. Cả tỉnh ăn mừng đại gia đình con cháu bà Vĩnh sum họp.

Thấm thoát đã 20 năm trôi qua. Nhờ trời con cái cụ Vĩnh biết thương yêu, đùm bọc nhau. Hai gia đình sang sau lại đi học, đi làm, mua nhà, mua xe, an cư lạc nghiệp trong cùng một vùng. Chỉ đi năm, mười phút xe hơi tới nhà nhau. Cụ Vĩnh ở với gia đình Hồng Hạnh. Vì vợ chồng cô đều đi làm và có con nhỏ. Sáng nào cũng vậy, khi con cháu đi làm, đi học rồi, cụ mới ra khỏi phòng để khỏi vướng chân, vướng cẳng. Chúng nó cứ chê cụ già yếu, chẳng cho cụ đụng vào việc gì. Nhưng là người luôn tay, luôn chân từ trẻ, không ngồi yên được, nên khi không có mặt con cháu, cụ Vĩnh lại vào bếp dọn dẹp mọi thứ cho ngăn nắp. Cụ ăn điểm tâm với tô cháo trắng, đậu kho nóng hay chén xôi bắp hành chiên, xôi hoa cau muối vừng.... Thêm món nào nấu món này, chẳng khó khăn, đắt đỏ gì. Sau đó cụ ra vườn tía hoa, nhặt cỏ chung quanh các gốc hoa, luống rau hay tưới cây trước khi trời nắng gắt. Bầu, bí đã trở hoa vàng, hoa trắng hấp dẫn đàn ong bướm bay lượn rộn ràng. Chợ Việt Nam ở Philadelphia cách nhà một giờ xe, nên những khóm rau xanh tươi trong vườn rất cần thiết để ăn hằng ngày cho đến hết mùa thu.

Tiểu bang Pennsylvania lạnh sớm, mùa đông thật dài, tuyết rơi trắng xóa cánh đồng rộng mênh mông. Cụ Vĩnh chẳng có việc gì phải ra ngoài, nên chỉ thấy phong cảnh rất đẹp. Đôi khi cụ cũng ước ao được ở miền ấm áp, mùa hè dài hơn, có thể trồng nhiều hoa, trái, rau như Texas, Florida, California, nhưng gia đình Jeff có cơ sở trong vùng này từ mấy đời. Thục Hiền phải theo chồng trông nom gia tài bố mẹ chồng để lại. Trang trại vợ chồng nàng rộng mấy chục mẫu cánh đồng cỏ, có hàng rào gỗ sơn trắng chung quanh nhà, chuồng nuôi ba bốn con ngựa.

Mẹ con, anh em Thục Hiền đến đây từ thuở bờ ngõ, lâu rồi thành quen, đất rộng người thưa, nhà cửa rẻ hơn, công việc làm dễ kiếm. Lũ trẻ học hành chăm chỉ, ngoan ngoãn, không đua đòi, hư hỏng như trong các thành phố đông đúc khác. Đại gia đình sinh xôi nảy nở, cụ Vĩnh đã có gần ba chục cháu nội, ngoại, từ tốt nghiệp đại học xuống lớp hai

tiểu học. Hằng tuần chỉ gặp nhau một hai lần cũng đủ vui vầy như ở Sài Gòn năm xưa.

Tháng trước, bầu đoàn con cháu chồng chất nhau lên hai cái xe *van* đưa cụ Vĩnh đi chơi Longwood Gardens cách nhà độ một giờ đồng hồ. Cụ không nhớ đó là lần thứ mấy, gia đình cụ thăm viếng thắng cảnh này. Vì đi một lần không thể xem hết được các loại hoa nở bốn mùa thay đổi.

Ồi chao, cái vườn rộng ời là rộng! Nghe nói hơn mười ngàn mẫu đất. Cây cỏ xanh um, hoa lá rực rỡ. Những dây hồng leo giàn cao quây xung quanh cái sân hình tròn rộng lớn giống như lồng chim khổng lồ không mái. Nhiều giàn thấp hơn và vườn bát ngát với cả trăm loại hồng màu sắc khác nhau. Suối dài, thác cao, hồ rộng nhân tạo đầy cá vàng to mập, không khác cảnh thiên nhiên. Máy trăm vòi nước chảy không ngừng trong khu vườn kiểu Ý. Hệ thống nước ở khu trung tâm, phun cao thấp, mạnh nhẹ theo âm nhạc thật thần tình. Ban đêm đèn màu chiếu lộng lẫy. Người ngồi xa mấy trăm thước cũng bị ướt như dưới mưa phùn.

Hầu hết các thứ hoa lá miền nhiệt đới được tìm thấy trong mấy nhà kiếng dài rộng không khác vườn lộ thiên. Chỗ mái cao có những cây cau, cây thốt nốt, chà là. Hoa bông giấy tím, hoa hoàng anh vàng mọc sức leo tới nóc. Hoa lan cả trăm loại như thuở nào trong vườn ông bà cố ngoại thời cụ Vĩnh còn thơ ấu. Hoa sen, hoa súng nở đầy hồ, có thứ lá to bằng cái nón quai thao. Người ta thả cả bèo Nhật Bản và rau muống Việt Nam. Nếu không bị cấm, chắc cụ Vĩnh đã với mấy bông sen gửi xem có thơm như sen ướp trà mạn miền Bắc không? Cụ có vài tấm ảnh chụp bên rặng tre trong vườn cảnh vĩ đại ấy mà người xem có thể nghĩ cụ vừa mới chụp ở Việt Nam.

Lần sau cùng vào mùa xuân năm ngoái, con cháu đưa cụ Vĩnh đi Longwood Gardens chỉ để xem những giàn hoa *Wisterias* màu tím từng chùm leo rợp lối dạo mát và hàng cây hoa *Paulownias*, nở hai bên đường từ cổng chính đi vào, trông giống như những cây hoa soan tím. Nhiều cây cối, hoa lá xứ nóng làm cụ Vĩnh cảm thấy gần gũi làng xưa.

Rõ lạ thật! Càng già lại càng hay nghĩ về thời trẻ. Đang đứng vườn mình, nhớ vườn người, vườn quê nhà. Mỉm cười với sự lan man, thơ thần, cụ Vĩnh lững thững đi vào nhà. Qua phòng riêng, lấy cặp kiềng đeo lên mắt, cụ nhấn máy *cassette* cho chạy băng nhạc ưa thích nhất. Với quyển sách trên kệ, cụ Vĩnh khoan khoái ngả lưng ghế bành bên cửa sổ thoả mái đọc. Thỉnh thoảng cụ buông cuốn sách uống nước trong cái ly luôn luôn có sẵn trên bàn bên cạnh. Con cháu nhắc nhở hoài, cụ phải uống nước nhiều để có đôi mắt sạch, đường tiểu trong, chất mỡ trong máu không bị thặng dư. Nếu trái lại, phải đi nhà thương khám xét cực khổ nhiều khi chẳng kiếm ra bệnh như trường hợp mấy cụ khác. Bác sĩ xứ Mỹ này cẩn thận lắm, hể nghi ngờ điều gì và bệnh nhân than đau chỗ nào họ phải làm đủ hết cách xem có bệnh không?

Biết cụ Vĩnh ham đọc, Hồng Hạnh đặt mua hằng năm nhiều sách báo cho mẹ. Thấy họ quảng cáo, giới thiệu sách mới, cụ Vĩnh bảo con gái gửi mua ngay. Mỗi lần theo con cháu đi tiệc cưới hay giỗ tết nhà họ hàng ở Virginia, cụ thích la cà các tiệm thực phẩm, tiệm sách. Cũng may cụ Vĩnh thích đọc, chứ không biết làm chi tiêu khiên tuổi già. Cuốn sách trên tay cụ đã đọc đi, đọc lại nhiều lần vì thương cảm nhân vật chính có phần nào vất vả giống cụ thời thanh xuân. Cụ Vĩnh thích đọc sách về quê hương, lịch sử, truyện có tính cách gia đình, xã hội, luân lý, đạo đức. Cụ đọc đến khi mỏi mắt thiếp đi, buông quyển sách trên người. Tiếng hát Thái Thanh qua bài “Đôi Mắt Người Sơn Tây” (Thơ Quang Dũng, nhạc Phạm Đình Chương), văng vẳng bên tai đưa cụ Vĩnh trở về thuở còn mang tên Phạm Thị Huyền...

Huyền sinh trưởng tại tỉnh Sơn Tây, nơi mà từ đó, qua những cánh đồng mạ thẳng tắp xanh non hay lúa vàng chín chạy dài hơn hai chục cây số, nàng có thể nhìn thấy dãy núi Tản Viên Ba Vì ở cuối chân trời. Ba ngọn núi huyền ảo đổi màu theo ánh chiều dương từ xanh nhạt sang xanh lam, và trong ánh tà dương biến thành tím sẫm. Khi trời trong sáng, những ngôi biệt thự Tây nghỉ mát hiện ra rõ rệt, tường trắng

mái đỏ, nhỏ như bao diêm nằm rải rác trên triền núi. Trong đêm âm u huyền bí, chập chờn những đóm lửa của người sơn cước đốt rừng làm rẫy. Dân làng Huyền trong mùa cấy, gặt, hội hè, đình đám nhộn nhịp tiếng hát ví von, cò lả tình tứ. Những ngày êm đêm vui vẻ ấy qua đi từ hơn ba phần tư thế kỷ vẫn như gần gũi đâu đây.

Huyền học tới lớp nhất trường tỉnh phải nghỉ, trông nom việc nhà, đỡ dằn cha mẹ. Nhưng khi Huyền vừa 14 tuổi, thân mẫu cô qua đời vì bị cảm hàn sau chuyến dầm mưa bão từ tỉnh về quê. Ba năm sau, thân phụ cô cũng theo vợ về nơi chín suối. Huyền được ông bà ngoại đem về nuôi nấng, dạy bảo công dung ngôn hạnh đủ điều, sửa soạn cho cuộc đời làm dâu, làm vợ, làm mẹ tương lai.

Khi hết tang, cô lọt mắt xanh chàng thư sinh tên Vĩnh, con quan tuần phủ. Nhà Huyền ở trước cửa dinh. Cậu Vĩnh để ý tới đôi mắt sâu to, cánh mũi thon nhỏ trên khuôn mặt nõn nà của người con gái mảnh mai, e lệ ra vào cổng kín then cài. Vĩnh làm quen với người anh và em họ Huyền để có dịp gặp giai nhân. Nhưng mỗi lần giáp mặt chàng, nàng lại cúi đầu làm thinh và đi nhanh hay chỉ dám nhìn lên chàng sau rèm. Tuy vậy, cô Huyền vẫn nhận thấy cậu Vĩnh trông thật khôi ngô, tuấn tú trong bộ soọc *tennis*. Chẳng biết có phải lòng cậu hay không mà cô cứ nghĩ tới hình dáng cậu hoài cả trong mộng ngày lẫn mơ đêm. Khi Vĩnh xin cưới Huyền, bà ngoại cô chẳng cần hỏi ý cháu gái, nhận lời liền. May mắn, đó cũng là niềm ước mơ của Huyền.

Sau đám cưới, tiểu thư họ Phạm được rước vào dinh. Khi quan tuần phủ nhậm chức tổng đốc tại tỉnh khác, cụ cất cử cậu Vĩnh trông coi đồn điền Thái Nguyên. Những năm ấy là thời gian hạnh phúc, sung túc nhất của cặp Vĩnh, Huyền. Đồn điền rộng bạt ngàn, trùng điệp. Mùa xuân hoa đào rừng nở đỏ thắm khắp nơi. Hằng chục người thợ, đồn cây, phá rừng lấy gỗ, làm than, trồng trà, hái trà, hái nấm hương. Hằng trăm trâu, bò, ngựa rải rác trên đồi cỏ. Heo, gà, vịt đầy chuồng. Công việc mở mang đồn điền phát đạt, phần chần.

Người làm công, thợ giúp việc được cô, cậu Vĩnh, đổi đãi hậu hĩnh, sung sướng lây.

Thế rồi, Nhật đảo chính, 1945. Đồn điền Thái Nguyên bị quân Nhật cướp phá. Gia đình Vĩnh, Huyền chạy xuống Bắc Ninh. Cụ Thượng về hưu, gọi con cháu về tụ họp tại làng Lim, quê nhà. Khi chiến tranh Việt Minh và Pháp bùng nổ, Vĩnh theo kháng chiến đi Việt Bắc. Huyền buồn và cô đơn với một nách ba con nhỏ là Quốc Việt, năm tuổi, Thục Hiền ba tuổi, Vân Hảo một tuổi. Nàng lại bị bà chị dâu chồng, vợ ông Đốc Thịnh luôn luôn khích bác, nói xấu Huyền nịnh hót mẹ chồng để bòn mót tiền của. Một hôm, không chịu đựng được sự vu khống, áp bức, Huyền thuê người gồng gánh Việt, Hiền và mang theo cô bé ở bế Hảo sang tá túc bên làng Lữ Hạnh để chờ chồng. Bà chủ nhà dạy cô nghề khâu dải yếm, sống qua ngày nuôi con.

Khi Tây tràn về ném bom, bắn phá làng Lim, nhà chồng chạy tới làng Lữ Hạnh, bốn mẹ con Huyền và người giúp việc chạy lên Bắc Giang. Mòn mỏi lo âu chờ tin chồng không thấy, năm 1950, Huyền đem con về Hà Nội.

Năm sau, Vĩnh chán ông Hồ Chí Minh, bỏ kháng chiến về thành sum họp cùng vợ con và dạy tại một trường trung học. Cặp vợ chồng trẻ Vĩnh, Huyền lại có đời sống đầy đủ, hạnh phúc. Trong khi ấy, bà Đốc Thịnh, người chị dâu chồng vẫn cố nắm giữ gia tài cụ Thượng, bị bệnh chết sớm. Vài năm sau, ông Đốc Thịnh nổi gót vợ, để lại hai đứa con thơ mà một đứa cũng yếu mệnh. Cuộc đời thật phù du. Người ta tham lam, ác độc, lúc nhắm mắt lia đời chẳng mang theo được gì, con cháu cũng không được hưởng phúc lộc.

Năm 1954, khi Nam Bắc phân chia, ông bà Vĩnh có thêm Ngọc Hoàn, bốn tuổi, Quốc Bảo hai tuổi. Họ đem năm đứa con bỏ Hà Nội, di cư vào Sài Gòn. Ông tiếp tục nghề dạy học. Ba cô, cậu nữa tuần tự ra đời, Quốc Trung, Nguyệt Hằng và Hồng Hạnh. Gia đình đông con, thanh bạch. Nhưng, oái ăm thay, khi cô con gái út vừa được ba tuổi, ông Vĩnh tử

thương vì mình Việt Cộng trên đường về từ Bà Rịa. Ông để lại người vợ góa 42 tuổi với tám đứa con mồ côi.

Một mắt mất mát lớn lao. Một đau buồn sâu rộng. Một lo lắng, hoang mang không cùng. Từ hồi nào đến giờ bà Vĩnh chỉ ở nhà săn sóc chồng con, không buôn bán làm ăn. Giờ đây biết xoay sở ra sao để nuôi tám đứa con thơ dại. Họ hàng nhà chồng đều khá giả, có chức nghiệp lớn. Nhưng tính khảng khái, bà Vĩnh không muốn cúi mình nhờ vả, cầu xin sự giúp đỡ của ai. Bà không có tiền mượn người giúp việc. Đứa lớn phải coi đứa bé. Bà ra chợ nhận đồ khâu may, mạng quần áo, ngày được vài đồng mua gạo và thức ăn nuôi con từng bữa. Mỗi đứa chỉ có hai, ba bộ quần áo thay đổi, rách lại được bà Vĩnh vá mạng. Đứa lớn mặc chật nhường cho đứa bé, cứ như thế đến khi cái áo nát tương. Vậy mà cô cậu nào cũng thi được vào các trường trung học công lập nổi tiếng Sài Gòn. Tất cả đều biết thân phận, chẳng kêu than, đua đòi, bà lại càng thương xót và cố gắng hơn để chúng vẫn được tiếp tục học hành đến nơi, đến chốn.

Người con trai cả rất giỏi, mộng ước học y khoa. Nhưng không đành lòng nhìn thấy mẹ cặm cùi từng đường kim, mũi chỉ nhỏ li ti bên ngọn đèn đêm vàng vọt, mạng mượn và mạng cả quần áo các con. Vừa đậu tú tài đôi, Quốc Việt ra nhập sĩ quan Không Quân. Khi được lương, chàng đưa mẹ hết, chỉ giữ lại vài chục đồng.

Nghĩ rằng con trai lớn cần có cuộc đời đứng đắn, chân chỉ, bà Vĩnh đi hỏi và cưới vợ cho Việt, chẳng cần ý kiến chàng. Chiều mẹ và biết người con gái bà chọn làm con dâu hiền lành nết na, nên chàng ưng thuận. Quốc Việt đưa mẹ và tất cả các em vào ở chung với vợ chồng chàng trong trại Phi Long, Tân Sơn Nhất, để đỡ tốn tiền nhà.

Khi Thực Hiện đậu bằng tú tài toàn phần, nàng xin được vào làm USAID (U.S. Agency For International Development) ngay. Cũng như anh, nàng đưa mẹ gần hết tiền lương. Bà Vĩnh bắt đầu thanh thoi, không lo thiếu thốn, không ngại họ hàng, bạn bè lánh mặt vì sợ bà nhờ vả, vay mượn. Bà Vĩnh

có cảm tưởng được rửa mặt bằng gáo nước mưa mát lạnh, lộc trời ban cho...

Cụ Vĩnh choàng mở mắt, không biết mình đang ở đâu. Tay đụng vào quyển sách rơi trên người, cụ mới biết vừa qua giấc mơ về quá khứ. Cụ đã có một ngày sống lại một đời đầy kinh nghiệm quý báu của một phụ nữ Việt Nam nhân đức, đầy nghị lực chịu đựng và can đảm vượt qua mọi hoàn cảnh thử thách khó khăn. Những giấc mơ ngày là thói quen, là cái thú của cụ Vĩnh khi căn nhà vắng vẻ, tĩnh mịch.

Cụ chẳng đòi hỏi gì hơn ở tuổi 80, bình yên, nhàn hạ bên đàn con cháu chất yêu thương. Trời cho sức khoẻ tốt, cụ vẫn đi thoăn thoắt, nói năng nhanh nhẹn, dễ ăn, dễ ngủ, không bao giờ mập và ít khi đau yếu.

Nhắc tới ăn uống cụ Vĩnh cảm thấy hơi đói. Một giờ rồi chứ còn gì. Buổi sáng đã ăn xôi vùng, bây giờ cụ đi làm một tô bún thang nhỏ có rau răm mới hái từ ngoài vườn. Cụ Vĩnh gạt hết mỡ trong nước dùng, nhúng một cái đầu tằm mắm tôm, cà cuống cho có vị thôi, ăn nhiều độc lắm. Ấy đấy, không ăn thì đói, mà ăn thì chỉ được một chén nhỏ đã thấy đầy bụng rồi. Nếu ở bên nhà, những người nghèo đói mà khản ăn như cụ thì may mắn cho họ biết bao.

Xong bữa trưa nhẹ, cụ rót chén lớn nước trà nóng đem ra ngoài thêm dưới hiên chờ người đưa thư và các cháu sắp về. Thằng Tuấn bảy tuổi học lớp hai. Con An chín tuổi, học lớp bốn. Thằng Đôn 11 tuổi học lớp sáu. Nó lớn như thổi và đã cao bằng bà ngoại rồi. Từ ngày tất cả con cháu ra khỏi Việt Nam, cụ Vĩnh chẳng có chuyện riêng tư gì để buồn lo. Tiếng cười nói của lũ trẻ làm vui cửa, vui nhà. Hạnh phúc con cháu cũng là của chính cụ.

Ngồi xuống ghế xích đu, cụ Vĩnh vuốt thẳng đôi ống quần rộng, hàng lụa thêu màu nước trà cụ đang uống. Đáng thanh lịch, cụ làm tăng vẻ nền nếp của bộ áo nhập cảng từ Sài Gòn. Đi đâu ra khỏi nhà, cụ vẫn còn trang điểm, thoa chút phấn trắng, phấn hồng, son đỏ, kẻ sơ đôi mày. Cụ đẹp lão, vui tươi trong bất cứ bộ áo dài, áo ngắn nào. Các chuỗi

hột, hoa tai, vòng, nhẫn vàng, hay cầm thạch cù đeo đều do con cháu mua tặng và ép cù làm đáng.

Cụ Vĩnh ngồi đó, trước hiên nhà, mơ màng nhìn những cụm mây trắng từ từ đổi hình dạng trên bầu trời xanh cao. Cụ thường đồ các cháu nhỏ tìm những đám mây có hình thù giống như thiên thần sơ sinh có cánh bay, hay lâu đài có tháp nhọn, con rồng, con chó... thuở cô Huyền nhỏ bé cùng các bạn tung tăng trên cánh đồng làng.

Bên kia đường là công viên nhỏ có ao rộng đầy cá rô to mập. Vài cặp vợ chồng già đang quăng cần câu cá. Cụ Vĩnh ước gì cá nhỏ hơn, xương mềm hơn để chiên giòn, ăn được cả xương và chấm tương Bắc chộn gừng giã thì tuyệt hảo. Nhưng xương cá rô Mỹ cứng quá, chỉ nấu canh cải xanh với gừng thì ngon. Jeff mỗi lần tới đây chơi thường thân chinh qua ao bên ấy câu, rồi đập chết và làm vẩy cá đem về cho cụ thả nồi nấu ăn liền. Chàng con rể Mỹ của cụ ăn được cả cá pháo, cả bát muối xối. Thực Hiền thật có phúc lấy được Jeff. Nhưng hề nghe ai nói vậy, Jeff đổi lại rằng: “Tôi mới là người có phúc cưới được Hiền.” Mỹ “miếc” cao lớn, cục mịch thế mà cũng biết nịnh vợ ra phết!

Qua cái ao cá tới cánh rừng rộng. Vào đầu mùa thu khi lá cây chưa ngả màu vàng, màu đỏ, đi dọc theo bờ rừng, hái được cả rổ những trái dâu dại màu tím, hay màu xanh thẫm. Cụ Vĩnh thường trộn dâu với đường và rượu *rum* để dành suốt năm ăn với cà-rem va-ni hay bánh trứng sữa ngon tuyệt vời. Cụ học được món trái cây ngâm rượu đó của cụ thông gia người Mỹ đấy.

Cụ Vĩnh lại nhớ thuở nào còn nhỏ, thường lang thang với mấy cậu em họ đi nhặt những quả nhội chín, hái những quả tót tiên hay bất cứ trái nào có thể ăn được ở hai bên đường làng. Phong cảnh vùng đồng cỏ bao la này như màn ảnh thiên nhiên rộng lớn, bốn mùa hiện ra trước mắt cụ Vĩnh nhiều hình ảnh kỷ niệm nơi quê cha, đất mẹ.

Chiếc xe thư tới đậu lại trước cửa nhà hàng xóm cách xa trăm thước. Cả con đường dài chỉ có bấy ngôi nhà dãy bên này và ba dãy bên kia. Khu xóm thật yên tĩnh. Người đưa

thư lái xe đến trước cửa, ngừng đầu lên chào cụ Vĩnh và bỏ thư vào thùng. Cụ vẫy tay chào lại với câu “thank you” rồi chậm chạp bước xuống đường lấy thư. Từ ngày qua đây, cụ Vĩnh học được nhiều câu thông thường và thuộc lầu lầu địa chỉ, số điện thoại của con cháu bằng tiếng Mỹ.

Bắt đầu từ năm nay, chính phủ có luật mới, chỉ trợ cấp xã hội cho công dân Mỹ. Cụ lo học thi vào quốc tịch đến muốn phát bệnh. Thằng Đôn sốt sắng chăm chỉ ôn bài với bà ngoại. Nhưng khi ông con cả đưa cụ Vĩnh đi thi, cụ được miễn vì cái tuổi 82 và vào đất Mỹ hợp pháp đã hai mươi một năm.

Nói gì thì nói, nước Mỹ này nhân đạo với người ngoại quốc lắm! Nếu ở lại Việt Nam sau tháng tư 1975, cụ không chết vì đói, cũng chết vì bệnh tật từ lâu rồi. Chứ đâu cứ ngồi đó mà lĩnh tiền già đều đều, khám bệnh hằng năm, xỏ mũi, nhức đầu một tí cũng đi làm nũng bác sĩ và mua thuốc bao nhiêu cũng chỉ phải trả một đô-la. Với tuổi gần đất xa trời, cụ chấp nhận nếu chẳng có ngày về cố quận. Niềm hoài hương vẫn thường bùng dậy trong lòng cụ như ngọn lửa sưởi ấm những căn nhà và cuộc đời kẻ lưu vong đã nhận nơi này làm quê hương thứ hai.

Đeo cặp kiếng lên mắt, cụ Vĩnh cầm nắm thư trong tay, vừa đi vừa soạn xem có cái nào của cụ không. Nhận được thư bạn bè, họ hàng ở xa cũng là nguồn vui. Đúng vậy, từ khi tám người con và gia đình đoàn tụ, an cư lạc nghiệp, quây quần trong vùng, cụ bắt đầu liên lạc và giúp đỡ người mới di cư tới hay người trong nước. Trong số đó có con gái cụ Đốc Thịnh ở lại Hà Nội từ năm 1954 và giờ đây sống rất eo hẹp. Gia tài cụ Thượng để lại bị Cộng Sản tịch thu ngay từ khi họ mới vào thành. Mỗi năm vài lần, cụ Vĩnh gửi tiền giúp người cháu chồng đó. Cụ chẳng hẹp hòi về chuyện ngày xưa bị bà Đốc Thịnh xử tệ vì sợ bà Vĩnh rút rĩa tiền bạc nhà chồng.

Hôm nay, cụ Vĩnh nhận được phong thư nhỏ viền màu xanh đỏ như cờ Pháp, cụ đoán ngay từ Việt Nam gửi sang, nhưng tên người gửi và địa chỉ Sài Gòn rất lạ. Trở lên hiên

nhà, ngồi xuống xích đu, cụ lấy cây kẹp tóc rạch phong bì, mở thư đọc và đi từ ngạc nhiên này tới sững sốt khác. Thì ra đó là lá thư bà con gái người bạn cũ tên Thanh từ thuở cụ còn nhỏ ở Sơn Tây.

Thư đại để viết rằng cụ Thanh vừa được địa chỉ cụ Vĩnh nên nhờ con gái viết thư hỏi thăm. Sau năm 1975, cụ Thanh theo gia đình con gái vào Sài Gòn lập nghiệp, đời sống nhiều vất vả, khó khăn. Hiện nay, cụ Thanh đang ốm đau, mất kém, tay yếu, nên nhờ đứa cháu gái viết hộ. Cụ rất mừng được tin cụ Vĩnh vẫn khỏe mạnh, sung sướng bên con cháu đầy đàn. Cụ Thanh gửi hình hai người bạn gái chụp chung với nhau tại Sơn Tây, trông như hai Kiều e lệ nép vào khóm hoa... tường vi. Cụ Thanh cho biết, bà mẹ cụ chết bên Nam Vang trong thời gian quân Khờ-Me đỏ biến xứ Cao Miên thành cánh đồng chôn tập thể hơn một triệu dân.

Cụ Vĩnh bồi hồi, cảm xúc nhớ lại thuở hoa niên, sớm mồi côi cả cha lẫn mẹ, được ông bà thân sinh ra Thanh đối xử như con mỗi khi Huyền đến nhà họ chơi. Huyền và Thanh thân nhau, coi nhau chẳng khác chị em ruột thịt. Dù sau khi cả hai lập gia đình, thời cuộc biến chuyển, họ vẫn tiếp tục giao thiệp thân thiết cho tới năm 1954, gia đình vợ chồng Thanh ở lại Hà Nội. Bà mẹ Thanh theo người con trai di cư vào Sài Gòn. Thịnh thoảng Huyền vẫn gặp cụ và hỏi thăm tin tức người bạn cũ.

Khi ông Vĩnh mất, bà Vĩnh phải bán hết các món nữ trang cuối cùng còn lại được bốn chục ngàn, để sang một xấp bán vải, quần áo ở chợ Vườn Chuối. Vì thân tình, bà Vĩnh nói cho mẹ bà Thanh biết ngày giờ đem tiền đi trao, lấy xấp hàng. Bà này theo tới nơi hẹn mua bán của bà Vĩnh, năn nỉ mượn tiền làm vốn đi Nam Vang buôn hột vịt lộn, một tuần sau sẽ trả thành 45 ngàn. Bà Vĩnh nhất định không chịu. Mẹ bà Thanh xông tới, cướp xấp tiền đó trong tay bà Vĩnh và chạy mất trong lúc bà Vĩnh đứng ngẩn ngơ, ú ớ như người bị bùa mê.

Từ đó, bà Vĩnh không còn thấy tăm hơi người mẹ bạn cũ đâu nữa dù đã tốn biết bao công sức đi hỏi thăm khắp vùng

Sài Gòn, Chợ Lớn. Thực vậy, bà Vĩnh như kẻ mất hồn khi bị giật món tiền duy nhất và quá lớn đối với bà. Không dám kêu than với ai, xấu hổ vì cái sự khờ dại, ngu ngốc của mình, bà đành nuốt sự tuyệt vọng tận cùng. Một thân, một mình mẹ góa con cô, chịu khó, chịu cực, bà kiếm từng đồng bạc đưa dắt chúng qua con túng bần.

Nhớ lại chuyện cũ, cụ Vĩnh vẫn còn toát mồ hôi, đầu óc choáng váng, cảm giác như vừa mới bị giật hết vốn liếng mà trong tay chẳng còn một đồng để nuôi tám đứa con thơ dại. Cụ run rẩy cầm ly nước trà đã lạnh ngắt và đưa lên miệng uống như muốn trôi đi kỷ niệm kinh hoàng ấy. Nhưng nghĩ lại, từ bao lâu nay, cụ Vĩnh đã được đền bù tất cả những gì bị cướp mất. Món tiền bốn chục ngàn đồng Việt Nam đó chẳng đáng gì so với sự các con cụ ngoan ngoãn, học hành giỏi dang, nên người mấy chục năm về trước và sức khỏe cùng sự bình an cụ đang được hưởng bên con cháu ngày nay trong cuộc sống vững vàng. Nếu không có lá thư người bạn cũ, cụ Vĩnh đã không nhớ tới sự việc kia.

Có lẽ cụ Thanh chẳng biết chuyện giật tiền đó của bà mẹ. Tối nay, cụ Vĩnh sẽ viết thư thăm cụ Thanh, nhưng sẽ không nhắc lại cái chuyện chẳng đẹp ấy. Cụ Vĩnh sẽ nhờ người quen ở Sài Gòn đi thăm và nếu cần, gửi tiền biếu người bạn thuở Sơn Tây ngày xưa. Con cháu mua sắm chẳng thiếu thứ gì, cụ vẫn để dành tiền già, giúp đỡ những người nghèo túng, hoạn nạn khác. Cụ Vĩnh nghĩ, cứ ăn ở tử tế với mọi người, sẽ gặp được sự tốt lành, để phúc đức cho con cháu.

Cái xe buýt vàng ngừng lại trước cửa nhà. Thăng Tuấn, con An, thằng Đôn nhảy xuống xe và reo lên, chạy tới bên cụ Vĩnh:

- Chào bà ngoại, chúng con mới về.
 - Bà ngoại ơi, bà đang làm gì đấy?
 - Sao hôm nay bà không ra *bus* dắt cháu vào nhà?
- Vẫn ngồi yên trên ghế xích đu, cụ Vĩnh trả lời Tuấn:
- Bà hơi chóng mặt, để bà ngồi nghỉ một lúc.

Thằng Tuấn nắm tay Cụ Vĩnh nũng nịu:

- Lát nữa bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe nhé?

Cụ Vĩnh hôn lên tóc đứa cháu ngoại nhỏ nhất:

- Ủ. Hôm nay cháu học giỏi không?

- Thưa bà, cháu được "A" bài tập đọc.

-Ồ Tuấn giỏi quá. Cả ba cháu đều giỏi và ngoan cả làm bà thấy khỏe lại rồi. Vào nhà bà cháu mình ăn táo hũ nước đường rồi bà kể truyện Lạc Long Quân và Âu Cơ cho nghe.

- Truyện Phù Đổng Thiên Vương nữa, bà nhé!

Gió chiều quán quít theo nhau lùa thổi qua thềm. Hương đồng cỏ nội ngọt ngào, thơm ngát, xua đuổi giùm cụ Vĩnh những chuyện không may dĩ vãng và vừa trở lại trong giấc mơ ngày. Tâm hồn thoát chốc thờ thối, nhẹ lâng, cụ khoan khoái hít thở một hơi dài. Cụ Vĩnh chỉ còn nhớ những kỷ niệm thân thương, tốt đẹp nhất trong cuộc đời.





CẦU AO
Tranh của Họa sĩ Nguyễn Đồng

QUA CẦU

Mai, Trâm, Diệp, Hạnh, Nga, Kim vừa kéo hành lý ra khỏi cửa máy bay đã thấy chị em Hồng, Hùng và ba, bốn người bạn chờ đón.

Sáu bà vừa từ Washington, D.C. tới phi trường San Francisco. Họ đi ăn cưới Hồng, bạn học cùng lớp ngày xưa, chưa có chồng bao giờ. Một sự hiếm quý và đặc biệt, gần như bắt buộc họ phải đi dự đám cưới này.

Bạn bè ra đón họ là vài người trong vùng San Jose. Họ lợi dụng tất cả cơ hội để được họp nhau “ôn cố tri tân.” Cô dâu Hồng tuy bận lắm, nhưng cũng muốn ở bên các bạn những giờ phút cuối cùng của đời người con gái. Hùng, em trai cô dâu là tài xế. Tất cả vừa ngồi yên trên xe, Kim đã neho neho từ băng ghế cuối cùng:

“Này cô dâu Hồng, đừng quên cho chúng tôi đi qua cầu Golden Gate đây nhé.”

Minh ngạc nhiên:

“San Jose ở phía nam, sao lại phải đi ngược lên Golden Gate phía bắc.”

Nga lên tiếng:

“Dạ chúng em tuy là người *out-of-state* cũng biết điều đó. Nhưng Mai, Kim và Hạnh, người thì mới từ Sài Gòn sang được hai năm, người năm rưỡi, người 6 tháng, đã qua bao nhiêu cầu đáng cay, nhục nhằn với Việt Cộng. Chúng em chưa được qua cây cầu tự do ước mơ Golden Gate, nên chúng em đã phải bay suốt đêm, tranh thủ thời gian đi trên cầu Công Vàng nổi tiếng này cho bổ công tới đây ạ.”

Lan có vẻ áy náy:

“Nhưng cô dâu đang xốn xang, hồi hải với việc lên xe bông mà còn bắt tội nó đi đón, đi chơi nữa. Để nó dưỡng sức chứ.”

Hạnh phản đối:

“Hôm nay con Hồng còn là của chúng mình, phải khai thác nó triệt để, không phí của giời.”

Trâm kể công:

“Cô dâu phải nhớ rằng cái tình chúng tôi đối với cô dài hơn 20 năm nay. Còn chú rể nhà cô mới hơn một năm thôi, không sâu đậm, nặng nề bằng chúng tôi đâu.”

Loan ồm ờ:

“Ồ hay! Sao bạn lại biết không sâu đậm, nặng nề nhỉ?”

Mười mấy cái miệng cùng phá lên cười một lượt. Kim thấy rằng cần phải can ngăn dòng tư tưởng của mấy bà xồn xồn:

“Này các bạn, ở đây còn có tài xế khác phái nữa đấy nhé. Coi chừng chàng mất thăng bằng tay lái bây giờ!”

Tiếng cười nói của đám phụ nữ trong xe như muốn đâm thủng màng nhĩ Hùng. Tuy gương lạ lạc giữa rừng hoa, người đàn ông độc nhất trong xe chẳng phiền hà gì mà trái lại còn rất thích thú. Hùng chỉ cười mím chi và lo cho cái *van* 14 chỗ ngồi tranh cướp từng tấc đường để ra khỏi dòng xe cộ đông đúc quanh phi trường. Ngồi bên cạnh tài xế, Hồng ngoái cổ lại, cổ nói lớn để các bạn nghe:

“Yên trí lớn, các bạn vẫn luôn luôn là con tính cộng trong đời tôi. Dù bận lắm, hôm nay tôi hoàn toàn dành riêng cho các bạn. Mọi việc có Phan và nhân viên khách sạn cùng họ hàng hai bên lo tất cả.”

Thực vậy, người chồng hai ngày nữa cưới của Hồng là chủ khách sạn nhỏ trên ngọn đồi nhìn xuống thung lũng hoa vàng mùa xuân. Phan sang Mỹ du học và kẹt lại xứ người vì biến cố 30 tháng Tư năm 1975. Chàng kết hôn với một nữ sinh viên cùng trường, nhưng góa vợ từ 9 năm nay. Phan thương tiếc người vợ quá cố, không có ý định lập gia đình cho đến khi Hồng vào làm giám đốc kế toán khách sạn của chàng.

Nhà băng Hồng làm việc 10 năm bị sát nhập với một ngân hàng lớn hơn. Hồng mất việc như nhiều đồng nghiệp khác. Nàng đọc mục cần người của khách sạn Green Hill và đến xin việc. Hồng không ngờ ông chủ lại là người Việt. Phan nhận Hồng ngay. Chỉ vài tháng sau hai người đã hò hẹn và một năm sau thì tính chuyện cưới. Vì thế, hôm nay, nhóm bạn học cũ có dịp đi chơi và gặp gỡ nhau như một buổi họp bạn lớn. Ngày mai, mười mấy người thuộc nhóm Nam California lái cái *van* khác lên đây và nhóm Texas bay tới, chưa kể rất nhiều bạn quanh vùng San Francisco và San Jose sẽ có mặt trong đám cưới.

Quay sang Hùng, Hồng dặn:

“Em đi Golden Gate cho các chị nhé!”

Vẫn nhìn thẳng đường, Hùng kiêu hãnh nắm tay lái, cảm vận mệnh mười mấy bà cụ nữ sinh Trung Vương chứ ít gì:

“OK! Hùng sẽ đưa các chị qua cầu bình yên vô sự với những hình ảnh và kỷ niệm đẹp, chứ không phải là cây cầu khổ ải các chị trải qua trong cuộc đời đâu.

Rồi Hùng cao hứng ngâm:

*"Hà Nội 36 phố phường, lòng anh chỉ có một trường
Trung Vương." (Thơ Lưu Huy Cảnh.)*

Cả xe nhao nhao:

“Này, xạo nó vừa vừa chứ! Thuở Hà Nội thì Hùng còn đánh đinh, đánh đáo, biết cái chi chi mà thơ với thần, lòng anh với chả lòng em.”

“Có chẳng liếc mấy cô bé trường tiểu học Hàng Cót, Hàng Kèn thôi! Sức mấy dám tơ tưởng tới các chị Trung Vương đây.”

Hùng vẫn thông thả nói trong mơ mộng:

“Nhưng bây giờ Hùng đã biết nhiều chuyện rồi, và tình yêu không tuổi tác. Nếu Hùng nói, Hùng mê một chị nào đang ngồi trong xe thì đã sao?”

Cái xe hình như muốn vọt bay lên không gian và nổ tung theo những tiếng rú, tiếng cười rộn rã...

Nhàn dọa người em bạn:

“Hùng coi chừng, tôi mách bà xã đấy!”

“Hùng chẳng sợ. Bà ấy cũng mê nam tài tử, ca sĩ Mỹ, Việt như điên. Ai mộ một nữ sĩ, một mỹ nhân cũng là chuyện thường. Ở xứ tự do này, người ta không bị ngăn cấm và kiểm soát tư tưởng như các nước Cộng Sản đâu.”

Tuy nhiên, Hùng vẫn bị các bạn của Hồng xúm lại cảnh cáo:

“Các bà vợ, các ông chồng có mê kẻ nào trong tâm hồn, tư tưởng thì cũng OK, cho phép, không thêm kiểm soát. Nhưng nếu đòi thực hành thì coi chừng pháp luật nước Mỹ à!”

“Những quý vị đã bị ràng buộc rồi thì chỉ nên “kính nhi viễn chi” kẻ khác cho đẹp thôi. Chớ nên ngang nhiên tự do mê đắm ngoại tình, bất chấp luân thường đạo lý như ông thái tử Anh đã giết chết một đời Diana.”

“Ngay cả Tổng thống Clinton cũng bị phanh phui, nghiêng ngửa vì cái tật lén phét đấy.”

Biết rằng mười đánh một chẳng chột cũng què, Hùng làm bộ lễ phép, hòa bình cho qua chuyện:

“Dạ, Hùng xin tuân lệnh, chỉ ngưỡng mộ các chị *xa xa như hoa thiên lý thôi*.”

Ai mà không biết phần tiếp theo của câu ví von đó là *đến gần như quỷ dạ xoa*? Nên tiếng cười lại vang lên. Cái xe *van* như cũng vui lây, chạy bon bon trong làn sóng xe cộ. Khi được thanh thoi, xa chồng con, không phải hầu hạ họ, các nàng gặp nhau còn nhiều chuyện hấp dẫn lắm.

Sau những thăm hỏi nhau về chuyện gia đình, nhà cửa, công ăn việc làm, các bà chuyển sang các việc khác. Người cắt xén, đánh móng chân, móng tay. Người xem chỉ tay, bói bài tây, xem tướng cho bạn. Người đem nữ trang mới mua được ra khoe và cho bạn mượn đeo trong đám cưới. Vì quần áo để trong va-li còn khóa và chồng chất lên nhau, chứ không đã bị lục tung ngay ra trong xe. Chuyện cho hoặc cho mượn quần áo cũng rất thường trong nhóm bạn Hồng. Họ không có mặc cảm giàu nghèo, cao thấp và coi nhau như chị em ruột.

Bây giờ các bà đang có màn nắn bóp bả vai, cạo gió lưng cho nhau. Mùi dầu khuynh diệp át cả mùi son phấn.

Người lơ đãng nhìn ra hai bên đường, hay lim dim suy nghĩ về trường hợp lên xe hoa muộn của Hồng. Người mơ màng, tâm sự về thuở hẹn hò, cô dâu mới cưới, hạnh phúc đầm thắm vòng tròn hay bụi ngùi với những dạn nứt, đổ vỡ, hoặc nửa đường đứt gánh, mẹ góa con cô của các bạn khác hay riêng mình. Tất cả những kinh nghiệm vui buồn về hôn nhân mà các bạn đã qua cầu sẽ xảy tới với Hồng chăng? Nhưng hãy chỉ biết tới đây để chúc tụng nàng những điều tốt đẹp nhất mà thôi.

Hùng nhìn Mai đang cạo gió cho Trâm qua kính chiếu hậu và nghĩ thầm: “Các bà có vẻ tín nhiệm mình”. Chàng đặt “tape” nhạc vào máy. Những tiếng hát Khánh Hà, Ý Lan, Thanh Lan, Vũ Khanh đặt diu, tình tự như ru ngủ. Các bà vừa bớt nói, hay hạ thấp giọng được một lúc rồi lại xôn xao:

“Có phải cái cầu Golden Gate kia không?”

“Đúng rồi, cầu Cổng Vàng của tụi bay đó.”

Cầu Golden Gate bắc ngang cửa Vịnh San Francisco và Thái Bình Dương, có nhịp treo dài nhất và hai tháp cao nhất thế giới. Cây cầu đồ sộ, đặc biệt sơn đỏ, màu sắc Đông Phương, phải chăng số người gốc Trung Hoa rất nhiều ở đây? Trong buổi sáng đầu xuân, giữa thời tiết nóng lạnh chuyển mùa, vịnh nước bát ngát bốc hơi mịt mờ, một cây cầu khác và vài đảo nhỏ xa xa thấp thoáng trong sương mù, bông bênh như nổi trên mây. Khách tha phương ngơ ngẩn ngắm phong cảnh mông lung hay đưa máy hình lên chụp qua cửa kính. Tiếng Kim than tiếc trong măn nguyện:

“Ta đợi em từ ba mươi năm, Uống hoa phong nhụy, hoài trắng rằm, (Thơ Vũ Hoàng Chương, 1916-1976).

Gần nửa đời, Cộng Sản mới cho ta đi để gặp cây cầu trong mộng.”

Cả bọn thán phục nhìn nàng Kim cay đắng “xuất khẩu” thành thơ Vũ Hoàng Chương. Xe đi lên cầu. Có tiếng Diệp ngồi hàng ghế giữa:

“Bây giờ mà động đất nhĩ?”

Loan thần nhiên:

“Thì rớt hết xuống vịnh nước chứ sao!”

Có vài tiếng rú nhẹ, mấy cặp chân co lên ghế ngồi. Có tiếng sợ hãi thật sự:

“Tụi bay ơi, tao không biết bơi!”

“Tao biết bơi nhưng có lẽ chết trước khi rơi xuống nước.”

Kim than tiếc:

“Ta đang muốn biến vào mây khói thì tụi bay ném ta xuống nước làm ta sặc sụa, vỡ mộng rồi!”

Người yêu năm xưa của Kim du học tại California, đã gửi về cho nàng tám bưu thiếp có bốn hình cầu Golden Gate, một trong sương sớm huyền ảo, một trong mây trưa xanh biếc, một trong hoàng hôn rực rỡ, một trong ánh sáng điện đêm hoa lệ và viết rằng: “Ước gì anh có em cùng đứng bên trên cầu Golden Gate đẹp như trong tám hình này.” Khi về nước, chàng chưa kịp cưới Kim, đã bỏ mình trong một cuộc phục kích của Việt Cộng. Kim có chồng khác, nhưng lại phải sống trong cảnh:

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời

Ái ân lạt lẽo của chồng tôi

Và từng thu chết, từng thu chết

Vẫn giấu trong tim một bóng người

(Trích trong bài thơ “Hai Sắc Hoa Ti-gôn” của T.T.Kh.)

Hạnh biết người chồng bệnh tật lâu năm của Kim nên gắt Diệp, Loan để xua đuổi nỗi buồn của người bạn kém may mắn:

“Phỉ phui cái miệng tụi bay. Đi chơi không nói chuyện gở nghe!”

Nga trấn an các bạn:

“Quý vị yên tâm, cam đoan không có động đất. Tôi sang California nhiều lần, chẳng bao giờ thấy đất động dậy cả.”

Hùng cũng can thiệp vào cái không khí u ám trong xe. Chàng vận băng nhạc lớn hơn. Bao nhiêu cái miệng tự nhiên im bật và những cái tai lắng nghe:

... Thu giăng heo may cho bóng cây lạnh đây, Người cho em nghe câu nhớ thương từng ngày... Những ngày đợi chờ

*người qua cơn mưa trong nắng ngậy thơ, trong gió vu vơ.
Trung Vương hôm nay mây vẫn giăng đầy trời, Công viên
năm xưa hoa vẫn rơi tuyết vời...*

Tuy bản nhạc ngoại quốc được Ca sĩ Nam Lộc chuyển ngữ, nhưng cái tựa đề “Trung Vương, Khung Cửa Mùa Thu” đã làm bồi hồi nhiều trái tim cựu nữ sinh từng học tại ngôi trường trên đường Nguyễn Bình Khiêm, gần Sở Thú Sài Gòn. Tác giả lời Việt phải có tâm sự với một nàng Trung Vương nào?

Mai thở dài:

“Các bồ biết không, hồi còn ở Sài Gòn, mỗi khi nghe bài này sao tôi buồn và chán đời thế, chỉ muốn tự tử thôi! Chồng chết trong tù, một mình buồn thủng bán bụng nuôi con. Dân Trung Vương yếu điệu thực nữ cũng ngồi đường bán bánh tôm, bán bún riêu, bánh đúc như ai mà vẫn thiếu thốn cùng cực. Nếu có cái cầu Golden Gate này ở Sài Gòn ta đã nhảy xuống từ lâu rồi.”

Nga bắt chuyện:

“Nói thì mạnh miệng thế. Chứ bạn có ba bốn đứa con, nhảy xuống sông rồi lại kêu cứu và nếu chết thì ngày nay bạn làm sao đem chúng sang được tới đất nước này.”

“Ừ, đúng vậy. Vả lại, tôi có cháu trai nhỏ đi theo gia đình nhà chồng hồi tháng tư 75, từ lúc nó mới năm tuổi, nên tôi nhất định phải sống để gặp nó.”

“Bây giờ cháu ở đâu?”

“Cháu đang học ở Fresno.”

“Ở phía nam đây thôi, không xa San Jose lắm nhỉ?”

“Vì thế tôi mới đi theo các bồ và đi thăm cháu luôn thế.”

Trâm ngạc nhiên:

“Tụi mình ở đây ba ngày rồi về. Tối mai party bạn gái cho Hồng. Tối mốt đám cưới và ngày hôm sau về rồi. Bạn định ở lại đi thăm cháu hay sao?”

“Không. Tôi sẽ không dự đám cưới. Sáng mai tôi lấy xe buýt đi Bakerfield, nơi gia đình họ nội cháu Linh ở và gọi

cháu về gặp tôi. Rồi tôi lấy xe buýt ra thẳng phi trường San Francisco và trở lại Virginia cùng với các bạn.”

Lan có vẻ chú ý đến chuyện của Mai nhiều hơn:

“Thế không sợ Hồng giận bạn sang đây mà không đi dự đám cưới nó ư?”

“Hồng tốt lắm! Tôi nói rằng từ ngày qua đây chưa đi thăm con được vì đã dư giả đâu mà đi chơi, đi ăn cưới. Nên Hồng trả tiền vé máy bay cho tôi và sẽ nhờ Hùng đưa tôi ra bến xe buýt sáng sớm mai. Nó cũng gọi điện thoại và “dần mặt” họ nội cháu phải tiếp đón tôi đàng hoàng.”

Thế rồi trên những nhịp cầu treo lơ lửng bắc qua Vịnh San Francisco ấy, Mai đã cho rơi những mảnh tâm tình chất chứa trong lòng nàng từ những ngày còn hững hờ lá me rụng vào nón trên con đường hẹn hò Nguyễn Bình Khiêm với Tuyên. Hai người yêu nhau. Tuyên xin cha mẹ hỏi cưới Mai làm vợ. Nhưng ông bà nhất định phản đối vì gia đình Mai không “môn đăng hộ đối”, mặc dù rất giàu có.

Sau khi đậu cử nhân khoa học, Tuyên được bổ lên dạy trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Mai vào Đại Học Văn Khoa. Ra trường nàng được dạy Anh văn tại Sài Gòn. Bà mẹ Tuyên vẫn không chấp thuận cho Tuyên cưới Mai. Bà một mực muốn con trai phải cưới tiểu thư con gái một ông tướng. Tuy nhiên, hai kẻ yêu nhau vẫn tiếp tục liên lạc thư từ và gặp gỡ mỗi khi Tuyên được về phép. Sau cùng, Mai xin đổi lên Đà Lạt dạy học và hai người tự làm đám cưới mời bạn bè, không có cha mẹ đôi bên tham dự.

Những đứa con của yêu thương kết hợp lần lượt ra đời. Tuyên tự lo việc tắm rửa, thay tã, thức đêm cho con bú sữa năm đầu tiên. Chàng là người chồng biết chia sẻ vất vả nuôi con với vợ và người cha tận tình săn sóc các con. Hạnh phúc tưởng như ở mãi với Mai và Tuyên, không bao giờ chấm dứt...

Nhưng rồi Sài Gòn thất thủ. Ngày 30 tháng Tư, Linh, đứa con trai thứ tư của Mai đang ở chơi nhà cha mẹ Tuyên, được ông bà nội đem theo xuống tàu và di tản sang Mỹ. Tuyên bị đi tù khi đứa con út vừa được mấy tháng. Mai xức

xạo kiếm tin tức chàng và là người vợ đầu tiên tìm được chồng trong trại tập trung. Tuyên bị bệnh, lại thiếu ăn nên kiệt lực. Mai phải vắt sữa ra chén cho Tuyên uống. Nhưng Mai chỉ cứu chồng hồi sinh lúc đó. Ít lâu sau Tuyên vẫn không qua khỏi bạo bệnh và chết trước khi bị đưa ra Bắc. Một lần nữa Mai lại mang tiếng sát phu trong những lá thư gia đình nhà chồng gửi về trong thành phố đã đổi tên.

Từ đó đến nay, Mai viết không biết bao nhiêu thư cho Linh, vừa bằng tiếng Việt, vừa bằng tiếng Mỹ nhưng chẳng bao giờ được hồi âm. Khi vừa sang tới Virginia cách đây sáu tháng, do người em bảo lãnh, Mai gọi và viết thư ngay cho đứa con trai xa cách 15 năm. Không lá thư nào được trả lời. Những cuộc điện đàm ngắn ngủi, có vẻ miễn cưỡng với Linh, giống như Mai đang nói chuyện với một đứa bé nào xa lạ, không hề biết nàng là mẹ nó. Tuy vậy, Mai cũng hiểu Linh không có tiền mua vé máy bay đi thăm mẹ và chị em. Học bổng kể cả tiền làm việc cho nhà trường, chỉ đủ tiền học, sách vở và tiền ăn ở. Mai mua vé cho Linh, nó cũng không chịu nhận.

Vì sẵn có vốn Anh văn, vì là cột trụ gia đình, Mai bắt buộc phải bạo dạn, xông xáo đi làm ngay cho một tiệm tạp hóa nhỏ, sau vài tuần tới đất Mỹ. Nàng nhờ người xin ba đứa con vào trung học, đại học trong vùng. May mắn hơn nữa, nhà người em rộng rãi ở nhờ được nên Mai cố chất chịu để dành tiền đi thăm Linh. Thì nay cơ hội vừa tới...

Xe *van* đi hết cầu thì quay trở lại, vì các bạn thông cảm với cô dâu, một thân trăm mối trước ngày cưới. Bao nhiêu việc đang chờ đợi Hồng, kể cả chú rề chốc chốc lại gọi nàng qua điện thoại cảm tay.

Băng nhạc trong xe vẫn đều đều phát ra những bản nhạc quê hương, tình cảm buồn da diết. Vài giọng hát theo. Bỗng dung Loan đề nghị:

“Tại sao tụi mình không đồng ca bài nào vui để kỷ niệm chuyến qua cầu gió bay này nhỉ?”

Hạnh đồng ý:

“Phải đấy. Nhưng chúng mình có thuộc bài nào đâu mà hát.”

Nhàn cãi:

“Bài *Trung Nữ Vương* thì đưa nào mà không thuộc.”

Nga hăng hái thêm ý kiến:

“Chúng mình xuống kính xe, hát cho thật lớn để tiếng vang bay ra ngoài vịnh, ra ngoài biển cả. Biết đâu thần giao cách cảm, non sông đất nước, trường cũ, bạn xưa bên nhà sẽ cảm được tiếng hát chúng mình.”

Thế là tất cả đều hướng ứng quay cửa kính xuống, mặc gió lạnh lùa vào xe. Chẳng biết có thần nào giao cảm qua nửa vòng trái đất không, nhưng nhiều người trong các xe khác nhìn sang cười thân thiện với cái xe vang tiếng hát ngoại quốc. Những người phụ nữ Á Đông duyên dáng, trong một phút vui vẻ, trẻ trung, quên hết sự đời, đã vẫy tay chào và cười đáp lễ khách qua cầu. Lời ca hùng tráng bay bổng vào không trung:

*Trung Nữ Vương lau phấn son mưu thù nhà,
Mài gươm vang khúc toàn thắng hùng ca,
Thu về giang sơn cho lòng uy gái Nam,
Bầu trời Á sáng ngời ánh quang...*

(Trích trong bài ca *Trung Nữ Vương* của Thẩm Oánh.)

Buổi tối hôm đó, các bạn học cũ của Hồng từ xa tới đều ở khách sạn Green Hill. Trước khi đi ngủ, bạn bè gom góp được hơn một trăm Mỹ kim cho Mai thêm tiền đường đi thăm con trai. Lỡ không được họ nội thằng bé Linh đón tiếp tử tế, Mai có tiền ở khách sạn. Bạn bè lo Mai mới từ Việt Nam sang, chưa biết đường đi nước bước bên Mỹ ra sao lỡ gặp chuyện nguy hiểm. Nhưng họ yên tâm với vốn sinh ngữ của cựu giáo sư Anh văn và Mai cương quyết rằng:

“Đường đi ở cửa miệng. Tôi đã sống sót trong địa ngục Cộng Sản với hai bàn tay trắng thì sợ gì đường đi trong đất Mỹ này để gặp con tôi. Nếu thằng bé không về nhà nội nó để gặp mẹ vì không đi nhờ xe ai được hay vì một lý do nào khác, tôi sẽ đến tận trường gặp nó.”

Với lòng thương nhớ nung nấu, mong mỏi gặp lại con trai, sáng sớm hôm sau Mai lên xe buýt trong sự hồi hộp đợi chờ của các bạn và của chính nàng. Nhưng tối đó, Mai gọi điện thoại về báo tin mọi sự tốt đẹp. Bạn bè thở phào yên tâm và mừng vui cho Mai.

Ba ngày hôm sau nhóm bạn từ Virginia mừng rỡ gặp lại Mai bình yên, vô sự tại phi trường San Francisco. Mai làm cho gia đình nhà chồng cảm xúc sự can đảm, quyết tâm đi gặp con sau bao nhiêu năm xa cách.

Linh không còn bé nữa. Cậu cao lớn hơn mẹ cả một cái đầu. Dù con ngỡ ngàng, mẹ vẫn cứ ôm chặt nó khóc sụt sùi. Nàng chẳng cần cố gắng, tình mẫu tử thể hiện tự nhiên, rõ rệt. Nàng đi vụng về trong những điều kiện thật eo hẹp. Đã sinh con, Mai hiểu bổn phận người mẹ phải biểu lộ tình thương yêu đối với con trước chứ không đợi xem con có yêu thương mình không. Nàng tin rằng, không sớm thì muộn, nàng sẽ lấy lại được tình yêu mẹ của Linh...

Một năm sau Mai làm quản lý nhà hàng. Nàng cố gắng dành dụm, mua trả góp cho Linh cái xe hơi mới tinh mặc dầu nàng chỉ lái cái xe cà tạch cà tàng của người em để lại.

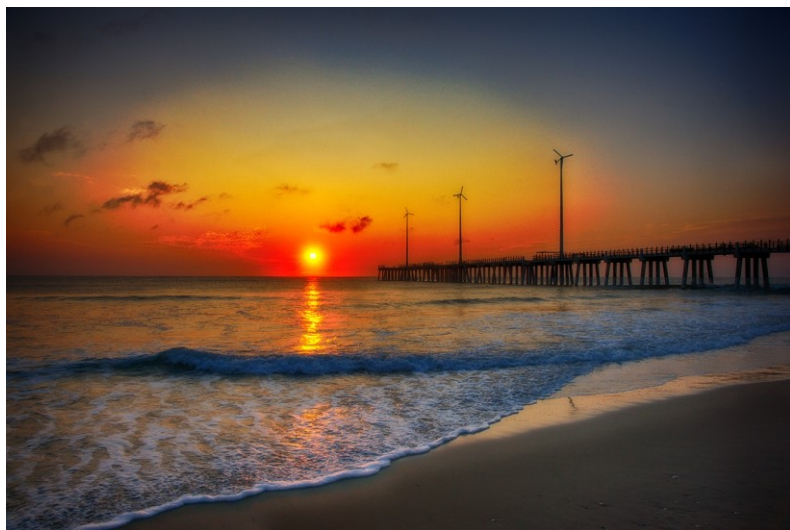
Định cư tại Virginia 5 năm, Mai và ba người con lớn hùn nhau mua cái nhà đủ chỗ cho năm mẹ con. Linh ra trường và dọn về Virginia sống với gia đình. Mẹ con, chị em ruột thịt đoàn tụ. Mai thật sự mãn nguyện. Tình yêu người chồng quá cố vẫn chưa phai mờ trong tim. Nàng có cảm tưởng linh hồn Tuyên còn vương vấn, luôn luôn theo phù hộ mẹ con nàng.

Thăm thoắt lại tới Đại Hội Hoa Anh Đào Trung Vương Hợp Mặt vùng Hoa Thịnh Đốn. Tên trường Trung Vương và đồng phục màu lam vừa được 50 tuổi. Hằng trăm cựu nữ sinh vui tươi trong áo dài xanh biếc da trời với quần trắng thướt tha đổ về thủ đô. Họ lại được dịp tíu tít gặp gỡ thầy, cô, bạn cũ và mừng thượng thọ vị cựu hiệu trưởng, cụ bà Tăng Xuân An, năm nay đã 94 tuổi.

Đôi uyên ương mới nhất Hồng, Phan cũng có mặt trong đại hội. Chàng trai trẻ Linh là tài xế lanh lợi khắp ngã

đường và nhiếp ảnh viên mau mắn cho bạn bè của mẹ ở mọi nơi hội họp, mọi danh lam thắng cảnh.

Bao nhiêu kỷ niệm được nhắc nhở, hàn huyên; chuyện đi dự đám cưới Hồng, hai mươi người bạn học cũ ồn ào, náo nhiệt trong phòng rộng nhất, sang trọng nhất khách sạn; chuyện Mai oanh liệt đi thăm con trai; chuyến qua cầu Golden Gate, tiếng đồng ca *Trung Nữ Vương* vang vọng trong đất trời, biển cả ...



CHIỀU XUỐNG BIỂN ĐÔNG
Hình của Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Linh

MƠ VỀ SÔNG HƯƠNG

Văn bách bộ xuống đồi bỏ bài biên khảo vào thùng thư gửi cho một tạp chí ở Dallas. Chàng đi xa thêm vài quãng đường ngắn cho khỏe người rồi lên dốc trở về nhà. Xóm cư xá hai tầng mới xây cất trên ngọn đồi xanh cỏ, thưa bóng cây khuynh diệp, thốt nốt, chà là. Hoa bông giấy tím, đỏ, vàng leo rậm những bức tường màu hồng. Hoa tường vi đã tàn lụi gần hết. Nhưng hoa dâm bụt vẫn rực rỡ khoe màu. Những bụi hồng tươi thắm. Miền Nam California đã vào giữa tháng mười, vẫn còn nóng.

Văn cảm thấy thoải mái, dễ chịu hơn khi bước vào căn nhà còn thơm mùi sơn mới. Chàng mở tủ lạnh, rót ly nước cam và khoan khoái uống hết một hơi. Nhìn thấy mây chầu hoa lan, hoa nhài, dạ hương, thủy trúc bị bỏ quên, chàng lấy nước cho chúng uống ngầm một ý nghĩ xin lỗi Trâm, người vợ qua đời cách nay ba năm. Khi nàng còn sống, Văn chẳng bao giờ để ý tới mấy thứ hoa lá đó. Nhưng bây giờ Trâm không còn, chàng thay thế nàng săn sóc chúng và có cảm tưởng chúng mang linh hồn nàng.

Thường những ngày cuối tuần Văn đi tham dự các buổi giới thiệu văn, thơ, diễn thuyết văn hóa hay đi thăm con cháu, bạn bè. Hôm nay không có mục gì đáng chú ý. Con cháu có chương trình riêng của chúng. Văn chẳng biết làm gì cho hết buổi sáng thứ Bảy vô vị. Chàng ra phòng khách ngả người trên ghế bành và lật giở mấy quyển sách, báo.

Bỗng tấm ảnh nữ thi sĩ bên bài thơ của nàng như nhìn và cười với Văn. Chàng đem tập báo ra trước bàn vi tính. Văn không có cảm hứng và không định viết gì. Chàng chỉ muốn ngắm bức tranh cùng một tác giả treo trên tường phía trước bàn làm việc.

Văn mua bức tranh đó ở hội chợ tại trường Đại Học Maryland, nhân dịp đi dự đám cưới cô cháu. Nhiều tác giả gửi sản phẩm thủ công nghệ, mỹ nghệ, sách truyện, thơ, nhạc, báo, tranh, ảnh... bán lấy tiền giúp quỹ xây dựng Làng Việt Nam tại Phi Luật Tân. Hình như tuổi càng cao, người ta càng ở ngoại quốc lâu, không về thăm quê hương, lại càng nhớ. Văn chú ý tới bức tranh nhan đề “Mơ Về Sông Hương” với bóng dáng thiếu nữ áo dài trắng, tóc thề ngang vai, lưng tựa thân cổ thụ. Nàng mơ màng nhìn dòng sông Hương êm đềm, lơ lửng. Xa xa bên kia bờ, tím nhạt tháp chùa Thiên Mụ in trên nền trời bao la, mờ mờ sương khói. Tên họa sĩ Tô Hoa thật xa lạ với chàng. Nét vẽ mềm mại, bay bướm, màu sơn nhẹ nhàng, uyển chuyển thể hiện căn bản nghệ thuật, không phải là loại tranh trang trí, sản xuất hàng loạt.

Văn muốn có vài bức tranh cảnh cũ, đất xưa treo trong nhà để cuộc sống tha hương thêm chút ấm cúng, gần gũi quê nhà. Nhất là bức tranh mang hình ảnh Trâm. Tuy nhiên, giá của bức tranh khiến chàng lưỡng lự. Người bán hàng quảng cáo họa sĩ Tô Hoa còn là nữ thi sĩ rất quen biết trong vùng Hoa Thịnh Đốn và chỉ cho Văn xem thơ với hình nàng trong tập san được bày bán trên bàn. Văn vừa đọc nhanh bài thơ dài, vừa nhìn tấm hình và quyết định mua cả tranh lẫn báo.

Trở lại California sau khi treo bức tranh lên tường, Văn quên ngay cái tên Tô Hoa vì bận đi làm thư viện, trông coi ban Việt ngữ, đọc và mua sách của các tác giả Việt Nam trong và ngoài nước. Ngoài ra, chàng phải hoàn tất mấy bài viết đã hứa với vài tờ báo. Cho tới hôm nay, trong lúc tâm hồn trống rỗng, Văn chợt nảy ý muốn nói chuyện với người nữ họa sĩ có đôi mắt trong sáng, nụ cười hồn nhiên bên cạnh bài thơ “Những Mùa Thu Quê Hương” trong tập báo.

Chàng tiếc không có số điện thoại hay địa chỉ của nàng. Một tia hy vọng lóe sáng, Văn bỗng nhớ tới Minh, cô em họ ở Maryland. Chàng nhắc máy nói và nhấn số. Sau một hồi thăm hỏi nhau thường lệ, Minh đã cho Văn số điện thoại của Tổ Hoa với lời cảnh cáo:

“Người ta có chồng đấy. Xa nơi có vợ tránh nơi có chồng, nghe anh.”

“Anh mới mua bức tranh của bà ta nên muốn tìm hiểu về tác phẩm. Xa xôi thế này, làm gì được! Những ngày nghỉ thật buồn, anh muốn chuyện trò với mọi nơi cho vui thôi. Em đa nghi quá!”

Có số điện thoại của tác giả bức tranh, Văn vẫn chưa gọi người nữ họa sĩ ngay. Lời cảnh cáo của cô em họ khiến chàng ngần ngại. Văn chưa bao giờ gọi làm quen một người nữ mà chàng chưa gặp. Thực ra, nếu không nhìn thấy hình Tổ Hoa, nếu nàng không tươi tắn, hiền hậu như trong ảnh, Văn đã không thắc mắc lắm đến chuyện gọi nàng. Chàng bồn chồn, nóng nảy, không cảm thấy đói bữa trưa. Lười ăn là bệnh của nhiều người độc thân, cô đơn. Phải là ba giờ chiều bên Virginia. Tổ Hoa đi nhà thờ, đi chùa cũng về rồi, đã ăn trưa, ngủ trưa rồi. Văn quyết định nhấn số của nàng. Bài thơ với tâm hình Tổ Hoa trước mặt. Có tiếng a-lô giọng đàn bà ở đầu dây bên kia. Văn đã sửa soạn thể chủ động, lấy bình tĩnh mà vẫn còn nói vấp:

“Xin cho tôi nói chuyện... với... họa sĩ Tổ Hoa?”

“Thưa, Tổ Hoa đây!”

“Tôi là Văn. Tôi mới mua bức tranh Sông Hương của họa sĩ ở Hội Chợ cho Làng Việt Nam tổ chức tại Maryland tháng trước.”

Tiếng nói qua điện thoại như thoát ra từ một nụ cười:

“Cám ơn ông đã mua tranh của tôi. Ông đang gọi từ đâu tới ạ?”

Văn chợt nhận ra Tổ Hoa có giọng Bắc, không phải miền Trung như chàng dự đoán. Chàng cũng chuyển giọng

lai Bắc ngay. Hình như những người Huế “thiệt” đều làm như vậy cho kẻ đảng ngoài dễ hiểu họ hơn.

“Tôi ở Nam Cali, cách Virginia những hơn bốn giờ bay.”

“Tôi cũng được nghe một ông khách từ tiểu bang khác đến mua tranh và đoán phải là người Trung. Nay mới được biết ông rất là Huế.”

“Tại sao họa sĩ lại biết tôi rất là Huế? Có thể giọng giả Huế thì sao?”

Nghe giọng nói chừng chắc mà thiện cảm của người mua tranh, Tổ Hoa đổi cách xưng hô nhẹ nhàng hơn:

“Dạ, nếu giả Huế thì Tổ Hoa xin chịu, không thể phân biệt được, có bị mắc lõm cũng cho là chuyện vui thôi!”

Vấn dễ dàng gọi tên người nữ họa sĩ:

“Và, Tổ Hoa nhất định phải là người Hà Nội.”

“Vâng, Tổ Hoa sinh trưởng ở Hà Nội và lớn lên tại Sài Gòn sau năm di cư 1954.”

“Tổ Hoa quen nhiều người Huế không?”

“Dạ,... gần như không.”

Vấn đã cảm thấy thoải mái hơn:

“Tổ Hoa về Việt Nam và đi thăm Huế gần đây chăng?”

“Dạ không, từ ngày rời Sài Gòn, tháng 4, 1975, Tổ Hoa chưa về Việt Nam.”

“Nếu không có cha mẹ, bà con họ hàng thân thì cũng chẳng nên về làm gì, lại gặp sự phiền toái, mất công lắm. Tổ Hoa ở Huế hay đi thăm Huế hồi còn học sinh hì?”

“Dạ Tổ Hoa chưa bao giờ tới Huế.”

Bức tranh Sông Hương hình như vừa mất đi hương sắc Huế. Vẫn kìm giữ phật ý:

“Vậy mà Tổ Hoa đã vẽ cảnh Huế?”

Sau vài giây im lặng, nữ họa sĩ rụt rè trả lời:

“Ông thất vọng về việc đó chăng?”

Vấn thấy rằng nên tỏ ra lịch sự:

“Không. Tôi chỉ ngạc nhiên Tổ Hoa lấy cảm hứng ở đâu khi vẽ cảnh Sông Hương? Chắc phải tưởng tượng nhiều?”

“Cũng không hẳn vậy. Tổ Hoa đã sưu tập nhiều phim, ảnh Huế chiếu lên khung vải hay màn ảnh TV lớn rồi theo đó vẽ. Màu sắc có thể thay đổi. Chi tiết có thể thêm bớt. Trong khi vẽ về Huế, Tổ Hoa vận nghe nhiều bài hát, ca dao và thơ Huế để lấy cảm hứng, đặt mình vào tâm hồn kẻ hoài vọng Huế. Đa số tranh phong cảnh của Tổ Hoa được vẽ theo phương pháp đó như nhiều họa sĩ thế giới ngày nay có tác phẩm lớn có cùng kỹ thuật này, không còn phải ngồi trước thiên nhiên ngày này qua tháng khác, tốn kém, vất vả, đau ốm để vẽ cảnh như Monet, Manet, Van Gogh... Tổ Hoa muốn vẽ một bộ tranh có đủ danh lam thắng cảnh Hà Nội, Huế, Sài Gòn cho đỡ thèm. Khi có nhiều, sẽ tặng vào các công cuộc từ thiện. Ông nghĩ thế nào?”

Văn thích thú lắng tai nghe giọng Bắc pha Nam ngộ nghĩnh của Tổ Hoa trình bày thẳng thắn về lối vẽ thiết thực ấy. Chàng đã siêu lòng, bớt phật ý về chuyện nữ họa sĩ chưa bao giờ viếng thăm xứ Huế, không có kỷ niệm nào với họa phẩm mà chàng là chủ nhân. Văn điềm đạm:

“Trước khi trả lời, tôi muốn được xưng hô như anh em với Tổ Hoa. Tôi có cảm tưởng quen biết cô tự thuở nào và nghĩ rằng tôi lớn tuổi hơn cô nhiều. Tổ Hoa cho phép không?”

Câu hỏi bất ngờ! Chưa người đàn ông nào ngoại trừ các ông anh thiết và ông chồng đã xưng anh với nàng. Nhưng ông khách mua tranh này có vẻ đàn anh nghiêm nghị, thân thiện. Thôi thì người ta ở xa vạn dặm chẳng nhằm nhò gì. Tổ Hoa ngập ngừng:

“Vâng, cảm ơn tấm thịnh tình của... anh.”

“Anh phải cảm ơn em chứ! Anh nghĩ rằng em đã vẽ Huế như thi, văn, nhạc sĩ lấy cảm hứng chuyện người khác để sáng tác. Bức tranh Sông Hương có linh hồn lắm, em cho đi thì “collection” của em lại thiếu cảnh Huế.

“Nhiều phong cảnh Tổ Hoa vẽ ra hai, ba tranh màu sắc khác nhau như Monet có những họa phẩm *Poplars*, *Water Lilies*, *Nhà Thờ Rouen* chẳng hạn...”

Văn vừa nói chuyện vừa thả hồn lâng lâng theo dòng Sông Hương trong tranh và trong ký ức xa vời:

“Anh mong rằng em sẽ không vẽ tranh nào giống tranh của anh.”

“Dạ, xin hứa.”

“Em có mơ mộng gì không khi vẽ bức tranh này?”

“Tổ Hoa mơ một ngày về Việt Nam, đi thăm Huế và mong Sông Hương vẫn thơ mộng. Vì thế mới đặt tên bức tranh là *Mơ Về Sông Hương*. Còn anh, có bao giờ đi Hà Nội chưa?”

“Có chứ. Năm 1950, ba anh nhậm chức tại Hà Nội nên anh theo gia đình ra học ở đó. Anh cũng lượn xe đạp quanh Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây như ai.”

“Anh có quen giai nhân Hà Nội nào không?”

“Không có sao được! Anh mê cô hàng xóm, lẽo đẽo theo sau xe đạp cô ta hơn một năm trời và xuýt ở lại sau năm 1954 vì nàng. Trước khi rời Hà Nội anh thổ lộ tâm tình với nàng. Qua mấy lá thư, anh không được hồi âm nên lên chuyến tàu chót từ Hải Phòng vào Hội An rồi về Huế với gia đình. Hồi đó chắc cô bé Tổ Hoa chưa biết đi xe đạp hì?”

“Biết rồi chứ, nhưng còn đi xe đạp con nít. Có bao giờ anh tiếc chuyện tình đó không?”

“A, cô họa sĩ kiêm thi sĩ này phỏng vấn mình để viết văn nữa hay sao đây,” Văn nghĩ thầm như vậy. Nhưng nghĩ rằng Tổ Hoa có viết, có làm thơ về chuyện tình của mình cũng vui thôi, chẳng hề gì với chàng cả, nên thản nhiên trả lời:

“Tuổi trẻ bồng bột, dễ quên. Đàn ông con trai thường có vài ba truyện tình vụn trước khi lập gia đình. Nhớ lại chuyện cũ như kỷ niệm đẹp tô điểm cuộc đời thêm hương vị.”

Chính Văn không ngờ lần đầu tiên nói chuyện với Tổ Hoa qua điện thoại, chàng đã tâm sự một cách dễ dàng, có lẽ vì lối hỏi thân mật, khéo léo của nàng. Không rời mắt nhìn ảnh Tổ Hoa trong tờ báo, Văn nói:

“Em biết không? Anh vừa nói chuyện vừa nhìn hình em.”

Tổ Hoa ngạc nhiên:

“Ở đâu mà anh có vậy?”

“Anh mua tờ Giai Phẩm Mùa Thu có bài thơ và hình tác giả. Phải nói rằng, vì cái hình bắt mắt đó, mà anh mua bức tranh.”

Văn nghe tiếng cười khúc khích qua điện thoại:

“Anh bị mắc lõm rồi. Hình đó là hình đẹp nhất của Tổ Hoa đây. Anh đừng tin tưởng nhiều mà thất vọng!”

“Em không tin anh là Huế giả, anh cũng không tin em đẹp kém cái hình.”

“Thôi thì mình cứ tin tất cả đều đẹp như thế cho vui, anh hì?”

Văn mỉm cười vì cái giọng bắt chước Huế của Tổ Hoa:

“Vậy là tốt, đôi khi mình nên sống trong tưởng tượng cho đời thêm thơ mộng một chút chứ! Em còn biết gì về Huế không?”

“Không nhiều, nhưng cũng biết xứ của anh có mè xừng mà Tổ Hoa thích ăn từ thuở còn răng sún. Món bánh bèo, bột lọc cay xé lưỡi vì nước mắm ớt xanh. Món tré cay xé lưỡi vì giềng tỏi hạt tiêu.”

Văn nhìn bầy chim đang nhảy nhót ngoài vườn cỏ tìm sâu, tìm hạt:

“Em hay ăn quà lắm nhì?”

“Đàn bà con nít mà! Tổ Hoa còn biết nếu về thăm Huế, phụ nữ chỉ đi ăn cơm Cồn Hén chứ nên đòi đi Xóm Mới ăn cơm âm phủ.”

Nói rồi Tổ Hoa cười rúc rích, Văn muốn ngưng chuyện cũng không dứt được:

“Anh thích cái cười hồn nhiên, yêu đời của em đây. Virginia đang mùa thu lá vàng đẹp hì?”

Tổ Hoa nhìn ra ngoài cửa sổ, khung cảnh vào thu thật rực rỡ. Hàng cây hai bên đường đổi màu lá vàng, cam, đỏ, tía chen lẫn màu thông xanh, như những tà áo lụa mới của các thiếu nữ dậy thì, lộng lẫy, phát phối tung bay trong ngày Tết. Nắng trong như mật ong làm người ta cảm thấy ấm áp của mùa xuân. Tổ Hoa trả lời:

“Dạ, đẹp lắm. *Trận gió thu phong rụng lá vàng, Lá rơi hàng xóm lá bay sang* ("Gió Thu" của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu), nên lại càng đẹp hơn!”

“Ước gì anh được là hàng xóm của em để được nghe *Lá Thu rơi xào xạc, Con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô* (Tiếng Thu của Lưu Trọng Lư.)

Em có ngồi bên gốc cây hứng lá vàng và làm thơ không?”

“Dựa gốc cây vàng lá và đứng trên đám lá vàng để chụp hình thì có. Nhưng làm thơ lại ngồi trước computer, không thơ mộng như hình ảnh cô nàng Joe ngồi viết nhật ký trong *Little Women* của Louisa May Alcott, đâu anh!”

Văn mỉm cười và tiếp lời Tổ Hoa:

“Ngày trước phim đó được chiếu ở Sài Gòn nhan đề *Les Quatre Filles du Docteur March*. Có cô cậu học sinh trung học nào bỏ qua hĩ?”

“Bây giờ xem lại phim đó vẫn còn thích cơ! Nam Cali của anh không có cảnh rừng thu lá vàng hĩ? A, anh ở vùng nào vậy?”

“Anh ở thành phố Yorba Linda. Em đã tới đây chưa?”

“Dạ chưa, nhưng nghe nói có bảo tàng viện và ngôi nhà thời thơ ấu của cố Tổng Thống Nixon?”

Không suy nghĩ sâu xa, Văn nói như một lời xã giao thân thiết:

“Đúng vậy. Biết đâu trong tương lai, tranh của Tổ Hoa sẽ được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Richard Nixon đấy. Khi nữ họa sĩ đi thăm tranh thì ghé thăm anh nữa nhé?”

Tổ Hoa không biết có dịp nào sẽ tìm gặp người khách mua tranh, nhưng nàng cũng đáp ứng sự lịch thiệp:

“Vâng, nếu có dịp sẽ ghé thăm anh.”

Văn hỏi địa chỉ của Tổ Hoa. Nàng lấy điện thoại của chàng. Văn nghĩ rằng buổi nói chuyện đầu tiên cũng quá đủ. Chàng hẹn sẽ gửi tặng Tổ Hoa mấy tập giai phẩm Huế và xin phép thỉnh thoảng được gọi lại. Nàng mau mắn đáp:

“Dạ, khi nào rảnh anh cứ tự nhiên. Không đồng quê, đồng tình cũng là đồng bào. Xa xôi mà gọi tới nhau, quý lắm chứ!”

Văn nghĩ thầm, cô Bắc kỳ này vừa thân tình vừa kiêu cách lắm đây và mỉm cười với tấm hình của nàng. Cô đơn như chàng và tìm được những giờ phút chuyện trò thích thú như vậy cũng ấm lòng. Niềm vui rộn ràng trong Văn như ánh nắng chan hòa trên những bụi hoa hồng tươi thắm bên ngoài cửa sổ...

Vài ngày sau lần điện đàm đầu tiên với Văn, Tổ Hoa nhận được mấy giai phẩm Huế. Nàng nghiền ngẫm từng trang để ôn lại và tìm hiểu thêm về quê hương của người khách mua tranh. Dù đã giải thích kỹ càng lý do vẽ tranh Huế, Tổ Hoa vẫn cảm thấy ngượng ngập, chưa bao giờ đặt chân lên đất thần kinh mà vẽ cảnh Sông Hương, Chùa Thiên Mụ. Nhưng xem ra nàng hơi câu nệ. Khi còn theo những lớp học vẽ trước đây, ông thầy hội họa bắt học trò nhìn những bức tranh cổ mà tập vẽ hay sao? Tranh Tổ Hoa đã được giáo sư và sinh viên khác khen nức nở. Ông thầy còn nói “tranh như thế là có thể bán được rồi!”

Định rằng đọc xong những quyển báo đó, Tổ Hoa sẽ viết cảm ơn người cho thì Văn đã gọi tới:

“Tổ Hoa đó hả? Biết ai đây không?”

Nàng trả lời như reo ngay:

“A, anh Văn.”

“Ừ, anh đây.”

“Tổ Hoa nhận ngay ra giọng anh mà!”

“Em nghe giọng anh thế nào?”

Tổ Hoa ngập ngừng:

“Giọng anh rất dịu dàng, thân mật và đàn anh lắm, người nghe cảm thấy bé bỏng như được làm em út vậy đó. Cảm ơn anh đã gửi cho mấy tờ báo. Nhiều tài liệu quý giá, nhiều truyện hay, xem thú vị lắm. Anh có bài viết nào trong đó không?”

“Có chứ!”

“Sao không thấy tên anh?”

“A, anh lấy tên hiệu là Hương Giang, Ngự Bình.”

“Bài *Ca Dao Tục Ngữ Miền Trung* và *Những Thiên Tình Sử Trong Thành Nội* là của anh, phải không? Anh viết văn chương, trữ tình lắm.”

Tổ Hoa vừa lật giở những tờ báo vừa nói:

“Bây giờ thì Tổ Hoa biết thêm nhiều chuyện về Huế rồi. Ai hỏi có thể giả bộ đã đi thăm Huế từ lâu.”

“Chuyện gì, nói anh nghe!”

“Tổ Hoa biết rằng trường Quốc Học kiến trúc cổ kính, nhìn qua công viên đẹp bên bờ Sông Hương và ở gần trường Đồng Khánh. Học trò hai bên có nhiều chuyện nên thơ lắm. Thuở còn đi học, anh có đo đường với người đẹp Đồng Khánh nào không?”

“Có chứ, vợ anh sau này đấy! Nhưng chị mất mấy năm nay rồi. Còn em sao? Anh nói chuyện thế này có phiền không?”

“Xin chia buồn với anh về chị. Tổ Hoa cũng nghĩ rằng anh ở trong hoàn cảnh độc thân nào đó. Tổ Hoa có chồng. Anh ấy đang ngồi trong phòng làm việc ở tầng dưới đất. Tổ Hoa trong phòng vẽ ở lầu ba. Mỗi người có một số điện thoại riêng. Có vợ nghệ sĩ, nên chàng rất hiểu biết. Những lần đầu chàng ngạc nhiên sao có người không phải là bà con mà Tổ Hoa cũng xưng hô bác cháu, anh em, chị em dễ dàng. Tổ Hoa giải thích, đồng bào Việt Nam hải ngoại ở rải rác, đôi chỗ hiếm hoi, nên quý nhau hơn, xưng hô lễ phép, có thứ tự trên dưới như trong gia đình. Nhưng Tổ Hoa luôn luôn giữ giới hạn giao thiệp đúng đắn với tất cả mọi người và rất ngoan. Anh tin được không?”

“Anh tin chứ! Nhìn ảnh và nghe giọng nói, tiếng cười của Tổ Hoa, anh hiểu em là người như thế nào. Cởi mở mà đoan trang.”

“Cám ơn anh. Mình hiểu nhau như vậy là điều tốt đẹp.”

“Vậy mình lại tiếp tục câu chuyện hĩ! Mùa thu lá vàng của em còn đẹp không?”

“Lá đã rơi đầy vườn và ngập lối đi rồi. Mai một sẽ có người tới, thổi lá, nghiền lá, đồ lá vụn xung quanh gốc cây, bụi hoa, đỡ tốn công đồ đi đâu, đỡ tốn tiền mua vỏ cây phủ vườn cảnh. Từ khi có ý định này, Tổ Hoa bớt buồn mỗi mùa

thu nhìn lá vàng rơi và không phải an ủi lá thu rằng *Cầu mong lá rụng rơi về cội, dù lá tàn phai tôi vẫn yêu* (Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung). Tổ Hoa là vậy đó.”

“Tổ Hoa có tâm hồn thi sĩ lắm! Khi anh gọi tới, em đang nhìn lá vàng và vẽ hay làm thơ chẳng?”

“Không, bị mấy đặc san Huế của anh mê hoặc nên Tổ Hoa đang âm ỉ với bài *Đêm Tàn Bên Ngự*.”

“Tổ Hoa hát thử anh nghe xem có hay không nào!”

“Á à, anh đừng nói khích ạ.”

“Nói mà không hát, anh không tin em hát được.”

“Tổ Hoa chỉ nói rằng âm ỉ thôi chứ có nói hát đâu. Anh có hò Huế được không?”

“Nếu em hát thì anh sẽ hò cho em nghe, chịu không?”

Một ý nghĩ tinh nghịch chợt đến. Tổ Hoa định tâm sẽ hát một câu ngắn rồi buộc Văn phải hò, xem giọng mái đẩy của chàng ra sao! Nàng đồng ý:

“OK, anh nghe Tổ Hoa hát đây: *Ai về bến Ngự cho ta nhắn cùng, Bến xưa non nước Hương Bình*.” (Nhạc “Đêm Tàn Bên Ngự” của Dương Thiệu Tước).

Nàng ngưng ở đó và cười khúc khích. Văn cũng cười theo:

“Em hát được đấy chứ. Họa sĩ, thi sĩ có thể là ca sĩ nữa đấy. Em hát tiếp cho anh nghe đi nào?”

“Giờ cho vui thôi. Chứ cái giọng Bắc cờ mà hát bài đó hay bài *Tiếng Xưa* (Nhạc của Dương Thiệu Tước), thì thật vô duyên ghê. Tổ Hoa thích nghe hò Huế lắm. Và, cũng chỉ có giọng thật Huế mới hay, anh hí? Bây giờ đến lượt anh.”

Tuy vui lây sự hồn nhiên, không điều bộ của Tổ Hoa, Văn vẫn ngưng ngập:

“Hò Huế nghe buồn lắm và từ lâu anh có hát hò gì nữa đâu.”

“Hò Huế hay ở cái buồn vơi vợi ấy. Nếu anh không cho em nghe giọng hò của anh, em không tin anh Huế thiệt ạ!”

“Ừ, thì anh ngâm, dở lắm đấy, đừng cúp điện thoại nhé!”

“Xin hứa sẽ nói chuyện thêm năm phút sau khi anh ngâm.”

Văn đành chiều người đàn bà chưa bao giờ đối diện, chỉ nhìn hình đã muốn làm quen và có cảm tình ngay với giọng

nói nhí nhảnh của nàng từ phút đầu mới nghe. Văn cất tiếng hò:

“Chiều chiều trước bến Văn Lâu, Ai ngòi, ai câu, ai sầu, ai thăm, Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông, Thuyền ai thấp thoáng bên sông, Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non.”

Tô Hoa cảm động vì giọng hò Huế ngộ nghĩnh, dễ thương của Văn. Lạ lùng thay, họ chưa bao giờ hát hò qua điện thoại. Và, ai nhớ thương, ai sầu thăm ai đâu? Khi Văn vừa dứt tiếng, hai người cùng cười lớn, phá tan sự im lặng của hai căn nhà vắng ở hai tiểu bang xa cách nhưng sao thật gần gũi như đầu thôn, cuối xóm. Văn cảm thấy trẻ trung, như thời học sinh cùng các bạn phóng đưa xe đạp khắp nội, ngoại thành cố đô Huế. Hình ảnh cô bé Bắc kỳ nho nhỏ bỗng hiện ra trong bức tranh *Mơ Về Sông Hương*. **Dz.**



CHÙA THIÊN MỤ

Tranh sơn dầu của Họa sĩ LÊ VĂN LAI.

EM CÒN NHỚ

Em thương mến, anh định sáng nay sau khi đi lễ nhà thờ sẽ đến thăm em như những ngày Chủ Nhật khác. Nhưng đêm qua tuyết xuống thật nhiều, phủ trắng xóa cả vùng đồi cao rừng rậm xung quanh nhà. Cây cối nặng trĩu những cành bông tuyết. Mái chòi ngoài vườn lợp thêm mấy gang tuyết nữa trông như lớp kem trắng mịn trên cái bánh mùa Giáng Sinh. Đường xuống đồi ngập tuyết như dòng sông sữa ngừng trôi. Không gian ngưng đọng như không có cả hơi thở loài động vật. Chim muông còn ngái ngủ trong tổ ấm, chưa gọi nhau thức dậy. Những con sóc đuôi dài ngại ngừng chưa muốn dứng chân xuống tuyết cứng lạnh.

Anh đi giày tuyết định ra hộp thư dưới chân đồi lấy báo đọc thì bị ngã cái oạch ngay trên thềm nhà nên đành chịu thua băng giá. Tin thời tiết cho biết từ gần 100 năm nay hàn độ Virginia chưa bao giờ xuống thấp và tuyết nhiều như thế.

Vợ chồng con cái Tuyên đi trượt tuyết từ hai hôm nay. Ngày một chúng mới về. Nếu em nhìn thấy đôi má chín đỏ của thằng cu Tí lúc nó vào nhà sau mỗi lần nghịch tuyết trên đồi, em muốn cắn nghiền nó. Tuy một mình trong ngôi nhà vắng lặng, nhưng em đừng lo anh buồn chán và cô đơn, anh có nhiều thú tiêu khiển để giết thời giờ. Nếu em còn phải dưỡng sức ở đó, anh không có chút phàn nàn nào cả.

Hôm qua anh mới sưu thêm được hai bản nhạc *Nhớ Quê Hương* của Phạm Ngũ, bản *Dứt Đường Tơ*, nhạc Văn Thủy lời Dzoãn Cảnh với tiếng đàn Tây Ban Cầm và Hạ-uy cầm của anh. Không có dụng cụ và phòng thu thanh chuyên môn, anh chơi đàn và thu băng ngay ở giữa nhà, nên không thể hay được như những đĩa nhạc Hạ-uy cầm

ngoại quốc chúng mình sưu tập đâu. Em đừng cười anh nhé!

Trong khi chờ đợi xe dọn tuyết trên đường xuống đồi để đi thăm em, anh vừa mới gọi vào Viện An Dưỡng và nhắn họ vận giùm máy *cassette* cho em nghe băng nhạc anh đã chơi và cũng là nhạc đệm băng đọc chuyện chúng mình đây. Khi anh hoàn thành băng này, em sẽ lại được nghe để nhớ những kỷ niệm xa xưa của chúng mình. Những lúc anh không vào viện thăm em được, y tá có thể mở băng cho em nghe lời anh thủ thi, lời người chồng đầu gối tay ấp của em từ mấy chục năm qua, là người thương yêu em từ những ngày chúng mình còn học chung một trường, thuở em còn là thiếu nữ Hà Thành.

Giờ đây, em không được khỏe lắm, nhưng bác sĩ nói, trong tiềm thức em vẫn nghĩ tới những hình ảnh cũ, những chuyện xưa, những bài hát quen thuộc. Vì thế từ ngày em phải vào nghỉ trong trung tâm dưỡng sức này anh bắt đầu chơi đàn lại và thu băng những bản nhạc tiền chiến chúng mình thích, chúng mình đã đàn hát cùng nhau. Anh thu được gần 20 bài cho em rồi.

Em còn nhớ không? Thuở ấy em mới học đệ lục trường Nguyễn Huệ trên đường Trần Quang Khải, Hà Nội mà người ta quen gọi là Đường Bờ Sông, nghe có vẻ nên thơ hơn em nhỉ? Anh học đệ tứ cùng trường và cùng lớp với anh Tuấn của em. Từ lớp học trên lầu, anh có thể nhìn qua khung cửa sổ ra bên nước Sông Hồng bát ngát, mênh mông. Đôi khi mộng viễn du hồ hải làm anh lãng trí trong lớp học.

Hồi đó em còn long tong, loắt choắt lắm, anh đâu thêm để ý. Mãi tới năm anh lấy được mảnh bằng Thành Chung sang học trường Nguyễn Khuyến phố Hàng Bè, một hôm đến thăm Tuấn, được nghe tiếng đàn Hạ-uy cầm của cô em từ phòng trong vọng ra, anh mới để ý tới cô bé mặc áo cánh trắng bông vai, thêu hoa đỏ. Còn đang tập tành mà tiếng đàn của em đã lưu loát uyển chuyển, anh cảm mến tài em và

tìm cách làm thân. Anh nghĩ kế, âm thầm ráo riết học với ông anh họ ngón đàn em đang tập. Nhờ trời anh có khiếu nên học rất chóng và thuộc lòng rất mau những bài vừa tập. Anh trở tài chơi bản *Dư Âm* của Nguyễn Văn Tý cho em nghe. Em phục lắm cứ tưởng anh là bậc thầy nên rồi rít nhờ anh chỉ dạy, để em khỏi phải đạp xe đi tập đàn với ông thân sinh ra cô bạn ở phố Hàng Bún.

Khi Tuấn đưa em đi xi-nê anh cũng đòi đi theo. Tuấn vui mừng nói ngay:

“Nếu cậu bao tụi tớ thì đi cùng lúc nào cũng được.”

Sau xi-nê lại đi ăn kem Hồng Vân Hồ Hoàn Kiếm nữa. Dù Tuấn không để anh phải trả tiền hoài, nhưng chỉ một tháng đôi lần thôi anh cũng xiềng liềng. Anh xin tiền mẹ cho đi học tư thêm Anh, Pháp văn nhưng không ghi tên học mà lấy tiền đó để đi chơi với Tuấn và em, rồi còn học đàn nữa để dạy lại em chứ!

Em còn nhớ không? Hai đứa mình cùng hợp tấu bản *Suối Mơ* của Văn Cao, chẳng biết có hay không, ba em và Tuấn khen quá chừng. Tuấn và em mồ côi mẹ. Ba anh đi kháng chiến Việt Bắc biệt vô âm tín từ lâu. Anh được ba em và Tuấn thương, cho ra vào nhà em như người thân. Hơn nữa, anh học hành khá nên mới may mắn được Tuấn và ba em tin cậy. Tuy vậy, anh đâu dám tỏ ý thân mật với em bao giờ. Thấy bàn tay em nuột nà vuốt trên phím đàn, anh cũng chẳng dám chạm, chỉ sợ em e thẹn chạy mất, anh hết đường gặp gỡ.

Đến năm sau, em lên đệ tứ, anh đệ nhị, chúng mình chuyển sang giai đoạn thứ hai, cùng Tuấn và vài người bạn em rủ nhau đi hái ổi Nghi Tàm, Quảng Bá. Vì có mấy cô con gái, nên hai thằng con trai đâu dám lội xuống Hồ Tây vào vườn hái trộm ổi. Anh phải trả mấy đồng bạc để cả bọn vào vườn ổi ăn thả cửa. Không được hái đem về, nhưng chém chết thế nào chúng mình mỗi đứa cũng thủ một hai trái trong túi. Anh và Tuấn thích ăn ổi vừa xanh vừa chua, khi nhai nghe thấy cả tiếng ổi dòn lóc cóc trong miệng. Còn em

và các bạn chỉ thích ăn ổi mềm, ruột đỏ hay ruột trắng. Cứ tưởng tượng những miếng ổi thơm ngọt ấy nằm trong miệng xinh xắn với đôi hàm răng trắng như ngà, môi đỏ như son của em, anh cũng ngất ngây người.

Lần thứ nhất đi thuyền Petit Đồ Sơn, em sợ rúm người khi nghe Tuấn kể truyện con trâu vàng Hồ Tây:

“Tục truyền rằng, ngày xưa ngày xưa có ông Không Lồ cho đúc quả chuông lớn trên núi Phao Sơn, Bắc Ninh. Khi ông đánh thử ba tiếng chuông, con trâu vàng bên Tàu nghe được, tưởng trâu mẹ gọi, bèn chạy tới chỗ Hồ Tây này vùng vẫy thành ra hồ sâu.”

Tuấn thêm rằng:

“Trâu vàng là trâu thần không bao giờ chết cũng như rùa thần Hồ Hoàn Kiếm. Trâu có thể quấy lên, ngay dưới đáy thuyền tội mình bất cứ lúc nào.”

Chẳng biết có tin thật hay không, em rung mình làm tròn trĩnh cả thuyền. Con gái đầu dễ nhất sợ thế! Em nhất định không cho hai anh chèo thuyền ra xa. Anh và Tuấn ngồi hai đầu thuyền, chỉ được xải mái chèo tới bên chùa Trấn Quốc cho em hái hoa sen, ăn hạt sen và hít hà mùi hương sen ngào ngạt. Em vui quá quên cả sợ hồ sâu, trâu vàng vùng vẫy, sóng thần nổi dậy có thể lật thuyền, chúng mình chìm hết. Ngắm nhìn em, anh thầm nghĩ em là bông sen duy nhất đời anh.

Vài lần sau dạn rồi, em đem theo đàn và đòi ra tận giữa hồ rộng mênh mông. Em ngồi giữa thuyền chơi đàn réo rắt những bản nhạc *Bến Cũ* của Anh Việt, *Con Thuyền Xa Bến* của Lưu Bách Thụ, *Con Thuyền Không Bến* của Đặng Thế Phong. Tuấn cười khò khè:

“Tôi muốn con thuyền này có bến ‘đình huỳnh’ cơ, để lát nữa ghé vào đường Cổ Ngư chén mẻ bánh tôm, thạch lèng cổ chứ.”

Chúng mình cùng vui mừng tán thưởng, lại làm thuyền nghiêng chao. Em rú lên inh ỏi bám chặt hai bên mạn thuyền, cây đàn Hạ-uy-di xuýt rơi xuống hồ. Nhưng hai anh

dùng mái chèo ghìm giữ thuyền thăng bằng ngay. Em được ngồi giữa hai ông anh, những cây bơi lội thành thạo, nên sau một hồi ngồi ngay cứng, em mới hoàn hồn. Anh phải dỗ dành mãi em mới tiếp tục chơi đàn anh nghe. Thịnh thoảng em nhìn anh cười thật vô tư, hồn nhiên như đợi những cái gật gù tán thưởng của anh. Có thể thôi, sao anh lòng lâng lâng, dạt dào như ráng trời chiều, như ánh nước Hồ Tây huyền diệu trong mắt em. Chỉ tội nghiệp Tuấn, thuở đó đang thất tình người đẹp cùng phổ học trường Tây vừa rời Hà Nội đi du học Pháp. Tiếng sáo bạc của Tuấn dật dìu họa theo tiếng đàn của em làm anh cũng cảm thấy buồn ngùi. Anh nghĩ tới chuyện chúng mình. Nếu vì lý do nào đó anh phải xa em chắc anh sẽ buồn chết mất hay có thể điên lên được.

Thế rồi như hiểu được nỗi lòng anh, Tuấn luôn luôn kiếm cớ phải đi mua sách, ra thư viện, phải đi công việc cho ba em, để anh được ngồi nhà với em hay thông dong đi xe đạp bên em trên đường em đi học về. Nhà anh ở Hàng Đậu, nhà em ở Hàng Cót. Nhưng nếu có dịp, bao giờ anh cũng thích đạp xe đi bên cạnh em và đưa em về tới tận cửa hay vào trong nhà uống ly nước mưa lọc hay nước chanh do em tự pha, rồi anh mới chịu ra về.

Có lần nước sông Hồng lên cao lắm, cả thành phố xô xao lo ngại vỡ đê. Từ trường Nguyễn Khuyến anh phóng xe vào sang trường Nguyễn Huệ đón em và rủ em đi xem nước sông. Đi qua ngã tư Cột Đồng Hồ, chúng mình xuống xe dựng hai cái vào nhau dưới chân cồn đất cao. Gió sông xoáy cuốn, xoay cuồng. Tà áo màu hoa cà em bay tung như bắt với, quần quít người anh. Em vụng về giữ vạt áo trước, vạt áo sau thì làn tóc dài xòa xuống che đôi mắt khép. Anh ôm ngang lưng em diu lên cồn đất. Giòng sông cuộn cuộn đục ngầu phía dưới chân đê, cuốn phăng phăng theo rác rến, lá cây, gỗ mục, cả trăm thứ không tên. Em rùng mình nhìn giòng sông đầy đe dọa và nắm tay anh chạy trở lại đường cái. Bây giờ, anh còn nhớ cái cảm giác xúc động, nóng ran thân thể lúc đó, cái cảm giác đầu đời nam nữ. Anh giữ đôi

bàn tay em trong tay anh thật lâu và nhìn sâu vào đôi mắt em long lanh ngơ ngác:

“Em hết sợ chưa?”

Em gật đầu không nói. Anh cảm thấy đôi tay em run rẩy lạnh:

“Anh giữ tay em cho ấm lại mới để em lên xe đạp.”

Lần đầu tiên anh thấy đôi má em hồng lên của người thiếu nữ đã biết e thẹn. Em cúi mặt nói nhỏ:

“Thôi... mình đi về không... muộn!”

Anh vẫn nắm tay em, không chịu rời. Em ngược nhìn anh với trời cầu khẩn. Toàn thân em run rẩy không chỉ riêng đôi bàn tay. Anh yêu em quá, thương em quá! Anh hiểu rằng em không còn sợ giòng sông giận dữ mà em đã có rung động cho anh. Từ phút đó, anh biết rằng anh không thể xa em, anh không thể thiếu em trong đời.

Em còn nhớ không? Trên con đê Yên Phụ gió lồng lộng chiều ấy, anh rình những lúc vắng người qua lại hai bên đường để nắm tay em. Anh muốn vòng tay anh qua cái eo thon nhỏ mà không dám. Em trong trắng, tinh khiết quá, anh e ngại làm em xấu hổ.

Từ đấy, em tránh tất cả những cơ hội gặp gỡ chỉ có riêng hai đứa, ngoại trừ trên đường đi về học, khi em cần anh làm vệ sĩ. Nếu không có anh, biết bao thanh niên khác theo làm em lúng túng, khổ sở đến phát khóc vì những lời chọc ghẹo. Em không bao giờ chịu đi chơi một mình với anh mà không có Tuấn hay các bạn gái. Có khi anh cạn túi vì sự đi chơi đông đảo ấy. Nhưng may mắn anh giúp mẹ lo sổ sách buôn bán nên khi cần, anh có thể vay bà trước rồi làm việc trả sau. Thuở xưa con gái kín đáo, e dè ấy làm kỷ niệm chúng mình trở nên hiếm quý như những đồ vật cổ, giá trị muôn đời.

Lần đầu tiên chúng mình đi lễ Đền Ngọc Sơn tối giao thừa năm ấy, em mặc áo dài lụa màu hồng nhạt, áo *veste* màu trắng ngà, khăn quàng màu vàng nhạt. Em đi đôi giày da đỏ gót hơi cao và cầm cái ví tay nhỏ xíu cũng màu đỏ.

Trông em lớn hẳn lên, bắt đầu ra dáng thiếu nữ Hà Thành. Anh tinh nghịch mặc áo *veston* và đội mũ dạ của ba anh để lại. Em chế riều anh sắp giống “ông bà” rồi đấy!

Pháo nổ lạch tách bên bờ Hồ Gươm tấp nập người đi hái lộc, trai thanh gái lịch dạo bước ngắm nhau. Cầu Thê Húc tưởng chừng có thể gãy vì đông người. Hương khói thơm ngát, mịt mờ cảnh tượng trong chùa. Mỗi đứa hái một cành ngâu nhỏ, trao lộc Tết cho nhau. Chúng mình cùng thấp nhang cầu xin cho em đậu bằng Thành Chung, anh đậu Tú Tài I, đất nước Việt Nam hòa bình, chúng mình không bao giờ phải xa nhau.

Anh biết, yêu em quá sớm để tiến tới xây dựng gia đình. Bằng cấp là mức độ trưởng thành và hữu dụng nhất cho người trẻ lập cuộc đời. Từ sau Tết, anh quyết định “gao” học, chỉ đưa em đến trường hay về nhà, không đi chơi đâu nữa. Cả hai phải để tâm vào việc học hành thi cử. Kết quả cuối niên học ấy em và anh cùng thi đậu. Hiệp Định Đình Chiến Genève chia đôi đất nước Việt Nam ký kết hơn tháng sau đó.

Em còn nhớ không? Mẹ anh nhất định ở lại chờ tin tức ba anh. Ba em quyết định di cư theo sở vào Sài Gòn. Ngày nào anh cũng đến thăm em để nhìn thấy em khóc. Anh không khóc được. Con trai ra cái điều can đảm, anh hùng mà, không thể tỏ ra yếu mềm dù sự chia ly có đau đớn thế nào. Nhưng trong lòng anh tan nát, rối bời. Đã nhiều lần anh cương quyết nói với mẹ, một là anh cưới em ngay để em ở lại với anh, hai là nếu ba em không bằng lòng như vậy, anh sẽ theo em vào Nam, đợi em trưởng thành sẽ xin cưới em.

Những ngày hoang mang, lo sợ cuối cùng đó được anh quyết định sau chuyến đi thăm dò vùng kháng chiến với Tuấn. Cả hai đứa đều thất vọng khi gặp các cán bộ Việt Minh, chứng kiến những cuộc đấu tố dã man, tàn bạo. Anh xin mẹ tha tội bất hiếu để mẹ ở lại với chị Thục chờ tin tức ba anh, rồi vài ngày sau khi gia đình em rời Hà Nội vào Sài Gòn, anh cũng lên đường.

Anh buồn xa mẹ, xa chị Thục, xa Hà Nội, nhưng gặp lại em là tất cả đền bù. Tội nghiệp em, một tuần xa anh, em lo sợ anh đổi ý kiến ở lại Hà Nội và mất anh luôn phải không? Em khóc sưng cả mắt. Ba em giao hẹn cho anh một năm thi tốt Tú Tài II, năm nữa đi làm, em cũng có hai năm để học thêm rồi cưới gấp, săn sóc nhau, lo cho nhau, để ông nhàn thân già và Tuần cũng phải có vợ để thế con gái ông trong gia đình.

Trước thời hạn cấm giao thông giữa hai miền Nam-Bắc, mẹ anh và chị Thục đã kịp thời xuống Hải Phòng đi tàu vào Nam. Bà gặp ba anh trở về Hà Nội với cô cán bộ trẻ người thượng du, nên bà quyết định cùng con gái đi theo con trai.

Hai năm sau anh có việc làm tại một cơ sở ngoại quốc. Em học sư phạm, tốt nghiệp cô giáo, nhưng dạy trường tư ở Sài Gòn để gần anh. Anh cưới được em như mong ước.

Thế rồi thằng Tuyên, thằng Tiến, con Hạnh ra đời. Gia đình mình hạnh phúc chan hòa. Em là người vợ hiền ngoan, người mẹ đảm đang, cho anh những đứa con xinh đẹp, khôi ngô, tuấn tú. Chúng mình có tất cả tình yêu và tình yêu ấy không bao giờ suy giảm.

Năm năm sau anh được đổi đi Mỹ làm việc tại Washington, D.C. Vợ chồng con cái mình hòa nhập với đời sống xứ người rất nhanh chóng. Em của anh rất thông minh. Sau một năm ở nhà lo xếp đặt việc định cư cho chồng con, em trở lại lớp học. Hai năm sau anh rất hãnh diện em lấy được chứng chỉ kế toán và xin được việc làm một cách dễ dàng. Chúng mình mua căn nhà xinh xắn ở Annandale em nhỉ?

Ở đó ba năm, gia đình mình đi Singapore. Rồi tiếp tới biến loạn 30 tháng tư 1975, một cơn khủng hoảng, kinh hoàng cho bao triệu người dân miền Nam. May mắn ba em và gia đình anh Tuần thoát hiểm, đến định cư tại Los Angeles. Mẹ anh và gia đình chị Thục lập nghiệp ở Houston.

Sau bốn năm làm việc tại Singapore, anh được đổi về Virginia. Rồi các con vào đại học, đỗ đạt. Chúng mình có

con dâu, cháu nội. Em là bà nội trẻ nhất thế gian này. Mùa xuân năm ngoái cô con gái thứ hai của chúng mình đã làm lễ thành hôn với Hùng con trai anh chị Linh. Lúc đầu hai đứa chẳng thèm để ý tới nhau chỉ học thôi. Gần đây chúng gặp lại trong sinh hoạt cộng đồng và nên duyên đây. Hai đứa định sang năm mới có con. Tiến, cậu út ít còn bay bổng lắm, muốn đi làm việc bất cứ nơi nào có việc tốt. Việc làm đầu tiên ở Los Angeles, Tiến ở gần ông ngoại và gia đình anh Tuấn. Chúng mình yên tâm hơn. Đứa nào cũng nói “khi bố mẹ già về ở với chúng con.” Nhưng chúng mình còn ham đời sống độc lập, tuy chỉ cu ki hai vợ chồng, vẫn gặp được con cháu mỗi tuần là vui rồi.

Em thương yêu! Cho đến ngày những con số trong công việc làm đầu óc em rối ren, nhức nhối. Em cũng chẳng cần ý niệm thời gian. Em không nhớ và hay quên những chuyện phức tạp trong cuộc đời này. Em không phải đi đến sở làm nữa và anh cũng xin về hưu sớm để được gần gũi, săn sóc em từng giờ, từng phút.

Anh buồn là sau hai năm không còn đủ sức lực và phương tiện để lo cho em chu đáo. Anh đành phải gửi em đến trung tâm nuôi dưỡng người bệnh để em được săn sóc với những phương pháp tối tân nhất. Anh đã bán cái nhà ở Annandale và dọn về đây ở với vợ chồng Tuyên. Chúng xây cho anh một căn nhỏ giáp cạnh nhà, với đầy đủ tiện nghi. Anh có bếp riêng, phòng kiếng cho các chậu cây cảnh, bồn nhỏ nước chảy róc rách. Anh có máy *TV*, *CD*, *cassette*, *computer*. Các con trang bị tất cả máy móc cần thiết cho anh dùng. Anh có thể đàn hát, tự thâu băng, có thể liên lạc với ba, mẹ, gia đình anh Tuấn, chị Thục và các con bằng *email*. Anh đâu ngờ ba, mẹ còn sức khỏe hơn em. Hai người già quá rồi không thể đi thăm em được. Ông, bà vẫn hỏi thăm em hoài.

Khi đàn và thâu hết những bản nhạc tiền chiến xong, anh sẽ thu nhạc ngoại quốc đặc biệt Hạ-uy cảm em thích nhé!

Em còn nhớ bản nhạc Pháp nhưng có nhan đề chữ Anh "Forget Me Not" không? Thuở mới học Hạ-Uy cầm ai không biết. Chúng mình thuộc lâu và đàn hát cùng nhau em nhỉ! Để anh hát lên em sẽ nhớ lại ngay. Em nghe cũng đừng buồn, đừng khóc nhé!

*Rita, tu pars sans un regret,
Mais moi je ne peux t'oublier,
Toi tu voles vers d'autres fleurs,
Mais moi je reste avec les pleurs.
Si tu m'avais laissé un baiser
S'envoleront tous mes tracas.
Mais tu partis sans me parler
Au moins ne m'oublie pas...*

Đàn hát lại bài này, anh muốn nói không bao giờ quên em. Nhớ đến em là nguồn hạnh phúc của anh. Chúng mình đã có đầy đủ tất cả những mơ ước, bây giờ phải trả lại đời để về nước Thiên Đàng cũng là được ơn Chúa gọi đây thôi.

Anh sẽ đàn, hát bài "Ne M'oubliez Pas" và thâu băng cho em nghe lần sau đến thăm em. Anh vui mừng nhận thấy đôi mắt em sáng lên chút linh động khi nghe anh kể chuyện con cháu hay những bản nhạc lời ca, dư âm chúng mình ngày xưa!

Lúc này, anh không có em ăm áp bên cạnh, nhưng hình ảnh em tràn ngập mọi chỗ trong nhà. Anh có ảnh phóng lớn của em trong phòng khách, ảnh em đứng tựa gốc cây gạo anh chụp được trong lần chúng mình đi chợ phiên Bờ Hồ Hà Nội. Phóng ảnh hai đứa mình chụp trong ngày cưới, treo trong phòng ngủ. Ảnh bốn mẹ con em ngồi trên bãi biển Vũng Tàu, treo bên bàn ăn cùng với hình vợ chồng con cái mình trước Đài Kỷ Niệm Washington khi mới tới đất Mỹ. Còn nhiều ảnh gia đình mình chụp những dịp Giáng Sinh, lễ Tết với con cháu, anh bày la liệt khắp nơi trong gian sơn nhỏ bé của anh. Anh sống giữa những khuôn mặt thân yêu nhất đời và anh không cảm thấy cô đơn lắm đâu em!

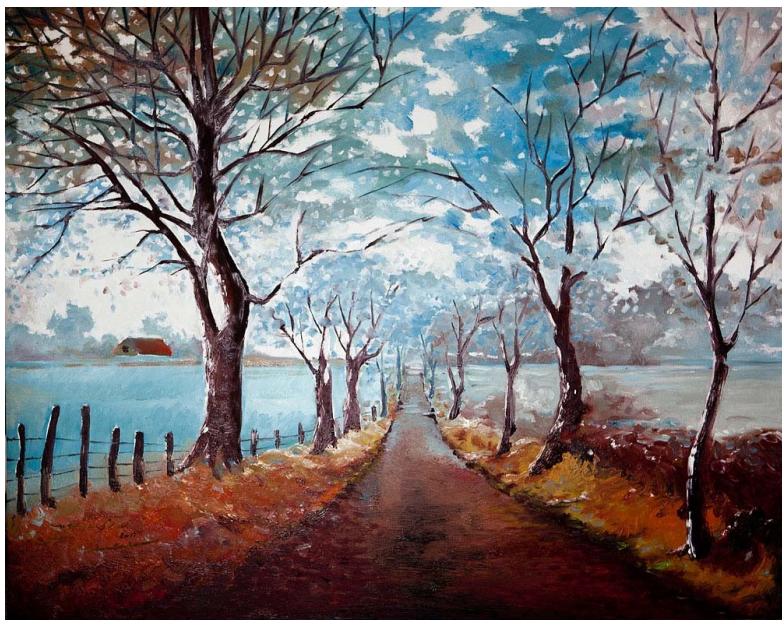
Từ ngày em ngoảnh mặt làm ngơ với thế gian, anh cũng chẳng thiết tha gì nữa. Về đây, anh chỉ liên lạc với con cháu, gia đình thân thuộc và vài người bạn chí thiết khác bằng thư từ, điện thoại. Ngày nào em còn ở trung tâm đó, anh còn muốn sống thầm lặng để chia sẻ thế giới bình an, cách biệt ấy với em.

Em thương yêu, ngoài kia tuyết trắng xóa, không vết chân người. Không gian hoàn toàn vắng lặng, không cả tiếng xe chạy dưới thung lũng. Anh không cảm thấy buồn chán em ạ, vì anh vẫn còn tất cả kỷ niệm chúng ta. Đó là hạnh phúc nuôi dưỡng anh trong vùng mênh mông thiếu vắng em. Những âm thanh, điệu nhạc, lời ca vương vấn đầy hình ảnh em làm ấm áp lòng anh.

A, có lẽ đã tới giờ thức giấc và ăn sáng của loài vật. Em có nghe không, tiếng chim non vừa gọi nhau chiêm chiếp? Em có nghe không, tiếng sóc truyền cảnh làm một nắm tuyết nhẹ như bông vừa rơi trên thảm tuyết trắng như tà áo băng trinh của em thuở nào?

Nắng đã chiếu qua rừng tuyết như hào quang phép lạ, như những tia hy vọng thần diệu không bỏ quên loài người dù kẻ kém may mắn nhất. Chiều nay anh sẽ đến thăm em với cuốn băng đọc chuyện chúng mình. Đừng bỏ đi khi không có anh bên cạnh. Em nhé, em thương yêu của anh!





THU SANG ĐÔNG
Tranh của Họa sĩ Nguyễn Sơn

MỘT THOÁNG MÂY BAY

Sau một ngày bận rộn tại phòng mạch và nhà thương, Nghị vội vã lái xe về nhà. Chàng thay nhanh bộ đồ lớn đi dự đám cưới với vợ, Tuyết Hoa. Người bạn cũ của nàng có con gái thành hôn. Nghị và Tuyết Hoa là cặp cuối cùng ngồi vào bàn tiệc.

Bạn bè quen biết cả nên không cần sự giới thiệu. Mọi người chào hỏi nhau, khen nhau quần áo tốt, nữ trang đẹp và nhập ngay vào những câu chuyện gia đình, cộng đồng thời sự mới nhất trong tuần. Tuyết Hoa tươi tắn ngồi bên Nghị vui vẻ nói cười không ngừng. Nhưng chồng nàng đi vào đám chiêu, lơ đãng thật nhanh chóng. Nếu Nghị không nghĩ ngợi về một hai trường hợp trầm trọng của bệnh nhân thì cũng vẫn vương vãi phím nhạc hay mấy vản thơ dở dang, cần thay đổi, sửa chữa. Chưa bao giờ xuất bản một tác phẩm nào, nhưng ông bác sĩ có thú viết nhạc làm thơ từ thuở chạy không xe đạp trong thành phố Sài Gòn. Chàng say mê sáng tác đến độ có cả đàn dương cầm nhỏ tại phòng mạch để dạo những âm điệu bất chợt cảm hứng.

Đã tưởng vợ chồng Nghị đến muộn nhất, khi họ nhà trai, nhà gái, cô dâu, chú rể đang được giới thiệu với quan viên hai họ, vẫn còn khách đi vào. Hai phụ nữ vừa ngồi xuống bên bàn trước mặt. Một bà là Mộng Tuyền, quả phụ người bạn của Nghị tử trận trong mùa hè đỏ lửa năm xưa.

Không ai ngồi đó ôm nỗi buồn vụn cổ. Người ta phải tự săn sóc, giữ gìn cuộc sống mình mới đủ sức đi hết đường đời còn quá dài. Mộng Tuyền đã chấp nhận, ứng đối hoàn cảnh, một thân nuôi con gái sinh ra đời chỉ thấy mặt cha trên bàn thờ nhang khói. Tuy nhiên, Mộng Tuyền vẫn chưa tái giá. Nàng là chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo Phụ Nữ Mới mà Nghị cho

quảng cáo phòng mạch thường xuyên nhưng vẫn bị Mộng Tuyền đòi viết truyện ngắn, thơ, nhạc không nhuận bút.

Đám cưới lớn, bàn kê chật, khó chen qua lại và đến giờ món ăn được đem ra. Nghị định lát nữa sẽ đến chào Mộng Tuyền thì nàng giơ tay vẫy với nụ cười duyên dáng. Tuyết Hoa cũng vẫy lại. Nghị chỉ khẽ mỉm cười gật đầu. Đó là bản tính nghiêm nghị, nề vợ trước đám đông của chàng. Khi có dịp nói chuyện riêng với Mộng Tuyền, Nghị rất cởi mở nhưng luôn luôn giữ giới hạn đúng đắn. Người thiếu phụ đi cùng Mộng Tuyền nhìn sang bàn vợ chồng Nghị. Trông nàng quen lắm, Nghị chưa nhận ra ai, chắc chắn không phải bệnh nhân của chàng.

Thu Vân cũng vừa chợt nhận thấy nét ngờ ngợ trên khuôn mặt lạnh lùng của người đàn ông Mộng Tuyền vẫy chào. Nàng thấp giọng hỏi bạn:

- Ai đó?

- Nghị "Rimbaud" Sài Gòn ngày xưa đấy. Vân biết lắm mà?

- Thảo nào trông quen quen.

- Cả Sài Gòn biết Nghị làm thơ thất tình và tặng T.V. hay Thu Vân cũng là một phải không?

Thu Vân cải chính ngay:

- Chẳng dám nhận. Sài Gòn có cả ngàn cô T.V. Có bao giờ mình nhận được thơ chàng tặng đâu.

Mộng Tuyền tiếp tục nói về Nghị:

- Bác sĩ Lê Cương Nghị nổi tiếng, được mến trọng ở đây. Hắn là một trong những bác sĩ Việt Nam đầu tiên ở Hoa Kỳ, đã tình nguyện làm việc một năm không lương trong trại tạm cư thuyền nhân vượt biển. Hắn khám bệnh miễn phí cho những người không có bảo hiểm sức khỏe và là mệnh thường quân của tờ Phụ Nữ Mới!

Nghị vẫn mắt sáng to, mày rậm, mi dài, nhìn ai cũng như thôi miên. Mái tóc chàng đen dày dợn sóng mà thuở nào được các nữ sinh ví như mái tóc bông bênh của Thi sĩ Pháp Arthur Rimbaud của Thế kỷ 19. Bỗng nhiên Thu Vân cảm

thấy may mắn, hôm nay nàng phục sức, trang điểm cẩn thận, không đến nỗi lạc hậu trước mắt cổ nhân. Nghe lời Mộng Tuyền và cô em gái, Thu Vân mặc “long dress” hàng lụa mềm màu đen, tay và cổ áo viền cườm lông lánh cùng màu, đeo chuỗi hạt trai cô em cho mượn. Mới di cư tới xứ sữa tươi, mật ngọt này, vợ chồng con cái Thu Vân vẫn còn phải ở chung nhà với gia đình cô em gái. Nàng chưa đủ khả năng thuê nhà riêng, hưởng chi ăn sang mặc diện. Thu Vân nhận hàng về may, học lớp Anh văn để tập nói ngôn ngữ quốc gia sẽ là quê hương thứ hai của gia đình nàng.

Sau vài tháng bồi dưỡng với thực phẩm tươi bổ và được cô em gái chăm sóc sắc đẹp với đủ các loại son phấn kem thoa mặt, dưỡng da, hôm nay Thu Vân mới sửa soạn đi dự một tiệc cưới đầu tiên. Nàng không muốn ai nhìn thấy thân hình ngả bóng chiều tà của mình. Không biết Nghị có nhận ra Thu Vân sau mười năm sống khổ ải nơi quê nhà? Cũng may, Vinh, chồng nàng chỉ bị đi tù ba năm. Bấy năm sau vợ chồng nàng cùng hai người con trai được cô em gái bảo trợ tới đất Mỹ. Vinh làm nhân viên an ninh, xuất đêm cho cơ sở xã hội, không đi dự đám cưới cùng nàng được. Hơn nữa hai vợ chồng biết nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc. Nếu hai người cùng đi dự đám cưới thường phải mừng gấp đôi. Nên họ đã đặt ra điều lệ, bạn ai mời người đó đi, cho đỡ tốn kém và không bị trách móc.

Nhớ lại thuở mới tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, do mai mối Thu Vân nhận lời cầu hôn của Vinh, chàng Trung Úy hiền lành, nhà con một. Chỉ sau hai tuần quen biết là đám hỏi, ba tuần là đám cưới của hai người. Tiền lương giáo sư Thu Vân đưa hết về cho người mẹ góa nuôi các em ăn học để bà đỡ vất vả. Vinh là người chồng tốt, cần cù, chỉ biết vui vầy với vợ con. Nếu chỉ cần tám chồng để có gia đình, con cái thì Vinh là người hoàn toàn. Ngoài đời có nhiều chuyện đổ vỡ, gian dối, lọc lừa, Thu Vân hài lòng với người chồng trung thành, tử tế dù trải qua bao đắng cay dưới chế độ Cộng Sản.

Nghị cũng vừa nhận ra thiếu phụ mặc *long dress* màu đen ngồi cạnh Mộng Tuyền là Thu Vân tuy nàng không còn nét son trẻ 20 năm về trước. Từ ngày di cư tới đất Mỹ, mỗi lần hồi tưởng lại thuở học trò, xóm cũ, đường xưa, hình ảnh Thu Vân luôn luôn thấp thoáng trong cuốn phim dĩ vãng ấy. Nghị không bao giờ hỏi nhưng vẫn mong một ngày được biết tin về nàng. Bạn bè cũ không ai nhắc nhở tới Thu Vân, Nghị những tưởng nàng đã gặp hoạn nạn trong biến cố tháng tư 1975 hay lưu lạc sang xứ nào, tiểu bang nào xa xôi hẻo lánh. Vì nêu ở đây, cứ đi dự hai, ba đám cưới sẽ gặp hết người quen trong cộng đồng. Có lẽ nàng mới tới vùng này. Cái áo màu đen làm nổi bật nước da trắng của Thu Vân. Chuối hạt trai ôm cần cổ ba ngón cao, đáng ngồi ngay ngắn, sang trọng. Nghị biết rất rõ những nét đặc biệt về Thu Vân từ thuở nàng và chàng cùng học đệ tam. Anh Thanh của Nghị là sinh viên Y Khoa...

Nhà Thanh, Nghị cùng xóm Đa Kao với Thu Vân. Sau một thời gian ngắn đi về cùng ngõ Thanh để ý và thương cô bé mười sáu có làn da như hoa bông sứ trắng, đôi mắt đen láy như hạt nhãn e ấp dưới riềm mi đen như nhung. Nhiều lần Thanh muốn bắt chuyện làm quen với Thu Vân, nàng đều cúi đầu im lặng rảo bước. Thanh ước gì chàng nhỏ tuổi như Nghị để sang chơi hằng ngày với em trai Thu Vân và được gặp nàng. Thanh nhờ Nghị chuyển thư làm quen Thu Vân. Lần đầu, nàng giấu tay sau lưng không nhận, Nghị phải ném lá thư lên bàn bếp và chạy về nhà. Lần nào sang cửa sau nhà Thu Vân đưa thư, Nghị cũng thấy nàng lui cui trong bếp, thổi cơm, nấu canh, rán cá, chiên đậu, kho thịt hay giặt giũ quần áo cho cả nhà. Nàng là chị cả đàn em bầy đứa mồ côi cha chưa đầy một năm. Mẹ nàng, bà Tham Chính, bây giờ có sạp bán vải, quần áo may sẵn trong chợ Tân Định.

Sang nhà Thu Vân nhiều, Nghị trở nên thân với cả gia đình. Chàng được thưởng thức đủ món ăn Thu Vân làm và thấy ngon hơn bà bếp nhà chàng nấu. Tội nghiệp, Thu Vân

một mình lo toan mọi việc mà chỉ có một con nhỏ làm công giúp đỡ. Nghị phụ nàng nhặt rau, lau bát, xách nước, vắt những cái quần kaki đồng phục dày cộm của lũ em trai. Bàn tay con gái quá nhỏ đối với công việc ấy. Đôi lúc đứng gần nhau, Nghị nhìn thấy rõ cả những sợi lông tơ trên cánh tay tròn lẳn, trắng ngần của Thu Vân. Nghị liên tưởng tới làn da mịn màng, mát rượi của mẹ thuở sinh thời chàng thường vuốt ve, nũng nịu. Một phần Nghị thích sang gặp Thu Vân cũng vì cô đơn thiếu tình mẫu tử, tình chị em. Mẹ chàng mất từ khi Nghị mới chín tuổi, Thanh 13. Chàng cũng không có chị hay em gái.

Tuy học ngang lớp, nhưng Nghị gọi Thu Vân bằng chị, xưng tên vì nghĩ rằng nàng là người của ông anh. Thu Vân xưng tôi với Nghị. Nhiều khi nàng buồn vì phải ở nhà coi các em. Đi đâu với bạn học cùng lớp nàng cũng phải kéo theo một, hai đứa em nhỏ nhất, mất cả vui. Nghị thường tình nguyện đem bài vở sang học và coi chừng chúng cho nàng đi chơi ríu rít, hồn nhiên với mấy cô nữ sinh khác. Thỉnh thoảng Nghị khao chị em Thu Vân châu kem Đa Kao, thạch, chè Hiên Khánh hoặc đi xi-nê đồng hạng với tiền Thanh cho. Nghị và Thu Vân mỗi người đeo theo một đứa em nhỏ của nàng. Ba, bốn cái xe đạp phóng bay bay trên những con đường xanh bóng cây tới rạp Lê Lợi hay Vĩnh Lợi, Đại Nam... Nghị cảm thấy như cùng gia đình với Thu Vân. Chàng mượn *Mobilette* của Thanh chở Thu Vân đi góp hụi cho bà Tham Chính, tận Ngã Tư Bảy Hiền hay Bình Hòa, Hàng Xanh. Nàng ngồi yên sau, không chịu ôm bụng Nghị. Tới khi xe chạy long lên sòng sọc trên những con hẻm đầy đá rậm, ổ gà, Nghị cố tình thắng gấp, Thu Vân phải vội vàng vòng tay qua người chàng cho khỏi rớt xuống đường. Thu Vân lúng túng, ngượng ngập, nhưng Nghị hân hoan, kiêu hãnh như vừa trưởng thành, lớn hơn cả nàng. “Cứ tránh né mãi. Bây giờ phải ôm người ta rồi nhé,” cậu con trai mới lớn nghĩ thâm và cảm thấy ấm nóng toàn thân trong gió mát Sài Gòn.

Thu Vân có giọng hát rất hay. Những lúc phải làm việc tất bật trong bếp, nàng vẫn véo von hát đủ các bài như không biết tới sự vất vả. Thấy vậy, Nghị cũng hứng chí mang đàn *guitar* đến và đệm theo tiếng hát Thu Vân trong lúc nàng nấu cơm hay làm việc khác. Đôi khi Nghị khoe hát bản nhạc, hay đọc bài thơ chàng mới sáng tác. Thu Vân có thể nhanh chóng, dễ dàng hát theo.

Có lần Nghị hỏi tại sao không trả lời thư của Thanh, nàng chỉ im lặng lắc đầu. Không nói, nhưng với tâm hồn đơn sơ, Thanh chỉ gọi cho Thu Vân viễn ảnh hai người nam nữ chung sống thơ mộng nhưng biệt lập hẳn với gia đình bà mẹ góa và đàn em nhỏ mà nàng có bốn phận phải trông nom, không bao giờ muốn xa cách. Tình yêu, hôn nhân còn quá xa xôi, lắm ngại ngùng với thiếu nữ 17. Gặp Thanh ngoài ngõ, Thu Vân cúi mặt lần tránh. Nghĩ rằng con gái mới lớn còn e thẹn, Thanh chờ nàng lớn hơn.

Năm sau, Nghị và Thu Vân cùng lên lớp đệ nhị. Một hôm, chàng cùng hai người bạn trong ban báo chí, đem đặc san tới bán tại trường nàng. Giờ ra chơi, con gái đầy sân làm ba tên con trai hoa mắt, trùn chân. Nhưng Nghị vẫn nhận ra Thu Vân óng chuốt trong chiếc áo dài trắng nội hóa. Trông nàng lộng lẫy như thiên nga đang tắm nắng. Suối tóc đen huyền xoa bờ vai thon nhỏ. Đôi mắt u ẩn, chiều sâu vào trái tim đang đập như trống trường làng của chàng. Ánh mắt ấy muốn tỏ lộ và lại như ẩn giấu điều gì. Thu Vân đang đứng với vài nữ sinh gần chỗ Nghị và hai bạn dựng xe đạp.

Sau khi hít một hơi dài lấy bình tĩnh, ba chàng tiến lại các nàng, tự giới thiệu và quảng cáo bán báo. Cô nào cũng vui vẻ, mau mắn chào đáp hay mua báo trừ Thu Vân. Nàng không nói lời nào và lạnh băng như không hề quen biết Nghị. Phật ý, bẽ bàng, bao nhiêu hăng hái biến mất, chàng miễn cưỡng như không hồn đi theo hai bạn suốt buổi sáng còn lại. Nghị cho rằng Thu Vân không hành diện quen biết một học sinh quèn như chàng. Nghị không biết rằng ở thuở

đó, con gái nhút nhát rất dễ xấu hổ nếu chuyện tình cảm bị bại lộ dù giữa bạn gái.

Vài tuần sau đó, Thanh nhận được điện thoại từ Kim Anh, cô bạn học của Thu Vân nhắn, “Thu Vân không yêu anh, không muốn nhận thư của anh nữa.” Đau khổ, giận hờn với cảm tưởng bị mấy cô bé oắt con làm trò cười, Thanh không than thở một câu và vui đầu vào việc học. Nghị cũng bị chàm tự ái từ buổi vào trường Thu Vân và không còn dịp đem thư của Thanh cho Thu Vân nữa. Nhưng đó cũng chưa phải là lý do chính. Nghị hiểu rằng ông anh đã yêu Thu Vân và cảm thấy tội lỗi với Thanh nếu Nghị tiếp tục gặp nàng. Từ đó người ta thấy Nghị viết nhiều bài thơ tình buồn tặng T.V. trên các báo Sài Gòn. Ai hỏi về nội dung thơ, Nghị đều nói chàng viết thay ông anh.

Hai năm sau, trong buổi liên hoan của Đại Học Y Khoa, Nghị gặp lại Thu Vân. Chàng đang học năm thứ nhất. Sau một lúc do dự, Nghị mời nàng ra sàn nhảy. Thu Vân từ chối. Chàng rủ nàng sang phòng khách bên cạnh vắng vẻ, yên tĩnh hơn để nói chuyện. Thu Vân đi theo chàng. Nàng đang học năm thứ nhất Sư Phạm. Hai người hỏi thăm nhau về gia đình, việc học, thời cuộc sôi bỏng của miền Nam và ôn lại những kỷ niệm trong sáng, hồn nhiên thuở mới quen nhau. Có lúc Nghị hỏi:

- Tại sao Thu Vân từ chối tình yêu của anh Thanh?
- Vân không cảm thấy yêu anh Thanh, có thể thôi.
- Con gái ở tuổi Thu Vân phải có người yêu rồi chứ?

Nàng trả lời sau vài giây ngập ngừng:

- Có thể. Nhưng người ấy không bao giờ thổ lộ thì nói tới làm chi?!

Nghị nhận thấy cách xưng hô của hai người đã thay đổi thân mật. Thân bừng nóng, tim đập mạnh, chàng cảm động như sắp nắm được một tình yêu âm thầm, cảm nín từ đáy con tim. Nghị nâng tay Thu Vân lên môi hôn nhẹ. Nàng hồi hộp, nín thở, không phản ứng. Nhưng khi chàng đặt tay lên vai Thu Vân, kéo nàng lại gần, Thu Vân vụt đứng dậy chạy

sang phòng khiêu vũ. Nàng lại làm mặt lạnh lùng như không quen biết Nghị bao giờ...

Thu Vân thầm yêu Nghị từ bấy lâu, nhưng bản tính yếu đuối, nàng sợ hãi chính con tim rung động của mình, nên chạy trốn cái giây phút nóng bỏng trong vòng tay của Nghị. Thu Vân tỏ vẻ lạnh lùng với Nghị để không ai biết nàng và chàng có tình ý với nhau. Người con gái đức hạnh quá e dè, lo sợ dư luận nếu mai một mối tình của họ không có hậu, không đi đến đâu. Người con gái tự ý yêu thương một người không do cha mẹ hay họ hàng thân quen giới thiệu thường bị mỉa mai là con gái lăng mạn, con gái hư ở thuở ấy!

Trên sân khấu, một ca sĩ gia đình đang hát bài “Mùa Thu Không Trở Lại” của Phạm Trọng Cầu. Bài này rất hay nhưng có vui về gì đâu mà người ta hát trong tiệc cưới nhỉ?

Em ra đi mùa thu, mùa thu không trở lại

Em ra đi mùa thu, sương mờ giăng âm u

[...]

Ngày em đi, nghe chơi vui nào nề qua

vườn Luxembourg

Sương rơi che phố mờ, buồn này ai có mua?

Thu Vân cúi xuống đĩa thức ăn, chậm rãi nhâm nhi với dĩ vãng. Hình như nửa cuộc đời nàng chỉ yêu một lần ấy. Cái bệnh giá băng đã làm băng giá trái tim nàng. Buổi gặp Nghị bất ngờ trong sân trường, Thu Vân vui mừng muốn reo gọi tên chàng. Nhưng nàng đứng ngây người, ngậm miệng trước gương mặt tuấn tú của Nghị. Có tật nên giật mình, sợ bạn gái chế giễu mới tí tuổi đầu đã “có bồ,” nàng vụng về làm mặt không quen biết Nghị.

Khi đến nhà Kim Anh, người thầm yêu trộm nhớ Thanh, Thu Vân bị bạn vặn hỏi, đã thú nhận không thương Thanh, nhưng không có nghĩa nàng định tàn ác, lớn tiếng cho Thanh biết. Thu Vân định cãi bạn nhưng bản tính hiền lành, nàng ngồi bất động. Kim Anh cầm điện thoại lên gọi ngay cho Thanh với giọng sốt sắng, mỉa mai làm Thanh đau đớn.

Người sinh viên y khoa sắp ra trường, học giỏi, tuần tú, tha thiết yêu Thu Vân trong khi nàng không hề rung động trước người anh trưởng thành, nghiêm nghị ấy. Thu Vân cảm thấy thân quen với người em hơn. Nghị luôn luôn tới giúp đỡ nàng công việc nhà, săn sóc, vui đùa với chị em nàng, giảng bài, làm những con toán khó giùm nàng. Sự gần gũi tạo nên tình cảm sâu đậm hơn là tình chị hờ hay bạn sơ giao. Nghị là hình ảnh người đàn ông nàng mong ước trong tương lai. Tình yêu nảy nở từ những cảm nghĩ bình dị, đơn thuần ấy.

Thuở hoa niên, nếu có những phản ứng ngây ngô như thế cũng không lạ. Trong buổi dạ vũ Y Khoa, Thu Vân đã 21 tuổi được coi như người lớn, nàng muốn khiêu vũ với Nghị, muốn nép gọn trong vòng tay chàng, nhưng nàng lại từ chối. Nghị hỏi nàng thích bài thơ nào chàng sẽ chép và gửi tặng, Thu Vân trả lời ngoài ý muốn của nàng:

- Cảm ơn, Thu Vân đọc trên báo đủ rồi.

Chờ đợi nụ hôn từ Nghị, Thu Vân lại vội vàng bỏ chạy làm vẻ lạnh lùng. Thế hệ Thu Vân ngoan hiền, vớ vẩn lắm! Nàng để mất một tình yêu không bao giờ giải bày, thổ lộ.

Thế rồi bác sĩ Quân Y Lê Viết Thanh bỏ mình trong trận chiến Hạ Lào. Thu Vân thực sự đau đớn cho Nghị. Và đau đớn hơn, Nghị gửi lá thư cuối cùng mà Thu Vân coi như tuyệt tình. Chàng viết, “Trước sau và mãi mãi chị vẫn là người chị Nghị quý trọng. Hình ảnh chị sẽ bất diệt theo anh Thanh xuống tuyến đài.”

Nghị không đáp ứng tình yêu của chàng và Thu Vân vì còn quá trẻ, nhút nhát như Thu Vân, hoặc vì không vị kỷ, không muốn làm ông anh buồn. Khi Thanh rời bỏ cõi đời, Nghị thương tiếc anh và cảm thấy tội lỗi, không muốn cướp mối tình Thanh mang theo. Nghị chối bỏ tình yêu Thu Vân, nhưng nàng vẫn tin Nghị thầm yêu Thu Vân như nàng thầm yêu chàng qua năm tháng. Thu Vân hoài ôm những khúc mắc ấy trong đôi mắt buồn u ẩn và trái tim sâu kín những ngậm ngùi...

Bánh cưới được cắt. Champagne được rót. Sàn vũ được sửa soạn. Nhiều ông già, bà cả lục tục ra về. Nghị định đứng lên sang bàn Mộng Tuyền, Thu Vân chào hỏi. Vài người quen tíu tít giữ chàng lại nói chuyện. Hai người đàn bà biến dạng. Nghị tự nhủ sẽ gọi Mộng Tuyền hỏi thăm về Thu Vân.

Thực ra, khi thấy Nghị đi tới, Mộng Tuyền có ý cho cô nhân một lần gặp gỡ lại, nhưng Thu Vân vội kéo tay bạn đi nhanh ra cửa. Thu Vân muốn chạy trốn đôi mắt to sáng của Nghị nhìn nàng như muốn thổ lộ một điều cũng đang chứa chắt trong đôi mắt nhưng đen huyền ảo của nàng. Nhưng thôi, tất cả coi như áng mây vừa thoáng bay qua dĩ vãng... **Dz.**

CHÚ THÍCH:

1- Thi sĩ Pháp Arthur Rimbaud 1854-1891



EM VÀ MÙA THU: Tranh sơn dầu trên bố, khổ 60x70cm
Của Họa sĩ NGUYỄN SƠN, Germany.

TRÊN ĐỒI HOA DẠI

Thuở còn học lớp sáu, lớp bảy, Dũng và mấy đứa bạn cùng xóm, cùng trường thường lên đây chơi thả diều, ném bắt banh. Vùng đồi cỏ còn trống trơn, sự mở mang xây cất chưa lan tràn tới, không nhà cửa và vắng bóng người. Cây thông già đứng chơ vơ trên mô đất cao nhất. Lắc rắc đây đó những tảng đá lớn nhỏ trông xa như những con cừu trắng đang gặm cỏ. Bình minh lên từ hướng nhà Dũng phía sau. Hoàng hôn xuống dưới thung lũng bên kia đồi đằng trước.

Tuổi niên thiếu, vài lần Dũng xin phép cha mẹ cho sang nhà bạn ngủ nhưng kỳ thực bọn Dũng rủ nhau dựng lều cắm trại, vặn nhạc kích động qua máy xách tay suốt đêm dưới trời cao đầy tinh tú trắng sao. Mùa đông tuyết trắng xóa thật tuyệt vời chơi *sled*, *ski* vèo vèo từ đỉnh đồi, chơi ném tuyết, đập người tuyết cả tháng không tan. Dũng như còn nghe tiếng cười đùa vô tư vang vọng trong vùng không gian bao la xa vời tầm mắt.

Gần chục năm làm việc tại các tiểu bang khác, Dũng chỉ về thăm cha mẹ và hội họp anh em, các cháu vào dịp công tác sở, lễ Giáng Sinh hay Độc Lập. Anh em Dũng sau khi tốt nghiệp đại học, kẻ có vợ, người có chồng hay còn độc thân cũng đều ở riêng hoặc đi làm việc xa. Họ muốn tập trưởng thành, sống tự lập, không dựa vào cha mẹ. Trung ương sở của Dũng tại Virginia, chàng có thể làm việc lâu dài tại đây. Nhưng tuổi trẻ, chưa vướng bận vợ con, thích du lịch, thăm thú các vùng đất lạ và lại được lên chức, lên lương nhanh hơn, Dũng xin đi làm tại Atlanta, San Francisco, Dallas gần mười năm.

Tối nay, vì tình trạng kinh tế khó khăn chung, nhiều chi nhánh hãng Dững bị đóng cửa, nhiều nhân viên bị sa thải. May mắn, Dững được thay thế ông giám đốc đã thâm niên tại trung ương, nên chàng vừa về tới nhà cha mẹ chiều qua. Sáng nay Thứ Bảy, từ cửa sổ phòng ngủ, một hấp lực nào đó khiến Dững không thể cưỡng lại nên đi bộ lên ngọn đồi xanh mướt chan hòa ánh nắng.

Dững lững thững lên đồi, cỏ còn ướt sương, lốm đốm hoa trắng, hoa vàng, hoa tím. Đàn chim nhỏ bay vù ra xa khi chàng đến gần. Những tảng đá đầy đó như chờ khách bộ hành dừng chân ngồi nghỉ. Không biết tên Dững và bạn bè còn trên đá không, hay đã bị mưa nắng gội xóa? Kỷ niệm thuở thiếu thời lang thang trên đồi chợt trở về. Dững hồi hộp tiến lại tảng đá lớn gần nhất. Chàng nhìn ngay thấy tên mình được viết bằng sơn đen đã phai, còn màu xám nhạt. Tên của Mike tóc đỏ, John tàn nhang, Jeff tóc bòm, Dick cà lăm vẫn còn đó. Chàng nào cũng có gia đình và dọn đi nơi khác. Nhà đồi chủ cả chục lần. Chỉ cha mẹ Dững, ông bà Hậu vẫn ở một chỗ. Thế hệ người Việt như ông bà đã bị di cư, di tản năm lần bảy lượt, họ không thích di chuyển nữa.

Ông Hậu làm việc tại Hoa Thịnh Đốn cho chính phủ Việt Nam cũ từ thời Sài Gòn chưa đổi tên. Sau tháng tư 1975, ông xin được việc làm cho Liên Bang. Bà bán hàng tại một tiệm bách hóa sang trọng, đắt tiền. Họ mua căn nhà này và ở đây từ hồi ấy. Ông Hậu là trưởng tộc ở hải ngoại nên mọi việc thờ phượng tổ tiên, họp mặt gia đình, anh em, họ hàng đều được giữ gìn và tiếp tục dưới mái nhà khiêm tốn dần dần được sửa sang nới rộng thêm. Căn nhà không lớn nhưng có hơn mẫu đất rộng để ông bà Hậu vui cảnh điền viên.

Dưới thung lũng sau lưng là khu nhà Dững ẩn nấp trong lùm cây. Mặt trời đã ở trên đầu. Chàng tiếp tục đi lên mô đất cao nhất có cây thông già hiên ngang đứng giữa vùng đồi cỏ mênh mông. Bên gốc cây có tảng đá lớn cũng được chàng và các bạn cũ khắc tên. Bây giờ chỉ còn một mình

Dững trở về thăm cảnh xưa. Một tiếng thở dài thoát ra khỏi lồng ngực. Chàng không buồn, không nuối tiếc kỷ niệm, nhưng nỗi cô đơn nào man mác bao vây. Dững định đi tới ngồi nghỉ trên phiến đá thì ngẩng nhìn thấy vùng hoa rực rỡ bát ngát như những làn sóng màu đỏ, màu xanh, màu vàng, màu trắng nối tiếp nhau rập rờn dưới chân đồi trước mặt. Chàng chưa bao giờ lạc giữa cánh hoa như vậy ở trong vùng này. Có thể hoa được trồng nhiều năm nay mà Dững đi làm xa, không trở về vào mùa xuân nên không trông thấy. Chiều qua, trên đường về từ phi trường, Dững ngạc nhiên thấy lần đầu tiên những thảm hoa cùng màu xuất hiện trên khắp các ngã đường trong tỉnh.

Sau mấy giây nín thở vì cảnh đẹp như đang đợi người vẽ, Dững hít một hơi dài, rào bước xuống đồi và đi về phía thung lũng hoa. Đến gần, hoa màu trắng càng trắng muốt, hoa màu đỏ càng đỏ như lửa, hoa màu xanh càng xanh biếc, hoa màu vàng càng rực rỡ hơn. Tự nhiên Dững nảy ra ý định muốn vẽ cảnh hoa này tặng ba mẹ chàng nhân dịp kỷ niệm cưới của ông bà vào tháng tới. Ông bà Hậu chỉ có tranh in treo trên tường trong phòng khách. Chàng có cảm tưởng đang đứng trước giá vẽ. Sơn màu hình như tuôn ra từ những ngón tay của Dững và lai láng chảy trên khung vải trắng trơn...

Sáng sớm hôm sau, khi ánh mặt trời vừa lấp ló qua hàng cây bên ngoài cửa sổ nhà bếp, Dững ăn điểm tâm xong và ra khỏi cửa. Một tay xách cái túi lớn trong có khung vải và cái khay có chân gấp bằng nhôm nhẹ. Một tay xách thùng dụng cụ sơn vẽ. Đầu đội nón rơm *cow-boy*. Nách kẹp giá tranh. Chiều qua về nhà, Dững tìm thấy trong kho gần đủ đồ nghề học vẽ trước kia. Chàng chỉ phải mua vài ống sơn, mấy khung *canvas*.

Sau khi tốt nghiệp đại học về môn Fine Arts, Dững xin ngay được việc làm tại một cơ quan giao dịch, trang trí, quảng cáo và chỉ phải sử dụng cọ vẽ trong *computer* với mắt mỹ thuật và theo yêu cầu của khách hàng. Dững không hề dùng tới cái cọ bằng gỗ và lông đuôi ngựa. Màu sắc các “tác

phẩm” được truyền từ *computer* qua máy in ra giấy, bìa, vải. Ít khi sử dụng đến ngón tay, sơn dầu, sơn nước, phấn màu để vẽ người, vật, phong cảnh. Càng lên chức, Dũng càng phải lo điều khiển và kiểm soát việc làm nhân viên dưới quyền hơn là sáng tạo. Cho tới nay, gần như chẳng bao giờ, chàng tự sáng tác cho riêng mình. Ngoài giờ làm việc hăng say, Dũng thường hội họp với bạn cùng nhà, cùng sở xem hay chơi thể thao như *foot ball*, *tennis*, bóng tròn, bơi lội... Thậm chí môn *golf*, chàng cũng có thể thù tiếp mấy ông *boss* già.

Tuổi trẻ năng động, chàng không thích làm việc đơn độc, tâm trí gò găng vào việc gì nếu không là bốn phận và bắt buộc. Nhưng cảnh đời đẹp như bức tranh ấn tượng khiến Dũng thay đổi nhịp sống, ít nhất trong tuần lễ được nghỉ trước khi nhận chức mới.

Dũng đặt đồ nghề bên góc thông cổ thụ, lấy tay quét phỉn đá cho sạch. Những nét khắc tên với ngày tháng cũ vẫn còn đọc được dễ dàng. Chàng mỉm cười nghĩ tới những kỷ niệm ngây ngô nhưng đôi khi cũng rất gay cấn. Dũng và bạn bè là những “thủ phạm” bị cha mẹ la mắng, bị phạt trừ thù lao vì cái tội đánh mất hay làm mẻ dao, búa trong việc khắc tên ấy.

Dũng dựng giá vẽ, khay để sơn, cọ, dao... và trộn màu. Gần mười năm không cầm tới cây cọ và đứng trước cảnh thiên nhiên bát ngát, chàng hơi lúng túng khởi vẽ bức tranh. Nhưng chỉ một lúc sau, Dũng đã phác họa được phong cảnh chàng muốn cho vào tranh bằng nước sơn mỏng màu đất nhạt. Khi mặt trời gần đứng bóng, trên khung vải đã hiện lên một đôi dốc thoải thoải màu hoa đỏ, tím, xanh, trắng, vàng chạy dài xuống thung lũng cỏ non. Sau vùng hoa đó, nổi bật lên căn nhà nhỏ, mái xanh, tường đỏ. Một cây liễu rủ cành, nghiêng bóng ao nước lóng lánh sau hiên nhà. Tháp thoáng trong hàng cây vài ngôi biệt thự mới, đồ sộ. Máy trắng tản mạn cuối chân trời hồng lên màu nắng.

Bỗng từ trong căn nhà đỏ dưới thung lũng đi ra một dáng người mà Dũng nhận ngay ra là phụ nữ với xiêm váy dài màu nhạt. Nàng vòng qua cái ao tiến lên đồi và đi vào giữa vùng hoa rực rỡ chàng đang cho thêm vài nét chấm phá cuối cùng, làm nổi bật ánh nắng trong tranh. Nàng xoay lưng lại phía mặt trời và cúi xuống một hồi lâu, rồi đứng thẳng lên xoay ra bốn phía. Dũng nhận thấy nàng có bộ tóc dài nhưng cột lại phía sau gáy. Nàng chụp hình hoa gần, hoa xa, hoa xung quanh. Cỏ, hoa hình như nhẩy múa tung tăng với váy dài đến cổ chân của nàng. Chàng nảy ra ý định cho nàng vào tranh, nhưng để nàng xoa tóc và không mang máy hình.

Dũng vừa định lấy cọ phác họa hình dáng người mẫu trên tranh thì nàng nhìn về hướng chàng và trực chỉ. Khi còn cách độ trăm thước, Dũng chợt nhận ra nàng còn trẻ và là người Á Đông. Tự nhiên Dũng cảm thấy hồi hộp nhẹ trong lồng ngực và mong người phụ nữ đi chỗ khác cho chàng vẽ xong bức tranh. Các “khán giả” thường hay hỏi họa sĩ nhiều câu lắm cảm làm mất thời giờ khi “người ta” đang mải mê vẽ. Nàng đưa máy hình lên, hướng xuống thung lũng, chụp vài kiểu nữa rồi tiến tới gần Dũng, yên lặng ngắm tranh. Chốc chốc nàng lại nhìn ra cảnh như muốn biết cái cọ của họa sĩ đang ở chỗ nào ngoài cảnh thật. Bất ngờ, ngoài ý định, Dũng buông một tiếng chào “Hi”, tay vẫn không ngừng vẽ. Nàng mỉm cười quay sang chàng “Hi” đáp lại và cũng không thêm lời nào. Thói quen xã giao, chàng bắt chuyện:

- Cô chụp được nhiều hình ưng ý không?

Vẫn chăm chú nhìn tranh, nàng trả lời:

- Trời đẹp nên tôi hy vọng ảnh đẹp. Ông ở vùng này không, sao tôi chẳng gặp ông bao giờ?

- Nhà cha mẹ tôi ở dưới chân đồi đằng sau. Tôi đi làm xa từ lâu, mới được đổi về đây hai ngày. Hôm qua chợt thấy cảnh đồi hoa đẹp quá từ hồi nào đến giờ tôi không thấy nên mới lấy khung vải ra vẽ. Có phải cô đi ra từ căn nhà đỏ dưới kia không?

- Vâng, tôi ở với cha mẹ trong nhà đó. Tranh của ông đẹp lắm. Ông nên đi xuống dưới kia ngồi vẽ cảnh nhìn lên đồi cũng đẹp không kém.

- Cảm ơn cô. Tôi định vẽ cảnh như cô nói. Nhưng để ngày mai. Nhân thể xin tự giới thiệu, tôi tên Dũng.

- Ann là tên tôi. Tên ông đánh vần như thế nào?

- Z.U.N.G. Tên Việt Nam. Xin lỗi, cô gốc người gì?

Ann thích thú:

- Tôi cũng là người đồng hương với ông đấy?

Ngạc nhiên, Dũng ngừng tay vẽ, nhướng mắt nhìn Ann.

- Vậy hả?

- Đúng vậy. Tên Việt Nam của tôi là A.N. Cha mẹ nuôi tôi đọc là Ann cho dễ.

- ... ?

Ann đọc được câu hỏi trong mắt người họa sĩ và trả lời:

- Cha mẹ nuôi tôi người Mỹ.

- Cô tới Mỹ năm nào?

- Ông bà đem tôi ra khỏi trại mồ côi lúc cả hai làm việc tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ Sài Gòn, năm 1971.

- Cô biết nói tiếng Việt không?

- Không. Hồi mới rời Sài Gòn, cha mẹ tôi còn nói chút ít tiếng Việt với tôi. Dần dần chính ông bà cũng quên và không nói tiếng Việt với tôi nữa. Rồi đi tới nước nào, ông bà cũng bắt tôi học tiếng nước đó. Nhưng tôi vẫn thêm nói được tiếng Việt lắm.

- Cô có bạn Việt Nam không?

- Tôi quen vài người Việt trên Đại Học. Nhưng rồi theo cha mẹ đi ngoại quốc. Nên mất liên lạc với họ. Ồ, tôi nói nhiều làm mất thời giờ của ông quá. Tôi nên đi chỗ khác để ông chuyên chú vào việc vẽ chứ!

Dũng vội vàng giữ Ann lại:

- Tôi đã vẽ xong cảnh, chỉ còn thiếu người. Cô có thể đứng làm mẫu cho tôi được không?

Ann ngạc nhiên, ngập ngừng:

- Có thật tôi không làm phiền ông không?

- Trái lại tôi còn muốn cô làm người mẫu trong tranh tôi ngày mai nữa.

- Nếu thật như thế, tôi rất hân hạnh.

Dững cảm ơn người con gái và đứng dậy mời nàng đi ra khỏi bóng cây thông. Chàng đạo diễn cho nàng đứng vào chỗ như ý muốn:

- Tôi sẽ phác họa thật nhanh để cô không phải đứng trong nắng lâu.

Chỉ độ 15 phút sau Dững mời người mẫu trở về dưới bóng rợp. Dững vừa nói chuyện với nàng vừa vẽ thêm vài chi tiết trên người trong tranh. Đôi mắt nàng xa xăm nhìn ra chân trời. Khuôn mặt trái trướng nồn nà. Làn tóc óng mượt xõa ngang lưng màu bóng cây thẫm; Xiêm váy màu mây hồng nhạt; Áo bông vai trắng màu hoa dưới thung lũng; Chân đi dép thấp màu ngà. Nét sơn của Dững rất mỏng và mềm mại làm hình dáng người tranh thật mong manh dịu dàng không khác gì người mẫu. Ann nhìn trầm trồ khen:

- Tranh ông đẹp hơn cảnh thật nhiều lắm, chẳng kém những tranh ấn tượng tôi được xem trong viện bảo tàng.

Dững nhúng cây cọ vào săng rửa *turpentine*:

- Cô quá khen. Tôi bỏ vẽ lâu rồi nên ngón tay hơi cứng. Mong rằng bức tranh thứ hai, sẽ quen và mềm tay hơn. Ngày mai mời cô lại ra đây nhé?

- Tôi nhận lời sáng mai đi nhà thờ với cha mẹ, rồi đi ăn trưa với ông bà. Tôi có thể ra xem ông vẽ vào khoảng hai giờ chiều. Có muộn quá không?

- Rất tốt. Mặt trời lúc đó sẽ làm sáng khuôn mặt người mẫu của tôi.

Sau khi Ann đi xuống đồi, Dững thu dọn đồ nghề về. Buổi gặp gỡ tình cờ vui vẻ với người con gái này là một sự bất thường với chàng. Tuy là gốc Việt, nhưng Dững chưa bao giờ làm thân với người Á Đông xa lạ nào ngoài sự xã giao bắt buộc. Có lẽ Dững rời quê hương từ lúc còn rất nhỏ, sống giữa bạn học Mỹ đã quen. Chàng muốn trưởng thành như công dân Hoa Kỳ. Khi ra đời, làm việc với đồng nghiệp người Mỹ mà Dững muốn cạnh tranh, muốn sống

ngang hàng với họ. Theo Dũng, như thế mới là thành công trên quê hương thứ hai này. Con đường sự nghiệp luôn luôn phải học hỏi, và phấn đấu không ngừng. Sống trong môi trường như thế đủ vất vả, Dũng không có thời giờ tìm hiểu và đi vào các môi trường khác mà đôi khi Dũng thấy phức tạp hơn, nhiều khô hơn.

Tuy nhiên, Dũng đã bị thất vọng trong vấn đề tình cảm. Từ ngày đi làm, mỗi tiểu bang Dũng đều có bạn gái cho đúng thời trang và qua phút cô đơn. Chàng xa Lilian ở Atlanta vì chưa sâu đậm đã đổi đi San Francisco. Ở đây, Dũng gặp Joanne, tình cảm tưởng thâm thiết lắm thì nàng bỏ chàng chạy theo người bạn trai cũ có Corvette bỏ mui, đồ chói. Dũng xin đổi đi Dallas để không phải nhìn thấy những kẻ đã làm bầm tím lòng chàng. Dũng bắt đầu dè dặt với phụ nữ và với chính mình.

Vậy mà bữa nay Dũng mau mắn làm quen Ann, mặc dù chàng không dự định. Có lẽ nàng không quá kiêu ngạo, nhút nhát, hay vô vấp như những người con gái khác. Nàng tự nhiên một cách đoan trang. Dũng mỉm cười nhìn theo dáng mảnh mai của Ann nhỏ dần dưới chân đồi. Tên bức tranh Dũng vừa vẽ xong lóe trong tâm trí, *Thung Lũng Bình An*.

Mặt trời chưa lên khỏi đỉnh đồi, từ trong cửa sổ phòng ngủ, Ann đã thấy người họa sĩ dựng giá vẽ trên triền đồi hoa. Nàng thích nét vẽ của Dũng và biết rằng đó là một tài năng đáng quý, đáng phục. Chàng cũng có vẻ thân thiện và đứng đắn. Ann cảm thấy thoải mái trong buổi gặp gỡ chiều qua. Nàng kể chuyện với cha mẹ nuôi, ông bà Smith, về bức tranh mà Dũng vẽ có cái nhà kiểu nông trại của họ và về đề nghị chàng mời Ann làm người mẫu cho bức tranh khác chiều nay. Nàng háo hức sửa soạn đi lễ nhà thờ và sẵn sàng cả giờ trước khi lên xe.

Ông bà Smith mừng thầm, Ann có chỗ đi chơi, không phải đợi cha mẹ nuôi rủ mới đi. Ông bà hiếm hoi, không có con nên nhận Ann làm con từ viện mồ côi Thủ Đức, trong

thời gian cả hai làm việc tại tòa Đại Sứ Sài Gòn. Từ đó Ann được đi nhiều nước Á, Âu gần 20 năm. Con bé rất dễ nuôi, ngoan ngoãn, thông minh, học giỏi nhưng ít nói, chẳng tham gia hoạt động nhà trường nào. Vào đại học, Ann không bao giờ có bạn trai. Sau khi tốt nghiệp, Ann xin ông bà Smith kiếm việc làm cho nàng tại tòa đại sứ họ tại chức. Nàng ít có cơ hội gặp bạn cùng trang lứa.

Hiện tại, ông bà Smith đã về hưu. Ann sống thâm lặng bên cha mẹ trong trang trại rộng hơn 10 mẫu đất họ mua cách nay 30 năm. Nàng làm việc cho sở xã hội, có dịp gần gũi, giúp đỡ, chia sẻ sự khó khăn với lớp người sống vất vả, thiếu thốn. Đôi khi ông bà Smith xót xa, lo lắng về sự trầm ngâm, xa vắng của cô con nuôi Việt Nam. Phải chăng Ann có mặc cảm mồ côi, hay trong tâm hồn vẫn tiềm tàng nỗi đau thương, tang tóc quê hương cũ và hoài tưởng sự mất mát, thiếu sót của đời nàng mà cha mẹ nuôi không thể bù đắp hoàn toàn được?

Thực vậy, mặc dù Ann kính yêu, biết ơn ông bà Smith cứu nàng ra khỏi cảnh bạc phước, nàng vẫn cảm thấy lo lừng như cây không gốc rễ. Ann sống với nội tâm nhiều hơn giao du với mọi người. Kể ra, hồi còn ở đại học, nàng làm quen với mấy cô bạn đồng hương và được họ đưa về nhà trong những ngày nghỉ lễ. Ann để ý tới một sinh viên Việt, nhưng anh ta chỉ coi nàng như bạn vì tình đồng bào. Khi ra trường anh ta lấy vợ mà cha mẹ hai bên quen biết nhau. Ann vài lần đi chơi riêng với mấy người bạn trai Mỹ. Nhưng bản tính rụt rè, không dám đi quá giới hạn trước khi yêu thương, xây dựng nên Ann ngưng ở đó và chuyện chẳng bao giờ đi đến đâu.

Đã từ lâu, Ann không đi tìm đối tượng Mỹ hay Việt nào nữa. Ngoài công việc sở, nàng giúp đỡ cha mẹ lo việc nhà cửa, phụ nấu bếp, tình nguyện trông trẻ nít trong nhà thờ. Ann đưa những đứa trẻ gia đình nghèo nàng quen biết qua công việc, đi *picnic*, công viên, sở thú hay viện bảo tàng. Rất thường Ann tháp tùng ông bà Smith đi coi phim, nghe

nhạc, xem kịch, triển lãm, du lịch... Hình như nàng chỉ cảm thấy yên ổn sống quanh quần bên cha mẹ nuôi.

Nhưng thói quen đó đã bị phá bỏ. Ann nhận lời làm người mẫu tranh cho một họa sĩ xa lạ. Hôm nay nàng nôn nóng đi gặp người đàn ông đồng hương trẻ tuổi đó. Suốt buổi lễ, Ann bị chia trí, không theo dõi được bài giảng của vị linh mục. Luôn luôn nàng nghĩ đến triển đồi hoa, người họa sĩ đang vung nét cọ trên tranh. Tại tiệm ăn đông khách, phải xếp hàng chờ đợi lâu, ăn uống chậm rãi với ông bà Smith, Ann tưởng chừng như hết kiên nhẫn. Nàng tự giải thích, nàng mong nhìn thấy bức tranh mới và hãnh diện được làm người mẫu cho tranh, chứ không phải vì lý do nào khác.

Xe vừa về đến khu đất trống của trang trại, Ann đã nhìn lên đồi tìm kiếm ngay. Nàng vui mừng trông thấy cái mũ *cow-boy* rơm trên đồi. Ann vào phòng cởi vội bộ y phục nghiêm trang màu hồng. Nàng mặc vào bộ đầm dài rộng khác màu xanh nhạt lấm tấm hoa trắng nhỏ và xỏ chân vào đồi dép mang chiều qua. Trước khi Ann ra khỏi cửa, bà Smith còn nhắc nàng đội cái mũ cói rộng vành, buộc nơ xanh.

Hôm nay, ngồi dưới chân đồi, xoay lưng lại nhà Ann và hướng lên triển đồi hoa, Dũng mãi miết vẽ. Mặt trời chưa đứng bóng, bức tranh gần xong. Chàng vài lần quay lại xem người mẫu đi lên đồi chưa. Thực ra không nàng, Dũng cũng có thể tưởng tượng vẽ một bóng hồng trên tranh. Nhưng có người thật, bức tranh có linh hồn hơn. Khi mặt trời chênh chếch hướng tây, Dũng ăn xong trái táo, tu mấy ngụm nước, vẫn không thấy động tĩnh. Chàng phấp phỏng nghĩ, không chừng nàng đổi ý.

Thế rồi nghe như có tiếng dép di chuyển nhẹ trên mặt đất, xiêm y chạm ngọn cỏ, chim bay vù lên. Lần này chắc là người con gái ấy. Dũng hồi hộp quay lại. Ann hiện ra dưới vành mũ rộng. Quai nơ bay trong gió. Người họa sĩ nói không suy nghĩ:

- “Hi”! Trông cô đẹp hơn hôm qua!

- Cảm ơn ông quá khen. Chắc tại tôi trang điểm thêm để đi nhà thờ và đi ăn với ba má tôi.

- Cô ăn trưa ngon không?

- Cũng được. Tôi ăn nhẹ thôi.

Ann tiến lại gần bức tranh, khen ngợi thực tình:

- Trong bức tranh này, nét cọ mạnh hơn, màu sắc rực rỡ hơn bức tranh hôm qua.

- Tại vì hôm nay tôi đứng gần hoa hơn. Cô có biết tên những hoa này không?

- Hoa đỏ là *Poppies*, xanh là *Bachelor's Buttons*, vàng là *Coreopsis*, trắng là *Daisies*. Ông biết không, má tôi trông đây. Những thảm hoa cùng màu trong tỉnh cũng do bà đề nghị. Ông có nhận thấy hoa *Poppies* giống những chén Florentine thủy tinh, mỏng như giấy bóng đỏ và đáy chén có trái dâu màu tím không?

Dũng thân mật:

- Cô tưởng tượng phong phú đấy chứ! Cô muốn đứng gần những chén Florentine đỏ để ăn dâu tím không?

Ann cười bẽn lẽn:

- Họa sĩ muốn đặt người mẫu ở đâu tôi đứng đó. Nhưng tôi mặc áo xanh nhạt, ông cho tôi đứng chỗ có nhiều hoa đỏ nhất sẽ làm cho màu hoa càng rực lửa hơn.

- Đúng vậy. Cây thông trên đồi ở bên trái, cô đứng vào chỗ nhiều hoa đỏ bên mặt làm cân bằng cho bức tranh. Áo cô cũng là màu trời nắng sáng đây. Để tôi đưa cô tới chỗ đứng.

Ann đi theo Dũng vào vùng hoa dại:

- Ông muốn tôi đội mũ hay cầm tay?

Dũng nắm Ann:

- Tôi muốn thấy bộ tóc dài thẳng của cô nên phiền cô cầm mũ, đứng nắn độ 15 phút là tôi phác họa xong.

Cả hai người cùng cố gắng không dẫm lên hoa và đi tới chỗ có nhiều “chén thủy tinh đỏ” nhất. Dũng thấy hoa *Poppies* giống như những cặp tình nhân bướm chụm đầu hôn nhau trên những cọng hoa thẳng vươn cao, xanh như vòng ngọc đeo tay của mẹ chàng. Dũng dạo diễn Ann đứng nghiêng về phía mặt bức tranh và nhìn xuống đồi, tay mặt

cầm thông mũi cói. Đôi má nàng thêm hồng, làn môi nàng thêm đỏ vì ánh hoa tươi thắm. Chàng trở lại với tranh, hào hứng vẽ.

Khi Dững ra hiệu cho Ann trở lại, nàng xững xờ nhìn họa phẩm. Ann ước ao có bức tranh ấy, nhưng nàng lại nói khác:

- Ông đem họa phẩm này ra phòng triển lãm tranh trong tỉnh sẽ bán được ngay tức khắc.

Nhìn tới, nhìn lui, vuốt thêm vài nét sơn trên tranh, Dững mỉm cười:

- Tôi không định bán tranh. Vẽ chơi treo trong nhà thôi. Gia đình tôi đặt hàng tất cả, tôi không đủ cung cấp. Cảm ơn cô đã phôi nắn làm người mẫu cho tôi.

- Tôi hân hạnh được làm điều đó.

Ann vuốt ve mấy bông *Bachelor's Button* màu xanh biếc cài quanh mũi và ngập ngừng:

- Ông Dững, tôi muốn hỏi ông một câu hơi riêng tư, nhưng thấy rằng cần thiết... Ông còn mang hoa *Bachelor's Button* không?

Dững nhìn Ann hiểu ý:

- Cô cần thận thế là phải. Tôi không mang hoa trên người, nhưng tôi vẫn còn nhãn hiệu đó.

- Vậy, khi nào ông ngừng vẽ hôm nay và không bận chuyện gì khác, xin mời ông xuống nhà tôi ... uống nước cam.

- Tôi rất vui mừng được cô mời. Nhưng xin cô gọi tôi bằng tên, đừng gọi ông Dững nữa.

- OK. À ... Dững,... anh định đặt tên bức tranh này thế nào?

- Tôi nhờ cô đặt giùm.

Ann nói ngay:

- *Trên Đồi Hoa Dại*.

- A, tên đó hay đấy.

Nói rồi Dững lật đằng sau bức tranh lên viết bằng cọ bốn chữ "*Trên Đồi Hoa Dại*" với ngày tháng rồi ký tên.

Ann tròn mắt nhìn Dững:

- Anh thích tên đó thật hả?

Dững gặt đầu, thu xếp đồ nghề về nhưng để lại tất cả dưới chân đồi, chỉ đem theo bức tranh theo lời yêu cầu của Ann cho cha mẹ nuôi nàng xem.

Trên đường xuống thung lũng, Dững đi sau ngắm Ann tha thướt, nhẹ nhàng hái những bông hoa dại đủ màu bỏ vào trong mũ. Nàng giải thích:

- Để cắm lọ hoa.

Dững hóm hỉnh:

- Tôi có xứng đáng nhận một bông *Bachelor's Button* từ tay cô không nhỉ?

Ann lườm Dững, nói “OK” và đưa một bông hoa xanh biếc, xinh nhỏ cho chàng:

- Chúng ta đều mang một thứ hoa.

Dững đỡ bông hoa và cài vào khuy áo trước ngực:

- Cám ơn. Tôi rất vui mừng về điều đó.

Bước vào vườn nhà Ann, một lần nữa Dững lại xúng xốt trước cảnh nên thơ. Cái ao nhỏ nở đầy hoa *Waterlilies* đỏ, xanh, trắng, cá vàng lượn lờ. Lối đi vào nhà viền đá chen hoa. Ngôi nhà gạch đỏ, một tầng xinh xắn, tô điểm tươi tắn với hàng chục chậu hoa treo dưới hiên và bên ngoài các cửa sổ. Chân tường xung quanh nhà trồng hoa đủ màu. Trên bàn *Picnic* dưới bóng cây liễu có chậu lớn hoa *Impatient* tím nhạt. Dững nghĩ thầm, sẽ phải trở lại đây nhiều lần vẽ cảnh, vẽ người.

Chiều hôm ấy, người họa sĩ nói chuyện rất tương đắc với ông bà Smith. Cả hai cùng bập bẹ vài câu tiếng Việt với Dững. Tuy nhìn bề ngoài người ta hiểu nhau phần nào, họ vẫn điều tra và hài lòng về thân thể Dững. Điều làm ông bà Smith mừng hơn cả là nhìn thấy nụ cười nở rộng, ánh mắt sáng láng của cô con gái nuôi họ thương yêu như con ruột.

Dững cảm thấy rất thoải mái tiếp chuyện vợ chồng nhà ngoại giao Hoa Kỳ về hưu này. Họ phải là người nhân từ lắm mới nhận người con gái Việt Nam làm con và nuôi nấng, dạy bảo nên người. Dững xin phép ông bà trở lại vẽ ao hoa súng, liễu rủ thơ mộng mà bà Smith lấy ý kiến từ cái

vườn nhà danh họa Claude Monet tại Giverny, vùng Tây-Bắc Paris.

Vài ngày sau, Dũng vẽ ngôi nhà xinh xắn được trang điểm kiểu Bavarian, miền Đông-Nam nước Đức với hàng trăm bông hoa, và đề tặng chủ nhà. Dũng hiểu rằng chàng không mê vẽ lắm bằng muốn gặp cô con gái nuôi gốc Việt của ông bà Smith.

Ông bà Hậu hân hoan với những bức tranh Dũng vẽ, đồng thời cũng lo ngại về lai lịch người mẫu của cậu con trai út. Họ mừng Dũng có bạn gái đồng hương và mong có con dâu Việt Nam, nhưng không phải từ trong trại mồ côi. Ông bà nhắc nhở Dũng phải cẩn thận, không chừng gặp “thứ dữ” thì tai họa đấy.

Thông cảm điều lo lắng của cha mẹ, Dũng đưa Ann tới nhà giới thiệu. Ông bà Hậu ngạc nhiên nhìn thấy sự thông minh, nền nếp ở Ann. Lần thứ hai, “con bé” đã phụ làm cơm và tập nói tiếng Việt với ông bà Hậu. Dũng trở tài nói tiếng mẹ đẻ mà trước khi gặp Ann chàng rất lười nói. Ann lễ phép, ngoan ngoãn chẳng khác gì con nhà gia giáo. Đó là công dạy bảo của cha mẹ nuôi nấng.

Bà Hậu nhìn những bông hoa đại cắm bình pha lê trong suốt mà ông bà Smith bảo Ann đem tới tặng và nói với ông:

- Hoa làm bình thêm đẹp. Bình cũng làm hoa đẹp thêm.

Ông Hậu gật gù:

- Chuyện con bé mồ côi và cha mẹ nuôi cũng đẹp như vậy.

- Tội nghiệp con bé Ann chẳng có họ hàng gì ở xứ người, ở bên quê nhà.

- Mà có cũng làm sao biết được. Chẳng Dũng có vẻ muốn cho con Ann thêm một gia đình Việt Nam đấy.

- Con bé thật dễ thương!

Ông bà Hậu vừa nói chuyện vừa nhìn theo Dũng và Ann ôm nhau đi lên đồi.

Hoàng hôn rạo rực in bóng người nam, người nữ ngồi tựa vai nhau trên đỉnh đồi. Mặt trời đỏ như mâm son xuống thấp dần, từ từ lặn sau rặng cây tím ngắt in trên nền mây hồng cuối chân trời. Nhà An êm đềm ấm cúng dưới thung lũng. Dũng muốn gọi nàng là An như tên Việt Nam của nàng. Chàng vòng tay qua người An, ôm sát nàng vào phôi ngực cường tráng, nóng bỏng trái tim. Họ cảm thấy ấm áp thân thể, hương tóc người yêu trong gió chiều. **Dz.**



CÁNH ĐỒNG HOA POPPIES

Nhiếp ảnh gia Nguyễn Sơn

DUYÊN TRƯNG VƯƠNG

Chỉ còn sáng nay là kết thúc hành trình Rapid City – Salt Lake City của vợ chồng Minh Thu cùng đoàn du lịch hơn 40 người. Sau 10 ngày vào ra khách sạn, lên xe xuống buýt, leo đồi, lội suối, lê gót từ thành phố này qua tỉnh lỵ nọ, mệt đừ đừ, đã đến lúc họ phải trở về New Hampshire, nơi cư ngụ. Cuộc sống thường lệ trong căn nhà xinh xắn, vườn cây xung quanh rậm rạp rừng thu lá vàng và con cháu đang chờ đợi họ.

Sau khi khóa hai va-li để trong cửa phòng cho nhân viên khách sạn Marriott lát nữa đem xuống xe, Minh Thu và Charles xuống phòng ăn. Mới bảy giờ sáng thực khách đã phải nối hàng chờ được xếp bàn. Minh Thu để ý có ba tiếp đãi viên, một ông già da trắng, một thanh niên có vẻ Mỹ Tây Cơ và một phụ nữ Á Đông trẻ. Đến lượt vợ chồng Minh Thu, người nữ tiếp viên cầm thực đơn đến:

“Chào ông bà. Ông bà có bao nhiêu người?”

“Chúng tôi có hai người,” Minh Thu trả lời.

“Xin ông bà theo tôi,” cô ta nói và đưa vợ chồng Minh Thu tới bàn hai chỗ ngồi bên cửa sổ nhìn ra vườn cây hoa lá rực rỡ dưới nắng ban mai.

“Cảm ơn cô đã cho chúng tôi chỗ ngồi tốt,” Charles lịch thiệp như thường lệ.

“Không có chi,” người nữ tiếp viên đáp. “Ông bà muốn dùng gì?”

“Chúng tôi muốn dùng *buffet* cho nhanh chóng,” Minh Thu trả lời.

“Ông bà dùng nước chi?”

“Cho chúng tôi nước cam và cà-phê.”

“Ông bà đi với hãng du lịch tới đây, vậy lát nữa chỉ ghi tên ông bà, tên hãng du lịch và số chuyến xe vào giấy tính tiền. Chúc ông bà ăn ngon.”

Đã nghi nét mặt người phụ nữ Á Đông này là đồng bào mình, Minh Thu lại càng nghi hơn sau khi nghe giọng Mỹ rất Việt Nam của cô ta. Minh Thu nói nhỏ với Charles về điều này. Chàng không đồng ý:

“Anh thấy cô ta giống người Thái Lan.”

“Em cá với anh, cô ta là người Việt đây! Dân Á Đông nhận biết giọng nhau ít khi sai lắm! Để em sẽ hỏi.”

Minh Thu nhận thấy người phụ nữ Á Đông nhỏ nhắn ốm yếu này phảng phất buồn thế nào ấy! Cô ta mặc đồng phục tiếp đãi viên và trang điểm rất nhẹ, nên có cái vẻ thanh tú thường gây cảm hứng cho họa sĩ chân dung.

Trong thành phố xa xôi đối với các cộng đồng Á Đông lớn như ở California hay New York City, Washington, D.C., hình ảnh người phụ nữ ấy thật cô đơn. Nếu cô ta đúng là đồng bào Việt Nam mà Minh Thu không thăm hỏi thì vô tình, bất nhẫn quá.

Khi người nữ tiếp viên mang nước cam và cà-phê lại bàn, Charles nháy mắt vợ như có ý nhắc: “Em sẽ hỏi không?” Minh Thu cười nhìn lên:

“Quê quán cô ở đâu? Thái Lan không?”

“Việt Nam.”

“Tôi cũng là người Việt Nam đây,” Minh Thu vui mừng trả lời bằng tiếng Việt ngay và đưa mắt nhìn ông chồng như có ý nói rằng: “Anh thấy chưa, em đoán có sai đâu.”

Charles biết vợ mình đã gặp người đồng hương và chàng thua cá. Minh Thu đổi cách xưng hô với người thiếu phụ trẻ hơn mình:

“Cô đến đây năm nào?”

“1974. Bà ở đâu tới?”

“New Hampshire.”

“Ồ, xa quá,” nàng trả lời như một tiếng thờ dài, thất vọng.

“Có nhiều người Việt ở đây không?”

“Ít lắm.”

“Cô có gia đình không?” Minh Thu không dừng được sự tò mò.

“Em có 2 đứa con,” Bạch Yến thấy Minh Thu có vẻ thân thiện nên cũng đổi danh xưng.

“Cô có cha mẹ anh em ở đây không?”

“Không... Xin lỗi, em phải đi lo bàn khác. Em sẽ trở lại,” Cô tiếp viên nói xong, lật đặt quay đi.

Khi khách sạn có mấy xe buýt du khách tới, nhân viên trong phòng ăn chạy như cò.

Vâng, tên nàng là Bạch Yến. Nàng từ Sài Gòn sang Mỹ du học tại Salt Lake City từ 1974. Năm 1975, miền Nam đổi chủ, gia đình Bạch Yến kẹt lại. Thân phụ nàng bị đày đi các trại tù. Đã cô đơn giữa xứ người, lại buồn khổ, Bạch Yến bị khủng hoảng tinh thần, bỏ ngang sự học. Nàng vừa đi làm vừa tình nguyện giúp gia đình người Việt di tản được nhà thờ Mormon bảo lãnh tới vùng này. Ba năm sau Bạch Yến kết hôn với Điền. Rồi họ có 2 mụn con.

Khi được tin chồng chết trong tù, mẹ nàng buồn qua đời theo. Bạch Yến lại bị khủng hoảng tinh thần lần thứ hai, phải vào trung tâm dưỡng trí hai năm. Khi ra khỏi viện thì cũng là lúc Điền xây nhà mới và dọn ra ở với người đàn bà khác. Bạch Yến sầu khổ, nhưng không trách Điền vì biết với sức khỏe mong manh, không thể đáp ứng sự sung sức của người chồng chưa tới 50 tuổi. Vả lại, không biết lúc nào bệnh tâm thần của nàng lại bộc phát. May mắn, đứa con gái vừa đôi tám và đứa con trai mới 13 tuổi rất thương yêu, thông cảm Bạch Yến, ở lại săn sóc nàng. Điền cũng là người biết nghĩ. Chàng cố gắng chu cấp đến mức tối đa cho ba mẹ con Bạch Yến. Công việc của nàng cũng không đến nỗi nặng nề, khó nhọc lắm. Nàng cần đi làm để tinh thần được hoạt động, có bảo hiểm sức khỏe và ba mẹ con có thêm tiền tiêu pha rộng rãi hơn.

Trong khi Bạch Yến tiếp những thực khách ngồi bàn khác, Minh Thu thuật lại với Charles câu chuyện vừa qua giữa nàng

và Bạch Yến. Minh Thu muốn tìm hiểu thêm về người phụ nữ Việt lạc lõng trong tiểu bang sa mạc Utah xa xôi.

Bạch Yến có cùng ý định ấy. Làm việc trong khách sạn sang trọng này được gần một năm, đây là lần đầu tiên nàng gặp người Việt Nam ở nơi khác tới. Bà ta nói giọng Bắc kỳ, có lẽ nhiều tuổi hơn Bạch Yến và xem ra là người nhã nhặn, lịch thiệp.

Nhân viên khách sạn không được phép nói chuyện với khách ngoài câu chào hỏi và trả lời trong công việc. Nhưng Bạch Yến đã liều lĩnh trở lại bàn hỏi du khách đồng hương:

“Ông ấy là người Mỹ hả chị?”

“Ừ hứ,” Minh Thu trả lời và tiếp, “Sao cô lại định cư ở vùng này?”

“Em sang du học trước 1975, ở lại lập gia đình. Còn anh chị ở chơi đây bao lâu nữa?”

“Chúng tôi ra phi trường về New Hampshire bây giờ,” Minh Thu vừa trả lời vừa nhìn đồng hồ tay và nói tiếp:

“Tiếc quá! Nhưng chúng mình cũng còn 5, 10 phút nữa để nói chuyện. Trước kia bên Việt Nam, cô ở đâu và học trường nào?”

“Em ở Sài Gòn, học Trưng Vương.”

“Trưng Vương? Tôi cũng học Trưng Vương. Thật hữu duyên thiên lý! Ở thành phố xa lạ này cũng gặp được người Trưng Vương!”

Minh Thu quay sang Charles, đôi mắt mở to vui mừng:

“Cô ta học cùng trường trung học của em ở Sài Gòn.”

Bạch Yến cũng lộ vẻ vui tươi hẳn lên. Cả hai bắt tay nhau giới thiệu tên mình. Minh Thu lại hỏi:

“Ở đây có bạn Trưng Vương nào không?”

“Có vài ba người, nhưng ở tán mát xa nhau lắm. Trước kia em liên lạc được với một cô bạn cùng lớp ở San Jose, một cô ở Philadelphia. Nhưng sau nhiều trận ốm đau, đổi địa chỉ, em mất liên lạc với chúng nó.”

“Nếu Bạch Yến muốn, tôi sẽ dò hỏi về họ cho,” Minh Thu sốt sắng.

“Chị quen nhiều bạn Trưng Vương lắm sao?”

“Chỗ tôi ở không có ai ngoài tôi. Nhưng nhờ có người em gái học Trung Vương ở San Diego nên liên lạc được nhiều bạn.”

Minh Thu nói với vợ với Charles:

“Anh ra hành lang trước, bảo xe đợi thêm vài phút. Em xin số điện thoại của cô này rồi sẽ ra ngay.”

Minh Thu ghi số điện thoại của Bạch Yến rồi đưa ra danh thiếp của chồng:

“Điện thoại và *email* tôi trên danh thiếp này của ông xã tôi. Có chuyện gì, Bạch Yến cứ liên lạc. Thôi, đến giờ chúng tôi phải ra xe rồi. Khi về New Hampshire tôi sẽ gọi Bạch Yến, mình nói chuyện thêm. Chúc may mắn nhé!”

Hai cựu nữ sinh Trung Vương ôm chào từ biệt nhau, trước đôi mắt cảm động của đồng nghiệp Bạch Yến. Trước khi khuất sau phòng ăn, Minh Thu còn quay lại vẫy người bạn cùng trường ở lại góc trời vơi vợi.

Trên đường ra phi trường, Minh Thu nói với Charles:

“Hôm qua em ước ao chúng mình có dịp trở lại Salt Lake City để nghe hát thánh ca tại Mormon Tabernacle, xem lại 2002 Olympic Winter Park sau khi hoàn thành, thăm vùng sa mạc chung quanh thành phố mình không có thời giờ lần này. Hôm nay, em có thêm một lý do sẽ gặp người bạn cùng trường ấy nếu có dịp trở lại đây.”

Suốt chuyến du lịch, chưa có nơi nào Minh Thu cảm thấy buồn ngủ như khi rời thành phố này. Charles biết tính vợ, Minh Thu sẽ gọi điện thoại cho người phụ nữ Việt đó, chứ không phải hứa suông. Cũng ở trong thành phố vắng vẻ, xa hẵn cộng đồng người Việt, nhưng Minh Thu có rất nhiều bạn đồng hương khắp nước Mỹ và nhiều nước khác trên thế giới.

Từ hôm du lịch Yellowstone Park về đến nay, Minh Thu bận đủ thứ chuyện. Cái chuyện nặng ghét nhất là phải lấy quần áo dơ đem giặt, treo quần áo sạch lên mắc, cất va-li xuống hầm, tưới cây cối trong nhà. Nhưng việc vội vàng đi

rửa phim cho kịp con cháu cuối tuần về xem ảnh là điều vợ chồng nàng trông chờ.

Mấy ngày vừa qua họ dựng lều trên sân cỏ, nướng thịt, ăn uống ngoài trời, vui thú chơi đùa với lũ con cháu nội ngoại trong vườn cây đầy lá vàng, nâu, đỏ, tím huy hoàng, rực rỡ. Màu sắc khắp nẻo đường New Hampshire làm say sưa lòng người.

Sau đó, Minh Thu có thêm ba ngày nữa đón tiếp vợ chồng người chị của Charles từ California sang chơi. Chẳng cần phải đưa khách đi đâu xa, vườn nhà là cả một rừng thu vàng thơ mộng.

Khách về, lại thêm một ngày dọn dẹp nhà cửa trong ngoài, Minh Thu mới thanh thoi gọi bạn bè khắp nơi. Nàng không quên người bạn trẻ cùng trường lẻ loi phương trời Utah. Minh Thu đợi đến hai giờ chiều mới gọi Bạch Yến vì nghĩ rằng giờ đó nàng đi làm về. Nhưng máy điện thoại nói là mới 12 giờ trưa. Thì ra giờ Utah sớm hơn New Hampshire hai tiếng. Chuông reo hai lần thì tắc như máy hư. Minh Thu bấm số lại, điện thoại vẫn như vậy. Nàng nghĩ hay là Bạch Yến không cho nàng số thật. Minh Thu dự tính sẽ gọi tới phòng ăn khách sạn Marriott và hỏi thăm nữ tiếp viên người Việt thì thẻ nào cũng gặp Bạch Yến, để hỏi cho rõ chuyện.

5 giờ chiều, Minh Thu lại gọi Bạch Yến lần nữa. Chuông vừa reo một lần có tiếng “hello” ngay. Nàng mừng quá, nói bằng tiếng Anh:

“Có phải nhà bà Yến đó không?”

“Phải.”

“Cháu là con gái bà Yến hả.”

“Phải.”

Minh Thu chuyển sang tiếng Việt:

“Mẹ cháu có nhà không?”

“Mẹ không có nhà.”

Tiếng Việt của cô bé chọ chệ dễ thương. Như vậy giới và đáng khen lắm rồi. Chẳng như con cái Minh Thu chẳng nói được câu tiếng Việt nào.

“Mẹ cháu chưa đi làm về hả?”

“Mẹ làm xong thì đi đại học.”

“Mấy giờ mẹ về?”

“Tối khuya mẹ mới về.”

“Mẹ cháu về thì nói rằng có bà Minh Thu, người mà mẹ cháu gặp ở khách sạn Marriott tuần trước gọi hỏi thăm nhé. Cảm ơn cháu. Bye!”

Minh Thu mừng rỡ gác máy xuống. Vậy là đúng số điện thoại của cô nàng Bạch Yến rồi. Charles mừng lây với người vợ Việt không có bạn đồng hương trong tỉnh thừa dân cư này.

Trong khi ấy, Bạch Yến nghĩ rằng Minh Thu sẽ chẳng gọi cho nàng đâu. Người ta hứa lịch sự thế thôi. Ai rồi hơi mà lo người dung, chẳng quen biết. Bạch Yến định vài hôm nữa nếu Minh Thu điện thoại, nàng sẽ gọi hay viết cho Minh Thu, đưa tên hai người bạn nàng muốn liên lạc.

Mỗi sáng sớm tinh mơ khi rừng núi Wasatch còn ngủ trong màn sương lam khói tím, Bạch Yến đến khách sạn làm việc đều đặn. Nàng không khỏi hình dung cặp vợ chồng Minh Thu ngồi ăn sáng bên cửa sổ trông ra vườn hoa chan hòa nắng ấm. Trông họ đẹp đôi, hạnh phúc, Bạch Yến cảm thấy cô đơn lạ lùng. Sự cô đơn làm cho nàng ít ăn, thiếu ngủ và ốm yếu tong teo, mặc dù nhà bếp khách sạn ê hề, thừa mứa thức ăn. Mỗi ngày đi làm về, Bạch Yến mong mỗi điện thoại của Minh Thu hay bạn bè cũ từ những phương trời nào.

Tối hôm đó, Minh Thu thức tới hơn 11 giờ nói chuyện điện thoại với Bạch Yến. Hai cựu nữ sinh Trung Vương từ hai miền Đông, Tây Hoa Kỳ vui mừng điện đàm cõi mơ, thân mật. Minh Thu được biết địa chỉ Bạch Yến, tên họ nàng, và của hai người bạn ở San Jose và Philadelphia, cùng trong những niên học 61-68. Minh Thu hứa sẽ nhờ em gái ở San Diego và người bạn ở Maryland cũng là dân Trung Vương, dò hỏi dấu vết hai người bạn Bạch Yến. Minh Thu sẽ gửi sách báo Trung Vương cho Bạch Yến đọc để ôn lại những kỷ niệm cũ, và biết các sinh hoạt Trung Vương đây đó.

Bạch Yến cũng được biết Minh Thu học Trung Vương những niên khoá 54-61. Chị ra khỏi trường thì Bạch Yến vào. Minh Thu du học Mỹ từ năm 1962 và kết hôn với ông thầy Đại Học người Mỹ của nàng sau khi tốt nghiệp. Nay, cả hai đã về hưu và rong ruổi du lịch dài dài. Chỗ nào, năm nào có Trung Vương họp mặt là Minh Thu và các bạn đồng lớp hẹn hò gặp gỡ. Có lần, 6 chị ở chung một phòng khách sạn, vui thật là vui! Chị nào chị đó nói đùa, nói giỡn mày tao chí tở, ăn mặc trẻ trung, trẻ lại cả 10, 20 tuổi.

Mùa xuân năm 1998, các chị đi dự Đại Hội Trung Vương họp mặt tại Hoa Thịnh Đốn với hơn 800 cựu nữ sinh và quan khách. Tháng tư năm 2000 Minh Thu và các bạn lại dự Đại Hội Trung Vương tại Houston cũng đông đảo như thế, với giáo sư sử địa Nguyễn Thị Ninh từ Việt Nam sang.

Các chị tính đi dự Đại Hội Trung Vương và Chu Văn An tại Toronto, Canada, vào ngày 7 tháng 4, 2001, đánh dấu năm đầu tiên của thế kỷ 21. Các chị khác từ San Jose, Los Angeles, Houston sẽ tới Washington, D.C. xem hoa anh đào, rồi họp với các chị nơi đây, nhờ các đảng phu quân lái xe *van* đi Toronto. Viễn ảnh sẽ vui nhộn lắm.

Nhóm bạn của Minh Thu cũng hẹn gặp nhau tại Đại Hội Trung Vương San Jose ngày 8 tháng 7 năm 2001. Các chị sẽ mặc đồng phục áo lam, quần trắng, giày trắng như ai, chụp hình chụp ảnh lia lịa như những lần gặp gỡ các năm trước. Nơi nào có đại hội là nơi đó rợp trời áo lam. Các chị nói rằng còn sống ngày nào còn vui với nhau ngày ấy. Đời còn được là bao mà không sống vui, sống thoải mái. Bạn bè đã có người sang bên kia thế giới, chỉ còn kỷ niệm để lại.

Thế rồi một tuần sau đó, Bạch Yến vui mừng và tưởng như trẻ lại với tuổi hoa niên, hoa phượng, khi nhận được từ New Hampshire hai tập đặc san 1998 của Trung Vương Hoa Thịnh Đốn, đặc san 2000 của Trung Vương Houston. Bạch Yến hiểu chị Minh Thu là người có lòng, có tình Trung Vương.

Ở cái thành phố ít người Việt, không có tiệm sách và báo Việt ngữ, nhận được báo Trung Vương thật hân hữu may

mẫn đối với Bạch Yến. Nàng lật giở những trang hình ảnh tìm bạn bè thầy cô trước. Vì có cả hình cũ và mới với tên họ bên dưới nên Bạch Yến nhận diện được mấy người bạn học khác ngoài Hoàng Mai ở San Jose và Mỹ Dung ở Philadelphia. Bây giờ chỉ còn chờ tin từ Minh Thu.

Với Bạch Yến, những bài trong hai tập đặc san sao mà hay thế! Đã lâu lắm, nàng không được đọc, viết tiếng Việt nên thấy các tác giả viết hấp dẫn quá, văn chương chữ nghĩa lai láng, dạt dào. Bạch Yến đọc ngấu ngiến không bỏ sót dòng nào.

Cuối cùng, Bạch Yến lần lượt nhận được điện thoại của hai cô bạn thân cũ. Hoàng Mai rửa xả bạn:

“Tên gan lì này, sao mi đi đâu mất tăm mất tích bây giờ mới lộ mặt ra. Ta tưởng mi đi đời nhà ma rồi chứ...”

Mỹ Dung trách móc yêu:

“Mày biết tao thương, tao nhớ mày và lo sợ như thế nào khi tự nhiên mày biến mất. Thư tao viết cho mày bị trả lại... Bây giờ mày phải lập bộ cho chúng tao biết cuộc đời sự nghiệp của mày ra sao mà để chúng tao trông đồ cả con mắt...”

Không khí học trò trở lại, Bạch Yến khi cười, khi khóc kể lể với Hoàng Mai và Mỹ Dung hết sự tình và nàng là một bệnh nhân mấy lần mất trí, mấy năm lãng quên sự đời. Họ rủ Bạch Yến đi Đại Hội Trung Vương – Chu Văn An Toronto. Nàng ngần ngại quá, vì không biết gửi con cho ai để đi. Nhưng rồi, cô con gái thương mẹ cô đơn buồn bã năm này qua tháng khác, nói chuyện với bố chúng. Diễn cam đoan sẽ đến ở với hai con trong thời gian Bạch Yến vắng mặt cho nàng yên tâm đi chơi gặp bạn bè một tuần tìm thoải mái tinh thần. Diễn tuy có vợ mới, nhưng vẫn thương Bạch Yến, yêu và săn sóc các con để chuộc phần nào bốn phần chàng không làm trọn vẹn.

Mỹ Dung gửi cho Bạch Yến vé máy bay khứ hồi. Hoàng Mai tặng bộ áo dài lam và quần trắng. Như vậy, làm sao Bạch Yến có thể từ chối đi gặp các bạn cũ được. Mỹ Dung còn ra lệnh cho Bạch Yến:

“Mây cứ vác cái thân nhẹ như phù thủy tới phi trường, bọn tao sẽ đưa mây về khách sạn. Chúng tao giữ phòng sẵn rồi!”

Bạch Yến chợt nhớ:

“Quên mất, tao làm ở khách sạn Marriott. Tao chỉ phải trả có 19 đô một ngày thôi. Để tao đứng tên giữ phòng nhé.”

“A, được quá. Mây còn thông minh đấy! Đi gặp chúng tao hoài, mây sẽ vui như Tết và giết chết cái buồn lúc nào không hay!”

Các bạn muốn dùng toa thuốc Trung Vương xem có chữa được cái bệnh tâm thần của người bạn trẻ mong manh, yếu đuối ấy chăng?

Tết vừa qua, tuyết chưa tan, băng chưa chảy hết trên 2002 Olympic Winter Park, Bạch Yến đêm từng ngày đi Đại Hội Toronto vào tháng Tư. Điền mua cho nàng cái va-li nhỏ màu xanh như áo dài đồng phục Trung Vương. Va-li có tay kéo và bánh xe. Cô con gái sắm cho mẹ cái ví nhỏ có quai đeo vai màu trắng hợp với đôi giày. Cô bé bắt mẹ mặc thử cả bộ quần áo đồng phục. Tự tay cô thoa má hồng, kẻ mày sậm hơn và tô son hồng hơn cho mẹ. Thêm đôi hoa tai và chuỗi hạt trai giả hai vòng quanh cổ, Bạch Yến trẻ trung, sáng láng hẳn lên. Cậu con trai 13 tuổi chụp cho mẹ mấy tấm ảnh đẹp, Bạch Yến gửi tặng các bạn để họ nhận diện nàng trước khi hội ngộ.

Nhận được hình, Minh Thu điện thoại ngay cho người bạn Trung Vương Utah:

"Trông Bạch Yến trẻ đẹp, vui tươi trong hình, khác hẳn với lần tôi gặp ở Salt Lake City. Đặc san Trung Vương Toronto đã khoá sổ rồi, nhưng đặc san Trung Vương San Jose tới tháng 7 năm nay mới phát hành. Bạch Yến nên gửi hình này cho đặc san với tên, niên khóa và địa chỉ cùng số điện thoại. Họ có mục hình ảnh xưa và nay đấy. Nên góp mặt với bạn bè cho vui chứ!"

Hoàng Mai la chối lỏi:

“Bạch Yến ơi, mi còn đẹp mê hồn đấy, sẽ có lắm anh phải điên đảo vì mi mất thôi!”

Mỹ Dung rên lên hừ hừ:

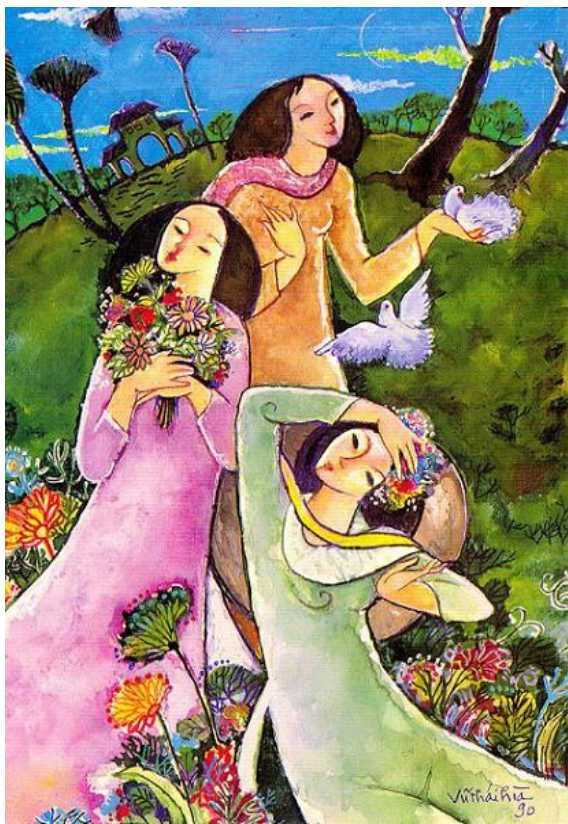
“Em ơi, làm điệu bộ mơ màng nó vừa vừa chứ!... Đôi mắt Hồ Than Thở của em sẽ làm thơ các chàng thi sĩ rơi rụng ê chề đấy Bạch Yến ạ!”

Thực ra, đó là nét tự nhiên của Bạch Yến. Nàng không còn mơ tưởng tới những chuyện viễn vông, hệ lụy. Tâm hồn rất dễ quy ngã, vỡ đổ, Bạch Yến chỉ muốn đi chơi thay đổi không khí và mong gặp lại bạn cũ, sống vui vẻ, hồn nhiên vài ngày, để lấy sức đi nốt cuộc đời hoang vu như sa mạc Utah của nàng.

Minh Thu thỉnh thoảng vẫn gọi hỏi thăm Bạch Yến. Nàng rất mừng biết Bạch Yến đã liên lạc thường xuyên lại với bạn Trung Vương cũ và sẽ đi gặp họ ở Toronto vào tháng Tư. Minh Thu cũng dự định đi và sẽ tìm gặp Bạch Yến bên đó.

Phải chăng tại thành phố bên hồ nước mặn cổ xưa trăm triệu năm với những bầy chim hải âu dập dìu bay lượn, cái Duyên Trung Vương khiến Minh Thu không tiếc lời thăm hỏi thân thiện tình người với Bạch Yến? Phải chăng cái Duyên Trung Vương đưa các nàng cự nữ sinh từ bốn phương, tám hướng về tụ họp bên hồ Ontario rợp trời xanh màu áo lam thân ái, và bao la mùa xuân hy vọng?





GÁI XUÂN: Tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa

MƠ MÀNG GIỌNG HUẾ

Ngồi trên ghế bành trong phòng khách với tờ nguyệt san trên tay, Minh chẳng đọc được gì. Càng nghĩ tới chuyện của con gái, Minh càng cảm thấy bứt rứt, bất an. Loan năm nay bỗng dung thương Tân, người bạn sinh viên cùng trường Virginia Tech. Cô cậu có vẻ khăng khít lắm, trong kỳ nghỉ mùa xuân này, chỉ xa một tuần mà ngày nào cũng phải gọi điện thoại cho nhau vài lần.

Con gái có người yêu học hành giỏi, lễ phép nữa, Minh cũng mừng. Kẹt nổi mẹ con Minh ở Fairfax, Virginia. Gia đình cậu Tân ở tíu trên Boston, Massachusetts. Nếu Loan và Tân kết hôn, hai nhà khó mà thân được. Minh không muốn con gái dọn về vùng lạnh lẽo giá băng đó. Mẹ con ở cách xa nhau cả 5, 6 giờ xe, mỗi khi lên thăm con Minh phải bay chứ làm sao lái xe đường trường như thế. Hùng, chồng nàng còn sống thì đỡ. Minh chỉ có con gái là nguồn yêu thương, an ủi bên cạnh. Bà con họ hàng chẳng ai quanh đây. Nếu Loan chịu Thăng, con trai vợ chồng Tuyết, bạn nàng ở Springfield, thì đám cưới sẽ đông vui lắm. Hai bên cha mẹ, con cái gần gũi, chạy qua chạy lại có nhau. Minh thờ dài buồn bực, chẳng được như ý chút nào!

Đã thế, Tân lại nói giọng Huế. Có nghĩa là cha mẹ Tân phải sinh trưởng trong gia đình Huế hay miền Trung. Nếu thực sự dòng dõi Hoàng tộc, họ kiêu cách lắm. Minh đã có kinh nghiệm xa xưa!

Thực ra, thuở ban đầu ấy, giọng Huế đối với Minh rất êm ái và truyền cảm, làm cho con tim Minh một thời rung

động, mộng mơ. Minh yêu chàng trai dòng dõi Hoàng tộc. Chàng tên Hoan, anh trai hai cô bạn học người Huế. Sau Tết Mậu Thân, nhiều người Huế muốn xa khung cảnh chết chóc thảm thương còn hằn dấu vết trên mảnh đất thần kinh, họ di chuyển vào Sài Gòn, trong đó có gia đình Hoan và hai cô em gái, Thanh, Thủy. Vì thế hai nàng mới vào học cùng lớp Minh, chứ không họ vẫn còn học trường Đồng Khánh bên giòng Hương Giang xứ Huế thơ mộng. Thanh, Thủy giống nhau như hai chị em sinh đôi. Hai nàng có bộ tóc thề buông xuống ngang vai, đen như mun ôm lấy khuôn mặt trái soan trắng hồng trụng gà bóc. Cả trường nữ sinh Bắc kỳ yêu vẻ đẹp quý phái của hai cô gái Huế.

Minh là trường lớp, thân thiện, mau mắn giúp đỡ các bạn học mới bỡ ngỡ, nên Thanh, Thủy cảm kích mời Minh đến nhà chơi. Minh gặp Hoan và bị mê hoặc ngay trước vóc dáng chàng thư sinh thanh tú. Nếu Minh thích nghe giọng Huế ríu rít như chim hót của Thanh, Thủy và Minh cũng thương giọng dịu dàng, lịch lãm của Hoan. Mỗi lần chàng cất tiếng, Minh cảm thấy làn hơi ấm len vào tim nàng râm ran nóng.

Tiếng đàn dương cầm của Hoan càng làm Minh ngưỡng mộ chàng hơn. Thanh, Thủy biết Minh hát hay trong lớp nên cứ khuyến khích Hoan chơi đàn cho Minh ca. Con gái lãng mạn, Minh yêu và chọn những bản nhạc *Về Miền Trung* (nhạc Phạm Duy), *Đêm Tàn Bến Ngự* (nhạc Dương Thiệu Tước), *Tiếng Xưa* (nhạc Dương Thiệu Tước) ... để ca với tiếng dương cầm của Hoan. Minh cố bắt chước hát theo giọng Huế ngọt ngào mềm mại. Nhưng nàng không uốn lưỡi những chữ “gi, r, s, tr”, không đổi dấu “sắc” thành dấu “nặng”, dấu “hỏi” thành dấu “ngã” và ngược lại v.v... Giọng Bắc kỳ của Minh vẫn ngay đơ, làm Thanh, Thủy bùm miệng khúch khích. Hoan cố nín cười, lờm hai cô em.

Thường được nghe Hoan dạo dương cầm những bản nhạc cổ điển Sérénade (1), Sérénata (2), Célèbre Valse (3) ... Minh tập ca theo:

*Chiều êm êm, đưa duyên về người
Nhạc triền miên lắng tiếng sầu đời.
Người hời đến bên tôi
Nghe lời xao xuyến như truyện thần tiên
Niềm mơ xưa là đó cho ta nâng niu lời ca... (4)*

Nàng chuyển sang lời Việt nhiều bản nhạc Pháp và Mỹ thời trang khác để hát và Hoan đệm đàn. Lời ca bay theo tiếng đàn, mọc cánh thiên thần trong tâm hồn thiếu nữ mới lớn.

Hoan cũng bị thu hút bởi vẻ duyên dáng, hồn nhiên của cô gái Bắc Kỳ bạo dạn, đôi mắt to đen, mái tóc dợn sóng dài ngang eo thon. Chàng trai trẻ nào không xao xuyến trước thân hình thon cao, nẩy nở ấy trong hàng áo dài lụa mỏng. Chàng tự chép tay không biết bao nhiêu bài thơ thơ tiền chiến của Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ Dzếnh... trên giấy màu xanh mỏng tặng Minh mà sau này nàng đóng thành tập. Khi yêu, người ta chiều chuộng và chịu ảnh hưởng của nhau.

Có lần Hoan nâng bàn tay Minh và ân cần:

- Bàn tay em trắng muốt, đáng búp măng. Em có khiếu chơi đàn đấy. Để anh dạy em dương cầm. Nhưng trước hết em phải cắt hết mười móng tay dài như những cái vuốt sắt dùng chơi Hạ-uy cầm đi!

Minh không chịu hy sinh những móng tay thuôn dài của nàng nên không bao giờ học được dương cầm. Nàng chỉ học nốt nhạc để hát.

Minh tưởng tất cả những sự việc ấy biểu lộ tình yêu, được yêu, hứa hẹn gắn bó thắm thiết trong tương lai. Bỗng nhiên Hoan từ giã nàng lên Đà Lạt làm việc. Không bao lâu sau, chàng thừa dân thư từ. Nàng nghe Hoan gặp và cưới người con gái môn đăng hộ đối, cùng chung âm hưởng Sông Hương, Núi Ngự.

Thiếu nữ dậy thì như bông hoa mơn mớn trong vườn, được chiêm ngưỡng, tán tụng, không bị ngắt hái, vùi dập,

cũng may mắn. Minh túi hờn, buồn khổ một dạo, rồi cũng quên đi theo dòng thời gian không bao giờ chờ đợi ai. Đời người con gái vẫn tiếp diễn với học hành, thi cử, đi làm, lập gia đình. Minh sinh Loan, cô con gái yêu quý duy nhất.

Thế rồi, tháng tư 1975 ập tới như trời xập, biển dâng, như núi lở, sông tràn. Tất cả những người quốc gia đều bị mất mát, đắng cay, thâm thối. Vợ chồng Minh di cư tới Virginia từ hồi ấy. Vài năm sau chồng Minh bị tai nạn xe hơi qua đời. Sau đó, Minh dọn về căn nhà nhỏ, nhưng đầy đủ tiện nghi, nàng tự trông nom được. Một mảnh vườn con trồng vài khóm hoa miền nhiệt đới, dăm cây rau tươi ăn phở, chả giò, bún chả, bún riêu... như phần nhiều nhà người Mỹ gốc Việt khác, thường có những nét chấm phá Á Đông ấy.

Định mệnh dạy Minh sống thức thời, tự lực, tự cường. Hoàn cảnh cho phép nàng sống khác biệt hẳn với thế hệ bà mẹ quá cố, “Xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, cả đời chỉ biết phục tùng chồng con, lo việc nội trợ, không tham dự sinh hoạt xã hội, không biết thú vui nào ngoài đời.

Sống trên đất Nữ Thần Tự Do, đã là công dân Mỹ, Minh cũng muốn là mẫu mực phụ nữ năm 2000 thế kỷ 21, biết hòa mình theo đà tiến hóa nhân loại, biết khắc phục hoàn cảnh chứ không để hoàn cảnh khắc phục mình. Con gái đi học xa, hằng ngày Minh làm cho hãng chế tạo Computer lớn trong vùng. Nàng vật lộn với giao thông, thời tiết, thời giờ, sáng dậy đi sớm, chiều tới về muộn, chịu áp lực căng thẳng trong công việc, dù cấp giám đốc và nhân viên dưới quyền rất nể trọng nàng. Các hãng tư Mỹ khai thác và sử dụng triệt để khả năng nhân viên. Minh không làm việc lè phè, ngồi chơi ăn lương. Nhưng đền bù lại, nàng có chức vụ khá tốt, lương cao.

Một mình nuôi con khôn lớn học giỏi, ngoan ngoãn. Nàng không dạy con khoanh tay, cúi rạp đầu, rạp cổ quy lụy chào người lớn tuổi, lớn chức. Dù Minh dạy Loan như vậy, cô bé cũng không theo vì cô tự biết không ở trong thế hệ và xã hội đó. Loan không làm những điều cô cho rằng vô lý.

Cô rất yêu thương và hãnh diện về người mẹ đầy tự trọng và giàu nghị lực.

Chuyện thường tình ngoài đời thỉnh thoảng làm Minh phải suy nghĩ kể cả sự chú ý của phái nam, Mỹ lẫn Việt. Nhưng người quả phụ trẻ đẹp ấy đều lảng tránh. Có lẽ nàng chưa gặp người vừa ý, chứ không phải muốn tù hãm, khóa chặt con tim. Minh tham gia vài sinh hoạt từ thiện, xã hội, văn hóa trong cộng đồng. Nàng không để đời sống mình trở nên vô vị, trống rỗng.

Nàng theo dõi thời sự, tin tức trên Ti-vi và chăm đọc báo, cả Mỹ lẫn Việt. Từ khi là công dân Hoa Kỳ nàng và con gái chưa bỏ một kỳ đi bầu cử lớn nhỏ nào. Họ không để mất quyền tự do trên quê hương thứ hai.

Đọc sách là thú tiêu khiển cần thiết vỡ về giấc ngủ. Hình như chỉ những lúc đó Minh mới cảm thấy chill lạnh, gối đơn. Trước khi tắt đèn đêm, Minh thường đọc sách. Mỗi tuần Minh đọc ít nhất một quyển, phần lớn là sách có nội dung văn chương. Nàng đặt mua dài hạn vài tờ báo. Đôi khi chẳng đọc hết, nhưng để ủng hộ bạn bè làm văn học.

Theo nàng, sự xuất hiện nhiều sách báo trong cộng đồng là điều đáng mừng cho văn học hải ngoại. Việt ngữ lan tràn năm châu bốn bể, sẽ còn được duy trì và tồn tại mãi nếu người Việt ở nước ngoài, thế hệ này sang thế hệ khác, tiếp tục viết, đọc, dạy con trẻ đạt được khả năng này, tranh đấu cho có môn Việt văn tại Trung Học, Đại Học. Đó là niềm hãnh diện của người Việt tha hương. Với tình yêu đất nước thuần túy như bản tính tự nhiên ắt phải có, Minh vẫn nghĩ, vẫn hy vọng ngày nào đó bà con, bạn bè quốc nội được tự do nhận sách báo ngoại quốc và mỗi người có tủ sách quý như của nàng, không sợ khám xét bỏ tù vì phản động, chứa chấp dâm thư đồi trụy. Minh thờ dài nghĩ tới tình trạng người dân mất tất cả quyền tự do căn bản ở trong nước hiện nay.

Vừa lúc đó, tiếng điện thoại reo và ngưng liền. Minh biết con gái ở trong phòng đã nhắc máy nghe. Minh về phòng riêng bên cạnh. Vách ván mỏng, Minh nghe lỏm bõm tiếng Loan:

- Nói chuyện với Loan, Tân cứ nói giọng Huế đáng yêu cho Loan nghe. Nhưng khi gặp mẹ, Tân làm ơn đổi giọng Nam hay Bắc giùm cho mẹ Loan đỡ buồn được không? Mẹ kể rằng, ngày xưa mẹ yêu một người giọng Huế dễ thương, quyến rũ lắm. Nhưng bỗng nhiên người đó bỏ đi xa và cưới người cùng xứ tương xứng hai bên gia đình. Mỗi lần nghe tiếng Huế, mẹ lại nhớ chuyện cũ và buồn... Mẹ lo, Loan yêu Tân quá, mai một bất ngờ Tân bỏ Loan đi mất tiêu thì sao?

- ...

- Thế thì tốt! Loan sẽ nhớ lời Tân thề yêu Loan suốt đời đấy nhá!

Một lúc sau, Loan chạy sang phòng Minh. Nàng nằm nghiêng xuống bên mẹ. Giọng cô hớn hờ:

- Mẹ ơi, ngày mai, Tân lái xe xuống đây vào buổi chiều. Tân xin mẹ cho Tân ở lại qua đêm rồi hôm sau đưa con về trường luôn thể.

Minh hờn dỗi:

- Con không muốn mẹ đưa con đi, và mẹ con mình cùng thủ thủ trên đường với nhau sao?

Mắt Loan long lanh:

- Con muốn lắm chứ. Nhưng con lại thương mẹ một mình trở về nhà bằng *bus*. Quen Tân rồi, con chẳng cần có xe nữa, đi đâu xa Tân chở, hoặc con lái xe Tân.

Minh xoay người lại nhìn thẳng vào đôi mắt trong sáng ánh vui của con gái:

- Vậy con nhất định chọn Tân rồi sao?

- Chúng con tự kiểm điểm lòng mình, thấy đã thực tình yêu nhau và muốn săn sóc, chăm lo cho nhau suốt đời. Chúng con định xin mẹ và ba Tân cho chúng con được làm đám hỏi sau khi hai đứa ra trường vào tháng năm và cuối năm nay, cho chúng con làm đám cưới.

Minh rung rung trong mắt:

- Con lớn rồi, sự hiểu biết và thông minh đủ để con quyết định. Con được hạnh phúc mẹ mừng. Nhưng liệu gia đình Tân là người Huế “rất” như thế, ba mẹ Tân có bằng lòng con là dân Bắc kỳ, lại mồ côi cha không?

Loan cười:

- Mẹ yên trí! Tân có mẹ cũng như không. Bà ấy bị bệnh thần kinh nằm nhà thương từ 5 năm nay.

Minh thở dài:

- Ô, tội nghiệp bà ấy. Chắc Tân và ba của Tân buồn lắm nhỉ?

- Vâng, nhưng họ cũng phải chôn giấu nỗi bất hạnh mà sống như bình thường. Khi Tân vào trường, ba của Tân cũng lui thủ một mình như mẹ thôi.

- Thế con đi thăm ông ấy rồi à?

Loan tựa má vào vai mẹ:

- Hè năm ngoái con xin mẹ đi chơi New York, Tân đón con về giới thiệu với ba Tân.

- À, việc Tân ở lại đây qua đêm, mẹ bằng lòng cho Tân đỡ vất vả. Nhưng được đăng chân đừng lân đàng đầu nghe! Tôi nói cho cô cậu biết, đi đâu khuất mắt thì thôi, chứ ở nhà tôi và chưa cưới hỏi gì, thì mỗi đứa một phòng nghe chưa?

Xế chiều hôm sau, chuông cửa reo. Loan gọn ghẽ trong bộ quần soọc, áo hoa in, chân mang giày vải, ra mở cửa. Rồi có tiếng Loan chào khách:

- “Hi” Tân! Dạ, chào bác! Mời bác vào nhà.

Minh lấy làm lạ, tự hỏi thăm: “Con bé chào bác nào của nó nhỉ? Ai mà đến thăm mình bất ngờ vậy?”

Ngừng nhặt rau và lau tay vào khăn khô, Minh vuốt lại cái áo thung màu vàng nhạt nhét trong quần chèn màu hạnh nhân. Nàng đi ra cửa xem bà bạn nào đến không gọi điện thoại trước. Cửa mở. Minh đứng sững lại, mở to đôi mắt ngạc nhiên nhìn người đàn ông đứng dưới thềm như chờ đợi.

Đúng vậy! Ông Hoan chờ đợi phản ứng của bà Minh từ chối hay mời ông vào nhà. Đêm qua, trước khi đi ngủ, Tân đưa cho ông thân sinh xem ảnh Loan chụp chung với bà thân mẫu. Ông Hoan nhận ngay ra bà Minh vẫn còn nhiều dáng nét ngày xưa. Còn Loan chẳng khác bà mẹ hồi còn nữ sinh. Ông kể hết tâm sự. Thuở thanh niên trai trẻ, Hoan thích để mà thích, để mà vui; chiều chuộng người đẹp để

mãn nguyện lòng hiếu thảo, thêm tên mỹ nhân vào danh sách chinh phục. Chàng không có ý định tiến xa hơn. Có lẽ chính vì vậy mà hình ảnh tinh khiết của Minh đã ở lại trong tâm hồn chàng bao năm qua.

Bây giờ Hoan biết Minh là mẹ Loan, người yêu của con trai, chàng lo sợ nàng sẽ không bằng lòng cho Tân và Loan thành hôn vì chuyện Hoan làm rạn vỡ trái tim Minh ngày xưa. Tuy nhiên, chàng hy vọng vào một điều mà chẳng bậc cha mẹ nào muốn. “Con cái muốn là trời muốn. Chúng nó đã định cưới nhau, cha mẹ không cản nổi,” chàng sẽ có cơ hội gặp lại Minh hay ít nhất cũng biết tin tức thường xuyên về nàng.

Đi theo con trai, Hoan chỉ muốn nhìn lại dung nhan Minh hiện tại để tiếp tục nuôi dưỡng hình ảnh nàng trong tâm khảm hay trong tranh vẽ. Chàng sửa nhà xe thành phòng vẽ rộng rãi có máy lạnh, máy nóng rất tiện nghi cho thú vẽ tranh. Hoan có bức chân dung thiếu nữ trong tranh có đôi mắt, nụ cười và mái tóc giống Minh ngày xưa. Chàng hứa với Tân, nếu mẹ Loan không cho chàng vào nhà, Tân cứ việc đưa ông ra khách sạn ngay. Hoan nghĩ, đã cướp mất trái tim thơ ngây người con gái mới lớn, mới biết yêu, để rồi biến mất mấy chục năm không thăm hỏi nàng, Hoan thật đáng tội, bị trừng phạt cũng rất xứng đáng. Nhưng được nhìn thấy cô nhân dù chỉ một lần, tất cả trừng phạt đối với Hoan không nghĩa lý gì.

Tối qua và suốt cuộc hành trình hôm nay, hai cha con Tân pháp phủng lo bà Minh nhìn thấy ông sẽ đóng ập cửa lại, không cả cho Tân cưới Loan. Vì thế ông Hoan quyết định gặp bà Minh một cách bất ngờ trước khi bà biết cha Tân là ai.

Giờ đây, Minh đang đứng bất động giữa khung cửa rộng mở với khuôn mặt còn nõn nà, bầu bĩnh, thân hình đầy đặn hơn xưa nhưng vẫn son trẻ gọn gàng, bộ tóc cùng kiểu nhưng ngắn hơn để lộ cằm cổ cao và tròn trĩnh. Hoan mãn nguyện về người mẫu tương lai trong tranh của mình. Chàng bình tĩnh nói:

- Chào Minh, xin lỗi Minh, tôi đã đường đột đến đây. Nếu Minh không cho phép vào, tôi xin đi ngay, và không dám than van chi.

Cuốn phim dĩ vãng lướt nhanh trong tâm trí Minh. Một thời hoa niên tóc xanh áo trắng mơn mớn bướm hoa, anh đàn em hát hồn nhiên mơ mộng... Rồi những giận hờn cuốn lốc quay cuồng và dần dần biến thành những áng mây xám mờ nhạt, loãng tan... Cố nhân hiện ra đối diện cố nhân và thực tại.

Minh xúc động không nói được lời nào. Nhưng bản tính hiền hậu, nàng chợt nghĩ tới phép lịch sự tối thiểu và khẽ gật đầu chào Hoan. Minh giữ cánh cửa mở rộng, mời cha con Hoan vào nhà.

Thực vậy, sau một phần tư thế kỷ không gặp, Minh vẫn nhận ra “người mộng” đầu tiên thuở học trò. Hoan còn trắng kiện như người thường xuyên bơi lội hay chơi quần vợt. Vóc dáng Hoan hiện tại sẽ làm nàng hài lòng trong những phút giây chợt mơ màng. Minh mừng có trang điểm đôi chút, nếu không Hoan sẽ nhìn thấy nét thời gian bằng bạc ở nàng.

Với bản tính cởi mở, Minh mời Hoan ở lại phòng có hai giường với con trai. Trong bữa cơm Hoan nghiêm trang nói:

- Cảm ơn Minh cho tôi cơ hội nói lên lòng biết ơn đối với Minh và Loan. Minh đã độ lượng quên đi mọi giận hờn và tiếp đãi tôi. Loan thương yêu Tân và cho Tân hạnh phúc mà tôi và mẹ Tân đã không thể cho con được. Tôi chính thức xin Minh cho phép Tân được cưới Loan.

Minh vốn tháo vát, nhưng ngồi trước Hoan, nàng biến thành thụ động, lúng túng:

- Quyết định cuối cùng là Loan và Tân thôi.

Hoan tiếp:

- Cảm ơn Minh ban phước lành cho Tân, Loan và cả tôi nữa. Việc cưới hỏi, phong tục, để toàn quyền Minh và hai con lo liệu. Minh muốn đám cưới ở Virginia, hay chúng định cư tại đâu tùy Minh. Tân ở gửi rể cũng được. Đàn bà

cô đơn, Minh cần các con hơn tôi. Mẹ Tân thì trong chúng ta chẳng ai lo được. Bà đã có nhà thương lo cho tôi đa rồi. Mai kia, thỉnh thoảng Minh cho phép ông già thông gia ghé thăm con là đủ.

Đàn bà mau nước mắt và dễ tha thứ, Minh ghen ngào:

- Tân và Loan yêu thương nhau được anh dễ dãi cho phép là em mừng rồi. Chúng ta là thông gia thì như một đại gia đình. Sinh con là chấp nhận hy sinh đời mình cho chúng. Huống chi, chúng đem lại hạnh diện cho gia đình!

Tân nâng ly nước lạnh:

- Chúng con xin cảm ơn ba và mẹ Minh rộng lượng thương yêu, cho chúng con nhiều ân huệ. Xin ba, mẹ và Loan cùng nâng ly đề chúc mừng sự sum họp và hạnh phúc này!

Sau bữa cơm, Tân, Loan lo dọn bàn, rửa chén trong bếp. Hoan xin phép Minh ngồi vào đàn dương cầm và dạo nhiều bản nhạc Minh ưa thích như bao giờ. Chàng có cảm tưởng đang ngồi bên phím đàn trong phòng khách ngày xưa. Hoan mời:

- Minh hát bản “Célèbre Valse” cho anh nghe hĩ?

Minh lắc đầu từ chối:

- Không được đâu. Lâu nay không hát nên không thuộc.

Hoan khấn khoản:

- Em hát chừng nào hay chừng đó rồi cứ “là la lá” cũng được. Anh chỉ muốn nghe lại giọng em.

Minh chỉ mỉm cười và tiếp tục im lặng. Bề ngoài, nàng giữ vẻ bình thản, nhưng lòng còn hồi hộp về sự gặp gỡ bất ngờ với Hoan. Cả hai cùng thả hồn theo tiếng nhạc bay về dĩ vãng xa xưa:

Yêu người là không nguôi.

Sầu tình chan chứa trong chiều rơi.

Nhạc lòng êm ái dù đời tàn phai.

Mà còn mãi mãi ngân trong đêm dài. (5)

Minh nén tiếng thở dài tự nhủ “phải tỉnh táo, không thả lỏng tâm hồn, không hấp tấp cả tin những lời mật ngọt như

thuở đầu đời.” Minh thấy cần phải giữ nghiêm túc với Hoan, không để chàng dễ dàng quyến rũ con tim nàng một lần nữa. Thỉnh thoảng Minh chỉ khen tiếng đàn của Hoan hay mỉm cười vu vơ.

Khi thấy Loan, Tân hôn nhau ra phòng khách, Minh nói hơi lớn để Hoan có thể nghe qua tiếng đàn:

- Tân à, sáng mai mẹ phải đi làm sớm. Trước khi xuống trường ngày mai, Tân đưa ba con ra bến xe buýt về Boston, phải không?

Hoan ngưng đàn đứng dậy:

- Anh cũng nói với Tân thế. Thôi bây giờ gà cũng xin phép được lên chuồng. Anh đã có một ngày dài thật đầy đủ hạnh phúc mà từ lâu anh không có được. Một lần nữa cảm ơn Minh. Chúc Minh ngủ ngon nhé. Chúc các con nhiều mộng đẹp.

Tân “good night” mẹ vợ tương lai, hôn nhẹ trên môi Loan rồi theo cha về phòng dành cho hai người. Chỉ còn lại hai mẹ con, Minh, Loan cùng nhau đi xem xét cửa ngõ sau trước, tắt đèn trong nhà. Trước khi định về phòng riêng, Loan ghé tai mẹ thì thầm:

- Bây giờ mẹ còn buồn vì giọng tiếng Huế nữa không?

Minh thấp giọng chối:

- Mẹ nói mẹ buồn vì giọng Huế bao giờ đâu!

Loan ôm mẹ nũng nịu:

- Vậy thì con mừng! Đêm nay mẹ cho con ngủ chung với mẹ nhé!

- Nhưng mẹ phải đọc sách một lúc rồi mới ngủ được. Con chịu không?

- Chịu!

Dưới một mái nhà, Hoan cảm thấy thật gần gũi với người góa phụ trẻ. Chàng mỉm cười mơ mộng trong bóng tối. Phòng chung vách bên cạnh, trên giường nệm rộng rãi với cô con gái dễ dàng đi vào giấc ngủ trong hơi thở nhẹ nhàng, Minh buông quyển sách và tắt đèn. Nàng mơ màng

khép mắt, văng vẳng giọng Huế nào rất dịu dàng... bên gối
lụa hồng êm ái của nàng... ♪♪♪

Chú thích:

1. Nhạc Franz P. Schubert, lời Việt “Dạ Khúc” của Phạm Duy
2. Nhạc Toselli, lời Việt “Chiều Tà” của Phạm Duy
3. Nhạc Johannes Brahms, lời Việt “Mối Tình Xa Xưa” của Phạm Duy.
4. Nhạc “Sérénata”, lời Việt “Chiều Tà” của Phạm Duy
5. Nhạc “Célèbre Valse”, lời Việt “Mối Tình Xa Xưa” của Phạm Duy.



THIỆU NỮ HUẾ: Ảnh của NGUYỄN QUỐC KHẢI

CHỮ TRINH

Từ ngày sang đất Mỹ, ông Trịnh ốm đau liên miên. Ông phát bệnh từ những năm tháng tù ở Việt Nam. Tới xứ tự do này, ông Trịnh được trợ cấp xã hội và được chữa trị bệnh miễn phí ngay. Nhưng tình trạng không thuyên giảm. Ông phải ngồi xe lăn khi di chuyển và ngày càng trở nên bần gất, nóng tính, hung dữ hơn bao giờ hết.

Trong khi đó, bà Trịnh rất bình thân, kiên nhẫn chờ đợi và hy vọng tình trạng này sẽ chấm dứt không lâu. Dăm ba tháng, một vài năm nữa có là bao so với phần tư thế kỷ qua, đắng đắng chịu đựng...

Thuở đó, cha mẹ Hiền chết vì bom Pháp ném xuống vùng Tuyên Quang, Bắc Việt trong lúc tản cư. Ông bà Lý đem bé Hiền, con vợ chồng người bạn đồng nghiệp về nuôi, rồi di cư vào Nam năm 1954. Ông bà chỉ có Trịnh, con trai độc nhất. Trịnh hơn Hiền bảy tuổi. Nàng kính nể Trịnh như ông anh. Hiền được cha mẹ nuôi cho đi học.

Hồi nhỏ nhà có người ở, Hiền chỉ bị sai vặt, làm việc nhẹ. Khi nàng thi đậu vào trường trung học công, ông Lý về hưu, bà Lý cho người làm nghỉ. Hiền phải làm tất cả mọi việc, từ quét dọn, lau chùi nhà cửa đến đi chợ thối cơm, giặt quần áo cho tất cả mọi người trong nhà.

Càng làm việc nhiều, nàng càng lớn mau, thân hình dần chắc khỏe mạnh nên bị giao thêm việc đi lấy nước máy ngoài đầu ngõ. Bà Lý nói lương hưu trí của ông Lý không đủ để mướn người làm, nhưng bà Lý bài bạc thua bao nhiêu chẳng kể. Tự biết thân phận cô cút, không bà con ruột thịt, Hiền cam chịu vất vả miễn là có nơi nương tựa, ngày ngày được cấp sách tới trường.

Xách nước chỉ được nửa thùng một chuyến, mất nhiều thời giờ mới cung cấp đủ nhu cầu cho gia đình bốn người, mà Trịnh lại tắm mỗi ngày. Để có thì giờ học và đỡ mất sức, Hiền tập gánh nước. Lúc đầu còn sợ bạn bè biết nàng bị đối xử như kẻ làm công, nhưng nhìn quanh quần trong xóm chẳng ai học cùng trường nên Hiền yên tâm hơn dưới vành nón lụp xụp và trong bộ bà ba đen.

Một hôm Trịnh rủ Hiền đi xi-nê. Nàng ngạc nhiên lắm. Từ hồi nào đến giờ Trịnh chỉ xăng giọng sai bảo và cau có với nàng thôi à. Sao hôm nay anh ấy lại hứng chí như thế? Hiền vui mừng quá, không nghĩ gì thêm, vội vàng mặc cái áo dài trắng đồng phục nhà trường tương đối mới nhất. Nàng chưa bao giờ bước chân vào rạp chiếu bóng vì không tiền và giờ rảnh đi chơi. Xi-nê là mơ ước xa xỉ của Hiền. Nàng hớn hờ:

“Em rủ con Tú đi cùng nhé?”

Trịnh gạt ngay:

“Đề khi khác. Tao chỉ đủ tiền bao mày thôi!”

Trịnh không chờ Hiền đến rạp Lê Lợi hay Vĩnh Lợi có những phim Mỹ, phim Pháp mà giới học sinh ưa thích. Trịnh đưa Hiền tới rạp Văn Hoa xem phim Chuông Hồng Kông. Thế rồi ở trong rạp ấy, Trịnh cố ý ngồi sát vào Hiền, quàng tay qua ghế nàng. Hiền nực nội, khó chịu, nhưng vì nể sợ ông anh nuôi nên nàng chỉ cố ngồi nhích xa. Bất ngờ bàn tay kia của Trịnh đưa lên ngực nàng.

“Anh làm gì kỳ vậy?” Hiền giật mình vừa nói vừa hất tay Trịnh ra.

“Tao thấy ngực mày lớn, muốn xem nó như thế nào,” Trịnh giả lả.

“Anh em với nhau mà anh làm gì kỳ vậy?” Hiền gắt.

“Tao với mày chỉ là anh em nuôi thôi. Có thân tình tao mới táy máy thế. Chứ xa lạ, bố bảo tao cũng không dám!”

Tuy nhiên, hành động sỗ sàng của Trịnh không thể bào chữa và chấp nhận được, nàng đứng dậy ra ngồi cách xa Trịnh mấy cái ghế. Khi Trịnh lại đến ngồi sát cạnh, Hiền nghe thấy hơi thở của ông anh nuôi phả vào tai, vào

má, nàng đứng phắt dậy chạy ra ngoài cửa rạp. Hiền không biết rằng những rạp hát xập xệ trong những xuất phim vắng vẻ là chốn hẹn hò lý tưởng của các cặp tình nhân bình dân, thợ thuyền.

Một lúc sau, Trịnh hăm hăm đi ra, không thèm nhìn Hiền, lên xe phóng mất hút về phía cuối đường. Trong tay chỉ có cái khăn hoa nhỏ xíu, nàng không đem theo đồng nào. Có vài chục cất trong rương Hiền để dành mua sách vở và vải may quần áo. Chẳng bao giờ Hiền dám tiêu món tiền đó vào việc nào khác. Thế là nàng đi như chạy về nhà. Bây giờ nàng đã hiểu: “Hắn rủ mình đi xi-nê chẳng phải tử tế, thường công mình giặt rũ quần áo, gánh nước, cơm bung nước rót đến tận miệng. Hắn chỉ muốn sờ soạng người mình thôi. Thì ra hắn chẳng kẻ tình anh em gì cả.”

Tuy còn bàng hoàng, run rẩy, Hiền thầm cảm ơn Trịnh không mách bà mẹ. Nếu biết, bà Lý sẽ chửi mắng và cho nàng trận đòn nên thân chứ không tha.

Thuở niên thiếu, Trịnh thân thiện, nhẹ nhàng với Hiền hơn. Tới tuổi thành niên, hắn luôn luôn khó chịu với con bé em nuôi ấy. Nó như cái giống gì..., một con mèo cứ lăm lăm thân nhiên đi lại trước mắt con hổ đói trong chuồng. Nó như miếng mồi treo cao trước mũi con chó sói. Đúng thế, Hiền cứ như muốn trêu ngươi Trịnh hàng ngày. Hắn bực bội lắm!

Nhiều đêm, những ham muốn xác thịt nổi dậy không lối thoát, Trịnh bứt rứt không yên, đi ra đi vào, đá bàn, đụng ghế rầm rầm. Giường Hiền trong phòng ăn. Giường Trịnh ngoài phòng khách. Đôi khi Trịnh đập muốn thủng tường ngăn cách, làm Hiền hoảng hốt thức giấc chẳng hiểu chuyện gì? Cái sự Hiền nằm xuống ngủ lãnh như chết cũng làm Trịnh cáu sùng muốn đánh thức nàng dậy cùng chung sự bực bội với hắn. Sáng ra, Hiền phải gỡ màn xuống, cất đi cùng với mền gối của Trịnh. Ông bà Lý chiêm cái gác xép trông trên. Gia đình công chức về

hưu Việt Nam được như vậy là tươm tất lắm rồi. Mỗi người đâu có phòng riêng với cửa khóa.

Một ngày, ông bà Lý đi Đà Lạt thăm bạn bè, Trịnh dùng vũ lực cưỡng bức Hiền, điều mà nàng không thể ngờ được. Ông anh nuôi có biết bao nhiêu “bồ”, tại sao nhằm nàng làm ầu! Hiền uất ức, xấu hổ, cảm thấy nhục nhã, bất lực. Sức con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu không bảo vệ được nàng. Hiền khóc đầm đức, tức tưởi:

“Anh là đồ vũ phu, đồ tồi tệ! Tôi sẽ mách thầy mẹ cho mà xem!”

Trịnh cười khoái trá và dọa:

“Nếu mày mách, tao nói mày quyền rũ tao. Ai tin cái thứ không cha, không mẹ, đi ở đợ!”

Rồi quen mùi thấy mùi ăn mãi, nhiều đêm sau đó Trịnh lại mò vào giường Hiền. Nhưng có ông bà Lý ở nhà nên nàng nghĩ cách lớn tiếng:

“Anh Trịnh nhức đầu hủ, em lấy đá chườm trán anh nhé.”

“Anh Trịnh khát nước hủ, để em pha nước chanh cho anh.”

“Anh Trịnh đói hủ, để em chiên cơm lạp xưởng anh ăn nhé!”

Vừa nói Hiền vừa vùng ra khỏi màn, chạy xuống bếp bật đèn sáng trưng. Ông bà Lý nghe lục đục, lao xao thức giấc mắng át cô con nuôi. Thường ngày nó không mở miệng, sao đêm nay bỗng dung om xòm!

Những lần ấy, Trịnh rất hậm hực, phải lui êm ra ngoài phòng khách. Đêm đêm, Hiền ngủ với những giấc thấp thỏm giật mình, luôn luôn thủ thế, để đèn sáng trong phòng thì bà Lý la. Ngày ngày Hiền tránh né đôi mắt găm gù, lời nói hằn học vì không được thỏa mãn của Trịnh.

Hiền học kém vì đầu tắt mặt tối với công việc nhà. Nay gặp khủng hoảng vì sự trinh trắng con gái bị xúc phạm, sự học của Hiền sa sút hơn. Đêm Hiền không dám ngủ, ngày gục trong lớp, bài không thuộc, bị giáo sư quở mắng, bà hiệu trưởng gửi giấy cảnh cáo về nhà. Bà Lý bắt Hiền thôi học. Nàng hết sức năn nỉ, kể tình cảnh mồ côi, làm người ở, gánh nước không công của nàng và xin bà Hiệu Trưởng

nói với bà Lý cho nàng tiếp tục học. Hiền không dám nói sự thật đã bị Trịnh xúc phạm tới thân thể nàng với bất cứ ai. Người ta dù tin nàng bị ép buộc cũng nghĩ rằng nàng đã là con gái hư thân mất nết, không còn là trinh trắng nữa. Rồi đây ai sẽ thương nàng, cưới nàng làm vợ?

Thực vậy, Trịnh là quý tử, con cầu tự. Ông bà Lý cung hấn như cục vàng. Còn Hiền chỉ là đứa con gái bạc phước, làm công thay kẻ tôi tớ để trả nợ sự ăn nhờ ở đậu, nàng không được chút tình thương trong gia đình Trịnh. Nhưng trước mặt khách quen tới nhà chơi, bà Lý rất ngọt ngào với Hiền:

“Hiền ơi, vào pha nước mời khách đi con!”

“Ấy đấy, cháu nó vừa học giỏi lại ngoan ngoan, lo hết công việc trong nhà cho bà mẹ già cháu đấy.”

Bà Lý khôn lắm, bà nhận Hiền là con bà trước mặt khách thì không ai chê trách được rằng bà không trả tiền lương người ở cho Hiền, bà bóc lột sự lao động của cô con nuôi. Những chị Năm, chị Sáu, con Ba, con Bảy trong xóm còn được lĩnh lương. Nàng chỉ được trả công bằng cơm ăn, áo mặc sơ sài, mộc mạc nhất. Một an ủi cho Hiền, nàng may mắn hơn người làm, được mặc áo dài, mua sách vở và cấp sách đến trường, sống vài giờ đời học sinh thơ ngây, vô tư lự.

Hiền mong Trịnh bị động viên, đổi đi xa cho nàng thoát ách bị làm nhục, bị nhơ nhớp. Nhưng Trịnh được miễn dịch vì con một, có việc làm ngay trong thành phố. Hắn tậu Vespa, chải chuốt áo quần mà Hiền là người giặt ủi hay đưa đi tiệm và lấy về cho hắn lên khung đi rước đèn với các em mặt hoa da phấn.

Hắn lượn phố, tán gái khắp xóm, đưa vũ nữ này, đón ca sĩ kia, viết thư tình gạ gẫm các nữ sinh đại đột nhơn nhơ, hớn hờ. Một điều tai ác là Trịnh đem hết chuyện đó nói cho Hiền biết. Hắn luôn miệng khen:

“Các em của tao đẹp lắm, duyên dáng, mỹ miều chứ không thô kệch khó thương như mày đâu!”

Còn bà Lý thường nói giống lên, đang đi kiếm vợ cho ông con trai:

“Anh Trịnh mày không bao giờ phải đi lính, không sợ chết trận nên khối gia đình giàu có danh giá muốn gả con gái cho đấy.”

Hiền nghe chỉ ngậm miệng làm thinh và khóc thầm. Người ta coi nàng như súc vật vô tri vô giác, ngày sai bảo làm đủ công chuyện tồi tệ, tồi làm thân con mồi bị rình rập, đe dọa. Nhiều lúc nước mắt đôi hàng, Hiền tự hỏi, nàng làm gì trong kiếp trước để kiếp này bị dày dạn, từ ngày còn thơ ấu đã mất cả cha lẫn mẹ? “Cha mẹ ôi, có linh thiêng về phù hộ cho đứa con gái xấu số này. Trời Phật đâu xin phù hộ độ trì cho thân kiếp nhục nhằn của con!” Hiền chỉ còn biết luôn luôn thầm cầu khẩn như thế để an ủi, thêm can đảm sống qua ngày.

Một buổi trưa chủ nhật, trời nắng chang chang, Hiền xếp hàng cả giờ mới lấy được đôi thùng nước máy công cộng. Trên đường gánh nước về nhà, *Vespa* của Trịnh vượt qua với bóng áo đỏ chói đằng sau và tiếng cười khúc khích:

“Tội nghiệp con Ma-ri phong-tên của anh chưa!”

Những giọt lệ uất hận tuôn trào, nhòa nhạt với mồ hôi mặn ướt đầm thân thể nẩy nở con gái mới lớn. Phải làm gì bây giờ? Ngậm tằm mãi ư? Để cho họ khinh như rơm rác mãi ư? Hiền không có cơ hội tìm được lối thoát. Với trình độ học gần như bết lớp của nàng làm sao hy vọng đậu bằng Trung Học, thi vào Sư Phạm làm cô giáo để thoát ly. Ai thêm chú ý và cười đùa con gái nghèo khổ xấu xí, đã bị dày vò nhơ nhuốc. Bỏ gia đình ra đi biết đâu Hiền rơi vào cạm bẫy, chông gai đầy dẫy ngoài xã hội. Đàng nào Hiền cũng mất sự trong trắng vì Trịnh rồi. Một quyết định chợt lóe lên trong óc nàng...

Từ đó, Hiền chăm chỉ soi ngắm mình trong gương. Nàng để ý chải tóc, vuốt quần áo gọn gàng, giữ nét mặt

bình thân, nhận chịu. Hiền không cau có, không tránh né những đụng chạm cố ý của Trịnh nữa. “Muốn đứng gần, muốn ngửi mùi da thịt thơm tho của tôi thì cứ tự nhiên nhưng đừng trách tôi nhé. Con mèo hiền lành ngoan ngoãn này đã trở thành con cọp có móng vuốt từ đây,” nàng nghĩ thầm.

Mỗi buổi tối, sau khi làm hết công chuyện nhà, Hiền tắm gội nước máy mát rượi. Nàng gánh thêm mỗi ngày hai đôi thùng để bà Lý không mắng vì lo thiếu nước dùng sáng hôm sau. Hiền thay quần áo mới giặt phơi khô trong ngày còn thơm mùi nắng. Nàng ngồi bên đèn học bài, làm bài với mái tóc đen huyền xõa lưng. Hiền giữ dáng nét dịu dàng, đầm thắm nhất. Trịnh lân la tới gần ve vãn hỏi chuyện, nàng ngược đôi mắt long lanh, e ấp nhất, trả lời trong hơi thở nồng nàn nhất.

Sau khi học xong, Hiền cất sách vở, tắt đèn, tha thướt vén rèm, nhẹ nhàng đặt mình xuống giường. Bên gối, thoang thoảng mùi hoa thơm nàng hái nhất được trên đường đi học về. Nàng không cuộn mền chặt quanh mình như trước nữa mà trải loi lả dưới chân. Hiền không giấu mặt vào tường mà quay ra với rèm mi khép hờ hững. Nàng giữ nét mặt tươi tắn như sắp đi vào một giấc mơ tuyệt vời.

Lần đầu tiên, sau những cố ý chờ đợi của nàng, Trịnh đã vào phòng của con bé Hiền quyến rũ lạ thường. Nàng làm bộ đẩy hẳn ra, phản đối lấy lệ, đôi mắt to đen lánh nhìn Trịnh như nai tơ, ngây thơ vô tội rồi từ từ khép rèm mi dài. Hẳn ngạc nhiên xúng nhin Hiền giây phút để thấy hai hàng lệ trào trên đôi má nàng. Lòng Trịnh chùng xuống nhưng vẫn nói xằng:

“Sướng bỏ xừ đi, còn khóc cái nỗi gì?”

Hiền làm vẻ giận dỗi xoay mặt vào tường:

“Em chán gây sự với anh rồi!” và nàng chỉ ngúng nguẩy, chống cự yếu xìu...

Kể từ đêm ấy Hiền coi Trịnh như người chồng, nàng không có quyền chọn lựa ai nữa. Trịnh chiếm đoạt sự trinh trắng của nàng, hẳn phải có trách nhiệm. Muốn được thân thể Hiền, hẳn phải có bổn phận.

Không lạ gì sự việc Hiền trượt kỳ thi Trung Học Phổ Thông năm đó. Bà Lý bắt Hiền thôi học ở nhà. Cái gì cũng do bà Lý định đoạt cả. Ông Lý mãi đi mây về gió với nàng tiên nâu, kệ bà Lý muốn làm trời làm đất gì thì làm, miễn bà có đủ tiền mua thuốc phiện cho ông hút.

Hiền cũng không muốn sống giả dối giữ vẻ trong trắng hồn nhiên bên các bạn học vô tư cùng lứa tuổi nữa. Thêm vào đó, nàng đã có dự định, nên Hiền cúi đầu lẳng lặng tuân lệnh người đàn bà nuôi nàng 10 năm nay mà từ đây nàng thầm nhận là mẹ chồng. Nếu nàng có cháu nội cho bà Lý thì tự nhiên nàng được hợp thức hóa tình trạng cô gái lỡ làng. Hiền sẽ có chồng, có con, không bị hàng xóm, bạn bè, xã hội chê cười.

Cái gì phải đến đã đến, Hiền tắt kinh cả mấy tuần rồi. Những cơn buồn nôn, chóng mặt xuất hiện bất tử. Lúc nào cũng nhạt miệng muốn ăn kẹo. Cho đến buổi Hiền ngất đi bên máy nước với đôi thùng dưới mặt trời nắng chói. Cô bạn gánh nước, có chồng viết tuồng cải lương bỏ đi theo cô đào sân khấu trẻ đẹp, dìu Hiền lên xe xích lô chạy ngang qua. Cô ta đưa nàng về nhà già gùng cạo gió. Hiền tỉnh lại, mặt xanh mướt, mồ hôi toát lạnh toàn thân. Nàng khóc và thú thật với bà Lý:

“Thưa mẹ..., có lẽ... con có bầu.”

Bà Lý quắc mắt nhìn Hiền và rít lên:

“Con chết tiệt! Mà chữa hoang với đứa nào?”

Hiền co rúm người lại, hai bàn tay đưa lên ôm hai bên tai như bị đau màng nhĩ vì những lời chát chúa ấy:

“Thưa mẹ, ... anh Trịnh ạ.”

Bà Lý chồm lên, ấn mạnh bàn tay vào trán Hiền:

“Mày nói láo, con trai tao là ông này, ông kia, nó không đời nào thèm ‘đi’ với hạng hư thân mất nết như mày.”

Bà Lý dơ tay lên cho một xáng vào mặt Hiền. Nàng ôm mặt khóc lóc van xin:

“Con lạy mẹ! Mẹ tha tội cho con!”

“Tao không mẹ con gì với mày. Mày phá hoại gia cang nhà tao, con khốn nạn!”

Bà Lý định đánh Hiền nữa thì ông Lý từ trên gác xếp lật đặt đi xuống, đưa bàn tay khẳng khiu lên giữ tay vợ lại:

“Có điều gì cứ đề nguyên đó. Thằng Trịnh về rồi hỏi nó sự thể có đúng không?”

“Đúng đấy! Tôi là cha đứa bé trong bụng nó chứ còn ai vào đây nữa.” Trịnh ở ngoài đi vào, thản nhiên trả lời.

“Bà đề cho nó yên,” hấn tiếp. “Tôi sẽ lấy nó làm vợ. Con gái tử tế ai thêm vào làm dâu ông bà!”

Bà Lý biết cái hỗn láo của thằng con trai được nuông chiều, nhưng không ngờ nó trả lời bà đau đớn đến thế. Bà tức gần ngất xỉu, chỉ còn rên rĩ kêu trời vài tiếng. Ông Lý thờ dãi thườn thượt. Trịnh bồi thêm một câu như ra lệnh cho cha mẹ:

“Ông bà không phải cười xin gì cả. Từ nay kể như nó là vợ tôi trong nhà này. Ông bà già rồi cần người săn sóc. Nó cũng lo cơm nước, quần áo cho tôi hàng ngày.”

Dù trong lời nói của Trịnh chẳng có vẻ gì thâm thiết, Hiền mừng và thầm cảm ơn hấn cứu vớt đời nàng.

Dòng đời đều đặn trôi qua, tình trạng Hiền chẳng có gì lạ hơn trước! Chỉ khác là từ đó, Trịnh ngang nhiên vào giường Hiền ngủ như cặp vợ chồng, không lén lút sau lưng cha mẹ.

Hiền không phải đi gánh nước nữa. Bà Lý bắt buộc mua nước gánh vào nhà. Còn các việc khác Hiền vẫn tiếp tục làm như trước cho tới khi nàng sắp đến ngày sanh, bà Lý mới mượn con nhỏ người ở thay thế Hiền.

Trịnh vẫn hên hò bồ bịch, đàn đúm bạn bè, rượu chè cờ bạc. Nếu không tới nhà, không ai biết Trịnh đã có vợ con. Thậm chí, hấn còn tỉnh bơ đưa đón bồ nhí qua nhà. Các cô đôi khi cũng e dè, nhưng Trịnh trấn an họ ngay:

“Anh có làm hôn thú đâu mà nó dám làm phiền. Nó bỏ đi thì ở đâu, làm được cái thá gì! Thỉnh thoảng cho nó vào giường là phước lắm rồi!”

Hiền tuy buồn, cô đơn nhưng không đau khổ. Nàng không ăn ở với Trịnh vì tình yêu chọn lựa mà vì sự bất hạnh, buộc nàng phải chấp nhận. Dù sao bây giờ Hiền thực sự có gia đình, là vợ, là mẹ, là dâu con. Nàng không còn là đứa bé mồ côi, bơ vơ giữa chợ đời nữa.

Thời gian trôi qua mau, Hiền có một trai, hai gái, lại đến lượt nàng ra ngủ phòng khách với chúng. Một mình Trịnh nằm giường trong thoải mái, trọn vẹn giấc ngủ. Lúc nào “muốn” hấn ghé tai vợ ra lệnh: “Tối nay khi bọn lỏi ngủ, mày vào giường với tao.”

Trịnh rất thoả mãn với cuộc sống. Chiến tranh tàn khốc, sống chết mặc bay. Miễn hấn được ở đô thành, có lương, có bổng lộc tiêu xài, đủ đờn với các em văn nghệ. Về nhà thì hết ra lửa mưa ra khói, vợ sợ, con hãi. Hấn sướng như vương như tướng trong gia đình.

Hiền cam phận, đành vui với tiếng khóc, tiếng cười của các con và đó là nguồn an ủi, lẽ sống duy nhất đời nàng.

Kip đến biên cố 1975, Trịnh được cố vấn Hoa Kỳ cho đưa cả gia đình di tản. Hấn không nhắc nhở đến cha mẹ, vợ con mà hện cô bồ trẻ măng làm sở Mỹ đến tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đường Thống Nhất để cùng nhau ra đi. Nhưng đợi cả ngày, cô nàng không xuất hiện, Trịnh trở ra đi tìm suốt đêm không thấy cô ta đâu, sáng hôm sau trở lại, tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đã đóng cửa, trực thăng cất cánh chuyển cuối cùng.

Trịnh kẹt ở lại, bị đi tù với tội làm CIA cho Mỹ. Ông nội các con hấn chết một năm sau vì thiếu thuốc phiện. Hiền đi buôn rau, buôn trứng, buôn thịt lậu từ lục tỉnh đem về chợ Bà Chiêu bán. Nàng gặp lại vài người bạn học cũ trước kia cũng là bà này, bà nọ, giàu sang phú quý. Họ rủ nhau bán bánh tôm, bún riêu, bún chả, cà phê nuôi con qua ngày. Họ dành dụm tiền, mua gạo, mua thực phẩm khô và quần áo cùng đem đi thăm nuôi các ông

chồng tù nhân Cộng Sản. Hiền là một trong những người vợ băng rừng, lội suối gian nan đi thăm chồng. Trịnh bị giam ở Hàm Tân. Trong suốt cuộc sống chung với Trịnh, có lẽ chỉ thời gian này Hiền mới thấy Trịnh có lời nói êm ái, dịu dàng và tỏ ra thương xót nàng. Cho đến bây giờ, Trịnh mới thấy vợ hắt là người đàn bà chịu thương, chịu khó, có tình, có nghĩa, hắt may mắn được nàng tìm đến thăm nuôi. Niềm ân hận giày vò, đã đổi sử tệ với vợ, Trịnh tự hỏi, nếu không bị những ngày tháng trong tù, có lẽ hắt đã theo Oanh, Yến, hay Loan, Phượng đi Âu, Mỹ hay Úc, mặc vợ con nheo nhóc ở lại Việt Nam như ngày hôm nay.

Năm năm sau, Trịnh ra tù, bà mẹ đã theo cha hắt ra người thiên cổ. Trịnh lại rên rĩ thống trách Hiền không săn sóc chăm lo cho cha mẹ hắt nên ông bà đau yếu, thiếu thốn mà qua đời mau chóng như vậy. Trịnh càng bức tức hơn vì không trở lại được ách thống trị gia đình như trước kia, nhất là bây giờ hắt ốm yếu, mang cả trăm thứ bệnh tật trong lục phủ, ngũ tạng. Chân tay hắt phù ủng đi lại khó khăn.

Vì tình trạng tài chánh gia đình cùng cực, Hiền vẫn phải xông pha ngoài đường, ngoài chợ kiếm tiền nuôi chồng con, mặc Trịnh gào thét như điên, nghi kỵ nàng gian thông này nọ. Hiền chán cả giải thích, cam đoan với chồng, nàng không một lần thất thân với tên cán bộ nào, không ngoại tình với ai. Đối với bọn quỷ trong phường, ngoài xóm Hiền chẳng hiền chút nào. Họ chưa tới gần, nàng đã quang quác cái miệng y hệt bà Lý thời oanh liệt, khiến tên cán bộ nào cũng ngán không dám giờ trò bõm xòm. Nhưng đối diện với Trịnh, Hiền mềm nhũn như con thỏ đứng trước con hùm, con beo, chỉ chờ bị ngoạm ăn thịt, không thốt lên một lời phản đối. Nàng quen chịu đựng và im lặng như củ khoai trước mặt Trịnh từ thuở nàng mới năm tuổi rồi.

Khi làm giấy xin xuất ngoại và được chính phủ Mỹ cho nhập cảnh, Hiền ngạc nhiên Trịnh điền tên vợ là nàng. Nói cho cùng, ai là người săn sóc Trịnh nếu hẳn đi một mình trong tình trạng ốm đau ấy. Một lần nữa, Hiền nghĩ sự kiên nhẫn của nàng được trả giá tốt đẹp với cái giấy cho mẹ con nàng vào đất nường thân mà bao nhiêu người Việt khác ao ước từ khi miền Nam đổi chủ.

Tới tiểu bang Indiana, gia đình Hiền được nhà thờ bảo trợ và thuê cho cái nhà nhỏ, được cho đồ đạc cũ hay mới, được tiền trợ cấp dài hạn vì bệnh hoạn của Trịnh. Ba đứa con nàng có quần áo lành lặn, giày dép thơm tươm tất, đi học, xe trường đưa rước ngay trước cửa. Nàng mừng rỡ được học Anh văn miễn phí. Ôi, cả cuộc đời, bây giờ mẹ con nàng mới được hưởng cảnh no ấm như vậy, mặc dầu đó chỉ là mức sống nghèo nàn của dân Hoa Kỳ.

Trái lại, Trịnh đau khổ, tức tối vì sự ốm đau của mình, nhất là từ cửa sổ nhìn xuống đường, Trịnh thấy người đàn ông nào đưa Hiền về trong bóng tối bằng xe hơi mà Trịnh chỉ ngồi trong chiếc xe lăn tù túng với những nhức nhối của bệnh tật gặm nhấm xương tủy.

Hiền đã mất cơ hội học lên cao trong thuở học trò, bây giờ nàng không bỏ lỡ dịp học lại Anh văn gần như từ đầu. Bố mẹ nuôi, cũng là bố mẹ chồng không còn trên thế gian để cấm đoán nàng. Trịnh không còn sức mạnh, quyền hành cản ngăn. Hiền chọn buổi tối, khi ba đứa con ở nhà có thể trông chừng bố chúng trong những giờ nàng học Anh văn. Hiền nhờ một học viên cùng lớp đưa đón nàng đi, về. Điều đó làm Trịnh điền tiết hơn vì bất lực trong căn phòng nhỏ hẹp, đầy ám khí, u muội: “Con mụ lại tập tễnh học đòi ly dị chồng và đi lấy Mỹ thôi.” Trịnh không chạy theo Hiền được, nhưng hẳn vẫn có miệng để chửi thề, ném liệng tất cả đồ vật trong tầm tay với.

Vài năm sau, các con Hiền nói thông thạo tiếng Mỹ. Chúng hấp thụ được nếp sống công bình, nhân đạo ở xứ này. Thế mà từ khi có trí khôn, chúng chưa bao giờ nghe

thấy ông bố nói một lời nào ôn tồn với chúng, dịu dàng với mẹ chúng. Gặp đâu là thấy ông cúi kính, quát tháo. Bây giờ ông cũng muốn mẹ con phải tuân lệnh ông như hồi còn Việt Nam, hết giờ học phải về nhà ngay. Ông không hiểu được sau giờ học còn nhiều sinh hoạt khác của nhà trường. Bạn bè rủ chúng đi đâu cũng bị la chửi. Chúng được gọi đi giữ trẻ vài giờ thêm tiền tiêu vặt, ông không cho. Vợ con thấy đó là cả một sự vô lý, cứ lẳng lặng làm thì ông la hét, đập phá điên khùng. Nếu hai chân ông đi được, có lẽ ông đánh luôn cả bốn mẹ con. Đưa con gái thứ hai, có lần nói:

“Sao mẹ không ly dị ông ấy?”

Mẹ chúng hốt hoảng:

“Chết! Sao con lại nói vậy. Bố bệnh hoạn nên nóng nảy thế thôi! Mẹ ly dị bố thì ai coi sóc ông bây giờ?”

Đưa con trai lớn nhất tiếp lời ngay:

“*Nursing home* sẵn sàng nhận bố mà! Bố cứ la hét, đập phá làm ồn ào, hàng xóm báo cảnh sát bố cũng bị bắt đi à.”

Hiền ôn tồn:

“Bố con không muốn vào nhà bệnh. Vả lại, ông cũng chẳng sống được bao lâu nữa.”

Con bé út, giận hờn:

“Con thấy bạn bè có cha khỏe mạnh, đưa đón đi chơi đây đó bằng xe hơi. Chúng được cha cưng chiều, thương yêu mà con thèm! Bố mình cứ mở miệng là mày tao và mày tao cả với mẹ nữa. Thế mà mẹ chịu đựng được! Chồng con sau này như vậy, con bỏ ngay!”

Hiền buồn rầu:

“Mẹ đã chịu đựng được 30 năm rồi, mẹ có thể chờ thêm ba năm nữa. Nhưng bác sĩ nói bố các con không qua khỏi năm nay đâu.”

Thực vậy, người ta ly dị là vì chán nhau, không muốn chung sống nữa, hay đã thương yêu và muốn lấy người khác. Trường hợp Hiền, nàng chẳng bao giờ dám to

tưởng tới ai. Trịnh là thí dụ điển hình làm Hiền nghi ngờ, không thân thiện được với người đàn ông nào, dù trong thời gian Trịnh đi tù Cộng Sản, bệnh tật từ khi trở về nhà đến nay.

Nhưng Hiền không phải chờ ba năm mà chỉ ba tuần sau, ông Trịnh lên cơn điên la hét dữ dội. Hàng xóm gọi cảnh sát. Ông được đưa vào nhà thương rồi cấm khẩu và liệt giường từ đó. Mỗi lần vợ con vào thăm, không biết ông muốn nói gì cũng chẳng diễn tả và cử động được. Mắt ông sáng quắc. Hiền sợ sệt ngồi xuống ghé sát cạnh giường an ủi:

“Anh ráng nghỉ cho khỏe. Em niệm Phật hằng ngày, đi chùa mỗi tuần cầu nguyện cho anh được thanh thoi, thương mẹ con em. Thằng Tiến, con Trinh, con Thịnh và em luôn luôn lo lắng cho anh. Em mong anh hiểu và nhớ cho điều đó.”

Từ ngày ông Trịnh vào nhà thương, bà Trịnh bắt đầu đi chùa, mặc áo nâu, tụng kinh niệm Phật mỗi tối. Bà Trịnh cầu siêu, dọn sẵn sự thanh tịnh, bình yên cho ông Trịnh trong những ngày cuối cùng. Sự ra đi của ông được tính từng ngày.

Hai tháng sau, một sáng sớm, bác sĩ gọi tới nhà cho biết ông Trịnh đã nhắm mắt vĩnh biệt cõi trần từ đêm hôm trước.

Hiền không buồn, cũng không cô đơn. Nàng cảm thấy tâm hồn thanh thản, an nhiên hơn bao giờ hết. Từ ngày Trịnh mất, Hiền chỉ làm nghề giữ trẻ cũng mua được cái *condo* hai phòng ngủ khang trang. Bốn mẹ con quây quần yên vui chung sống. Hiền tập lái xe và lấy bằng dễ dàng. Con cái chung nhau mua cho mẹ cái xe cũ nhưng còn tốt và trông như mới. Mỗi Thứ Bảy nàng tự lái đi gặp bạn bè ở nhà họ hay ở tiệm ăn. Hiền vẫn dư khả năng thỉnh thoảng ký ngân phiếu nhỏ làm việc thiện. Chủ Nhật nàng đi chùa cúng dường, niệm Phật. Đã có vài sự nhòm ngó, nhăm nhe muốn rõ ràng cạp lại, nhưng chưa ai lung lạc

được Hiền bước đi bước nữa. Nàng không muốn vương vào bể trầm luân, vật vờ trôi nổi như trong dĩ vãng.

Hiền hân hoan hưởng hạnh phúc mà từ thuở ra đời đến giờ nàng mới có được. Nàng còn tất cả tâm hồn trong trắng, tiết trinh, tiết hạnh để dành tặng người yêu lý tưởng sẽ gặp một ngày nào đó trong mùa thu lãng mạn của cuộc đời...



**Trong đầm gì đẹp bằng sen
TRƯƠNG ANH THỤY**

NHỮNG CÁNH HOA ANH ĐÀO

Chiều nay sau khi tan trường, nơi Cẩm Tú là giáo sư dạy lớp bảy, lớp tám, nàng không trở về nhà ngay. Cẩm Tú cũng không muốn đi chợ hay mua sắm như mấy tháng trước đây, khi Khiêm chưa gọi điện thoại cho nàng vào giờ này.

Cẩm Tú lái xe vào con đường vắng vẻ dẫn ra ngoài thị trấn. Hai bên đường những cánh đồng cỏ như mạ non nối tiếp nhau chạy tới bìa rừng thưa đang trở lá. Hoa anh đào màu phấn hồng nở đầy trong các khuôn viên thơ mộng. Nàng bỗng thấy hình ảnh Khiêm khôi vĩ trong lễ phục sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt và cô nữ sinh áo dài trắng Cẩm Tú lả lướt, chập chờn trên vùng đồi xanh cỏ mượt. Rồi hai hình bóng ấy như thấp thoáng bên bờ hồ Xuân Hương mịt mù sương khói...

Ký ức hiện về. Lần đầu tiên gặp chàng sinh viên Võ Bị trong buổi tiệc tại nhà Bích Thúy, người bạn học cùng lớp, cô nữ sinh áo trắng Cẩm Tú bị Khiêm thu hút linh hồn ngay. Từ đó hai người gặp gỡ nhiều lần. Rồi chàng thổ lộ tình yêu, yêu ngay từ giây phút ánh mắt giao nhau, con tim rung động. Tình tuổi trẻ thật say đắm, thiết tha.

Cẩm Tú yêu Khiêm vì dáng dấp thanh cao, tuấn tú như Tây phương trong bộ lễ phục sĩ quan oai hùng, ăn nói điềm đạm, lịch sự, biết nhẹ nhàng săn sóc phái nữ. Khiêm kiêu hãnh vì người con gái thủy my, đoan trang, học giỏi ấy là “của” chàng. Rất nhiều người theo đuổi Cẩm Tú nhưng nàng chưa để ý, chưa yêu ai. Nàng chọn Khiêm từ đó. Tất cả nguồn vui ngoài sự học, là mơ với hình ảnh chàng, là mộng có chàng trong đời.

Một năm sau, Cẩm Tú đậu ưu hạng Tú Tài đôi. Nàng mới vừa đôi chín. Được học bổng, Cẩm Tú phải vâng lời cha mẹ đi du học Hoa Kỳ. Nàng cảm thấy còn quá trẻ để lập gia đình, lo cho chồng con. Ông bà Đốc Hoạt dự tính việc du học của Cẩm Tú từ mấy năm trước khi nàng gặp Khiêm. Ông bà đặt niềm kiêu hãnh và tin tưởng vào tương lai xán lạn của cô con gái út. Với tinh thần cấp tiến, ông bà muốn Cẩm Tú học cao, tốt nghiệp về nước giữ chức vụ quan trọng nào đó trong chính phủ hay xe duyên với người nào như thế.

Với tâm hồn khoáng đạt, không vị kỷ, trong buổi đi chơi cuối cùng, dù mệnh mang buồn như sương lam trập trùng trong Thung Lũng Tình Yêu Đà Lạt, Khiêm bồi hồi ôm Cẩm Tú trong vòng tay ấm áp, khuyên nhủ:

- Em còn trẻ và học giỏi, con đường học vẫn còn dài. Anh không có quyền ngăn cản, dù xa em anh rất buồn. Bốn năm nữa, nếu anh còn sống sót trong chiến tranh tàn khốc này và em bằng lòng, anh sẽ xin cưới em.

Cẩm Tú áp má trên ngực Khiêm khóc nức nở:

- Em mơ có người chồng như anh cho đời em ngay từ khi mới gặp. Vâng, em muốn được là vợ anh. Anh có thể chờ em được không?

Khiêm ôm chặt Cẩm Tú hơn:

- Anh sẽ chờ em. Nhưng đừng bắt anh chờ suốt đời.

Nụ hôn gần bó cuối cùng hòa lẫn nước mắt Cẩm Tú. Thung Lũng Tình Yêu nhạt nhòa bóng hai người tuổi trẻ yêu nhau tưởng chừng như không bao giờ có thể xa cách.

Bốn năm du học qua đi, cha mẹ, anh chị em và bạn bè khuyến khích, Cẩm Tú học tiếp lấy bằng Tiến sĩ, ngành giáo dục. Ở bên nhà, Khiêm bị gia đình Cẩm Tú cảnh cáo không được ngăn cản sự học của nàng. Ông bà Đốc Hoạt dọa sẽ không nhận Khiêm là rể nếu nàng bỏ học dở dang về Việt Nam làm đám cưới với chàng. Như ngọn doi quắt vào mặt, thân nam nhi chính khí, không để chuyện thương tình chà

đạp danh dự. Khiêm ngưng liên lạc với Cẩm Tú từ đó, dù nàng tiếp tục viết thư thăm hỏi và tha thiết hứa hẹn với chàng. Nhiều khi nàng ước mong học kém đi, để không được học bổng. Nàng khổ sở vì yếu mềm trước ảnh hưởng gia đình và bị cao vọng lồi cuồn. Càng nhớ nhà, nhớ người yêu, Cẩm Tú càng học xuất sắc. Một năm sau đó, Cẩm Tú nhận được tin từ Bích Thúy cho biết Khiêm đã lấy vợ. Kỷ niệm Đà Lạt với hình ảnh Khiêm và Cẩm Tú như xoay tròn, đảo lộn trong không gian, trong trời đất, trong trí óc nàng. Thế là hết, Cẩm Tú không còn thấy cần thiết phải trở về Việt Nam, trở về Đà Lạt nữa. Khiêm là cái đích đã bị nước biển lấp tràn, bị động đất chôn vùi mất hút, không bao giờ còn trông thấy và nắm bắt được nữa.

Chưa mất Khiêm, Cẩm Tú chưa biết sự đau khổ như thế nào. Mất nhau rồi, nàng mới cảm thấy đủ cả nghĩa đen, nghĩa bóng của sự tuyệt vọng đau đớn, trái tim bị nghiền nát toì bời. Tuy nhiên, Cẩm Tú không hề oán trách Khiêm kể cả những khi tinh thần xuống thấp nhất. Lỗi tại nàng ham học và bỏ đi quá lâu. Lỗi tại nàng nghe gia đình cản ngăn trở về lấy một sĩ quan chiến đấu ngoài trận mạc không biết sinh tử lúc nào. Từ đó, lòng nàng lịm chết. Cẩm Tú thực sự mất Khiêm rồi. Không còn gì chờ đợi nàng ở vùng cao nguyên trắng茫茫 ấy nữa!

May mắn đền bù cho nàng, càng buồn Cẩm Tú càng muốn sống khép kín, cô đơn và càng học miệt mài. Năm học cuối, bỗng xuất hiện một ông Tiến sĩ trẻ sắp ra trường như nàng. Cẩm Tú đắm đuối với tình yêu vượt trùng dương bao la cách trở, bận rộn với sự học, nàng chưa bao giờ để ý tới Đạo, ông Tiến Sĩ Kinh Tế Học đó. Sau vài lần họp sinh viên Việt Nam, đi ăn cuối tuần với nhau, Đạo hỏi cưới nàng. Cẩm Tú suy nghĩ mấy tuần và nhận lời làm vợ Đạo. Nàng biết chàng là người đứng đắn và sống cô đơn như nàng. Tình yêu đầu đời nàng dành cho Khiêm tất cả. Cẩm Tú nghĩ, tuy không yêu Đạo, nhưng có sự quý trọng người bạn đường, cột trụ tinh thần cho nhau. Với Đạo, ngoài vẻ đẹp lạnh lùng, Cẩm Tú có tất cả mọi điều tương xứng để xây

dựng gia đình với chàng. Không có tình yêu lãng mạn như thuở thiếu thời, Đạo và Cẩm Tú ngẫu nhiên chọn lựa người phối ngẫu với tính toán, thực tế cần thiết.

Hai người làm hôn thú ngay trong Đại Học George Town. Sau đó, Đạo và Cẩm Tú trở về Đà Lạt, mong đem sự học giúp thế hệ trẻ. Với lý tưởng, Cẩm Tú vững vàng đối diện với tất cả khung trời Đà Lạt. Đôi khi bắt gặp vóc dáng sinh viên Sĩ Quan, Cẩm Tú không khỏi bồi hồi nghĩ tới Khiêm, tới những kỷ niệm đẹp, dấu mốc cao nhất, thần thoại nhất trong đời. Cẩm Tú không luyến tiếc, không muốn tìm lại hay sống lại những kỷ niệm quý báu đó, nhưng nàng cũng không muốn xua đuổi chúng ra khỏi ký ức. Chúng luôn luôn nằm trong tâm khảm nàng với tất cả trân trọng.

Thình thoảng Cẩm Tú nghe bạn bè nói chuyện về Khiêm. Họ biết mỗi tình đầu tha thiết của nàng. Vợ chồng Khiêm có hai con nhỏ lúc đó và Khiêm làm việc tại Tòa Án Quân Sự Sài Gòn. Trong trận Mậu Thân tại Quảng Trị, chàng bị thương ở chân và được biệt phái về Tòa Án. Vợ Khiêm là dược sĩ có tiệm thuốc. Thôi thế cũng tốt đẹp cho chàng!

Tháng 4, 1975, vợ chồng Cẩm Tú kẹt ở lại. Giáo sư Đạo, nhà kinh tế học chế độ cũ bị đưa đi vùng kinh tế mới. Tú được yên thân ở nhà vì có bầu đứa con trai đầu lòng. Ba năm sau, Đạo trở về. Gia đình Cẩm Tú được người học trò gốc Hoa giúp phương tiện vượt biên.

Đến Mỹ, Đạo được nhận ngay vào làm việc trong trường Đại Học cũ, George Town. Cẩm Tú làm giáo sư trường trung học tại Silver Spring. Sau đó, nàng có thêm một bé gái. Thời gian trôi qua, hai con tới tuổi vị thành niên, trung học, rồi đại học, Cẩm Tú không có giờ mơ mộng về dĩ vãng. Cho đến năm ngoài, nàng đi Montreal chơi và được nghe Bích Thúy nói về Khiêm:

- Chắc mi không quên Khiêm nhỉ?

Bỗng nhiên, Cẩm Tú nghe như thăng thốt trong lòng. Nàng nghĩ ngay đến “Khiêm đó” của nàng ngày xưa nhưng vẫn vờ hỏi:

- Khiêm nào hả?

- Còn Khiêm nào nữa? Khiêm Đà Lạt của mi chứ còn ai vào đây!

- Nhưng Khiêm làm sao?

Bích Thúy cười hóm hỉnh:

- Tuần trước vợ chồng hần mới sang đây chơi. Ta gặp họ trong bữa tiệc nhà người bà con. Khiêm vẫn còn phong độ lắm đấy.

Cầm Tú làm bộ thản nhiên:

- Thì chồng bạn và chồng tôi có ai kém đâu!

- Mi còn vờ vĩnh hả? Khiêm vẫn mang vẻ rất chi là lịch sự điển trai. Hồi đó biết mi và Khiêm yêu nhau mà ta vẫn mê vẻ nghệ sĩ lãng mạn của hần.

Cầm Tú cười nhẹ. Bích Thúy tiếp:

- Khiêm hỏi thăm mi.

Tim đập dồn dập nhưng Cầm Tú làm vẻ lơ đãng:

- Thế hả?

- Khiêm nhắc tới tên mi bằng giọng thật xa vắng, mơ màng. Cả bầu trời Đà Lạt như hiện ra trong đôi mắt hần. Nếu ta không chồng, Khiêm không vợ, ta dám mê hần lắm.

Cầm Tú bật cười trước vẻ hồn nhiên của bạn:

- Thì mi không đang mê Khiêm đấy hay sao?

- Nói vậy thôi, cái đó ta để dành cho mi!

- Khỉ ă, Khiêm là của vợ con người ta. Đâu phải của tôi hay bạn. Mà chúng ta cũng có chồng rồi.

Bích Thúy bướng bỉnh:

- Thì mê cái hình dáng hần thôi, đã chết chóc ai chưa!

Đến lúc này Cầm Tú không thể ngăn được chuyện hỏi thăm về Khiêm:

- Gia đình Khiêm ở đâu? Có khá không?

- Ở Oregon, nghe nói khá lắm. Khiêm làm cho chính phủ tiểu bang, bây giờ đàn hát, viết văn nữa. Vợ hần có cửa tiệm thuốc Tây. Mấy đứa con là bác sĩ, luật sư cả.

Cầm Tú ngạc nhiên:

- Khiêm viết văn, đàn hát hồi nào nhỉ? Sao không bao giờ thấy tên chàng trên báo?

- Ôi giờ ơi! Cái cuộc di tản vĩ đại tháng tư năm 75 sản xuất không biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ, ca sĩ. Bác sĩ, luật sư hát như điên. Thành kiến xương ca vô loại lỗi thời rồi. Báo Việt Ngữ mọc ra như nấm, làm giàu cho văn học hải ngoại. Khiêm nói rằng hắn có nhiều bút hiệu, không dùng tên thật.

- Bút hiệu gì?

Bích Thúy cười hóm hỉnh:

- Bây giờ mi mới bắt đầu hỏi kỹ hả? Hắn không cho ta biết và chỉ nói viết chơi vớ vẩn ấy mà! Nhưng ông xã ta cho biết một trong những bút hiệu của Khiêm là Tâm Nguyên. Hắn đi bên vợ mà ta có cảm tưởng hắn cô đơn, lạc lõng sao đâu! Bà vợ nói thay cho Khiêm hết!

Thế rồi sau đó vài tuần bỗngưng Cẩm Tú nhận được nguyệt san Văn Học phát hành từ California khởi đăng truyện dài *Đồi Xưa Bóng Cũ*, tác giả Tâm Nguyên. Nếu Bích Thúy không cho nàng biết bút hiệu ấy của ai, nàng đã không đọc. Nàng không là độc giả tiểu thuyết. Truyện Tâm Nguyên lôi cuốn tò mò của Cẩm Tú nhất là vì dưới tiêu đề truyện có hàng chữ “Tặng C.T. của Kh.” Càng đọc nàng càng nhận thấy đây chính là tâm tình Khiêm. Các nhân vật trong truyện rất quen thuộc mặc dầu được đổi tên. Các địa danh là những nơi Khiêm và Cẩm Tú đã đặt chân tới, nào Hồ Xuân Hương, Vườn Bích Câu, Chùa Linh Sơn, Hồ Than Thở, Thác Cam Ly, Suối Vàng, Thung Lũng Tình Yêu...

Cẩm Tú đang ngơ ngẩn bồi hồi với truyện của Khiêm thì Bích Thúy rồi rít títt mũi gọi nàng từ Montreal:

- Mi đọc truyện *Đồi Xưa Bóng Cũ* của Khiêm chưa?

Cẩm Tú làm ra vẻ bình thường, buông một tiếng ngắn ngủi:

- Rồi.

- Mi thấy không? Tặng C.T. của Kh., tình tứ như thế.

Cẩm Tú thở dài:

- Sao chàng liều mạng thế? Nhờ bà xã biết lại bị nghiền, bị nghiền và bị cầm đăng truyện bây giờ.

- Mi yên trí đi. Cái tên Tâm Nguyên ngoài tác giả ra, chỉ có vợ chồng ta và mi biết thôi. Mi liệu hồn. Chẳng ông nào muốn vợ mình ôn lại tình xưa, tích cũ.

- Cũng may Đạo chỉ thích đọc báo tin tức, xem News hay Sports trên TV thôi. Nên cũng đỡ lo.

Từ đó, hàng tháng Cẩm Tú nhận đều đều tập san. Nàng hồi hộp đợi chờ, theo dõi từng kỳ truyện dài *Đôi Xưa Bóng Cũ*. Cẩm Tú nhìn thấy nàng và các bạn thuở nữ sinh Bùi Thị Xuân, thấy Khiêm và bạn bè thuở sinh viên sĩ quan Võ Bị. Lòng nàng rung rung ngậm ngùi. Có lẽ, nhiều người đọc cũng có cảm tưởng họ là nhân vật trong truyện, cùng tâm tình, tâm trạng, hoàn cảnh với các nhân vật. Truyện có vẻ thật, văn phong giản dị, trong sáng làm độc giả thông cảm dễ dàng nội dung tác giả muốn gửi gắm tâm sự.

Như cái lệ, sau mỗi lần nhận được nguyệt san Văn Học, Bích Thúy lại léo nhéo gọi Cẩm Tú:

- Cẩm Tú ơi, mi đọc truyện Khiêm kỳ này chưa? Mi nghĩ thế nào?

- Mi là Mộng Thúy, bạn Cẩm Tâm trong truyện đấy chứ? Khiêm viết rất đúng và rất thật. Chàng nhắc lại tất cả chuyện chúng mình làm sao không buồn ngủ thương nhớ cho được. Thuở xưa thật đẹp dù có những chuyện buồn đi chăng nữa.

Rồi *Đôi Xưa Bóng Cũ* đi vào câu chuyện tình thơ mộng của Cẩm Tâm và Việt Khánh. Những hò hẹn, những vòng tay đam mê, quấn quýt, những nụ hôn nóng bỏng, rồi hứa hẹn, thề nguyện, rồi chia tay vĩnh biệt. Bao nhiêu sức đề kháng trong tim Cẩm Tú từ ngày Khiêm lấy vợ, đã kiệt quệ hết. Nàng sống lại và quần quai với kỷ niệm đau đớn cũ. Đọc truyện, Cẩm Tú cảm thông hơn nỗi tuyệt vọng, giận hờn của Khiêm khi chàng lấy vợ. Đây cũng là sự trần tình gián tiếp tạ lỗi với Cẩm Tú.

Thực vậy, thuở đó Khiêm lấy vợ nhưng chẳng có ngày nào chàng không nghĩ tới Cẩm Tú. Chàng làm đầy đủ trách nhiệm và bổn phận người cha, người chồng tốt. Nhưng tim

chàng vẫn chứa đầy tình yêu cho Cẩm Tú. Tiềm thức chàng mang hình ảnh nàng. Chàng tự cho mình quyền tự do tương tự ấy. Dĩ nhiên Khiêm giữ kín tâm tình, không để vợ con hay. Chàng không muốn họ đau khổ, buồn phiền. Đến một ngày, không thể giữ mãi tình yêu thâm lắng ấy trong tâm, Khiêm thấy cần phải dần trải trên giấy trắng mực đen, không phát điên, phải lên núi, hay vào sa mạc, hoặc ra biển vắng thét gọi tên Cẩm Tú. Chàng muốn gửi trả Cẩm Tú tâm tình đè nén con tim mấy chục năm qua không lúc nào nguôi ngoai, phai nhạt. Nếu Khiêm có tất cả độc giả tập báo mà không đến tay, đến đôi mắt đắm lệ, đến con tim thôn thức của Cẩm Tú thì chàng chẳng còn lý do viết tiếp. Chàng thấy được chia sẻ nhẹ bớt phần đớn đau nhàu nát trong lòng khi nghe Bích Thúy nói Cẩm Tú theo dõi *Đôi Xưa Bóng Cũ*. Khiêm nghĩ thầm. “Có thể chứ, nàng sẽ hiểu được lòng ta vẫn yêu nàng như thuở nào, chẳng bao giờ phai. Cảm ơn em cho anh cơ hội tạ tội chôn bỏ tình yêu đầu đời của em.”

Nếu Khiêm biết rằng truyện của tác giả Tâm Nguyên đã xâm nhập tâm hồn Cẩm Tú, khuấy động sự bình thản của nàng từ mấy tháng nay, Khiêm có hải lòng sung sướng không, hay thương tội nàng? Lúc vắng Đạo, Cẩm Tú thường giờ những trang truyện đó ra đọc lại. Nàng như bị chìm trong cơn sốt cao độ. Suốt mấy ngày liền sau đó tâm thần nàng không còn thăng bằng. Sương mù Đà Lạt giăng đầy trong ký ức. Hình ảnh Khiêm hiện ra mờ ảo trong vùng khói tím sương lam. Đôi mắt to sâu ngày xưa của chàng như thu hút và theo dõi từng cử chỉ, từng hành động nàng hằng ngày. Cũng may, Đạo không bao giờ mở đọc những tờ báo trong đó có truyện tình của vợ chàng.

Trong lúc Cẩm Tú ở trong tình trạng hôn mê đắm đuối với câu chuyện tình nhức nhối năm xưa, một chiều nàng đi dạy học về chưa kịp thay áo thì Khiêm gọi điện thoại tới. Chàng xúc động nhận ngay ra tiếng nói đầm ấm, rõ ràng của Cẩm Tú trả lời. Nàng bàng hoàng nghe giọng đầm ấm dịu dàng của Khiêm mà bao năm qua nàng chưa quên. Cẩm

Tú không ngờ có phút giây điện đàm với người yêu cũ. Nàng bối rối, lúng túng, chỉ đối đáp từng câu ngắn ngủi, lặt lẻo. Sau cùng chàng hỏi:

- Em nghĩ thế nào về truyện của anh?

- Cảm ơn anh gửi báo cho em. Em ít đọc, nhưng đã theo dõi truyện từng kỳ. Có lẽ em tò mò muốn biết anh viết về nhân vật Cẩm Tâm ra sao?

Khiêm lại hỏi:

- Thế em có hài lòng những điều anh viết về em không?

Cẩm Tú cân nhắc câu trả lời:

- Được anh viết một cách trang trọng như thế, em còn đòi hỏi gì hơn. Đáng rằng viết là quyền tự do của anh để giải tỏa tâm sự. Nhưng nếu “chị ấy” và Đạo biết chuyện, có lẽ *Đôi Xưa Bóng Cũ* phải ngưng hay là em không được đọc truyện anh viết nữa. Chúng ta nên kín đáo để khỏi tổn thương những người thân của mình.

Thế rồi, Khiêm tiếp tục gọi Cẩm Tú. Trước thưa thớt, sau tuần một lần, rồi hai lần. Họ biết rằng người phối ngẫu chẳng ai bằng lòng cho họ tâm tình triền miên như vậy. Khiêm khôn ngoan gọi điện thoại cho Cẩm Tú sớm, trước khi chồng nàng đi làm về. Buổi đầu, những hỏi thăm gia đình, sự nghiệp vợ chồng con cái đôi bên. Cả hai đều công nhận họ không có điều gì phàn nàn về người phối ngẫu. Rồi những kỷ niệm êm đẹp được ôn lại, nỗi giận hờn, niềm đau khổ được nhắc tới. Cảm xúc dạt dào của Khiêm, thồn thức nghẹn ngào của Cẩm Tú được bộc lộ. Khiêm muốn gặp Cẩm Tú, nhìn thấy nàng, vuốt tóc nàng, ôm nàng trong vòng tay, đặt những nụ hôn cuồng nhiệt lên môi nàng. Qua giọng nói, Khiêm hình dung Cẩm Tú còn trẻ đẹp, thanh tú, nét môi nàng còn hồng đào quyến rũ. Trên trái đất này chỉ còn sự hiện hữu của Cẩm Tú mà thôi. Hình ảnh nàng bên hoa cỏ, trên trời mây, trong nắng mưa, trăng gió, bên chăn gối đêm mê. Giọng nói tiếng cười Cẩm Tú ngự trị tâm trí chàng từng giây, từng phút. Cuối cùng, Khiêm thổ lộ vẫn yêu nàng tha thiết và khao khát muốn gặp. Cẩm Tú sợ hãi cản ngăn:

- Không được đâu anh ạ. Anh còn nặng tình với em thì không nên. Vợ anh và chồng em không ai bằng lòng chuyện chúng ta điện thoại như thế này huống chi gặp gỡ. Anh đã giải bày tâm sự qua truyện, chúng ta đã giải tỏa tất cả nỗi niềm cảm nín tự đáy lòng. Đến lúc nên coi nhau như bạn để thỉnh thoảng thăm hỏi. Nếu không làm được như vậy, chúng ta phải tạm thời ngưng liên lạc. Em cảm thấy rất tội lỗi nói chuyện yêu thương. Anh và em đều có bổn phận với gia đình.

Cầm Tú khuyên Khiêm nhưng cho cả bản thân nàng. Người đàn bà yếu đuối sợ phải đối diện cô nhân tha thiết nồng nàn. Tình yêu thuở ban đầu với tất cả lý tưởng, thần thoại chiếm ngự trái tim nàng.

Trong những lần điện thoại sau đó, hai người vẫn không tránh được nhắc nhở kỷ niệm nhức nhối cũ. Khiêm vẫn đòi gặp Cầm Tú. Người đàn bà sáng suốt hơn. Cầm Tú không dám đùa với ngọn lửa vừa bùng cháy giữa hai người. Cầm Tú quyết liệt thừa dằn trả lời những cú điện thoại hiện lên chữ *unavailable* trên máy. Chỉ có cách ấy mới làm Khiêm chán nản, nguội lạnh dần tình yêu đang sôi sục trong tim chàng.

Không nói chuyện được với nàng, Khiêm lấy tên Khánh trong truyện để lại lời nhắn trong máy. Cầm Tú vội vàng xóa bỏ ngay. Nàng không muốn Đạo biết người yêu cũ của vợ đã liên lạc với nàng. Ngoại tình tư tưởng tiến tới gặp gỡ không xa lắm nếu thả lỏng tình cảm.

Bích Thúy lại gọi Cầm Tú và gián tiếp than thở giùm Khiêm:

- Tội nghiệp Khiêm, mấy lúc gần đây hần cứ than buồn, cô đơn và chán nản. Hần muốn lên núi, vào chùa đi tu hay xuống hang ở ẩn. Hần muốn biến vào không gian, vào hư vô cho hết nợ trần. Mi nên gọi hay trả lời điện thoại khuyên giải hần.

Cầm Tú vừa thương Khiêm vừa giận bạn:

- Tôi làm việc đó nhiều lần rồi. Tôi không thể liều lĩnh chơi với dao để gây thương tích cho cả hai bên gia đình. Nếu bỏ thương tôi thật sự, làm ơn khuyên anh ấy nên ra khỏi cơn mê sảng này. Tôi không thể trở về sống trong dĩ vãng

với anh ấy được. Tình trạng kéo dài chỉ tổn thương Khiêm và gia đình anh ấy. Bờ nói giùm, tôi không thể tiếp tục liên lạc với anh ấy như người tình được, dù rằng chỉ qua điện thoại. Bao giờ Khiêm thực sự coi tôi như người em, người bạn, lúc đó sẽ tính lại.

Nói thì mạnh lắm, thi hành thật khó. Mấy tháng nay, Cẩm Tú lúng túng trong nghề nghiệp, cảm thấy tội lỗi với chồng con. Có những lúc báo mới tới, Cẩm Tú không dám mở ra đọc, hay chỉ ngó vài dòng truyện Khiêm rồi gấp lại ngay. Giáo sư Cẩm Tú phải đóng kịch thân nhiên bình thường với chồng con và học trò nhưng tinh thần và thể xác nàng kém sút như mắc cảm cúm trầm trọng.

Hôm qua, Chủ Nhật, theo chồng cùng mấy người bạn từ California sang chơi, đi xem rừng hoa anh đào bên bờ sông Potomac, Cẩm Tú hôn mê như lạc vào rừng hoa đào bên bờ hồ Xuân Hương. Người đi ngoạn cảnh nườm nượp với máy hình, máy quay phim giữa thủ đô Hoa Kỳ nhưng Cẩm Tú tưởng như đang đi dạo bên Khiêm hùng tráng trong bộ lễ phục *Alpha* màu trắng ở Đà Lạt năm nào. Mấy lần Đạo và bạn bè hỏi chuyện, Cẩm Tú lơ đãng không hiểu họ nói gì. Vào đến tiệm ăn, nàng chỉ khởi đầu vài miếng rồi cáo mệt, bỏ ăn. Cẩm Tú không có ý kiến gì về việc tiếp đón mấy người bạn phương xa. Đạo phải xếp đặt hết mọi chuyện.

Không biết Đạo có hiểu nội tâm của vợ không, nhưng chàng để ý đến sự mệt mỏi, bất thường của nàng. Đêm về, Đạo ân cần cho Cẩm Tú uống thuốc an thần và bắt nàng lên giường nghỉ sớm. Sau giấc ngủ dài nặng nhọc, nàng để cho nước âm trôi qua đầu tóc và ngâm mình rất lâu trong bồn tắm Jacuzzi nước xoáy. Cẩm Tú thấy khỏe khoắn, lại người và đến trường bắt đầu một ngày dạy học như thường lệ.

Cẩm Tú tự nhủ, từ đây phải thoát ra khỏi tình trạng ray rứt này. Trước hết, nàng phải giữ gìn sức khỏe để tiếp tục nghề nghiệp và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đạo là người vị tha, đầy lòng nhân từ. Vợ chồng Cẩm Tú thường tiếp đón các sinh viên Việt Nam mà gia đình họ ở tiểu bang khác, làm công tác xã hội nhà thờ như giúp người già trong các

viện dưỡng lão, các nhà thương tâm thần và những gia đình mới di cư tới.

Đạo không những là người chồng mà còn là người anh, người bạn của Cẩm Tú. Đạo rất cần Cẩm Tú cũng như nàng rất cần chàng từ ngày cưới. Hai người chia sẻ mọi chuyện, dựa vào nhau để sống, nhất là quãng đời ngặt nghèo bị kẹt lại Việt Nam. Sống chết, hiểm nguy như treo trên sợi tơ, kẻ tóc những ngày vượt biển. Đến nay, cuộc sống ổn định, thành công, hài lòng, với tất cả. Sao Cẩm Tú để tâm hồn lạc lõng vào thế giới vô hình bất định, một nơi không có gia đình và chồng con? Trải qua bao biến cố, thử thách, vợ chồng Cẩm Tú vẫn vượt lên tất cả. Sao lần này nàng để truyện dĩ vãng nghiêng ngả lòng mình. Nàng biết nếu liên lạc lại với Khiêm, họ sẽ yêu nhau trở lại. Công khai thì gia đình đổ vỡ. Lén lút là sai quấy, tội lỗi! Bản tính nhân từ, người đàn bà không để gia đình rơi vào khổ lụy.

Khiêm vẫn mang hình ảnh và tình yêu Cẩm Tú trong tâm hồn. Chuyện yêu thương say đắm xa xưa để trong tiềm thức. Tình cảm ấy lắng đọng trong văn thơ, cao đẹp biết bao, cao quý dường nào! Tình yêu ấy chỉ nên coi như chương đầu đời tập hồi ký. Các nhân vật trong truyện không thể đóng vai trò họ ở cuối đời được nữa. Diễn viên cuốn phim cũ không thể diễn xuất lại tuyệt vời như họ đã thủ vai từ mấy chục năm trước.

Đời sống một người liên hệ tới nhiều người khác. Người mê cần người tỉnh đưa về thực tế. Nhìn lại thời gian qua như xem cuốn phim cổ điển giá trị để giải trí, thấm nhuần những bài học trường đời, để sống cao, sống đẹp. Dĩ vãng không thể xáo trộn đời sống hiện tại của nàng. Cẩm Tú là cột trụ thứ hai giữ thăng bằng gia đình. Cột trụ ấy không thể lung lay, ngã đổ được.

Cẩm Tú không nhớ lái xe qua những đâu, nhưng bỗng thấy xe đi vào sân trước nhà nàng. Cây anh đào góc vườn, thân thể xù xì già cỗi, vẫn tiết mật, nở hoa thật tươi tốt dù

trải qua mùa đông khắc khổ, lạnh căm. Cây ở đó từ khi vợ chồng Cẩm Tú mua căn nhà 15 năm cũ. Đạo tự tay săn sóc, cắt tỉa, xịt thuốc trừ sâu để cây sống khỏe mạnh, nở hàng ngàn bông hoa tươi thắm khi xuân về. Đạo nói đó là niềm hạnh phúc, hưng thịnh của căn nhà và gia đình họ.

Cẩm Tú ước muốn tâm hồn nàng được trong sáng, hồn nhiên như cây hoa đào kia. Thân phận người đàn bà dù có địa vị, dù tài giỏi trong xã hội, nào khác những cánh hoa anh đào mong manh, rất cần cội gốc thân cây vững vàng, lành mạnh nuôi dưỡng, để hoa lại nở mỗi mùa xuân ấm áp nắng hồng. ■



HOA ANH ĐÀO BÊN BỜ SÔNG POTOMAC
Hình của Nhiếp ảnh gia Sonny Senser

TÌNH YÊU và TÁC PHẨM

Margaret Mitchell sinh ngày 8 tháng 11 năm 1900 tại Atlanta, Georgia, một địa danh lịch sử miền Nam trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ, 1861-1865.

Ông cố nội năm đời của Margaret là trung úy kỵ binh tới Georgia từ giữa thế kỷ 18. Thân phụ Margaret, Eugene Mitchell lớn lên trong trang trại gần Atlanta. Ông tốt nghiệp danh dự Đại Học Luật Georgia và hành nghề luật sư.

Họ ngoại Margaret đến Georgia từ Ái Nhĩ Lan đầu thế kỷ 19 và bắt đầu lập nghiệp bằng nghề trồng bông, cây quả. Thân mẫu Margaret, Maybell Stephens được gửi đi học trường sơ tại Quebec và nói thông thạo tiếng Pháp. Lên trung học, bà trở về Georgia, học hết trường nữ Atlanta.



Margaret Mitchell

Eugene Mitchell và Maybell Stephens thành hôn năm 1892, có một con trai là Stephens, anh của Margaret. Sau này Stephens trở thành luật sư, làm việc với cha. Họ sống trong ngôi nhà kiểu Victorian 12 phòng đồ sộ, xung quanh rậm bóng lá cổ thụ, vườn hoa rực rỡ.

Vì sống gần gũi ông bà cùng những người già quen biết trong tỉnh, cô bé xinh đẹp Margaret Mitchell được ngồi lòng các cụ

chiến binh, những người sống sót sau nội chiến và nghe họ say sưa kể chuyện. Hình như quân miền Nam vẫn hăng hái đánh nhau với quân miền Bắc trong tâm não họ.

Ngay từ lúc sơ sinh, Margaret được mẹ đọc cho nghe không biết bao truyện thần tiên và cuộc Nam Bắc phân tranh. Những chuyện đó đã là chi tiết phong phú trong đại tác phẩm "Gone With the Wind" của Margaret sau này.

Margaret bắt đầu "viết văn" từ khi ngón tay mới biết điều khiển cây bút chì. Cô bé viết rất nhanh, hết truyện này qua truyện khác trên từng trang giấy rời hay trong tập vở nhỏ và đưa tất cả cho mẹ xem. Cô sung sướng được nghe bà khen, nhưng nhút nhát chẳng cho ai khác coi dù cha hay anh. Mẹ cô cất giữ các "sáng tác" ấy trong những hộp thường dùng đựng bánh mì. Lên đại học, Margaret vẫn không ngừng viết. Khi nổi danh, cô còn giữ trên giá sách hai tập truyện nhỏ đã sờn rách.

Lớn hơn, Margaret thích trèo cây, đá banh, cưỡi ngựa, mặc quần áo con trai, chơi *Cowboy* và dân Da Đỏ bắn nhau. Kẻ hầu, người hạ đầy nhà, anh em Margaret chẳng phải làm việc gì bao giờ. Trong lúc Stephens, người anh học rất giỏi, cô em chệnh mảng học hành, nhất là môn toán, tuy được bà mẹ kèm ráo riết. Trong lớp, cô nghịch ngợm, nói chuyện luôn miệng, làm bài cẩu thả và chỉ đứng hạng trung bình.

Margaret mê đọc những truyện phiêu lưu tình cảm mà đám con trai thường thích đọc. Cô bịa truyện huyền bí, rùng rợn rất tài tình làm bọn bạn trai sợ hãi nhất là khi phải đi trong đêm tối. Margaret không thích đọc sách cổ điển. Ông thân sinh phải hối lộ tiền và dọa nạt, cô mới chịu đọc sách Shakespeare (1). Cô để bà mẹ lấy hài nhưng đánh đít chứ chẳng chịu đọc sách Tolstoy (2). Với tính thích gì đọc nấy, nên dù cố gắng, cho đến cuối đời, Margaret cũng không đọc hết cuốn "War and Peace" của Tolstoy.

Khi Margaret 12 tuổi, gia đình dọn tới ngôi nhà mới, đồ sộ hơn mà ông Eugene Mitchell xây cất như ý người vợ hiền từ, nhân hậu. Bà mang hình ảnh Melanie Hamilton trong tác

phẩm bắt hủ của Margaret sau này. Ngôi nhà có những cột trắng lớn phía mặt tiền như dinh cơ gia đình Scarlett O'Hara trong phim "Gone With the Wind."

Margaret cũng viết nhiều vở kịch nhỏ, linh động, hấp dẫn. Với sự tiếp tay của thân mẫu, cô điều khiển bạn bè hàng xóm tập dượt và trình diễn kịch của cô ngay trong nhà. Khán giả là những bà mẹ, bà nội, bà ngoại các diễn viên và bạn hữu. Tuy nhiên, Margaret không bao giờ thích ngôi nhà quá lớn, quá uy nghiêm, trống trải, vì thân mẫu cô qua đời tại đó. Theo lời yêu cầu của em gái, Stephens Mitchell cho phá dinh thự ấy sau khi Margaret qua đời. Hai anh em đồng ý, không để ai ở ngôi nhà đó ngoài họ.

Năm 14 tuổi, Margaret vào học trường tư thục sang trọng dành riêng cho con gái, Washington Seminary, cách nhà vài bước. Cô mập tròn, chỉ thích chạy chơi với nhóm con trai nghịch ngợm và không chịu học hành chăm chỉ. Margaret rất ghét trường học. Nhà trường và nhiều học sinh cũng không ưa cô. Tuy vậy cô vẫn có chân trong mấy hội của trường như Senior Round Table, là chủ tịch Washington Literary Society, Dramatic Club và chủ bút Senior Yearbook.

Từ 17 đến 19 tuổi, Margaret có thân hình mảnh mai hơn. Cô ăn mặc thời trang thiếu nữ đẹp duyên dáng. Margaret thích đọc sách truyện kỳ bí, ngâm nga những bài thơ cô chép vào tập vở, rồi học thuộc lòng.

Những truyện ngắn sau này Margaret viết trên đại học ảnh hưởng từ các tiểu thuyết mới phổ thông nhiều đối thoại, có những tác động mạnh và sự chuyển tiếp liền nhanh. Nàng cùng bạn gái tổ chức nhiều tiệc khiêu vũ lớn tại tư dinh hay trong các hội thượng lưu mà họ là hội viên. Rất nhiều thanh niên chú ý đến nàng.

Hết trung học, Margaret được bà Mitchell gửi vào Smith College, Northampton, xa nhà. Nàng học không xuất sắc và càng chán nản hơn khi bà mẹ đột ngột qua đời. Margaret muốn bỏ học trở về nhà, nhưng ông Mitchell vẫn bắt nàng ở

lại trường. Cuối năm thứ nhất, tình trạng học hành của Margaret vẫn không khá hơn, ông đành gọi con gái về giao việc trông coi nhà cửa cho ông và người con trai.

Margaret không khác tính tình và nhân dáng Scarlett O'Hara trong tác phẩm "Gone With the Wind" là mấy. Ở tuổi đôi mươi, xinh đẹp, con nhà giàu không đi học, nàng lười ỏi là lười, luôn luôn khai đủ các thứ bệnh ho, cảm, cúm, nhức đầu để tránh bất cứ bổn phận và trách nhiệm nào nàng không thích làm. Margaret chỉ chú ý tới ăn diện, vui chơi, tiệc tùng, nhảy nhót, giao dịch với đám thanh niên trẻ mà thân phụ và bà nội nàng không đồng ý. Nhưng hai người này không làm gì được trước những hành động của Margaret, một thiếu nữ lãng mạn, tính tình con nít, thích đùa giỡn, chinh phục và hành hạ phái nam trong sự giao du. Margaret làm cho tất cả những người đàn ông gặp nàng đều tưởng nàng thiết tha với họ.

Trong buổi gây quỹ từ thiện, nàng cùng người bạn trai biểu diễn một màn vũ khiêu gợi, hấp dẫn làm tất cả giới bảo thủ trong tỉnh phản đối và xa lánh nàng. Hội Junior League xóa tên nàng. Margaret và ông thân sinh cho đến chết không bỏ qua điều này. Khi phim "Gone With the Wind" ra mắt lần đầu tiên tại Atlanta, Junior League tổ chức dạ vũ vĩ đại vinh danh Margaret, nàng từ chối, không tham dự.

Có nhiều lúc Margaret muốn trở lại đại học. Nàng tin có thể học vẽ trang trí, kiểu mẫu, viết truyện ngắn nhưng cứ lần lữa, không thực hiện. Margaret đọc sách rất nhiều. Mỗi khi ra khỏi thư viện nàng ôm cả chồng sách trong tay và đọc ít nhất hai quyển mỗi ngày. Đến tuổi 21, nàng đọc hết sách lịch sử miền Nam tại thư viện Atlanta.

Margaret viết rất nhiều thư than thở và tự thú với bạn bè, trong ba năm, từ 1919 đến 1921, chẳng có gì vui thú. Nàng xấu hổ vì sự không thành công và lo lắng tương lai bấp bênh. Không có sự chỉ dẫn khôn ngoan, khéo léo của mẹ hiền, Margaret lúng túng trong cương vị một phụ nữ trẻ, chưa lập gia đình. Tuy nhiên, bị ảnh hưởng Thiên Chúa Giáo, nàng sợ tội lỗi và nguy hiểm trong vấn đề tình dục, nên vẫn giữ được trong trắng cho đến ngày có chồng.

Tới cuối năm 1921, Margaret gặp John Marsh lúc đó 26 tuổi. John đang là phóng viên cho tờ báo trong tỉnh. Tính tình chàng điềm đạm khác hẳn sự sôi nổi của nàng. John sinh trưởng trong gia đình trí thức, thanh đạm tại Maysville, Ohio. Thân phụ John là nhà giáo, học luật, có hăng địa ốc, hăng bảo hiểm và sau cùng là chủ bút một tờ báo trong 20 năm. Ông qua đời khi John mới chín tuổi. Thân mẫu John từ đó dạy học để nuôi nấng đứa con với bà mẹ già cùng người cô và em trai. Vài năm sau bà trở thành hiệu trưởng trường tiểu học. Là người ngoan đạo, thích nhạc, ưa đọc sách, bà đưa các con đi nhà thờ mỗi sáng Chủ Nhật và dạy dỗ con cái rất chu đáo.

Vừa viết báo vừa đi học, John tốt nghiệp Đại học Văn khoa và Khoa học Kentucky với bằng Cử nhân Văn chương và Anh ngữ, năm 1916. Chàng được nhận dạy Anh văn tại đại học này. Cũng như nhiều thanh niên khác, John gia nhập quân đội theo sự kêu gọi của tổ quốc đang lâm trận Thế Chiến Thứ Nhất. Chàng được chuyển đi Anh, Pháp làm việc tại văn phòng nhà thương. Năm 1919, thế chiến chấm dứt, John trở về nước làm việc cho tờ báo tại Lexington, Kentucky. Năm 1920, chàng tới Atlanta, làm phóng viên cho Daily Georgian.

John gặp Margaret lúc chàng đang thành công, hăng hái làm việc, có tiếng tốt. John là người tự tin, lạc quan với tương lai. Trong khi đó, tuy là phụ nữ mới, “nổi loạn” trong các cuộc vui, cả tỉnh biết tên, Margaret lại có nhiều mặc cảm, bi quan và cảm thấy chưa làm được việc gì giá trị và ích lợi. Hai người khác biệt hẳn nhau cả về “hình thức” lẫn “nội dung.” Nàng nhỏ bé, xấp xỉ thước rưỡi, nặng 40 ký. Chàng cao gầy lênh khênh, hơn một thước tám chục phân. Tuy nhiên, John chú ý tới Margaret từ phút đầu, yêu nàng từ cái nhìn thứ nhất. Margaret thật xinh đẹp, trẻ trung. Nàng cảm phục John đứng đắn, lịch sự, không có những đòi hỏi thể xác. John trở thành một người bạn thông minh, một ông

thầy, một người bảo vệ mà Margaret tín nhiệm. Nàng đưa chàng đọc tất cả những “sáng tác” từ thuở thơ ấu cho đến bài mới nhất chỉ định viết cho vui, chưa ai coi và chưa bao giờ gửi đăng báo.

Với kiến thức văn chương, giáo dục cổ điển, với kinh nghiệm dạy học, viết báo, John chọn sách cho Margaret đọc, cổ vấn, chỉ dẫn nàng rất nhiều trong các bài viết. Ngữ vựng tấn tới rất nhiều, nữ văn sĩ tập sự sáng cả mắt và sung sướng đến nỗi mỗi lần được khuyến khích rằng nàng có tài và sẽ nổi tiếng.

Họ bị lôi cuốn nhìn nhau đến mờ mắt, nói chuyện đến ù tai không biết chán. Nhưng Margaret vẫn gặp gỡ người đàn ông khác. John không dám ghen, sợ mất nàng. Kẻ khác đó là Red Upshaw, một anh chàng tai tiếng, bỏ dở đại học, không nghề nghiệp, nhưng chịu chơi, đẹp mã, tán gái giỏi. Hắn quyết tâm quyến rũ thể xác nàng đến độ Margaret không thể cưỡng và chấp nhận lời cầu hôn để “giải quyết vấn đề.” Cha, anh, họ hàng hai bên nội ngoại và cả giới thượng lưu trong tỉnh đều phản đối. Ngày 2 tháng 9 năm 1922, đám cưới Margaret và Red được cử hành ngay tại nhà thân phụ nàng.

Song, Red chỉ là tên đào mỏ, la cà các quán rượu và say khướt khi trở về nhà mỗi đêm khuya. Cưới chưa được một tháng, nàng đã muốn ly dị. Ba tháng sau, ông chồng bỏ đi mất đất. Không thích sống nhờ vào ông thân sinh, Margaret muốn tìm việc làm.

Nàng than thở tất cả những vấn đề này với John, người đau khổ vì vẫn yêu và muốn giữ sự giao thiệp bạn bè quân tử với nàng. John kiếm giùm Margaret chân viết báo, phóng viên cho tờ *Journal* mà sau này chàng đổi tới làm việc để được gần và giúp nàng trong việc làm. Ở tỉnh nhỏ như Atlanta thời đó, nữ phóng viên là nghề quá tân tiến, khó coi, khó được chấp nhận đối với dân địa phương mà hầu hết rất bảo thủ, hủ lậu.

Vài tháng sau, bỗng Red Upshaw trở về Atlanta và Margaret lại bỏ qua, chung sống lại. Dù sinh trưởng trong

gia đình khá giả tại North Carolina, Red là tay buôn lậu rượu, đầy mặc cảm, không tự tin, hung dữ, vũ phu. Mỗi lần đánh đập vợ vì không đào được tiền bạc, Red lại bỏ đi dăm ba tháng. Sau đó, Upshaw quay về năn nỉ ý ôi xin lỗi. Margaret lại bỏ qua. Lần cuối cùng, với thương tích đầy người, Margaret làm đơn ly dị. Vẫn chưa hết, sau khi đi Florida dưỡng sức trở về, nàng lại gặp gỡ ông chồng ly thân, trước sự bất bình của mọi người và John Marsh. Thất vọng và chán nản, chàng xin đổi đi Washington D.C. để khuất mắt hai kẻ đã làm khổ chàng.

Sự xa cách John làm Margaret cảm thấy thiếu vắng người tâm sự và nguồn an ủi. Bấy giờ nàng chợt hiểu chỉ có John là người yêu nàng vô điều kiện và nàng không thể sống xa chàng được. Margaret viết cho John nhiều thư liên tiếp và đi thăm chàng một tuần lễ tại Thủ Đô. Lần này, nàng cam kết bỏ Red Upshaw thực sự và vĩnh viễn.

John không thể từ chối Margaret vì chàng vẫn yêu nàng tha thiết. Chàng tha thứ và bỏ qua tất cả những chuyện làm chàng đau khổ. John trở lại Atlanta làm việc cho tờ báo của Công ty Điện lực Georgia. Vụ ly dị của Margaret và Red Upshaw kết thúc vào tháng 10 năm 1924. Đến tháng 7 năm 1925, nàng làm lễ cưới giản dị nhưng trang trọng với John tại nhà thờ. Thân phụ và anh trai Margaret rất hài lòng. Họ rất mực thương quý John.

Margaret Mitchell và John Marsh bắt đầu cuộc sống với nhau trong căn gác nhỏ, cũ kỹ. Nàng nại có không đến tòa báo làm việc vì đau chân, nhưng viết bài và gửi cho tờ Journal. Tuy John làm cho hãng điện lực và viết báo thêm, họ nghèo rớt mồng tơi. Trước khi cưới, John đổ ra nhiều bệnh mà từ ngày yêu Margaret, đau khổ, lo lắng cho nàng, chàng quên thân mình và kiệt lực. Vì thế, họ mắc nợ bác sĩ, nhà thương quá nặng, phải trả dần hàng tháng. Bỏ vợ đẻ nghị giúp đỡ, John khẳng khái từ chối.

Họ giải trí bằng cách lớn tiếng đọc sách cho nhau nghe, hoặc chơi ô chữ, chơi ghép hình và bắt đầu dự án viết truyện của Margaret. John chỉ mua được cái máy chữ cũ kỹ và cái bàn nhỏ xíu cho nàng làm việc. Chỗ họ ở mau chóng trở thành nơi tụ họp đông đảo các phóng viên, nhà báo trong tỉnh. John chẳng bao giờ ghen vì Margaret có nhiều bạn trai hơn chàng dù họ đến chơi cả trong lúc chàng đi làm chưa về. Nàng hoàn toàn ký thác cuộc đời và trung thành với chồng. John chiều theo ý thích của vợ. Nhưng nàng vẫn là tiểu thư con gái nhà giàu, một người vợ con nít. Dù John thuê người giặt quần áo, nấu ăn, nàng luôn luôn than nhức đầu, đau mắt, đau tai, đau răng, đau lưng tung đủ thứ để khỏi phải dọn dẹp căn gác gọn gàng, sạch sẽ. Dần dần, thân phụ nàng cho bà quản gia đến giúp cô con gái.

Rồi Margaret bỏ cả viết cho tờ Journal và nói rằng vợ chồng nàng “không cần tiền lắm.” Sự thực nàng không thích viết theo yêu cầu của tòa báo. Margaret muốn tự do viết những điều đang nung nấu trong tâm trí nàng mà không muốn đăng báo.

Nàng lại than đau mắt cá chân, không đi lại được. Bác sĩ khuyên nàng bó bột bàn chân và giữ nó khỏi sàn nhà. Có nghĩa là nàng được ngồi một chỗ, không phải đứng tới một công việc nào như dọn dẹp nhà cửa, lau chùi bàn ghế.

Mỗi ngày, trên đường về nhà, John ghé thư viện mượn vài cuốn sách cho nàng đọc và khuyên nàng viết những chuyện hồi thơ ấu nàng được nghe về cuộc nội chiến trong vùng Atlanta trước đây mà Margaret hoài kể lại với chàng.

John vẫn có hai việc. Làm xong việc thứ nhất, John đi thẳng đến sở thứ hai làm tới khuya. Thường thường, Margaret để đèn sáng, thức chờ chồng. Một tối, khi về tới nhà, John thấy đèn đóm tối thui. Cô vợ trẻ nằm trên ghế bành dài khóc thút thít. John dịu dàng hỏi có sự, Margaret than rằng cái chân bó bột làm nàng khó chịu, khổ sở quá đổi. Ông chồng biết ngay đó không phải lý do chính. Chàng lấy búa đập vỡ cái nạng bột bao chân vợ và nghe nàng kể rằng vừa được tin nhà văn nữ Frances Newman cho

xuất bản cuốn tiểu thuyết vào cuối năm. John chột hiệu, Margaret nghĩ tới việc viết truyện của nàng không tiến triển trong khi hết người này đến người khác trong đó có nhà văn nữ kia sắp cho ra đời một tác phẩm. Thế mới tức chứ lị!

John lắng nghe nàng than thở, chàng thường về khuya, lên giường ngủ khò ngay chẳng thèm nói chuyện gì với vợ. Nàng cần chàng đọc và cho biết ý kiến về những đoạn nàng viết. John là người độc nhất nàng tin nhiệm. Trước khi cưới họ rất hạnh phúc với những cuộc đàm thoại hào hứng mà bây giờ không còn nữa. Gần 26 tuổi, Margaret vẫn chưa làm được việc gì ra hồn. Ôm nàng trong vòng tay, nghe tâm tình ấy, John hiểu nàng có nhiều ý viết, nhưng không tự tin. Margaret cần chàng kiên nhẫn nghe nàng nói và bảo đảm về những đề tài nàng viết là xuất sắc, đặc biệt.

Từ đêm đó, John quyết định không mang sách về nhà cho nàng đọc nữa. Margaret phải viết một tác phẩm của chính nàng. Chàng khuyên nàng nên viết lịch sử tiểu thuyết. Bắt đầu bằng những gì nàng có thể viết hay nhất, diễn tả vai trò những người sống sót qua nội chiến vẫn nằm trong đầu nàng. Rồi để các nhân vật đó tự hành xử, điều khiển ngòi bút tác giả.

Nghe lời John, Margaret lục lọi, gom góp, đọc lại tất cả những đoạn văn nàng viết từ thuở còn đi học. Thế là tác phẩm "Gone with the Wind" bắt đầu vào năm 1926. Margaret bỏ rất nhiều công phu nghiên cứu, sưu tầm tỉ mỉ thổ ngữ người da đen và địa phương, địa danh, các cuộc giao tranh trong thời nội chiến.

Mỗi tối đi làm về, John đọc, sửa chữa, rồi cho Margaret biết ý kiến về những đoạn nàng viết được trong ngày. Tuy cả hai liên tục thay phiên đau ốm, tài chính eo hẹp, đời sống túng thiếu, chật vật và John rất bận với hai việc làm, những trang bản thảo dần dần chất cao, la liệt, bừa bãi quanh bàn làm việc trong căn phòng khách nhỏ bé. Họ che đậy thành quả viết lách của Margaret trước những con mắt tò mò của bạn bè tới chơi. Biết nàng viết sách, nhiều người kể cả cha

và anh nàng, đòi xem bản thảo cũng không được. Margaret nói, nàng viết giải trí cho riêng vợ chồng nàng đọc mà thôi. Nhiều tác giả lúc khởi viết thường nhún nhường như vậy, nhưng khi họ thành công, được độc giả ưa chuộng, ý định đầu tiên thay đổi.

Năm 1935, một người bạn cũ quyết tâm thúc giục đại diện nhà xuất bản Macmillan phải đòi đọc cho kỹ được sáng tác của Margaret khi ông từ New York tới Atlanta. Lúc này, John Marsh đã là chủ bút tài ba của tờ Công Ty Điện Lực. John luôn luôn tin tưởng vợ chàng đang viết một cuốn sách hay, có giá trị. Chàng khuyến khích vợ cho nhà xuất bản coi bản thảo. Sau nhiều lần từ chối, Margaret bằng lòng thu thập đồng giấy sòn rách, lem nhem bụi bặm, chưa có chương thứ nhất cho đại diện nhà xuất bản Macmillan coi. Tác giả viết chương cuối đầu, chương đầu cuối. Vài đoạn viết thành nhiều bản khác nhau.

Nhà xuất bản đọc bản thảo của Margaret liền ngay trên tàu đi New Orleans. Càng đọc ông ta càng cho rằng đây là tác phẩm tuyệt vời của miền Nam. Để bảo đảm cho nhận định ấy, ông đưa bản thảo cho giáo sư Anh văn một trường đại học xem. Vị này khuyên nhà xuất bản phải giành lấy cuốn sách ngay lập tức. Không những hay mà sẽ là cuốn sách vĩ đại, bán chạy nhất. Nhà xuất bản nhanh chóng ký giao kèo với Margaret và gửi gấp lại nguyên thùng bản thảo để nàng viết cho xong.

Margaret và John cùng người thư ký đánh máy bắt tay vào việc liền. Gần 6 tháng sau họ hoàn thành tác phẩm với 6 hay 7 bản khác nhau của chương đầu và độ 20 cái đầu đề. Tên truyện "Gone With the Wind" căn cứ từ bài thơ nổi tiếng nhất của Ernest Dowson, thi sĩ người Anh chết trẻ vào cuối thế kỷ 19 mà Margaret rất ngưỡng mộ. Sau đây là đoạn thơ mang xuất xứ tên tác phẩm "*Gone With the Wind*":

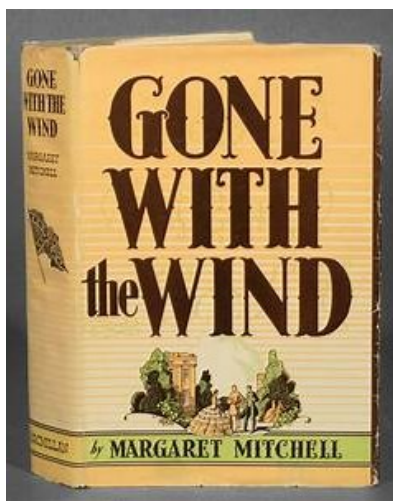
*I have forgot much, Cynara! gone with the wind,
Flung Roses, roses riotously with the throng,*

*Dancing, to put thy pale, lost lilies out of mind;
But I was desolate and sick of an old passion,
Yea, all the time, because the dance was long:
I have been faithful to thee, Cynara! in my fashion*

Tính từ lúc khởi sự cho tới lúc đó, Margaret phải viết đi viết lại ít nhất 30 lần toàn bộ tác phẩm. John bỏ tất cả thời giờ, kỹ lưỡng sửa chữa ngữ vựng, văn phạm, cách chấm phẩy, ngắt câu và lo các vấn đề kỹ thuật cho cuốn truyện. Vị chi tác phẩm được viết trong hơn 10 năm.

Margaret thật may mắn có ông chủ bút tài giỏi và tận tâm ngay bên cạnh. Các văn hào nổi tiếng trên thế giới thường có một hay nhiều người kiến thức rộng về văn chương và nhiều địa hạt khác bổ túc, sửa chữa từng chữ, từng câu, từng dòng trong bản thảo trước khi in thành sách. Không mấy tác giả tự mình tạo nên một tác phẩm hoàn hảo.

Như vậy, những tác giả sản xuất đều đều một năm vài ba quyển rồi gửi cho các nhà in, không người đọc lại để sửa chữa mọi thứ lỗi, tác phẩm họ sẽ ra sao? Những loại sách này, may mắn giải trí “một vài trống canh” rồi chìm dần vào quên lãng.



Ngày 30 tháng 6 năm 1936, "Gone With the Wind" với 400 ngàn chữ, dài 1,037 trang, chính thức phát hành rầm rộ. Có vài chỉ trích vớ vẩn từ những kẻ ghen ghét, đố kỵ vì sự thành công của cuốn sách: “Đó là truyện của các bà nội trợ; Margaret Mitchell không phải là nhà văn thực thụ, không phải tác giả "Gone With the Wind" mà là John Marsh, chồng bà.” Có

những chỉ trích chẳng ăn nhập gì tới văn chương chữ nghĩa như “bà không lược nổi một quả trứng,” hay “không làm lấy được một bữa ăn sáng.”

Vài xách động yếu ớt, không sút mẻ được danh tiếng tác giả và tác phẩm như: “Margaret Mitchell không thông minh. Bà kỳ thị dân da đen, miệt thị đàn bà miền Nam...” Nhưng những lời chỉ trích thiếu căn cứ, vô giá trị đó không đánh lừa được độc giả. Trái lại, “Gone With the Wind” càng được chú ý và bán chạy như tôm tươi.

Tình trạng này không lạ. Nó xảy ra ở mọi nơi, mọi chỗ, mọi thời đại. Tuy nhiên, vẫn có những nhà phê bình công bằng, đứng đắn. Và, đại đa số độc giả là những người phán xét đáng yêu nhất.

Trong lịch sử văn chương Hoa Kỳ, cuốn “Gone With the Wind” được coi giá trị nhất và bán nhiều nhất trong thời gian ngắn kỷ lục.

Tháng đầu tiên sách được in ra 201 ngàn cuốn. Tháng thứ ba lên tới 526 ngàn, tháng thứ sáu một triệu cuốn. Tác giả được trả 10% của 25 ngàn cuốn đầu tiên và 15% những số sau đó. Cho tới tháng 5 năm 1946, tất cả 3,713,272 cuốn “Gone With the Wind” được bán. Ấn bản ngoại ngữ bán được 1,250,000 cuốn.

Tháng 4 năm 1937, Margaret Michell được trao giải thưởng American Booksellers Association Annual Award. Tháng 5 năm 1937, Margaret nhận được Pulitzer Prize, giải văn chương cao quý nhất nước Mỹ. “Gone With the Wind” được ca tụng ngang hàng với “War and Peace” của Tolstoy.

Dù nổi danh như sóng cồn, Margaret không thích xuất hiện trong các buổi ra mắt và ký sách. Mỗi cuốn sách có chữ ký của nàng được bán với giá chợ đen 20 đô la. Trong ba năm liền, “Gone With the Wind” ở trong danh sách những tác phẩm bán chạy nhất.

Cuốn sách được tái bản ít nhất 185 lần và dịch ra 27 thứ tiếng, dù bị Đức Quốc Xã và Cộng Sản Nga tẩy chay, cấm luân lưu. Margaret Mitchell và John Marsh tranh đấu quyết liệt với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ can thiệp và bảo vệ bản

quyền tác giả ngoài thị trường quốc tế mà từ trước tới năm 1954 nước Mỹ không có. (Sau khi em gái, em rể qua đời, Stephens Mitchell tiếp tục và thành công trong sứ mạng đó.)

"Gone With the Wind" được nhà làm phim mua bản quyền 50 ngàn đô la (năm 1936), từ khi còn là bản thảo. Hãng phim mất hai năm mới kiếm được nữ tài tử Anh, Vivien Leigh thích hợp tuyệt vời với vai Scarlett O'hara. Clark Gable, tài tử thượng hạng, đắt giá và được yêu chuộng nhất, đóng vai Rhett Butler, Olivia De Havilland trong vai Melanie Hamilton...

Scarlett mang rất nhiều nhân tính của Margaret. Rhett Butler là hỗn hợp của cả ông nội tác giả, John Marsh và Red Upshaw. Melanie dịu dàng, nhân hậu giống như mẹ Margaret.

Phải mất bốn năm nhà sản xuất mới hoàn thành "Gone With the Wind," cuốn phim vĩ đại nhất từ trước tới lúc đó. Dù được tha thiết yêu cầu, Margaret Michell từ chối không chịu giúp đỡ hay có ý kiến gì trong việc thực hiện cuốn phim này vì lý do sức khỏe và nhiều trách nhiệm.

Ngày khai mạc phim, 15 tháng 1 năm 1939 tại Atlanta, có Clark Gable, Vivien Leigh, Olivia De Havilland và 2000 khán giả, trong số 60 ngàn, mua được vé với giá \$10. Thuở đó, dân số Atlanta 300 ngàn, nhưng 650 ngàn đã chen chúc nhau trong biển người để được nhìn thấy tác giả, tài tử và các nhân vật quan trọng đến tham dự buổi ra mắt đầu tiên cuốn phim dài 160 ngàn feet, phí tổn \$4,085,900. Vì sự thành công quá sức tưởng tượng, nhà làm phim đã tặng tác giả thêm 45 ngàn đô la.

Trường đại học năm xưa Margaret Mitchell chỉ học một năm rồi bỏ dở, Smith College, tặng bằng Cao Học Văn Chương Danh Dự. Trong khi thành công tuyệt đỉnh, Margaret tuyên bố không bao giờ muốn sáng tác nữa, không biết gì hơn để viết và không thích viết về người khác vì ngoài xã hội có rất nhiều chuyện chẳng hay ho, tốt đẹp.

Cũng dễ hiểu, cái xã hội quá thủ cựu và đạo đức giả đã đi bên cạnh đời nàng từ thuở thiếu thời. Nếu viết toàn những

chuyện tốt, chuyện đẹp thì tác phẩm sẽ biến thành truyện thần tiên, bịa đặt. Nếu phơi bày, lột tả hết những sự thực bỉ ổi thì thật đáng chán, đáng buồn lắm, sẽ không thiếu kẻ động lòng và mang oán thù. Margaret Mitchell không có bản lãnh đương đầu với xã hội phức tạp để làm nhà văn hiện thực.

Nàng dùng thời gian còn lại trong đời tự viết cả ngàn thư trả lời độc giả, kể cả vài kẻ chỉ trích, châm chọc, dù John Marsh và những nhà văn nổi tiếng đi trước khuyên can. Ngoài ra, nàng rất bận tâm hằng ngày thăm nom thân phụ bệnh hoạn ròn rã nhiều năm trời trước khi ông qua đời.

Trong thế chiến thứ hai, nàng tình nguyện làm việc với Hội Hồng Thập Tự, như vá, mạc quần áo, vớ, bao tay, khâu khuy đứt cho binh lính, tự đóng thùng và gửi đi nhiều quà tặng nạn nhân chiến tranh tại Âu châu. Nàng viết thư thăm hỏi tù nhân và mở chiến dịch gây quỹ lạc quyền \$35 triệu làm lại con tàu Atlanta bị đánh đắm. Quỹ lên tới \$65 triệu đủ làm được hai cái tàu.



Tuy nhiên, sức khỏe Margaret Mitchell và John Marsh rất yếu kém. John như ông bầu, ngoài việc làm tại sở, chàng dành hết thời giờ, lo tất cả vấn đề thương mại, tài chánh liên quan tới tác phẩm "Gone With the Wind" cho vợ. Nhiều lần chàng lâm bệnh tim nguy ngập. Họ tiếp tục tranh đấu cho bản quyền tác giả Hoa Kỳ trên thế giới. John và Margaret

không có con, nhưng *Gone With the Wind* là đứa con tinh thần độc nhất và xuất chúng của họ.

Thế rồi, một buổi chiều tháng 8 năm 1949, John đang trong tình trạng dưỡng bệnh, Margaret Mitchell lái xe đưa chồng đi xem xi-nê. Nàng cẩn thận ngó hai hướng xe cô xuôi ngược, trước khi nắm tay John Marsh băng qua đường sang rạp chiếu bóng. Nhưng bất ngờ một taxi phóng tới, không hiểu trời xui đất khiến thế nào, Margaret buông tay John và lùi lại. Xe của tài xế say rượu đâm thẳng vào nhà văn nữ nổi tiếng nhất Hoa Kỳ thuở đó.

Sau sáu ngày mê man chống cự với tử thần, Margaret Mitchell ra đi ngày 16 tháng 8 năm 1949, hưởng dương 49 tuổi. Tổng Thống Truman đánh điện chia buồn cùng John Marsh. Cả thành phố Atlanta ngưng làm việc ba phút mặc niệm trong khi tang lễ được cử hành. Nhiều ngày sau, đoàn người còn nối tiếp nhau xếp hàng đi qua và nghiêng mình trước nơi an nghỉ cuối cùng của tác giả "*Gone With the Wind*." Mộ bà được đặt bên cạnh mộ thân phụ, thân mẫu và bên phần đất trống dành sẵn cho chồng bà sau này. Nước mắt hằng trăm ngàn độc giả đổ lên nấm mộ phủ đầy hoa thương tiếc, vĩnh biệt. Bầu trời xám tri như để tang một văn tài vừa khuất bóng.

Trước sự qua đời bất ngờ của Margaret Mitchell, John Marsh đau đớn: "*Tôi tưởng sẽ được sống thêm vài năm nữa để săn sóc nàng. Giờ đây, những tia sáng đời tôi đã mất đi rồi.*" Ông tiếp tục sống cô đơn, lặng lẽ với thói quen hằng ngày nhìn ngắm hình ảnh người vợ yêu dấu, xinh đẹp đã bỏ ông ở lại cõi đời, sống còm cõi một mình một bóng.

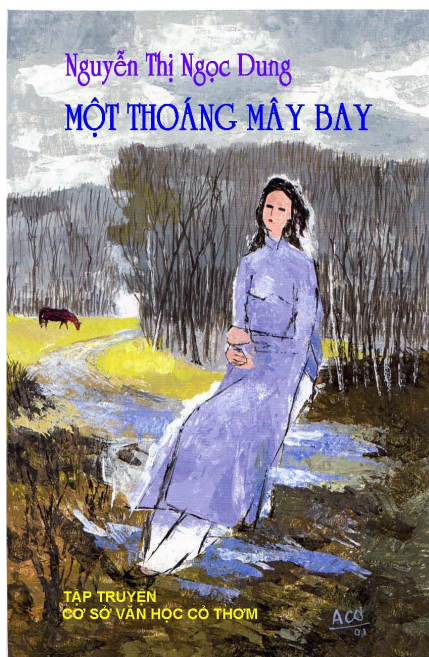
Một ngày mùa xuân vào tháng 5 năm 1952, John Marsh viếng thăm những bông hoa Iris đẹp huyền diệu, tuyệt trần màu tím vàng, mang tên Margaret Michell, nở trong vườn người bạn thân. Đêm ấy về nhà, người chồng bốn năm sống cô đơn thương nhớ vợ yêu quý, khép mắt từ giã cõi đời. Chàng ra đi gặp nàng nơi thiên thu, vĩnh cửu.

Frank Daniel, tác giả đương thời viết: “Chỉ một người trên cả hoàn cầu có thể viết được "Gone With the Wind," đó là Margaret Mitchell. Sự bình dị, trung thành và tình yêu đã cấu tạo nên "Gone With the Wind.” ♥

Viết theo
Margaret Mitchell & John Marsh
The Love Story
Behind Gone With The Wind
của
MARIANNE WALKER

CHÚ THÍCH:

1. William Shakespear: Thi hào Anh, 1616-1616
2. Leo Tolstoy: Văn hào Nga, 1828-1910



BAT

Nguyễn Thị Ngọc Dung xin ghi lại đây:

Lòng tri ân quý vị độc giả đã gửi gắm tâm tình, gây xúc động, tạo cảm hứng và thúc đẩy tác giả hoàn thành tác phẩm "*Một Thoáng Mây Bay*."

Xin tri ân biên khảo gia Trần Bích San đã góp ý kiến quý báu, bỏ thời giờ nhuận sắc tỉ mỉ và viết bài Tựa công phu cho "*Một Thoáng Mây Bay*." Nguyễn Thị Ngọc Dung không được diễm phúc như Margaret Mitchell có John Marsh bên cạnh trong việc nhuận chính bản thảo "*Gone With the Wind*" (*Cuốn Theo Chiều Gió*) trước khi đưa nhà xuất bản. Nhưng, Nguyễn Thị Ngọc Dung may mắn có Trần Bích San giúp nhuận sắc "*Một Thoáng Mây Bay*."

Một tác phẩm được nhiều người sửa chữa vẫn còn có khuyết điểm, còn sót lỗi, hướng chi không được đôi mắt thứ hai chiếu cố trước khi in sẽ tai hại đến thế nào. Sửa chữa bản thảo là điều cần thiết và đó cũng là lỗi làm việc thông thường của các nhà xuất bản Âu, Mỹ...

Đọc "*Tác Phẩm và Tình Yêu*," tiểu sử Margaret Mitchell, tác giả "*Gone With the Wind*," quý vị sẽ đồng ý về việc nhuận sắc kỹ lưỡng bản thảo thực sự chiếm phần quan trọng cho một tác phẩm. Và, tâm tình Margaret Mitchell, không nhiều thì ít, cũng là tâm tình một số tác giả phái nữ trong đó có Nguyễn Thị Ngọc Dung đã "*chốt mang lấy nghiệp vào thân*..."

Tác phẩm "*Gone With the Wind*" và cuốn phim cùng tên đầu tiên vĩ đại nhất Hoa Kỳ vào năm 1939, không xa lạ với chúng ta. Nhưng ít ai để ý đến cuộc đời tình cảm không khác gì tiểu thuyết của Margaret Mitchell với người chồng

yêu dấu, John Marsh, vị chủ bút tài ba, khả kính đã ảnh hưởng sâu đậm như thế nào tới tác phẩm độc nhất đó của bà.

Cũng như hằng triệu triệu người từ bao thế hệ qua và còn mãi những thế hệ sau đã, đang và sẽ ngưỡng mộ tác phẩm và cuốn phim "*Gone With the Wind*," Nguyễn Thị Ngọc Dung được các anh chị dẫn đi xem phim này từ thuở còn rất bé, không phải mua vé vào rạp chiếu bóng. Khi lớn lên, cô học trò Ngọc Dung và các bạn đã tốn tiền và gặm nhiều bánh mì để xem lại phim rất dài này ít nhất hai, ba lần.

Từ ngày định cư trên đất Mỹ, Ngọc Dung được xem lại hoài phim "*Gone With the Wind*" trên màn ảnh nhỏ nhưng vẫn không chán, vẫn băng khuâng, lâng lâng buồn với hình ảnh cuối cùng, Scarlett O'hara thẫn thờ nhìn theo bóng Rhett Butler khuất dần nơi chân trời tím ngắt.

Xin vinh danh Margaret Mitchell và John Marsh, đôi người đã cho hậu thế thưởng thức một tác phẩm lớn có giá trị văn chương muôn thuở, được viết rất công phu với tất cả tâm huyết của tác giả và sự săn sóc tận tụy của chồng bà.

Cách nay vài năm, Ngọc Dung được xem cuốn phim lần đầu tiên chiếu trên TV về cuộc đời, sự nghiệp tác giả "*Gone With the Wind*." Xúc động về mối tình của Margaret Mitchell và John Marsh, Ngọc Dung ra thư viện tìm đọc thêm sách tiểu sử nữ tác giả Hoa Kỳ nổi tiếng nhất thế kỷ ấy. Cũng muốn có một cuốn cho riêng mình, Ngọc Dung chọn mua "*The Story Behind Gone With the Wind*," một công trình biên khảo nhiều tài liệu giá trị của Nhà văn Marianne Walker. Với bồi hồi cảm xúc, Ngọc Dung xin ghi lại và công hiến quý vị độc giả những chi tiết đặc biệt nhất trên đây về Margaret Mitchell và John Marsh.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Virginia 04/01/2001

HÌNH ẢNH RA MẮT TÁC PHẨM
Một Thoáng Mây Bay
08 Tháng 9, 2001 tại Fairfax, Virginia



Nghệ sĩ Bích Định, Tạ Quốc Trụ, Tiến Sĩ Trần Bích San
(diễn giả giới thiệu *Một Thoáng Mây Bay*), tác giả Nguyễn
Thị Ngọc Dung, Nhà thơ Ý Anh.





Nhà thơ Hoàng Văn Minh, BKG Trần Bích San, Giáo sư Cao Thế Dung, NS vĩ cầm Phạm Nghệ.





Thái Phụng và NS Nhật Bằng trong
bản nhạc *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*
(Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhật Bằng phổ nhạc.)



Thi sĩ Trần Thiện Hiệp, Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong,
Nghệ sĩ Lê Hiền và Nhà thơ Ý Anh.



Từ phải: Nhà văn Uyên Thao, Văn Thi sĩ Hà Bình Trung,
Thân hữu Thúy Diễm, Nhà văn Trương Anh Thụy,
Nhạc sĩ Nguyễn Túc...



Ca sĩ Kiều Nga, Nhạc sĩ Nguyễn Tuấn



Ngọc Dung với Thi sĩ Vương Đức Lệ và BKG Trần Bích San.



Tường Huệ, phu nhân của NS Nhật Bằng, tác giả Ngọc Dung, Nữ Sĩ Vi Khuê, Nghệ sĩ Thái Phụng, thân hữu Tuyết Lê, Cựu TP Nguyễn Văn Thành và phu nhân.



Tiến sĩ Nguyễn Thuyết Phong, Nghệ sĩ Lê Hiền, Nhạc sĩ Vi Cầm Phạm Nghệ, Nhạc sĩ Nhật Bằng,

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Nguyễn Thị Ngọc Dung sinh tại Hà Nội ngày 8 tháng 7 năm 1939.

- Thân phụ là Ông Phán Nguyễn Văn Khôi. Thân mẫu là Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

- Sau sau hiệp định Genève 20 tháng 7, 1954, theo cha mẹ di cư vào Nam và định cư tại Sài Gòn.

- Cựu nữ sinh Trung Học Trưng Vương Hà Nội và Sài Gòn. Làm thơ, viết nhật ký từ 15 tuổi.

- Lập gia đình lần thứ nhất năm 1960 với Nhà văn Văn Quang (Trung Tá Quân Đốc đài phát thanh Quân Đội). Có bốn người con, Nguyễn Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân và Thần Phong. Ly dị năm 1967.

- Học Anh Văn Hội Việt Mỹ (VAA), 1969-1971

- Làm việc với Hãng Thầu Xây Cát Mỹ RMK-BRJ, 1969-1971.

- Lập gia đình lần thứ hai với viên chức Ngoại Giao, Robert Sencer tại Tòa Đại Xứ Hoa Kỳ, Sài Gòn năm 1971. Theo chồng về Hoa Kỳ, cư ngụ tại Virginia, 1973.

- 1976 theo chồng, Đệ Nhất Tham Vụ Ngoại Giao làm việc tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Bruxelles (Bỉ) và Bonn (Đức).

- 1983 trở lại Hoa Kỳ, định cư tại Virginia với chồng và các con.

- Làm việc tại Hãng Computer Unisys, Virginia từ năm 1985 đến 1993.

- Đã xuất bản:

- Hồi ký I, *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, in lần thứ I (1994), in lần II (1998), in lần III (2005).

- Hồi ký II, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, in lần (1995), in lần II (2005).

- Thi tập *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, 1999.

- Tập truyện *Một Thoáng Mây Bay*, 2001.

- Bút ký *Non Nước Đá Vàng*, 2007.

- Bút ký *Bước Lạ Quê Hương* 2015.

- Thi tập *Nỗi Nhớ Niềm Thương*, Website Cỏ Thơm, 2019

- Thi Tập *Tình Bút Duyên Thơ*, Website Cỏ Thơm, 2019

- Tập truyện *Những Kỷ Niệm Đẹp*, Website Cỏ Thơm, 2019

- Dịch *Thư Viết Cho Người Tình*, Tạp Chí Cỏ Thơm, 2019

- Cộng tác với Tạp Chí văn học Cỏ Thơm từ năm 1996.

Chủ bút Cỏ Thơm từ năm 2000, Chủ nhiệm từ năm 2003 đến 2018.

- Góp thơ trong tuyển tập *Mùa Tình Yêu* của Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm.

- Thơ xướng họa trong thi phẩm *Hoài Cảm*, 2003, với các nhà thơ: Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm...

- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Hội Văn Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005, do Nhà Thơ Võ Đức Trung chủ trương.

- Góp thơ trong tập thơ Đường luật *Hương Mùa Cũ* của Nữ Sĩ Huệ Thu.

- Góp thơ trong thi tập *50 Năm Thơ & Người Thơ* của Thi Sĩ Dương Huệ Anh và Thụy Cẩm.
- Góp thơ trong thi tập xướng họa *Bút Ngổ Lờ* của Nữ Sĩ Trùng Quang.
- Góp thơ trong tuyển tập *Hoa Vàng* của Nhà Thơ Nguyễn Phan Ngọc An.
- Góp truyện ngắn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* do Nhà Văn Hồ Trường An chủ trương
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí *World Literature Today* của Đại Học Oklahoma, số mùa thu 1997.
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Tuyển giới thiệu trong tuyển tập *Những Nhà Văn, Nhà thơ Hải Ngoại 1975-2000* và trong *Từ Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt* (1998).
- Nhà Văn Đặng Trần Huân giới thiệu trong tập *Những Người Thích Dấu Huyền*.
- Nhà Văn Hồ Trường An giới thiệu trong: *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, Giai Thoại Văn Chương, Náo Nức Hột Trắng Rằm, Thập Thuý Tầm Phương, Cây Quỳnh Cành Dao*.
- Thi sĩ Nguyễn Văn Lượng giới thiệu trong tác phẩm *Thi Văn Bình Thoại*.
- Biên Khảo Gia Trần Bích San giới thiệu trong *Văn Học Việt Nam - Những Nhà Văn Nữ Cổ Kim*, 2018.
- Có thơ trong thi tập song ngữ Anh-Việt *A Garden of Vietnamese Lyrics & Verse* của Nhà thơ Dịch giả Vương Thanh, 2019.



NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG sinh tại Hà Nội, trưởng thành tại Sài Gòn. Cựu nữ sinh Trung Học Trưng Vương. Hiện cư ngụ cùng phu quân tại Reston, Virginia, USA. Phó chủ bút Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm. Phó giám đốc Cơ Sở Cổ Thơm. Tác giả: *Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội* (hồi ký I, tái bản 1998). *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* (hồi ký II, 1996). *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (thơ, 1999). *Một Thoáng Mây Bay* (tập truyện, 2001).



- Trong số những truyện ngắn của nhà văn Ý Pirandello, *Ánh Đèn Nhà Trước Cửa* là đoản thiên góp phần làm thay đổi quan niệm về bộ môn này. Tác giả, với một ánh đèn tầm thường, diễn tả thật sâu sắc những mâu thuẫn nội tâm con người... Bị kịch xã hội với tình yêu, lòng ghen ghét, tình mẫu tử, mặc cảm tội lỗi, sự hối hận, nỗi đau đớn, giằng co giữa cái tốt và xấu, những diễn biến nội tâm nhân vật, tất cả được Pirandello soi sáng chỉ bằng một ánh đèn. Tôi đã bắt gặp thứ ánh sáng Pirandello trong tập truyện ngắn sắp xuất bản của Nguyễn Thị Ngọc Dung: *"Một Thoáng Mây Bay"*.

- Toàn thể tập truyện bằng bạc thứ ánh sáng yêu đời, hương thơm như thế. Bị kịch cuộc sống lưu vong người Việt hải ngoại được Nguyễn Thị Ngọc Dung mô tả với ngòi bút thật linh động. Kết chứa tính lý tưởng hoặc mở ra những hy vọng, lạc quan. Nhưng không vì thế mà *Một Thoáng Mây Bay* thiếu "... nắng vàng sao mà nhớ nhung, có ai đàn lê để tơ chùng" Quá khứ vọng về giữa trưa hè im vắng hay trong những đêm mưa làm nhớ không gian, với Nguyễn Thị Ngọc Dung, hoài niệm nào cũng mang thứ ánh sáng êm dịu của nét đẹp xưa "trơ vơ buồn lợt quán chiều, mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người" ... (Trích Tựa *Một Thoáng Mây Bay* của TRẦN BÍCH SAN).